

## Thư tòa soạn

(Chim Việt Vành Nam số 15 ngày 5-2-2004)

Tết, Tết, Tết ... Tết đã đến ..., Tết đã đi ...



Tết đến, người người nô nức chuẩn bị đón Tết. Giàu, nghèo, sang, hèn, chẳng ai có thể đứng nhìn Tết đi qua.

Mời bạn tiến bước theo những bài phóng sự trích từ các trang nhà trong nước, ôn lại "[những phong tục ngày Tết](#)", "[xin lộc chùa](#)" đêm Ba Mươi, hay dạo xem các chợ hoa Sài Gòn, Hà Nội trong những ngày cuối năm ([Tết Hà Nội - Tết Sài Gòn](#)).

Ta vào thăm một chung cư nghèo khổ của những người từ Vĩnh Phúc, Sơn Tây trôi dạt vào Sài Gòn sống bằng nghề nhặt lượm ve chai, giấy vụn. Những ngày trước Tết, những kẻ sống tha hương trên chính đất nước mình này cũng phải cố sức làm lụng gấp đôi vì dù sao "Đi cả năm, về làng phải ăn mặc tươm tất chút cho bà con mừng" ([Những ngã đường Tết đến](#)).



Và trong một căn nhà trọ nào đó, của ngày xưa hay của ngày nay, "hai cô gái điếm, hai con người tưởng như vất đi ấy, trong đêm giao thừa" cũng bày bàn thờ đón Tết, cố tìm lại cái ảo ảnh đầm ấm gia đình đời kiếp nào mới trở lại ("[Tối ba mươi](#)" của Thạch Lam).

Tết năm nay, bước sang năm Giáp Thân, mời bạn nghe Nguyễn Quý Đại nhân dịp "[Mùa xuân nói chuyên khi](#)" , hay cùng hòa thượng Chơn Thiện luận bàn về "[Nhân vật Tôn Ngộ Không](#)" , "biểu tượng cho Chánh kiến và Chánh tư duy" trong truyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân. Ta cùng Võ Hồng "[xuất hành năm mới](#)" theo một gia đình nhỏ, trong cảnh "gà trống nuôi con", đi tìm lại bóng hình người đã khuất.

Tết đã đến với mọi nhà ... rồi Tết ra đi ... , ta lại bắt tay vào việc , " Tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai trồng đậu ... "

Từ bốn ngàn năm qua, nhịp sống của người dân Việt vẫn đều đặn diễn ra như vậy.

Mời bạn trở lại thời "[Hùng Vương dựng nước qua hình vẽ trên trống đồng](#)" của Lê Văn Hảo , nhìn lại đời sống của tổ tiên ta , xem lại cách trang phục của người xưa , đàn ông đóng khố, đàn bà mặc váy; để gạt gù tán thán Nguyễn Dư đã dám quả quyết , qua bài "[Cái váy và cái quần của các bà](#)" , rằng Bà Trưng ngày xưa mặc váy chứ không mặc quần.



Trang phục ngày thường  
Everyday costumes



Trang phục ngày hội  
Festive costumes

Bà Trưng quê ở Châu Phong  
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên  
...  
Hồng quần nhẹ bước chinh yên  
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành ...

Chỉ vì mấy câu thơ trên đây, nhiều nhà học giả đã không ngần ngại suy ra là hai Bà ngày xưa " mặc quần đỏ " !!! ...

Cùng trong mục phong tục, mời bạn xem bài " [Chuyện ăn uống của các vua Nguyễn](#) " của Nguyễn Đắc Xuân.

" [Bộ ảnh Peyrin](#) " do Nguyễn Dư sưu tầm tặng thêm hơn 30 ảnh, bộ "[Tuyển tập ảnh 2001](#) " của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam "tạm" tặng thêm 20 ảnh, nói là tạm vì trong những tuần tới sẽ đưa thêm.

Trong mục thơ, ngoài những tác giả quen thuộc như Nguyễn Hồi Thủ ([Con tàu thời gian](#)), Vũ Quyên ( [Xuân muộn](#) - [Hoàng hôn trên đôi cánh mới](#) - [Nửa đêm trừ tịch xứ người](#) ), Ngô Tăng Giao ( chuyên ngữ bài [Gift / Quà Tặng](#) của Rabindranath Tagore ), Tân Văn ([Hoa hồng lễ tình yêu](#)), lần này xin giới thiệu các nhà thơ Quỳnh Chi ( [Trường tương tư](#) (dịch thơ Lý Bạch) - [Lambretta](#) - [Tri âm](#)) và Ý Nga ([Xa gần](#) - [giọt nhớ](#) ), Á Nghi ( [Vô Duyên](#) - [Đường đi phải có lối về](#) )

Ta cùng Nguyễn Tường Bách, qua bài "[Dòng người bất tận](#)", hòa mình theo nhịp biến chuyển tiếp nối trong một ngôi chùa nhỏ xứ Huế, tăng trụ trì , khách viếng lễ , để chứng lễ "vô thường" , "vô ngã" của cuộc đời, thấy cái " chấp ta - chấp người " , " chấp của ta - chấp của người " đã đưa đến bao chia cắt khổ đau.

Bs Nguyễn Lưu Viên, " Ông già kể chuyện ngày xưa ", tiếp tục nhắc lại "[Vài kỷ niệm của một cựu sinh viên trường thuốc Hà Nội](#) "



Kỳ trước ta đã làm quen với Trần Văn Tuấn qua trích đoạn "Mèo đến", nay xin tiếp tục đi một vòng khắp "[Chung cư](#) " để thấy vài mẫu sống của Sài Gòn ngày nay.

Nguyễn Công Hoan, qua truyện [Kép Tư Bền](#), kể lại thảm trạng của một tay hê, ngoài mặt làm trò cười cho thiên hạ nhưng ai biết đâu lòng dạ đang đau xót lo âu cho người cha già trong giờ hấp hối.

Trúc Huy dịch văn Nhất Linh "[Bóng người trên sương mù](#) / [A Silhouette in the Fog](#) "

Nguyễn tường Bách tiếp tục theo bước chân Phật, lần này đi đến tận cùng của "[Trung Quốc, Xứ sở của Bồ Tát](#) " , trước khi bước vào Xứ Tây Tạng.

Vườn Anh Đào đón nhận một cây bút mới ( dĩ nhiên là chỉ "mới " đối với CVCN), Văn Lang Tôn Thất Phương, với bài "[Người Nhật , Nước Nhật : \(1\) Hayashi Fumiko](#) " , và "[Đoá Cúc Muộn](#) " của Hayashi Fumiko . Qua loạt bài " Người Nhật , Nước Nhật " , Tôn Thất Phương sẽ giới thiệu một số nhân vật tiêu biểu của nước Nhật, (không nhất thiết phải là văn nghệ sĩ ). Lần này tác giả giới thiệu nữ văn sĩ Hayashi Fumiko .



Nguyễn Nam Trân giới thiệu truyện ngắn "[Địa Ngục Trước mắt](#) " của Akutagawa Ryunosuke và Đinh Văn Phước truyện "[Mây trái quýt](#) " của cùng tác giả.

Trong " Địa Ngục Trước mắt " , cái tàn nhẫn " vị nghệ thuật " của lão họa sư Yoshihide không khỏi khiến ta rùng mình nổi ốc. Nó càng khủng khiếp ghê rợn hơn nữa, khi ta liên tưởng nghĩ rằng đây không phải chỉ là nhân vật hoàn toàn hư cấu, không thể có ở trên đời . Chỉ kể từ vài chục năm gần đây thôi, đã bao người, nhân danh lý tưởng này chủ thuyết nọ, đầy đọa tàn sát hàng triệu người đồng loại. Ở mức độ cá nhân hơn, " vì lý tưởng " "vì đức tin" người ta có thể gạt bỏ mọi nghĩa tình .Trong giây

phút , cha mẹ anh em thầy trò bạn hữu chỉ do khác ý mà biến thành thù địch, rồi lạnh lùng thủ đoạn, trừng trị thẳng tay.

Lê Văn Hào, đã tìm lục trong di sản văn hóa nghệ thuật, khoa học nhân văn của cha ông để giới thiệu bộ "[Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lê , Một công trình lịch sử - văn hóa đồ sộ giữa thế kỷ XIX](#)".

Thụy Khuê, qua tập "[Cấu Trúc Thơ](#)" đặt vấn đề "Thể nào là một bài thơ hay ? Thể nào là một bài thơ dở ? "

Để ghi tiếng Việt chúng ta có hai thứ chữ viết, chữ nôm và chữ quốc ngữ, Nguyễn Phú Phong công hiến ta một "[Cái nhìn đôi chiều giữa hai chữ viết tiếng Việt](#)" này.

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là tiểu thuyết được nhiều người say mê nhất khắp các vùng Đông Nam Á . Từ gần hai chục năm nay, tại Hồng Kông, Đài Loan, và ngay cả ở Bắc Kinh, ta thấy phát sinh ra hiện tượng nghiên cứu về Tiểu thuyết Kim Dung qua nhiều khía cạnh gọi là Kim học hay Kim Dung học. Tiểu thuyết Kim Dung thấm nhuần tư tưởng Phật Giáo, chính tác giả cũng công nhận như vậy. Nhưng thấm nhuần như thế nào? Hòa Thượng Thích Chơn Thiện, Giám Đốc Học Viện Phật Giáo tại Huế đã phân tích cặn kẽ trả lời câu hỏi này qua bài "[Bàn Về Tư Tưởng Phật Học trong Tiểu Thuyết Võ Hiệp Kim Dung](#)". Trong số này, Hòa Thượng Chơn Thiện khởi đầu luận bàn dựa trên tập "Hiệp Khách Hành" . Trong tương lai, Hòa thượng sẽ tiếp tục vấn đề này với các bộ "Thiên Long Bát Bộ" , " Lục Mạch Thần Kiếm ".

Trúc Lâm Lê An Bình cũng ra mắt đặt một số nghi vấn lịch sử với bài "[Những Hư Cấu Liên Quan Đến Các Vị Vua Đời Nhà Trần](#)"

Lê Văn Hào vẫn tiếp tục đưa ta trở về thăm xứ ta thời [Hùng Vương dựng nước](#).

Và sau hết, Giáo sư Thanh Lăng trình bày tất cả những đòn độc hiểm " phe thơ mới " đưa ra nhằm hạ độc thủ dứt tuyệt " phe thơ cũ " ([Mặt Trận Bênh Thơ Mới](#) ).

**Chim Việt Cảnh Nam (\*)**

-----  
(\*)1 - Chim Việt cảnh Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ , do vua Việt ở phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cảnh phía Nam để làm ổ . "Việt điều sào nam chí" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.

2 - Ngựa Hồ hí gió Bắc , là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế , khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.

## Những phong tục ngày Tết

**N**gày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc Tết, du xuân, mừng thọ.... Từ già đến trẻ ai cũng biết, ngày tết trong nhà ít nhất cũng phải có cành hoa, bánh trưng, chai rượu...

### Tổng cữu nghinh tân

Cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, cùng hàng xóm vệ sinh nhà thờ, đường xóm, tắm giặt, mua sắm quần áo mới và mọi thứ thức ăn, vận dụng trong ngày tết...

Nhiều gia đình nhắc nhở, dặn dò con cháu từ phút giao thừa trở đi, không cãi cọ nhau, không vứt rác bừa bãi, không nghịch ngợm, trách phạt nhau.... Đối với hàng xóm láng giềng, trong năm cũ có điều gì không hay không phải đều xúi xoá hết, tất cả mọi người dù lạ dù quen, sau phút giao thừa đều niềm nở, vui vẻ và chúc nhau những điều tốt lành.



Phong bao đỏ tượng trưng cho sự may mắn, tài lộc

### Hái lộc, xông nhà, chúc tết, mừng tuổi

Ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khoẻ tiến bộ, thành đạt hơn năm cũ. Lộc tự nhiên đến càng sớm càng tốt, nhưng nhiều nhà chủ tự đi hái lộc (chỉ là một cành non ở đình chùa, ở chốn nghiêm trang về nhà), tự mình xông nhà hoặc dặn trước người "nhẹ vía" mà mình thích đến xông nhà.

Đáng lẽ sáng mùng một đông vui lại hoá ra ít khách, không ai dám đi đến nhà khác sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay lại đổ tại mình "nặng vía", vì tục xông nhà chỉ tính người đầu tiên đến nhà, từ người thứ hai trở đi không tính.

Sau giao thừa có tục mừng tuổi chúc tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Ông bà, cha mẹ cũng chuẩn bị một ít tiền để mừng tuổi cho con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích, đồng thời chúc nhau những lời chúc tốt đẹp. Người nào thích điều gì thì chúc điều đó, chúc sức khoẻ là phổ biến nhất, luôn hướng tới sự tốt lành và kiêng nói tới những điều rủi ro hoặc xấu xa.

Quanh năm làm ăn vất vả, ít có điều kiện qua lại hỏi thăm nhau, nhân ngày lễ tết đến chúc mừng nhau, gần bó tình cảm. Nhiều nhà, hễ đến chúc tết nhau nhất thiết phải nâng ly rượu, nếm vài món thức ăn gì đó chủ mới vui lòng, năm mới từ chối sợ bị "giông" cả năm.

### Quà tết, lễ tết

Việc biếu quà tết có ý nghĩa tỏ ân nghĩa tình cảm, con rể tết bố mẹ vợ, học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc... Quà biếu, quà tết đó không đánh giá theo giá trị thị trường, nhưng cũng đừng nên gò bó, câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: không có quà ngại không dám đến.

### Lễ mừng thọ

Ở các nước Tây Âu thường mừng thọ vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ở nước ta ngày xưa ít ai nhớ chính xác ngày sinh tháng đẻ nên vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thất tuần, bát tuần, cửu tuần.... tính theo tuổi mụ. Ngày tết, ngày xuân cũng là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui.

Cũng vào dịp đầu xuân, người có chức tước khai ấn, học trò sẽ khai bút, nhà nông khai canh, thợ thủ công khai công, người buôn bán mở cửa hàng lấy ngày. Sau ngày mùng Một, tất cả "Tứ dân bách nghệ" đều chọn ngày "khai nghề", nếu mùng Một là ngày tốt thì chiều mùng một đã bắt đầu, riêng khai bút thì giao thừa xong chọn giờ hoàng đạo thì bắt đầu.

### Kiêng không hót rác đổ đi trong ba ngày Tết

Tục này nguyên từ bên Tàu, trong "Sưu thần kỳ" có chuyện người lái buôn tên là Ân Minh được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì giàu lên. Một hôm nhân ngày mùng Một tết, Ân Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Ân Minh lại nghèo đi. Kể từ đó kiêng không hót rác ngày tết, ta bắt chước và đến nay vẫn nhiều người theo tục này.

### Cúng giao thừa ngoài trời

Dân tộc nào cũng coi phút giao thừa là thiêng liêng. Các cụ ta quan niệm: Mỗi năm Thiên Đình lại thay toàn bộ quan quân trông nom thiên hạ dưới hạ giới, đứng đầu là một ngài có vị trí như quan toàn quyền. Và các cụ hình dung phút giao thừa là lúc bàn giao các quan quân quản hạ giới hết hạn kéo về trời và quan quân mới được cử thì ào ạt kéo xuống hạ giới tiếp quản thiên hạ.

Những phút ấy, các gia đình đưa xôi gà, bánh trái, hoa quả... ra ngoài trời cúng, với lòng thành tiễn đưa người nhà trời cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới để mong các quan phù hộ cho một năm mới mọi sự tốt lành.

Theo báo Du lịch

## Mâm ngũ quả

**N**gay Tết, gia đình nào cũng có mâm ngũ quả dâng lên bàn thờ tổ tiên, ông bà. Mâm ngũ quả bên cạnh đào, câu đối đỏ, bức tranh Tết, bánh chưng xanh... tạo nên khung cảnh ấm áp của mỗi gia đình khi Tết đến xuân về.

Không biết phong tục này có từ bao giờ, phải chăng vì đất nước ta vốn bốn mùa hoa trái, nhất là vào mùa Xuân hoa quả càng rộ. Hoa quả là lộc của thiên nhiên, đất trời. Lộc Xuân càng quý. Dâng lộc trời, cúng ông bà, tổ tiên trong những ngày đầu Xuân thật là một tục lệ đẹp để đầy nét nhân văn.



Mâm ngũ quả

Cứ vào khoảng 28 tháng Chạp âm lịch thì nhà nhà đều cho bày biện một mâm ngũ quả kèm với nhiều sản vật khác trên bàn thờ. Mâm ngũ quả thường bày trên một cái mâm bằng gỗ tiện, sơn son,

có chân, gọi là mâm bông. Nếu không có mâm bông, có thể bày trên một cái đĩa to, nhưng phải đặt trên chồng bánh chưng để tạo dáng cao, uy nghiêm, thành kính.

Mâm ngũ quả có 5 loại. Tại sao lại 5? Theo các vị cao niên, am tường về Nho giáo thì xuất xứ của mâm ngũ quả có liên quan đến quan niệm triết lý Khổng giáo của phương Đông, thế giới được tạo nên từ năm bản nguyên - gọi là "ngũ hành": Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ, nghĩa là 5 yếu tố cấu thành vũ trụ.

Còn theo quan niệm của dân gian thì "quả" (trái cây) được xem như biểu tượng cho thành quả lao động một năm. Ông cha ta chọn 5 loại trái cây để cúng đêm giao thừa là ngụ ý rằng : Những sản vật này được kết tinh từ công sức, mồ hôi, nước mắt của con người lao động, kính dâng lên đất trời, thần thánh trong giờ phút linh thiêng của vũ trụ vạn vật sinh tồn. Tư tưởng, hình ảnh ấy đã ăn sâu và tâm thức của người Việt Nam bao đời nay.

Đã gọi là ngũ quả thì nhất thiết phải là 5 loại quả. Nhưng các vùng, các miền do mùa xuân hoa trái khác nhau, nên mâm ngũ quả cũng khác nhau như: chuối, bưởi, phật thủ, dưa hấu, cam, quýt, dứa, na, hồng xiêm, táo...

Mỗi quả mang một ý nghĩa:

Chuối - phật thủ: như bàn tay che chở.

Bưởi - dưa hấu: căng tròn, mát lạnh, hứa hẹn năm mới đầy ngọt ngào, may mắn.

Hồng - quýt: rực lên màu sắc mạnh mẽ, tượng trưng cho sự thành đạt.

Ở vùng Thủ Dầu Một, ngày Tết hầu như nhà nào cũng có mâm lễ: Long - lân - Quy - Phụng. Kết từ hoa quả - tứ linh hoàn toàn mang tính hình tượng như hoa quả kết thành "vật thực", thể hiện lòng thành của con cháu tưởng nhớ gia tiên, cảm tạ ơn trời, ơn đất.

Mâm ngũ quả trong Nam cũng khác so với ngoài Bắc. Trên mâm ngũ quả ở ngoài Bắc thường có : Bưởi, đào, quýt, chuối, hồng. Có khi người ta thay bưởi bằng phật thủ hoặc lựu. Mâm ngũ quả trong Nam vẫn cứ giữ nguyên truyền thống là mãng cầu, sung, dứa xiêm, đu đủ, xoài mà các bà thường quan niệm sơ đẳng là "cầu - sung - vừa - đủ - xài".

Một mâm ngũ quả được bày dưới cùng là một nải chuối to già còn xanh, nải chuối đều, hoặc 2 nải chuối nhỏ ghép bên nhau như một chiếc bệ cong gồm 2 tầng nâng đỡ hoàn toàn hoa trái khác. Ở đây có sự phối hợp màu sắc, mâm ngũ quả đẹp là đủ màu sắc rực rỡ. Chính giữa bệ mâm xanh sẫm, trước đây bày quả phật thủ .

Ngày nay ít trồng phật thủ nên thường thay bằng quả bưởi to, càng to càng đẹp. Bưởi chín vàng, tươi nổi bật trên bệ chuối màu xanh. Những quả chín đỏ đặt xung quanh, những chỗ khuyết dưới đặt xen kẽ quýt vàng và táo màu xanh ngọc, còn bao nhiêu lá xanh cố tình để sót lại ở cuống quả như hoàn thiện những nét trang trí cuối cùng.

Vài năm gần đây, mâm ngũ quả cúng Tết đã có nhiều thay đổi nó không còn ngũ quả nữa mà đã trở thành "lục, thất, bát... quả" vì bên cạnh có thêm những đặc sản cao cấp như: nho, lê, táo... tùy theo cách nghĩ và túi tiền của mỗi gia đình.

Mâm ngũ quả đã làm quang cảnh ngày Tết và không gian cúng thêm phần ấm áp, rực rỡ mà hài hoà. Nó thể hiện sinh động ý tưởng triết lý - tín ngưỡng - thẩm mỹ ngày Tết. Tìm hiểu về mâm ngũ quả cũng là tìm hiểu về nguồn gốc, lịch sử, truyền thống tốt đẹp để chúng ta nhớ lại ông bà, tổ tiên.

Theo mạng Ninh Thuận

# Phóng sự : Tết Hà Nội - Tết Sài Gòn

## Trẩy hội 36 phố phường

Thứ Ba, 20/01/2004

**TTO - Đường phố Hà Nội vào những ngày giáp Tết đông đúc hơn bao giờ hết. Mặc cho cái rét mùa đông bây giờ mới thực sự thổi về, nhiệt độ trung bình chỉ nhỉnh hơn 10 độ C, người dân vẫn nườm nượp ra đường đi sắm Tết.**

Đông đúc nhất vẫn là các trung tâm thương mại sầm uất của Hà Nội như khu phố cổ, hệ thống siêu thị Fivimart, Intimex, chợ Hôm, chợ Đồng Xuân...

Khách du lịch nước ngoài cũng tỏ ra rất háo hức với không khí nhộn nhịp của Hà Nội trong những ngày này. Đa phần khách du lịch đi bộ trong những con phố nhỏ, ngồi trên xích lô lượn quanh bờ Hồ hoặc ghé vào nhà hàng Thủy Tạ ngồi sát mặt hồ để hứng gió đông. Những hàng giữ xe xung quanh hồ được dịp bắt chẹt những vị khách thiếu kinh nghiệm, tiền dịch vụ trông xe cho loại xe trên 100 phân khối lên tới 10.000đ.



Hoa đào bán nhiều ở làng Nghi Tàm



Và đông người đến phố bánh chưng

Khu vực chợ hoa hàng Lược trong những ngày này không đông đúc như mọi năm do màu đỏ của hoa đào Nhật Tân không còn tươi như những năm trước vì thiếu tay người chăm sóc (năm sau đào Nhật Tân sẽ không còn, thay vào đó, khu vực trồng hoa sẽ biến thành các khu nhà cao tầng). Chính vì thế, những cây quất được ưa ái hơn với giá mua trung bình một cây cỡ vừa (cao chừng 1,2m cả chậu) vào khoảng 100.000 - 150.000 tùy nguồn gốc quất được trồng ở Tứ Liên hay Hưng Yên.

Tại khu chợ hoa Yên Phụ, những cảnh đào núi được chở về từ Hoà Bình được chào

bán với giá khá cao mà vẫn đông người mua: 200.000đ - 300.000đ cho một cảnh đào cao cỡ 2,5m.

Bên cạnh các loại thực phẩm bán chạy vào dịp tết là bánh kẹo, rượu bia còn có buổi vùng Canh Diễn, loại đặc sản Hà Nội chỉ có vào dịp đầu năm mới. Loại quả này tăng giá hơn năm ngoái do thời tiết không thuận lợi, cụ thể: 15000đ/quả (giá siêu thị), 16000đ/quả (giá quây), có nơi hét giá đến 18.000đ/quả (trong khi năm ngoái giá chỉ 12000đ - 13000đ/quả).

Trên phố, người ta kháo nhau 30 Tết năm nay, Hà Nội sẽ tổ chức bắn pháo hoa và sân khấu ca nhạc nhiều hơn mọi năm. Chị chủ cửa hàng nộm bò khô Lương Vĩ Ớn- loại quà vật đặc trưng của phố ngắn nhất Hà Nội - phố Hồ Hoàn Kiếm hứa sẽ mở cửa hàng 24/24 trong những ngày Tết để chiêu lòng người Hà Nội.



Vẽ truyền thần.

U.LY - Ảnh: T.T.D  
(trích [Tuổi trẻ Online](#))

## Lễ hội đường phố

Thứ Ba, 20/01/2004



Con cào cào tuổi thơ...

**TTO - Chiều nay, 29 tết, phố hoa Nguyễn Huệ đã thật náo nhiệt với rất nhiều hoạt động văn hóa giải trí đầy màu sắc và hương vị tết cổ truyền. Các nghệ nhân của làng du lịch Bình Quới đã thể hiện những nét văn hóa truyền thống thật độc đáo ngay trên hè phố.**

Nếu như buổi sáng, những ý tưởng về ao sen, thuyền hoa và những chuyến xe thổ mộ thu hút khách tham quan thì chiều tối nay, những sạp hàng rong lại "đắt hàng" hơn nhiều.

Lâu lắm rồi, mà cũng có thể là lần đầu tiên, người ta mới thấy cảnh ngồi thất cào cào bằng lá dừa. Món đồ chơi dân dã quê mùa này bỗng đẹp lạ lùng trong những ngày giáp tết. 2.000 đồng một

con cào cào, quá rẻ cho một niềm hạnh phúc trẻ thơ.

Không chỉ có cào cào lá dừa, hè phố còn tập nập người đến viết câu đối ngày xuân. Gian hàng "Cắt hình bóng" cũng tạo được sự thích thú cho người đến xem. Với chiếc kéo và một mảnh giấy đen, chỉ trong loáng mắt, một bức chân dung nghiêng của bạn đã hoàn thành.

Điểm nhấn của chương trình là sự xuất hiện của chiếc xe thổ mộ mang phong cách thế kỷ 19. Ban giám đốc khu du lịch Bình Quới cho biết: "Ngoài chiếc xe thổ mộ, chúng tôi còn có hai nhân vật với trang phục ngày xưa, như một hoài niệm đẹp. Còn có nhiều tiết mục xiếc dân gian như múa kiếm, múa trăn... Gần toàn bộ 50 nhân viên của Bình Quới đã được tập trung để phục vụ tốt nhất cho lễ hội này...".



Chiếc xe thổ mộ thế kỷ 19



Và nghệ nhân cắt hình bóng

**T.V. NGUYỄN - Ảnh: N.C. THÀNH**  
(trích [Tuổi trẻ Online](#))

## Bùng sắc hoa

Thứ Ba, 20/01/2004

**TTO - 16 giờ hôm nay, 29 tết, phố hoa Nguyễn Huệ chính thức khai mạc. Bắt đầu bằng 50 chậu mai trước UBND Thành phố và kéo dài bằng 100.000 giỏ hoa đến cuối đường Nguyễn Huệ. Đặc biệt, phố hoa năm nay là một bản giao hưởng đậm chất đồng quê với những xe thổ mộ, với ao sen, thuyền hoa và gánh hàng hoa...**

Phố hoa năm nay lạ. Chính vì thế trong nhiều ngày trước, đặc biệt là đêm qua và sáng nay, rất nhiều người dân thành phố đã đến phố hoa để tham quan, chụp ảnh và cả quay phim.

100.000 giỏ hoa được huy động từ nhiều đơn vị trong thành phố do công ty kiến trúc T.T.T chịu trách nhiệm phân ý tưởng. Lễ hội hoa là một bức tranh đẹp trải dài từ những dấu ấn hoang sơ, mộc mạc của những bình gốm giả cổ của nghệ nhân Lê Triều

Điền, đến những chuyến xe thổ mộ... Phố hoa còn huy động toàn bộ những chiếc thuyền, những đôi gánh của khu du lịch Bình Quới mang đến tham gia.



Rất nhiều người đến phố hoa chụp ảnh - Ảnh: N.C.T



Mang cả ao sen lên phố hoa -

Ảnh: N.C.T



Toàn cảnh một bức tranh hoa -

Ảnh: T.T.D



Hoa được bọc thành đường diêm -

Ảnh: T.T.D



Những chiếc xe thô mộc đầy hoa -

Ảnh: N.C.T

T.V.N.

## Những ngã đường Tết đến

Thứ Ba, 13/01/2004

**TT - Tết đến... Những con đường rộng rãi hơn, những cửa hàng, cửa hiệu sáng đẹp, tấp nập hơn, gương mặt người người rạng rỡ hơn. Tết tưởng chừng đến bằng gió xuân, hoa nở, nhưng sâu trong nhiều con hẻm, nhiều khu xóm, tết đến bằng những bước rất nhọc nhằn...**

**Đi sớm hơn, về trễ hơn...**

Chúng tôi đi theo mấy chị đạp xe, đằng sau chở rất nhiều bao ve chai, giấy vụn vào những con hẻm quanh co trong xóm Bến Cát (khu căn cứ 26, Gò Vấp, TP.HCM). Ngang qua chợ, chị ngó quanh rồi tạt vào mua một đôi dép nhựa nhỏ, một đôi giày simili cũng số nhỏ, rồi lại đi. Vào xóm, không khí thật nhộn nhịp. Vẫn những chiếc xe đạp với bao, bọc, giấy vụn, vỏ hộp bẻ bộn của mấy chị đi nhặt ve chai; vẫn những thùng hộp, xoong nồi của những anh làm nghề tẩm quất hay bán bánh giò, nhưng trong những căn phòng trọ sơ sài của họ đã có bóng dáng của Tết. Đó là cái áo, cái váy, đôi giày "đúng kiểu Sài Gòn" mua về cho con; gói kẹo, gói bánh dành để bày bàn thờ tổ tiên, những đồ dùng nhựa lặt vặt đủ màu mà "chỉ Sài Gòn mới có" mua về cho gia đình.

Tôi vào một căn phòng có vẻ tấp nập, nhộn nhịp nhất. Ba chị phụ nữ vừa nấu cơm vừa mặc thử cái áo sơmi màu vàng, màu hồng và cái quần jeans vẫn còn dính toong teng nhẵn mác. "Đẹp rồi, giống y gái Sài Gòn nè", mấy anh chàng đang ngồi bên cạnh xuýt xoa. Thấy người lạ, mấy chị cười ngượng ngịu: "Đi cả năm, về làng phải ăn mặc tươm tất chút cho bà con mừng".



Cô gái cố nhặt lượm ve chai nhiều hơn trong những ngày cuối năm để... sắm sửa tết mang về quê nhà - Ảnh: C.M.C.

Chị Lan bảo hai năm rồi ở Sài Gòn nhặt lượm ve chai, giấy vụn, lúc nào trên mình cũng là cái áo kaki sửa từ áo bộ đội cũ của chồng, "Tiện dụng ra phết, ngày thì bớt nắng, đêm thì bớt sương". Chiều nay, trong năm người ở cùng phòng trọ thì bốn người sẽ về quê. Để có được chuyến về Tết lần này, từ mấy tháng nay chị Lan đã âm thầm chuẩn bị: dong xe đi sớm hơn từ 1-2 giờ sáng, về muộn tận quá giờ Ngọ, bánh xe lăn qua nhiều con đường hơn, những thứ phế thải chất sau xe chị cũng mỗi ngày mỗi nặng, càng kèngh hơn. "Gần tết, nhiều nhà thay đổi nồi niêu xoong chảo, thay đổi cả bàn ghế, ăngten... Minh mua lại, cân cho vừa được thêm ít đồng, cũng có người thương mà gọi cho... Về lần này chắc hai đứa nhỏ mừng lắm". Lá thư của cô con gái nhỏ viết: "Học kỳ này con được học sinh giỏi, mẹ nhớ về, nhớ mang búp bê về cho con...". Xóm trọ nhỏ này có tới hơn 30 người đã chất chiu và rạng rỡ lau mồ hôi đón tết như chị Lan vậy.



Các cụ già tự mưu sinh trong căn phòng chung cư - Ảnh: P. VŨ

Hầu hết người trong "xóm ve chai" này đều là người Vĩnh Phúc, "xóm bánh giò" ở sâu trong nữa là người Sơn Tây, mấy anh đàn ông "sức dài vai rộng, nhặt lượm ve chai có vẻ khó coi quá" thì hành nghề tắm quất.

Đội quân những người cùng làng, cùng xã kéo nhau vào, học nhau để hình thành những "làng nghề" như thế này ngày một đông thêm. Tết đến, nhiều người nô nức về quê, cũng không ít người ở lại. Lập, người duy nhất trong phòng trọ mà tôi ghé vào sẽ ở lại tết này, bảo: "Không về quê được thì buồn vì không gặp vợ con, nhưng bù lại số tiền gửi về nhà có nhỉnh thêm một chút. Còn tết ở đây vẫn có đủ...".

Nghे họ kể mới biết những người sống kiếp "tha phương cầu thực" ở đây đã mang theo rất nhiều phong vị của quê hương bản quán. Bánh chưng vuông, bánh chưng dài, bánh gai, bánh rộm...

Thứ gì mà nhà nhà ở Vĩnh Phúc đang nhộn nhịp chuẩn bị làm thì xóm nhỏ ở Gò Vấp cũng đang lên kế hoạch. Những người ở lại, người này góp gạo, người kia góp đậu, góp lá để cùng nhau ăn tết xa nhà. "Ở đây chỉ thua Vĩnh Phúc, Sơn Tây mấy trò đấu vật, thi đi xe đạp, hát quan họ... thôi. Tết ghé chơi nhé".

Nói thì nghe vui vậy nhưng rồi những ánh mắt, nét mặt lại nhuốm vẻ ưu tư khi Huệ sang gửi chị Lan "gói kẹo cho thằng bé", Hằng xách sang một tấm lụa màu tím "mình khô hoa ướm" gửi về cho mẹ. Lập đếm lại số tiền, tần ngần: "Cả năm trời dành dụm được hơn triệu, nếu mình về thì...". Nga vừa lấy chai tương trong góc nhà rót ra để chấm rau vừa bảo: "Tết về quê phải nhớ phơi mớ, mang vào ngâm tương. Nặng ở đây gắt quá khô hết mớ, tương mua sẵn vừa đắt vừa không ngon". Trong góc bếp không chỉ có chai tương Bắc mà có cả vại dưa, cà muối.

10.000 đồng cho bữa liên hoan... Tết

Căn phòng ấy (chung cư Chu Văn An, P.12, Q.6, TP.HCM) lúc nào cũng tối. Bước vào, tôi có cảm giác đã bỏ lại phía sau ánh sáng và những niềm vui, cảm giác bất lực khi nghĩ đến cái tết sắp tới. Thật khó mà tìm được nụ cười trong căn hộ chung cư nhỏ hẹp mà lại dung chứa tới 20 ông bà cụ tuổi từ 70 trở lên này. Từ những khung giường tầng xếp san sát, các cụ run run tuột xuống, ngễnh ngãng nghe, móm mém nói, thỉnh thoảng tay lại lần mò vào túi áo đếm vài đồng bạc lẻ...

Câu chuyện không biết bắt đầu từ đâu, một cụ bảo: "Biết nói gì cô ơi. Khổ lắm, khổ lắm mới phải tới đây". Ở đây, không gian của mỗi cụ là một khung giường tầng trống không, tài sản là vài bộ quần áo cũ và cuốn sổ dò vé số.

Vậy nhưng vẫn còn bốn cụ không có giường phải nằm dưới đất. Mỗi sáng, các cụ theo nhau ra đại lý vé số, rồi từ đó rảo khắp các ngõ chợ, bến xe... cho đến chiều. "Một ngày phải trả tiền nhà hết 5.000đ, sau đó mới tính tới chuyện ăn: 1.000đ cơm, 1.000đ canh là xong bữa. Dành tiền mua vài viên thuốc, dành tiền lúc bán ế, chân đau không đi được, lúc bị bọn nhỏ giật mất vé...".

Câu chuyện thêm phần sinh động khi cụ Phan Thị Tám, 79 tuổi, đi về, vừa leo lên giường ngồi vừa bóp chân: "Bữa nay đi tuốt lên Sài Gòn, bán được 100 vé, lợi giò lợi cẳng hết trơn...".

Bà Tám đến từ Vĩnh Long, ông Đoàn Lào 81 tuổi đến từ Quảng Ngãi, bà Tiếp 72 tuổi người Bến Tre... Mỗi người mỗi xứ, tuổi già khó ngủ và hay chuyện nhưng khi tôi hỏi, thật ngạc nhiên khi các cụ ở đây lại rất ít biết chuyện của nhau, không ai muốn nhắc đến cả một đời dằng dặc nhọc nhằn

sau lưng. Các cụ thở dài: "Biết nói sao... Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng/Con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày...".

Quanh quẩn rồi cũng quay đến chuyện Tết. Tết là ngày những người già như các cụ được con cháu mừng tuổi, chúc phúc - lộc - thọ. Nhưng ở đây... Tết đến các cụ thêm tuổi và chồng chất thêm những nỗi lo. Cụ Đoàn Lào khào khào nói bằng giọng xứ Quảng: "Tết này tôi 82 rồi, tôi định về quê, chắc là về luôn. Chân hời này yếu...".

Một cụ ngồi ở giường tầng trên vọng xuống: "Mấy ngày Tết mỗi người góp 10.000đ để đặt một bữa cơm thơm tất nhé...". Một cụ ngồi dưới gạt đi: "Thôi, đã không về quê được thì tết nhứt gì, cứ đi bán, có khi được khá hơn...".

Câu chuyện về "bữa liên hoan Tết" ấy chỉ được hoan hỉ nhắc lại vào hôm chúng tôi quay trở lại với những món quà nhỏ. Cầm gói đường, hộp sữa, hộp bánh, phong bao lì xì, những ngón tay già nua run run: "VẬY LÀ CÓ TẾT RỒI...". Các cụ cứ mãi nắm tay những người mang quà đến mà cảm ơn, chúng tôi nghe trong ấy có nước mắt.

**Những món quà chưa chỗ được Tết**

Đó chỉ là hai câu chuyện nhỏ mà chúng tôi thu lượm được trên đường đi trao quà Tết. Còn có đôi tay trắng bột, nhăn nheo vì ngâm nước của một bà ngoại già (bà Năm, xóm Đình, Phú Định, P.10, Q.6, TP.HCM) phải đi giặt quần áo thuê để nuôi năm đứa cháu ngoại.

Gần Tết, không chỉ đôi tay bà phải ngâm nước nhiều hơn mà đôi chân bà cũng phải đi nhiều hơn, mong tìm người thuê giặt để các đứa cháu có được chút bánh, chút mứt trong ba ngày Tết.

Còn có những bà mẹ trào nước mắt khi nhận bịch gạo, gói lạp xường khiến người trao quà cũng phải đắng lòng. Những món quà chưa mang được tết đến, nhưng sự chia sẻ đã mang gió xuân đến...

**PHẠM VŨ**

(trích [Tuổi trẻ Online](#))

# Tối Ba Mươi

Thạch Lam

Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lễ sang bên trái, cúi cầm xuống giữ cho chặt, còn tay phải vịn quả nầm. Những gói giấy chỉ chực trông tránh rơi. Liên cất tiếng khàn khàn gọi:

- Huệ ơi! Huệ!

Nàng tưởng sẽ thấy nét mặt vui vẻ của Huệ thò ra đón, vớ lấy các thức mua và hỏi "Sao mày về chậm thế?" nhưng trong phòng vẫn yên lặng. Liên mở cửa bước vào: Huệ đương cuộn chăn nằm ngủ trên giường, tóc xõa ra cả trên gối trắng. Vẻ lạnh lẽo của căn phòng đến ngay bao bọc lấy Liên, khiến cái vui trong lòng nàng mong manh sắp tắt. Liên để các gói xuống bàn, giữ bụi mưa trên áo rồi vội vàng đánh thức bạn:

- Dậy đi, Huệ!

Huệ âm ự mở mắt lơ lơ nhìn, rồi lại định quay mặt vào trong ngủ. Bực mình Liên tung chăn ra bên, vừa xốc Huệ lên vừa nói:

- Gớm, ngủ cả ngày không biết chán.

Huệ đã tỉnh hẳn, vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, kéo chăn trùm lên vai:

- Mày bảo chả ngủ thì làm gì?

Rồi nàng rùng mình:

- Lạnh quá! Kia cô ả, vào không khép cửa lại; mà sao đi lâu thế?

Liên ra đóng cửa phòng, quay trở vào:

- Tao phải chạy vội khắp các phố đấy. Các hiệu đã sắp đóng cửa cả. Giá cứ nghe mày thì chả kịp mua bán gì, đành là nhịn đói ăn Tết.

- Thì đã chết chưa. Không ăn, ngủ cũng được.

Liên nhận thấy nét mặt mỏi mệt của bạn. Nàng nhìn quanh căn phòng bản thủ. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lờng chông các đồ đạc quen thuộc: cái giường Hồng Kông cũ, đồng hồ và gị xạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân. Liên nghĩ đến sự trợ trợ của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong cái buồng nhà "săm" này cũng như đến những nơi thơm tho đầm ấm.

Nàng không muốn nghĩ vợ vắn nữa. Cái buồn ghê gớm chỉ chực kéo đến giày vò nàng, Liên vội cười lên. Nàng đến cạnh bàn gỡ các gói bọc giấy nhật trình buộc bằng dây cói: những thức ăn rẻ tiền mua hấp tấp ở các hiệu khách trước giờ đóng cửa đêm ba mươi.

- Nào, xem mày mua những gì nào.

Huệ cũng trở dậy đến bên giúp Liên gỡ các gói và để thức ăn ra ngoài.

- Lạp xường này, bánh chưng này, giò lụa, lại cả gan kho nữa cơ à? Oai nhi! Còn gói gì thế này? à... cam. Tuyệt! Cam này thì phải biết!

Mấy quả cam đỏ lăn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giăng lấy:

- Con khi! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.

- ừ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?

Liên đáp:

- Chỉ có hương thôi. Còn vàng không cần. Tiềm tiềm thôi cũng được.

Huệ lặng im, tự dừng thoáng nghĩ đến thân thể lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn, âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là người thân thiết với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

- Chúng mình bây giờ cúng đi chứ?

- Bây giờ làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?

- Không biết. Để gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, tì trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay toí tả, hình như ở bóng tối khắp nơi dồn lại quăng phổ hẹp này. Trên hè ướt át và nhộp nháp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mệnh mông ra tận đâu đâu ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà âm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tấp nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha đi lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ nghĩ đến lại thương hại cho Liên, em họ nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên không dám về. Hai người sống cái đời trụ lạc ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm sum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn Tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khẽ rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mông một Tết, - nàng không nhớ rõ là tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải - nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn. Tại sao nàng lại chỉ nhớ rõ có cái cảnh ấy? Huệ không biết, nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng trĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng, cười:

- Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gật đầu.

- Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn, Liên đã đặt đĩa cam quýt, cái bánh chưng và thếp vàng. Mấy gói Lạp xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mắt hai người. Huệ tìm lấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

- Chị có mua gạo không?

- Có, gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghĩ ngợi. Liên bỗng reo lên:

- Đổ vào cái cốc này này. Phải đấy, rất là...

Nàng im bất động lại. Hình ảnh ô uế vừa đến trí nàng. Cái cốc bẩn ở góc tường, mà cả đến những khách làng chơi cũng không thềm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ; hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

- Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, mà ỹ.

Liên không dám trả lời, sẽ gật đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

- Ai đấy?

- Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp. Nhanh trí, Huệ đứng dựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người bồi "săm" ngó đầu vào.

- à, bác Tâm. Hỏi gì thế?

- Tôi gửi cô giữ hộ chiếc chìa khóa.

- Bác về đằng nhà bây giờ à?

Anh bồi "săm" tươi cười:

- Vâng, phải về ăn Tết chứ. Thôi, cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng có ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

- Đêm nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

- à chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi ập ứng, không biết nói thêm gì. Liên vội đỡ lời, cảm ơn, rồi đóng cửa buồng lại. Một lát, tiếng cánh cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buồng bỗng trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong tối. Trong gian buồng,

ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn mọi vật chung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau gi, cái xô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mốc... Đó là khung cảnh của cuộc đời trụy lạc đã từ lâu...

Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

- Chị đã thắp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

- Chưa. Chị thắp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng rồi tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những cô gái trong sạch và ngây thơ.

- Sắp đến mười hai giờ rồi đấy, Liên nhỉ?

- Có lẽ đến rồi. Năm mới!

Huệ đặt lại các đĩa trên bàn, xếp vàng cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

- Chị ra khăn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ, đứng yên.

- Em biết khăn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên, rung động cả vai rồi gục xuống ghế, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt, nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mê mẩn mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

- Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy tro trọi quá. Liên ngừng mặt lên nhìn Huệ, cố gượng một nụ cười héo hắt:

- Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn, không trả lời. Nước mắt cũng ú lên rồi lặng lẽ đào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổi vang gần đấy rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thi thắm:

- Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép vào nhau, yên lặng.

**Rút từ tập truyện ngắn *Sợi tóc*,  
Nxb Đời nay, Hà Nội 1942.**



# Mùa Xuân nói chuyện Khỉ

Nguyễn Quý Đại

Hồi còn bé tôi thường theo mẹ đi phố qua Chùa Cầu (Lai viễn Kiều), thấy 2 con khỉ bằng đất nung đội khăn đỏ ngồi đối diện nhau và hai chó đất ngồi đầu cầu phía bên kia. Nhưng đến gốc cây bàng ở chợ Hội an, mấy chú "Sơn Lâm Mãi Vỡ" làm xiếc bán thuốc cao đơn hoàn tán, thuốc dán trị đau nhức. Người đàn ông lực lưỡng thân trần hình vạm vỡ, dùng thanh sắt tròn bằng ngón chân cái tự đánh vô lưng, cây sắt cong nhưng không bị chấn thương cơ thể, thật ngoạn mục nhờ uống thuốc của họ quảng cáo. Hấp dẫn hơn là lần đầu tiên thấy con khỉ lớn bằng con chó mặc áo đỏ, đội mũ biểu diễn nào kéo xe, gánh nước, ngồi ghế ăn chuối, bán thuốc và cầm cái rổ chạy quanh xin tiền.. Tôi rất thích xin mẹ cùng đứng xem lâu hơn, và mong ước mẹ mua cho con khỉ khôn ngoan đó về nhà làm bạn, Ý niệm về khỉ của tuổi thơ thời ấy giới hạn, không có phim ảnh và sở thú như ngày nay. Tôi thường nghe các câu nói vui đùa *"đồ khỉ, làm trò khỉ, mặt nhăn như khỉ ăn gừng, rung cây nhát khỉ, xừ khỉ ho có gáy, làm lắm trò con khỉ "vv..*



Mẹ tôi giải thích không nên chơi với khỉ người ta nói " *Nuôi ong tay áo nuôi khỉ dòm nhà* " nuôi ong bị ong nó chích, nuôi khỉ trong nhà sẽ bị nó đốt nhà...Loài khỉ thông minh hơn các thú vật khác, biết hờn giận, vui buồn. Nó thích bắt chước,thấy người hút thuốc nó cũng lên lấy thuốc lửa lên má nhà ngồi hút làm cháy nhà.

## Chuyện hoang đường về khỉ

Lớn lên đi học biết đọc và ham thích đọc chuyện Tây Du Ký, kể chuyện ba thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh ở Tây Trúc (Ấn Độ Miến Điện ?) đường xa vời vợi thời đó hạ giới còn yêu quý, nhiều tài năng biến hoá cản trở việc đi thỉnh kinh của Tam Tạng.

Câu chuyện hơi hoang đường Tôn Hành Giả là con khỉ ở núi cao được sinh ra từ lòng một hòn đá, biết nói tiếng người muốn sống trường sinh bất tử, rời động Thủy Liêm xuống núi đi tìm thuốc trường sinh, may mắn gặp Tô Sở Thần thần nhận làm đệ tử, truyền dạy võ thuật và các phép thần thông biến hóa. Thành tài Tôn ngộ Không không trở về cố quận, xuống thủy cung của Long Vương chiếm được vật báu Như Ý kim Cổ Bồng (làm cây thiết bồng) lên Thiên đình uống rượu trộm loại trường sinh bất tử của Thái Thượng Lão Quân.. phá rối khắp nơi nổi danh là Tề Thiên Đại Thánh lộng hành. "*cao nhân tất hữu cao nhân trị*". Phật Tổ Như Lai chứng minh cho họ Tôn thấy sự mênh mông vô lượng của các pháp mà những kẻ ở cõi này không bao giờ vượt nổi, nếu chỉ loay hoay với tham vọng. Tề Thiên Đại Thánh dù thần thông biến hoá cũng không chạy khỏi bàn tay của Đức Phật Như Lai úp bàn tay xuống tạo Ngũ Hành Sơn ngàn cân giam cái tham vọng của họ Tôn lại. Nhưng Ngài cũng biết rằng, chẳng có núi cao biển sâu nào giam được tham vọng của con người nếu con người không tự tu thân. Ngài cũng để một lối thoát cho sự ăn năn hối cải cho Tề Thiên. Một ngày đẹp trời thầy Đường Tăng Tam tạng đi ngang qua đã thần nhận Tề Thiên làm đệ tử, cứu ra khỏi ngũ hành đê trên lưng, nhưng Ngài phòng ngừa tính khỉ thích vui chơi, phá rối nên gắn trên đầu vòng Kim cô ? để dễ trị tội trên đường đi thỉnh kinh có thêm đệ tử gốc heo là Trư Bát giới và Sa tăng..

## Khỉ và các tên trong Khoa học

Các loài Khỉ có tên khoa học Ceropithecidae, nhưng có nhiều họ khác nhau, được các nhà động vật học phân loại, vì Khỉ sống từng vùng khác nhau trên thế giới đời sống tập tính riêng. Có loại khỉ ăn trái thịt, ăn mỗi cũng như ăn trái cây, lá cây hình dáng lớn nhỏ màu lông khác nhau Khỉ đuôi dài (Macaca nemestia), Khỉ đuôi lợn (Cercopithecidae), Khỉ Mắc (Macaca fascicularis), Khỉ mặt đỏ (Cercopithecidae) Khỉ voọc xám (Presbytis phyei crepusculus) Khỉ đột (Gorilla-Gorilla), Vượn (Gibbon), Đười ươi (Orang Utang) Đười ươi (Pongo pygmacu), Khỉ Muôn (Chimpanzee), những con tinh tinh (Pan troglodytes) Khỉ lùn (Bonobo) khỉ đột mỏ dài (Pavian)...

Theo tài liệu giống Vượn người loại Khỉ đột và Tinh Tinh, được các nhà Động vật học quay phim chiếu lại trong các chương trình Tivi về đời sống của chúng dù ở trong rừng rậm. Phần lớn khỉ ăn trái và lá cây cũng như ăn các động vật nhỏ.. Tinh Tinh có nhóm máu và gen cũng trùng hợp với chúng ta, là loại thông minh biết dùng vũ khí như đá, cây để chống lại kẻ thù, biết dùng đá để đập những loại hạt có vỏ cứng như hạt dẻ để ăn, biết dùng lông chim để ráy tai, dùng những cọng hoặc cành cây để xĩa răng. Để tránh khát nước biết nhai những lá cây nát làm thành "miếng xốp" nhúng vào nước rồi vắt vào miệng để uống, biết dùng cành cây làm cần câu để móc mồi từ những ổ mồi lớn để ăn. Tinh tinh được huấn luyện để mặc áo quảng cáo, đeo kính mát và làm tài tử đóng phim như trong phim Tarzan. Tinh tinh cao chừng 170 cm con lùn 90 cm, trọng lượng nặng khác nhau từ 45 kg đến 60 kg, thời gian thụ thai từ 225 ngày đến 240 ngày. khỉ con bú sữa mẹ 2 đến 4 năm. Tinh tinh mẹ rất yêu thương và chăm sóc con nhỏ đi đâu cũng mang con con bên cạnh. Tuổi thọ khoảng 40 năm. Nhiều nhà động vật học đã theo dõi đời sống của bầy tinh tinh và bầy khỉ đầu chó nghỉ ngơi trên bãi rừng thưa cách nhau không xa trong yên tĩnh bỗng nhiên có tiếng kêu rít rỏ con khỉ đầu đàn vỗ con khỉ đầu chó con cắn chết, lập tức những con đồng loại vội ào chạy đến cùng xé lấy từng miếng thịt để ăn.

## King Kong thời đại

Phim (Film) King Kong đã làm cho nhiều người say mê, người dựng phim cho con khỉ Gorilla là giống tàn bạo vì sức lực phi thường của nó Những bộ phim King Kong diễn tả con khỉ Gorilla này chuyên khủng bố tàn phá nhà cửa.. Đó là xảo thuật dàn dựng và đây tưởng tượng, nhưng thật sự con khỉ Gorilla sống dịu dàng hiền lành thân thiện. Bà Diana Fossey đã sống giữa bầy Gorilla chưa bao giờ bị chúng tấn công. Khi gặp người lạ chúng thường đứng thẳng trên hai chân sau, hai chân trước (2 tay) đập vào ngực nó và phát ra tiếng rống thật to để đe dọa đối phương. Khỉ Gorilla cố gắng tránh các cuộc ẩu đả và chỉ giương oai, giễu võ thôi, Chúng thường chạy lướt qua nhau nhỏ bật rể các cây con để thị uy. Gorilla loại khỉ đột này cao 1,80 m; nặng 180 Kilô hoặc nhiều hơn (nhưng những con sống ở bờ biển lông ngắn màu nâu không to lớn bằng những giống ở rừng) mỗi ngày 3 giờ tìm thức ăn, 4 giờ để ăn, thì giờ còn lại vui chơi hay ngủ. Khỉ đực Gorilla nặng tới 275 kg con cái nặng 100kg thời gian mang thai 251 đến 289 ngày, sanh con con nặng 2 kg. Tuổi thọ 60 tuổi. Gorilla chỉ ăn thảo mộc, măng, rễ, bẹ non, trái và lá cây.

## Đười ươi là ản sĩ trong rừng ?

Đười ươi thường bện các cành lại làm ổ trên cây cao, nơi chúng không cảm thấy nguy hiểm, để ngủ đêm và nghỉ ngày, chúng thích ngủ chỉ rời ổ khi mặt trời đã lên cao. Đười ươi đực ngồi trong ổ ca khúc ban mai nó vươn vai, giơ rộng cánh tay dài từ hông phát ra âm thanh nhát gừng, càng lúc càng to và kết thúc bằng một tiếng kêu dài rộn ràng. Thường vợ chồng Đười ươi ở cách xa nhau chỉ gặp nhau những lúc có cây to trái chín rộ hoặc những lúc giao hợp. Đười ươi sống trên cây không di chuyển dưới đất như khỉ Gorilla và Tinh tinh. Đười ươi ăn trái cây trong rừng ngoài ra cũng ăn lá vỏ cây mồi và kiến. trước khi ăn bao giờ cũng ném thử. Đười ươi cao 97 cm, con đực nặng 90 kg con cái nặng 50 kg. thời gian mang thai từ 260 đến 270 ngày, và cho con bú 2 đến 3 năm. Tuổi thọ đến 40 năm Đười ươi đực do các bướu cổ rộng tạo thành mô sụn liên kết mà mặt bẹt như cái đĩa, tuổi già có thêm râu ria dài, và lưng cũng bạc như khỉ Gorilla. Đười ươi sống trên cây các rừng vùng nhiệt đới ẩm thấp, phần lớn ở ở Đông Nam Á trong rừng Calimantan và Bắc Sumatra, ở Mã lai và Nam Dương, có giống Orang

Utann gọi là người rừng cao khoảng 1,50 m, nặng 90 Kilô, ăn trái cây, trứng chim, chuột, côn trùng, ngoài ra cũng thường bắt khỉ con, lợn rừng, linh dương nhỏ để ăn, con đực hay săn mồi hơn con cái.

Thói quen của các loại khỉ đều chải chuốt bộ lông cho nhau, hoặc bắt chấy, rận hay tìm những miếng da khô bị tróc trong bộ lông. Thường đàn khỉ có một con đầu đàn to lớn với trách nhiệm lo cho cả đàn. Khỉ đầu đàn cũng thuộc hạng "sư phụ" không thua gì Dê đực về việc chăm lo cho các "bà vợ", khỉ thường ngủ trong ổ do chúng đan mỗi ngày bằng cành cây, sợ các thú dữ như hổ báo, mèo rừng và rắn độc

## Nét đẹp của khỉ

Đôi má hồng dường như đóng một vai trò quan trọng trong cuộc cạnh tranh tìm kiếm bạn đời của linh trưởng (trong đó có con người). Ít nhất ở loài khỉ nâu *rhesus macaque*, con cái bị cuốn hút nhiều hơn bởi những con đực có khuôn mặt mang sắc đỏ. Một nhóm người Anh nghiên cứu đã thử nghiệm trên 24 con khỉ nâu *rhesus macaque* đực. Họ sử dụng máy tính để biến hình ảnh khuôn mặt chúng từ trắng xanh sang ứng đỏ và cho 6 con cái xem. Họ nhận thấy những con cái dừng lại lâu hơn trên khuôn mặt hồng hào và có hành động như cháp miệng thể hiện sự thích thú. Giả thuyết rằng con cái bị hấp dẫn bởi màu sắc của con đực thực ra đã được nhà sinh vật học Charles Darwin đề cập năm 1876.

Theo các nhà khoa học, má hồng chứng tỏ hàm lượng testosterone cao ở con đực, cũng đồng nghĩa với hệ thống miễn dịch khoẻ mạnh và bộ gene tốt. "Những con khỉ có vẻ mặt hồng hào nhất trong các loài thú. Không ai biết rõ vì sao nhưng nó có thể đóng vai trò trong cuộc cạnh tranh giành bạn tình giữa các con đồng giới", người đứng đầu nhóm nghiên cứu Corri Waitt tại Đại học Sterling, Anh, Các nhà khoa học cho rằng khuôn mặt hồng hào cũng là một đặc điểm hấp dẫn ở con người. Điều đó có thể lý giải vì sao phụ nữ dùng mỹ phẩm để làm đỏ môi và hồng má ?

## Vượn có phải là thủy tổ của loài người không ?



Vượn thông minh, nhanh nhẹn chúng có thể nhảy xa 20 m, qua giòng sông nhiều cá Sấu, nhảy từ ngọn cây này sang ngọn cây bên kia, chúng thường suy tính khi xử lý vấn đề khó khăn. Để lấy được món ăn hấp dẫn trên cao, thường biết chồng các khối gỗ lên cao và dùng gậy khều thức ăn, Vượn không nói được, nhưng những gì quan trọng chúng đều thông tin cho nhau bằng cử chỉ và nét mặt. Gần đây qua nhiều cuộc thí nghiệm Khỉ có thể sử dụng Computer, biết dùng sơn để vẽ..vv vượn có thể nhận ra mình trong ảnh và trong gương ?

Học thuyết tiến hoá của Charles Darwin (1809-1882) Darwin bỏ thì giờ nghiên cứu về học thuyết này từ năm 1842 đến năm 1844, nhưng chưa dám phổ biến sau khi nhận bản thảo về học thuyết tiến hoá của Alfred Russel Wallace gốc người Anh sống ở Đông Ấn. Năm 1859 cuốn " *Nguồn gốc của các loài*" được xuất bản đã tạo ra nhiều cuộc tranh cãi đến năm 1871 Darwin xuất bản cuốn " *Nguồn gốc loài người và sự lựa chọn trong quan hệ giới tính*" tác phẩm này với học thuyết về sự tiến hoá của loài người có nguồn gốc từ vượn.. Người tiền sử Neandertalien cách đây 5 triệu năm. Rất nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người Neanderthal không hề có đóng góp gì về gen đối với loài người hiện nay và giống người này đã tuyệt chủng (vượn 20 triệu năm, Đười ươi 20 triệu năm, Tinh tinh 10 triệu năm ( tài liệu dẫn chứng tác giả Witus B. Droscher)

Đã gây ra nhiều cuộc bút chiến sôi nổi đối với những nhà thần học và tôn giáo. học thuyết của Darwin sẽ làm thoái hóa lòng tin. Con vượn muôn đời vẫn là con vượn, ngày nay sự tiếp xúc của con người với các loài vật do tạo hoá sinh ra, vẫn như thời nguyên thủy con rắn sinh ở sa mạc có màu của cát,

con rắn sinh ở trên cây có màu xanh đó là sự biến đổi sinh tồn hoà nhập vào đời sống. Con người do Thượng Đế tạo ra đã có trí khôn từ muôn thuở đã sinh tồn hàng triệu năm trên trái đất này.

Các nhà Khoa học chứng minh có thể loài Vượn có những yếu tố nào đó giống con người về nhóm máu một số Gen ? Cuộc so sánh bộ gene của người và Tinh tinh cho thấy một sự khác biệt gene liên quan đến thính giác đã cho phép con người phát triển giọng nói trong khi Tinh tinh không nói được. Bộ gene của con người và tinh tinh 99% giống nhau. Nhưng một số quá trình phát triển như thính giác và khứu giác của con người lại có tốc độ nhanh hơn. Những gene liên quan tới quá trình này có thể giải thích một phần vì sao Tinh tinh và con người lại có sự khác biệt đó. Nhà nghiên cứu Andrew Clark tại Đại học Cornell ở Ithaca, New York, cùng cộng sự đã lập nên bản đồ gồm hơn 7.000 gene của Tinh tinh trước khi so sánh với con người . Không thể vội vã kết luận Vượn là thủy tổ loài người.

## Những năm Thân trong lịch sử

Giáp Thân 1884 triều đình Huế ký hoà ước với Pháp công nhận sự bảo hộ của Pháp ông Patenôtre hội cả các quan, bắt đem huỷ bỏ Ấn của Tàu phong cho vua Việt Nam, nghĩa là từ đó nước Nam thuộc về nước Pháp bảo hộ, không còn thần phục nước Tàu. Pháp chia nước ta ra làm hai khu vực Trung Kỳ và Bắc Kỳ để dễ cai trị. dần dần hòa ước đó mất đi ý nghĩa Pháp chiếm hết quyền lực để đô hộ cho đến năm 1944. Triều đình Huế chỉ giữ cái hư vị mà thôi Cho đến ngày 08.03.1949 thỏa ước Elysée (điện Elysée, Paris) Quốc trưởng Bảo Đại sang Pháp ký với tổng thống Vincent Auriol Pháp thừa nhận Việt Nam, có nền ngoại giao, kinh tế, tài chánh, tư pháp giáo dục riêng.. Thỏa ước trên Pháp chính thức giải kết những hòa ước trước đây qua các triều đại đã ký

Giáp Ngọ 1954 Quân dân Việt nam trong chiến thắng Điện Biên Phủ .Chiến trường bắt đầu từ 20.11.1953 đến 13.3.1954. Tướng tư lệnh trận Điện Biên Phủ của thực dân Pháp là De Castries đầu hàng ngày 7.5.1954

Mậu Thân 1968 xảy ra cuộc tổng công kích của MTDTGPMNVN vào các thành phố của miền nam VNCH vào đêm Giao thừa 29.12.1968 (dương lịch ngày 30.1.1968).

## Dân tộc nào thường ăn thịt khỉ

Nhiều quốc gia ở Phi Châu và Nam Mỹ họ săn bắt các loại Khỉ để ăn thịt đe dọa làm khỉ mất giống ? Ở Á Đông cho rằng thịt khỉ bổ máu, cường dương.. Đông y còn dùng xương khỉ để nấu Cao Khi chữa trị được nhiều bệnh, Thời Từ Hi Thái Hậu (Kaiserinwitwe Cixi) Thái Hậu lựa chọn thức ăn đại bổ như "Trâm mã trà " và " Não hàu / mức óc khỉ ".

"Bọn Thái Giám mức nước sôi tạt vào đầu con khỉ. Con khỉ bị nóng lấy tay gãi tuốt hết lông đầu, và họ bỏ con khỉ vào thùng có khoét lỗ tròn vừa đầu con khỉ nhô lên, lấy dao bén vạt ngang óc khỉ lòi ra lấy thìa mức óc bỏ một thứ thuốc đắng cho Thái hậu "  
(tác phẩm Từ Hi Thái Hậu của Mộng Bình Sơn).



Món ăn dã man này ngày nay còn lại trong giới nhiều tiền ăn chơi tại Trung Hoa cũng như Việt Nam ! Ở Tây phương giới y khoa chỉ dùng khỉ trong các việc thí nghiệm. nuôi khỉ trong sở thú để mọi người chim ngưỡng, không có bán thịt Khỉ ? Các loài Khỉ đột, Tinh tinh và Đười ươi hoang dã đang trong nguy cơ bị tuyệt chủng vì vừa bị săn bắt, vừa chịu ảnh hưởng của việc tàn phá rừng. Loài tinh tinh đã biến mất tại ba nước Tây Phi và sẽ sớm biến mất tại ba nước khác.

## Tài liệu tham khảo

*Tiere Dieser Welt* Tác giả Martin Walters & Jinnny Johson

*Die Tiere Afrikas Einführung* von Jane Goodall

*Monky witus B. Droscher*

*Việt Nam Sử lược* Trần Trọng Kim

<http://www.kilimanjaro.com/gorilla/goripict.htm>

# Nhân vật Tôn Ngộ Không qua cái nhìn của Nhà Phật học

- Thích Chơn Thiện -

**T**ôn Ngộ Không là biểu tượng cho Chánh kiến và Chánh tư duy (Thánh tuệ uẩn) của mỗi hành giả, là trí tuệ vô ngã thấy rõ mọi hiện hữu là vô ngã, vô thường và dẫn đến tan rã, khô đau. Trí tuệ ấy khác với trí tuệ sinh diệt. Nó là vô sinh nên tác giả Ngộ Thừa Ân giới thiệu Mỹ hầu vương được sinh ra từ trứng đá, kết tinh của tứ khí trời đất. Trí tuệ ấy tự biết tìm đường đi ra khỏi sinh tử như Mỹ hầu vương biết tìm đường đến với đại đệ tử của Đức Phật (Tôn giả Tu Bồ Đề) để học đạo bất sinh bất diệt.

Tôn giả Tu Bồ Đề là vị đệ nhất ly dục, ly ái (còn có nghĩa là đệ nhất rời chấp thủ hết thấy các ngã tướng) trong hàng đệ tử của Đức Phật - theo kinh Kim Cang Bát Nhã. Đạo mà Mỹ hầu vương được truyền dạy là thấy rõ vô ngã tướng (hay không tướng) của vạn hữu và tự tâm rời xa mọi tham ái. Nắm được sở đắc ấy thì liền tự tại, ở ngoài mọi khổ đau. Sự kiện tự tại này đã được Ngộ Thừa Ân biểu hiện qua 72 phép thần thông biến hóa của pháp môn Địa sát.

Trí tuệ này là cao nhất để đi đến trí tuệ giải thoát sau cùng, không còn trí tuệ nào khác cao hơn, nên được gọi là Vô sư trí. Vì thế, Tôn giả Tu Bồ Đề cấm Tôn Ngộ Không tiết lộ danh tánh của Thầy dạy bảo cho Tôn Ngộ Không.

Đạt được trí tuệ xa lìa khổ đau ấy, Mỹ hầu vương nhận được pháp danh là Tôn Ngộ Không. Chữ Tôn, theo lời cắt nghĩa của Tôn giả Tu Bồ Đề, nếu xóa bộ khuyên bên cạnh thì thành chữ Tử (con) và chữ Hệ (trẻ con). Như thế trí tuệ của Tôn Ngộ Không đang ở thời kỳ của mầm nhân giải thoát sau cùng, mà chưa là trí tuệ giải thoát sau cùng, trí tuệ này cần được tu tập thêm Giới và Định.

Trí tuệ, tự thân nó là động, tháo động, vì thế Tôn Ngộ Không mang thân tướng giống khỉ. Cái động của trí tuệ cần được thuần hóa và nuôi dưỡng bằng định tâm và sự thực hành giới hạnh. Định tâm sẽ rửa sạch cái động của ý, giới đức sẽ rửa sạch cái động của thân, khẩu. Chưa đủ, có những thời điểm mạnh động của trí cần phải nhờ đến đại định để chế ngự như là Tôn Ngộ Không cần phải đội trên đầu chiếc vòng "Khẩn cô nhi" (còn gọi là vòng "kim cô", hay vòng "định tâm") và cần được chế ngự bởi "định tâm chú" (hay chú Khẩn cô nhi) của Bồ tát Quán Thế Âm.

Khi mà trí tuệ ấy chưa được Giới, Định chế ngự và nuôi dưỡng thì nó sẽ bị Năm uẩn (hay vũ trụ, cuộc đời) khống chế với vô lượng phiền não. Đây là hình ảnh Ngũ Hành Sơn chụp lên mình năm trăm năm mà không trở được. Đó là cái họa đại não Thiên cung của Tề Thiên Đại Thánh, do vì Đại Thánh thấy rõ cái hư, cái rỗng của trời và dưới thế, không chịu được mà đại não, đập phá, đập đổ.

Sau khi thấy rõ hậu quả của tâm tháo động, Tôn Ngộ Không sẵn sàng hướng về bi tâm, giải thoát tâm như đã sẵn sàng chờ Đường Tăng, để theo phò tá, ròng rã suốt 500 năm. Nếu bi tâm khởi, tâm giải thoát (đại định khởi) khởi thì Tôn Ngộ Không thoát ly

được sự trói chặt của Năm uẩn như sau khi phá đổ Ngũ Hành Sơn và lên đường Tây du.

Đường giải thoát chưa dừng lại ở đây. Ngộ Không (hay trí tuệ) cần tiếp tục vào đại định và lòng đại bi cần phải tu tập nhiều lần nữa. Nghĩa là Ngộ Không phải tỉnh tấn lên đường thực hành giải thoát. Bây giờ Ngộ Không có thêm một pháp hiệu nữa là Hành Giả.

Trí tuệ của Tôn Hành Giả (nặng phần tự độ) cần phải được tu tập cùng với bi tâm độ sinh (phần độ tha của Đường Tăng) thì mới thiện xảo, mới tiến gần giải thoát tối hậu . Cũng thế, bi tâm cần được trí tuệ vô ngã dẫn đường, nếu không thì dễ lạc đạo. Tác giả Ngộ Thừa Ân diễn đạt điểm giáo lý này qua sự xây dựng hai nhân vật Đường Tăng và Tôn Hành Giả. Khi nào mà Đường Tăng không nghe Tôn Hành Giả thì phái đoàn Tây du mắc nạn lớn. Khi nào mà vắng bóng Ngộ Không thì ma quái hiện ra hành hung, phái đoàn Tây du trở nên buồn bã ảm đạm như một phái đoàn đưa đám tang (như cảnh quỷ Hoàng Bào hãm hại Đường Tăng sau khi Ngộ Không bị đuổi về núi Hoa Quả).

Người tu giải thoát rời xa trí tuệ một bước thì bị họa liền một bước. Cần phải thường xuyên giữ chánh niệm hay "như lý tác ý" để tránh các nạn như nạn ở am Mộc Tiên (hồi thứ 64): Đường Tăng mắc vào cảnh mê thơ, rượu và tình. Bây giờ, Tôn Hành Giả xuất hiện kịp thời và ma cảnh liền tan biến, Đường Tăng ra khỏi sự đắm trước nội thọ và ngoại thọ .

(Trích *Bàn về Tây du ký* của Ngộ Thừa Ân)

# Xuất hành năm mới

Võ Hồng

Từ ngày vợ chàng mất đi, Giang đã gián tiếp giải quyết được một thắc mắc: việc xuất hành năm mới. Bảo mất tính nay đã được bốn mùa xuân rồi, và cứ sáng tinh sương ngày mùng một đầu năm, Giang lên xe ra nghĩa trang thăm mộ Bảo. Việc đó đã thành ra một bổn phận có thể gọi là thiêng liêng, chữ "thiên liêng" mà ít khi chàng dùng đến. Dù không phải là một người có óc dị đoan, - chứng cứ là bàn tay chàng chưa hề bị một ông thầy tướng nào cầm lấy để xem xét, đo và đoán - nhưng chàng vẫn ngại khi xuất hành trong cái buổi mai trang trọng bắt đầu cả một chuỗi ba trăm sáu mươi lăm ngày của một năm. Lòng tin của những người xung quanh đã ảnh hưởng đến chàng khá mạnh, thâm nhiễm vào chàng như một chứng bệnh ngoại cảm. Sự lo nghĩ vẩn vơ về những điềm, những triệu, những rủi may mà trước đây chàng dùng dung không lưu tâm, từ ngày Bảo mất đi, đã đến ám ảnh chàng thường xuyên hơn những cơn ác mộng. Bảo mất đi, cái tai họa lớn giáng xuống đời chàng, giáng xuống gia đình chàng khiến tâm hồn chàng xao xuyến mất tin tưởng. Và như một cơ thể yếu không đủ sức kháng cự với bệnh, tâm hồn bị lung lạc hoang mang đã dễ dàng lây phải chứng bệnh sợ sệt lo âu kia. Xuất hành đầu năm! Quả thật trước đây chàng không hề băn khoăn nghĩ đến điều đó. Giả thử mà có một lần nào nghĩ đến và tìm một hướng để xuất hành thì chắc chắn cũng không ngoài ý định tinh nghịch. Chẳng hạn xuất hành sang phương Đông để gặp núi, sang phương Tây để gặp sông, sang phương Nam để gặp giếng và sang phương Bắc thì mắc phải hàng rào. Nhưng nay tâm trí đã phải băn khoăn vì nỗi lo mới đó thì may thay hoàn cảnh lại tự đưa ra cách giải quyết: xuất hành đi thăm mộ là phải. Ở nơi đất khách quê người này, gia đình nhỏ của chàng chỉ có năm người, thế mà nay Bảo mất đi, vĩnh viễn ra năm một mình lẻ loi ở nơi đầu núi, bỏ bốn cha con chàng hiu quạnh trong một căn nhà nhỏ mà mặc dù đã bốn năm qua, vẫn chưa cởi bỏ màu tang tóc. Nhưng tuy hiu quạnh, bốn cha con vẫn hủ hỉ bên cạnh nhau. Chỉ tội nghiệp cho Bảo. Suốt năm chàng ít có dịp ra thăm mộ. Công việc làm ăn bận rộn, việc nhà rối rắm một mình, chàng không mấy lúc thấy mình thanh thoi thông thả. Đến ngày đầu năm mọi việc xếp lại, mọi người yên vui trong gia đình, vậy đi thăm viếng vợ vào lúc này là một việc rất hợp lý. Từ xế chiều ngày mùng một trở về sau, chắc chắn là chàng sẽ bị quay cuồng vào nhịp sống của năm mới. Sự quay cuồng bắt đầu bằng những sự viếng thăm xã giao để được nói theo bằng những ngày đi làm liên tiếp, những nỗi lo lắng không ngừng.

- Ba phải chở thằng Hào đó, tiếng con Hằng, con lớn của chàng bảo.

- Ừ, để ba chở.

Thủy, con bé nhất phụng phịu:

- Không, ba chở con. Để chị Hằng chở anh Hào.

- Ai chở cũng được, miễn đi tới nơi thì thôi. Ba phải chở anh vì anh nặng hơn con. Chị Hằng chở, đạp không nổi.

- Nhưng anh Hào gầy...

Nói xong Thủy phá ra cười. Hào liếc nhanh Thủy mà đôi mày nhíu lại, vẻ nghiêm trang. Ý nó không vui vì bị phê bình là gầy, một sự thực mà nó không phản đối nhưng nó không muốn ai nhắc tới. Giang trái khăn ra bàn và đặt bình hoa ở giữa. Những hộp đựng mứt, kẹo bánh... xếp làm bốn hàng.

Nửa bàn còn lại bị chiếm bởi những ly tách đủ loại. Chàng vừa xếp đặt vừa đợi ba đứa con sửa soạn ăn mặc. Xếp đặt đâu đó cho đầy đủ là cốt để khi thăm mộ về có khách tới ngay thì chàng cũng đã có đủ quà ở tiện tay để tiếp khách. Đây là gói thuốc lá đặt vào đĩa trên có hộp diêm. Còn cái gạt tàn thuốc. Chàng gọi con Bốn, con nhỏ ở, chạy đi rửa cái gạt tàn thuốc đầy ứ những tro và mẩu thuốc lưu lại từ năm cũ. Ở xa lông cũng phải một lọ hoa nhỏ và thêm một đĩa hạt dưa. Mấy chai rượu đặt ở đầu tủ buffet như thế kia trông cũng được. Nhưng còn... Chàng vừa chợt nhớ vừa chạy vào phòng riêng mở toang mấy hộc bàn tìm cái mở nút chai. Trong khi đó, mấy đứa con lần lượt chạm phải vấn đề:

- Ba ơi, trời nực thế này mà con Thủy khoác cả áo len vào. Con cởi ra nó không chịu.

Chàng vừa lục lọi ngăn kéo vừa nói lại:

- Kệ nó.

Tiếng Hằng cãi:

- Nhưng một lát nữa, nắng lên phải cởi áo len ra rồi bỏ đâu?

- Ừ, thôi cũng được.

Cái lối giải quyết ba phải này, lâu nay đã là lối giải quyết quen thuộc của chàng. Thật ra, khó có ai bình tâm để vừa nghĩ, vừa giải quyết đến ba, bốn việc một lượt, giải quyết minh bạch, gọn ghẽ. Mà nào có ra việc cho cam. Biết thế nào Thủy cũng bất bình vì dự trù của Thủy bị bác đi, trông mong ba bảo chữa cho thế mà cuối cùng ba lại "y án" với chị, chàng bước xuống phòng các con để tìm cách vỗ về Thủy. Nhưng tiếng giày chàng vừa đến cửa thì Hào đã nhảy ra:

- Ba chải giùm tóc cho con đi.

Chàng chỉ xuống chân:

- Sao lại mang xăng đan thế kia? Mang giày vào.

Hào cau mặt:

- Nhưng đâu mất một chiếc tất.

- Hỏi con Bốn xem. Bốn ơi, tất của em để đâu?

Con Bốn đang thất nơ cho Thủy, nghe hỏi đến bít tất bít tất, vội bỏ Thủy chạy lại mở va li. Trong khi đó, Hằng ra bấm bánh xe đạp rồi la lên:

- Bốn ơi, đêm qua mày lấy xe của tao đi chơi bị gai hay sao mà xẹp cả bánh trước thế này?

Thấy có chàng ở đó, Bốn sợ bị rầy nên vừa nhìn Hằng nháy mắt ra hiệu vừa lí nhí nói:

- Đâu có. Đêm qua tôi đâu có đi chơi. Xuống tiệm chị Minh Châu mua cái dây dừa cột gàu mà.

"Lúc nào cũng Minh Châu" chàng cười thầm. Con bé này có một đặc tính là mê những cô bán hàng đẹp. Dù họ có bán đắt hơn những bà già xấu xí, nó vẫn nhào vào mua. Chẳng những đến mua mà thôi mà lúc ở nhà, trong mọi câu chuyện nó đều không quên nhắc đến những cô ấy. Chẳng hạn có đứa nào than rằng "năm nay trời mưa to" thì nó bảo "Cô Mỹ Lộc mới mua cái áo mưa ni lông màu hoa cà". Hỏi: "Sao mua thịt bò dai vậy?" thì nó nói: "Chị Thu Tâm bán hàng xén cũng la với con rằng sao độ

rày người ta chỉ bán toàn những thịt bò dai". Và mỗi lần nói đến tên những cô đẹp mà nó ngưỡng mộ, giọng nói của nó không còn tự nhiên nữa. Không còn là cái giọng quê mùa của chính nó mà có pha một chút gì nũng nịu của giọng Huế, một chút gì ngọt ngào của giọng Sài gòn, đài các của Hà nội. Chàng nói:

- Đồ đạc của em mỗi đứa mỗi ngăn sao còn để lộn xộn để mất công đi tìm?

Và chàng nói tiếp luôn vì lời lẽ dạn vừa rồi không có gì lạ đáng để nó phải suy gẫm và phát biểu ý kiến trở lại. Đó là một câu chàng đã nhiều lần lặp lại, cũ và vô hại như một lời cảm ơn.

- Dắt giùm cái xe ra cho tao. Tám giờ rồi.

Chàng cung tay nhìn đồng hồ và ngạc nhiên thấy rằng mình nói đúng. Tuy vậy, phải đến tám giờ mười phút mọi người mới sẵn sàng để lên xe. Chàng soát lại các cửa tủ, bỏ ví cẩn thận vào túi quần, khóa cửa phòng riêng, khóa cửa phòng khách. Nấn lại các túi để biết chắc chắn là không bỏ quên, không bỏ sót, chàng lên xe. Hãng chở Thủy đứng đợi ở cách xa chàng gần ba mươi thước. Hào ngồi sau lưng chàng. Khi hai xe khởi hành thì kim dài của chiếc đồng hồ tay đâm ngang giữa con số bốn.

Các phố hầu hết đóng cửa, thường chỉ mở hé một cánh cửa để ra vào. Nếu có nhà nào mở rộng cánh thì y như mắt chàng chạm phải một cành mai hoa vàng đứng trong một cái lọ độc bình sứ. Những cành mai rẻ tiền chỉ lác đác ít hoa và nhiều lá ở chót cành, trông khổ như cái đầu uốn tóc lâu ngày, chân tóc dài ra suôn đuột, đẩy lui phần uốn éo ra mãi tận chót cùng.

Thường, những cành mai như thế này phải nhờ những cành thiếp chúc Tết che lấp sự trống trải. Tiếp theo là những hộp mứt, hộp kẹo nằm đầy bàn, những cốc pha lê, tách sứ men bóng lộn. Chủ nhân thì chững chạc, nghiêm trang. Những cái vế hấp tấp hàng ngày bị đẩy lui vào bóng tối của đêm ba mươi. Ánh sáng của ngày mồng một như có năng lực mâu nhiệm làm huân đãi mọi cử chỉ vội vã, làm chững chạc mọi vẻ người lau nhàu.

Xe chàng đi rất chậm, một phần vì phải đợi con, một phần vì những xe khác cứ từ những con đường ngang đâm bổ ra. Chàng đi kèm sát bên con vừa nhắc chừng, vừa ra lệnh:

- Con đi sát vào bờ lề một chút.

- Hề có ô tô thì con đạp chậm lại để ba thêm "ga" chạy vọt lên.

- Coi chừng, con Thủy ngồi thẳng. Đừng ngó nghiêng mà trẹo xe, mất thăng bằng.

Sự cời mở của chàng mở đường cho con bị bô theo. Thủy nói:

- Ngồi ở đằng sau mỗi lần nên con phải trở mình đó chứ.

- Thế mày tưởng phải đạp như tao là sướng chắc?

Hào đề nghị:

- Thôi Thủy qua đây ngồi với ba, tao qua ngồi với chị Hằng cho.

Câu nói vô tình mà phù hợp với ý nghĩ của Thủy. Nhưng Thủy vẫn giữ một giọng hờn dỗi:

- Anh Hào ngồi bên ba sướng hơn con.

Vừa lúc ấy có tiếng còi ô tô thét lên quá gần khiến xe máy cha con loạng choạng. Hai tay lái lại bám sát vào lề đường. Những cô bé cậu bé cứ mê mải nhìn xuống đôi giày đôi guốc mới của mình mà đi lọt ra giữa đường hồi nào không biết. Nhiều cô cậu khác cứ dán mắt vào quần áo mới của người qua đường mà rớt cuộc đi lộn hàng ngũ phải gọi nhau, chạy tìm nhau, va cả vào xe. Các anh thanh niên, chị thiếu nữ đi từng đoàn, lây cái sức mạnh của sự đoàn kết và say sưa vì ý xuân, men xuân nên đi nghênh ngang một cách có ý thức, bất chấp mọi người.

Xe chàng đến cầu xóm Bông gặp đèn đỏ phải dừng lại. Thật rắc rối. Sống mãi ở Nha Trang, quen với sự đi lại tự do, nay gặp phải một ánh đèn đỏ khiến cơn giận vụt đến, mau như sự nhức nhối gây ra do một miếng đồ ăn cứng chạm phải cái răng sâu. Trước kia, hồi còn ở Sài Gòn, đèn xanh đèn đỏ đã thành một điển lệ khiến mỗi lần đi đến ngã tư là chàng cũng như mọi người phải chuẩn bị để nhẫn nại. Thời gian ở Nha Trang quả đã làm chàng hư nát đi. Mọi năm cứ sáng tinh sương chàng đi thăm mộ thật sớm rồi về thật sớm nên sự đi lại qua cầu tự do. Năm nay vì muốn cho con đi cùng mà thành phải đi trưa, phải bị ánh đèn xanh đỏ hạn chế tự do. Chàng dừng xe, cúi nhìn xuống đường nhựa để giận.

Những chiếc xe du lịch, xe đạp, xe ngựa, xe lôi, xe gắn máy nối đuôi nhau chạy ngược lại chàng. Chàng trả thù, không nhìn vào những chiếc xe du lịch. Chắc chắn ở trong đó có những bộ mặt hãnh diện nhìn ra -nhất là những bộ mặt đàn bà- làm bộ ngây thơ, nghiêm trang hay nhí nhảnh, nhưng tất cả đều cốt để người khác nhìn vào mà thêm muốn, mà thần phục, mà say mê. Muốn chọc giận họ hơn, mỗi lần nghe tiếng còi, chàng nhìn thẳng lên mũi xe rồi lơ đãng nhìn ra bể. Để họ sung sướng hụt. Những ý nghĩ vớ vẩn làm rơi cơn giận, khiến chàng hơi hơi vui nữa. Chàng quay sang nói chuyện với con:

- Cầu này gọi là cầu xóm Bông đây. Bông là tên của cái xóm chài lưới kia. Doi đất có nhiều nhà mà các con thấy đó là xóm Cồn. Còn phía này là cái đầm. Chợ Nha Trang còn gọi chợ Đầm là vì vậy.

Thế còn dãy nhà nào cao ở chót núi kia ba? Thủy hỏi.

- Đó là dãy nhà của mấy ông cha dòng Phan-xi-cô.

Hào vội vàng hỏi tranh:

- Người ta leo núi đi đâu mà nhiều thế kia hử ba?

- Người ta đi Tháp Bà đấy. Lên Tháp Bà để lễ.

- Lễ là cái gì?

- Là thắp hương rồi vái ông thần để xin cho được sức khỏe, mua may bán đắt.

Lời giải thích tuy có vẻ giản dị nhưng chắc Hào và Thủy không hiểu nổi. Nhất là nghĩa của chữ "vái". Hình như ở nhà chưa có lần nào chàng nói tiếng "vái" ấy mà cũng chưa hề có lần nào chàng làm cái việc vái. Nhưng sợ dĩ chúng không hỏi thêm vì có nhiều người đứng ở bên cạnh. Và cũng chính vì lẽ đó chàng cũng thôi không giải thích nữa. Vừa lúc ấy đèn đổi màu, dãy xe cộ chuyển mình chảy như một dòng sông, bò tới đều đặn như một con cuốn chiếu. Bên kia đầu cầu, một dãy xe cộ và người nối đuôi chờ. Dãy này ngắn hơn: người ta đang bận đi, chưa về. Đường lên Tháp Bà ở liền chân cầu. Bên những cái sạp mới dựng bán hương, đèn, những ảnh thợ ảnh chạy lăng xăng, những chú nhỏ lãnh giữ xe đạp mời khách ồn ào. Đi quá Tháp Bà, con đường quốc lộ trải nhựa láng và hẹp lại. Những căn nhà lợp lá, vách đất và nền đất vàng nằm dưới những tàng mít lá xanh mướt. Người đi cũng khá tập nập. Thanh niên chỉ có sơ mi trắng. Nếu đeo ca vát thì hoặc quá ngắn hoặc quá dài, hoặc úp cong như một cái lá. Thiếu nữ thì áo thường một màu chứ không hoa hè như ở phía bên đầu cầu. Bàn chân đen và to

nong vào những đôi guốc quá nhỏ. Những cái áo dài đen đập cũn cợn trên đầu gối của mấy ông già. Hình như ở phía bên này có nhiều ông già hơn.

Lúc xe đi gần tới nghĩa địa, tự dưng tâm hồn chàng u tối lại như một áng mây dài che kín bóng mặt trời đang le lói khiến bóng râm sa sầm xuống. Con đường này mới năm nào lần đầu tiên chàng bước đến là lúc đưa vợ chàng ra nằm vĩnh viễn nơi đây. Chàng mừng rỡ như còn thấy cái xe tang đứng dừng nơi này, thấy đoàn người đi đưa kéo dài như không muốn dứt. Ba đứa con, ba đứa con của chàng...

Tiếng Hằng hỏi:

- Dừng xe ở ngoài cổng hờ ba?

- Ừ.

Chàng nghe tiếng mình như có hơi lạc đi.

Nghĩa trang nằm thoải thoải theo triền chân núi. Những ngôi mộ nằm xếp thành hàng ngay ngắn. Kiểu mộ gần giống nhau: một bờ thành đá trắng xi măng vuông vức, trước tô thành tám bia. Lòng mộ đắp đất. Thỉnh thoảng mới có một ngôi mộ kiến trúc phức tạp hơn, có làm mái che, có đắp hình lân hình phụng, có bàn thờ, có câu đối. Giả dặt nằm thanh thoi giữa một cảnh trí riêng biệt thì những ngôi mộ xa hoa này sẽ có đầy đủ giá trị mỹ thuật. Đặt vào đây không hợp vì mỗi phần đất dành cho người quá cố không hơn hai thước bề ngang và nhất là bên cạnh đó có những ngôi mộ chỉ đắp sơ sài bằng sỏi. Rải rác có nhiều người xi xụp trước những ngôi mộ. Từng vòng khói hương bay cuộn trong nắng.

Hào tiến lên nhanh nhất đi về phía mộ má để tỏ ra là mình thạo. Bé Thủy lật đật chạy theo. Sự hăng hái của con khiến chàng đau xót. Con chàng nhỏ quá chưa biết ý nghĩa của sự chết, chưa cảm thấm thía cái buồn của việc đi thăm mộ, cúi xuống đọc tám bia rồi vẩy tay gọi chàng:

- Ba ơi! Đây mộ của má đây rồi.

Hằng đi bên chàng, nhẹ nhàng. Lúc đứng trước mộ, chàng im lặng nhìn những phiến đá lạnh. Lúc sống vợ chồng nào gặp nhau sau chừng một năm cách biệt cũng bắt đầu bằng cái nhìn im lặng như thế mà biết bao nhiêu đam ám hẹn sau. Với chàng hôm nay thì lạnh lùng là thái độ vĩnh viễn. Chàng đặt tay lên phiến đá, tưởng tượng như đưa tay cầm bàn tay ấm áp của vợ xưa. Hằng rút trong một cái túi nhỏ cầm tay lấy ra một bó hương và bao diêm đưa cho chàng. Chàng lặng lẽ cầm lấy châm đốt. Ánh lửa bùng lên, khói hương tỏa ra, bị gió thổi bạt đi, không kịp trắng.

Chàng cúi đầu vừa thổi tắt ngọn lửa, vừa nghĩ thầm: "Em ơi, hôm nay anh đưa con đến mộ thăm em. Ba đưa con em giao lại cho anh đã lớn từng ấy đó". Nghĩ đến đây, chàng dừng lại lén đưa mắt nhìn sang ba con để chắc chắn độ lớn của mỗi đứa, như để ghi chặt vào tâm tư rằng ba đứa con đã lớn như thế. Và chàng nghĩ tiếp "Một năm qua, anh không năng ghé lại đây thăm em, nhưng chắc em đã tha thứ vì em hiểu tính anh hơn ai hết ở trên đời này. Lòng anh và cử chỉ của anh thường mâu thuẫn nhau nhất là khi những cử chỉ ấy có tính chất hình thức, xã giao. Anh chưa quên em".

Đó là một sự thật. Cả ngay trong sự suy nghĩ, chàng cũng cân nhắc cẩn thận chữ dùng. Chàng không muốn nghĩ rằng "anh không thể quên được em". Chữ "không thể" hời hợt nếu không nở nói là giả dối. Khi cúi xuống cắm hương vào bát hương, chàng thấy có nhiều chân hương mới cắm màu đỏ tươi và có cả tàn hương vung vãi. Chắc những người quen đi thăm mộ sớm ghé lại thắp hương dùm. Trong cái thành phố nhỏ này, người ta không lạ nhau mấy. Chàng nhìn vào nét khắc của bia. Màu vàng của nét chữ đôi chỗ bị phai. Thằng Hào lấy ra cây nến cắm hai bên lư hương. Chàng châm nến.

Ánh lửa hắt hiu ánh lên mặt bốn cha con quây quần trước bìa mộ. Mới chín giờ hơn nhưng ánh nắng gắt. Ngọn lửa trong ánh nắng có một vẻ gì vừa thâm đậm vừa tàn nhẫn. Chợt Thủy hỏi:

- Bây giờ má ở đâu ba,

- Má ở trên trời.

Đó là cách trả lời tiện lợi nhất trong các cách trả lời mà phải một năm góa bụa chàng mới tìm ra.

- Má có ăn Tết không ba?

Hào "xi" ngay:

- Mà cứ nói vậy. Đã ở trên trời mà còn ăn Tết cái gì?

Rồi như để khinh bỉ sự đại dốt, sự ngớ ngẩn của em, Hào biu môi nhắc lại vừa dần mạnh giọng:

- Ba đã nói má ở trên trời mà còn hỏi có ăn Tết không!

Chàng cầm lấy tay Hào nói:

- Thủy nó bảo vậy là ý nó thương má nó. Chúng ta ăn Tết, nào bánh mứt, nào rượu trà, thế mà thiếu má chung hưởng. Thủy nghĩ đến má không biết má có được ăn Tết ở đâu không.

- Nhưng mà đã ở trên trời rồi thì đâu còn ăn Tết nữa?

- Con lớn con biết thế chứ em còn nhỏ, em đâu biết được Nhưng mà thôi, các con cúi đầu lạy má đi rồi thưa với má...

Nói tới tiếng "cúi đầu lạy má", khóe mắt chàng đã thấy nóng, nước mắt như sắp chảy ra, do đó tiếng nói nghẹn ngào. Chàng dừng lại không nói tiếp thì Hằng đã hỏi:

- Ý ba muốn con thưa cái gì?

- Thưa cái gì mà con muốn nói cho má nghe đó. Chẳng hạn thưa rằng năm nay con đã học đến lớp mấy rồi, con học khá hay dở. Con cũng có thể nói cho má con nghe trong nhà có chuyện gì xảy ra, ví dụ cây dừa ở bờ giếng đã nứt bẹ trổ bông, con chó Tô bây giờ đăm ra sữa láo và hay cắn lộn với chó hàng xóm nhưng lúc nào cũng thua.. vân vân. Chắc chắn những điều đó má con muốn biết vì chúng đều dính dáng đến những người những vật mà má con yêu mến.

- Nhưng má ở trên Trời chắc má đã thấy hết biết hết.

- Có thể như thế. Nhưng nói thủ thi với má là một cách biểu lộ lòng thương yêu. Lú má còn sống con thường thủ thi nói chuyện với má. Dễ thường những điều con nói đều lạ đối với má con sao?

Hằng còn đang ngần ngại chưa biết trả lời sao thì Thủy hỏi:

- Con thưa với má rằng tháng này con đứng thứ nhì. Chắc má khen con lắm.

- Phải đó.

Hào nói;

- Để con mét với má rằng chị Bốn ở nhà coi nhà rủ con Ngâu vào chơi để nó lấy mất cây bút máy của chị Hằng.

- Ừ.

Chàng vừa trả lời vừa đứng dậy.

- Các con có thể nói làm thầm, hoặc nghĩ thôi mà không cần nói to.

Chàng đứng thẳng người, đưa mắt nhìn một lượt chu vi của nghĩa trang. Những người viếng mộ khá đông, khác với những năm trước chàng đến quá sớm nên thường không gặp một ai ở đây cả. Một người đàn bà chừng bốn chục tuổi đi giữa một bày sáu, bảy đứa con từ công nghĩa trang bước vào. Chàng biết chắc cái đoàn người ríu rít này sẽ rẽ sang tay trái vì khu tay trái dành cho mộ đàn ông. Nhưng họ đi thẳng lên dốc, dừng lại bàn thờ đặt ở giữa đường chính. Người đàn bà đốt một bó hương lớn, khăn vãi một cách thành kính rồi cắm vào cái bát hương to. Bàn thờ này không thấy ghi tên ai nhưng chàng đoán chắc là để dành thờ vị thần Hậu thổ nào cai quản cuộc đất này. Gia đình nào muốn vào thăm mộ của thân nhân mình hình như trước hết phải qua khăn vãi và gián tiếp xin phép ở đó. Chàng tự trách mình mấy năm nay đã vô tình mà hóa ra thất kính. Ai lại cứ xăm xăm đi về phía mộ vợ mình, bất chấp cả hệ thống, cả qui chế. Chàng nghĩ thầm: Người đàn bà bao giờ cũng chu đáo. Chắc thế nào cũng có nhiều anh đàn ông thật thà và hấp tấp như mình quên lễ bàn thờ Hậu thổ.

Một người đàn ông ăn mặc tầm thường cúi lom khom cắm một bó hương trước một ngôi mộ đắp đất sỏi. Người ấy đứng thẳng dậy vãi vội vã mấy cái rồi sang một cái mộ khác cách đó mười thước, móc túi lấy một bó hương, xòe diêm châm, cắm xuống đất rồi lại lật đặt vãi. Công việc xảy ra không quá năm phút, vội vã hấp tấp như một đoạn phim cũ bị cắt, nối, hình ảnh nhảy nhót. Theo cái đà gấp gấp đó và với cái túi còn đầy những bó hương đem theo, chàng biết con người này còn phải lo trả gấp một mớ nợ thăm viếng đầu năm ở cái nghĩa trang này. Một bà cụ đứng xuýt xoa mãi ở một ngôi mộ. Nhìn xa thấy bó hương cháy đã gần tàn mà cụ vẫn đi đi lại lại chăm rãi quanh đó. Chừng năm, bảy cây hoa vạn thọ được trồng ở trước bia và trên lòng mộ. Sự chăm sóc tỉ mỉ và lòng quần quít của những cặp vợ chồng già làm chàng cảm động. Nó không có giá trị hơn những tấm lòng thay đổi của những người trẻ, vì già rồi thì còn thay đổi với ai? Nhưng mà cảm động.

Một đôi vợ chồng dễ thương mới cưới đi lượn từ mộ này sang mộ khác. Họ đọc những tên người quá vắng, có lẽ để tìm một tên bà con. Nhưng trên tay người đàn bà chỉ có cái xác nhỏ màu đỏ để cầm đi phở và người đàn ông thì một tay thọc vào túi quần, một tay đưa ngang lưng vợ như vì theo một thói quen. Dù lấy cái không khí trang nghiêm tang tóc nơi đây mà họ đi xa xa nhau một chút nhưng không dấu được sự âu yếm nhau.

Giang đi về phía mộ của một người bạn. Những chân hương cũ đã phai màu đứng nghiêng ngả. Cách đây độ bảy tháng, khi đi đưa linh cữu anh bạn đến chôn nơi đây, chàng thương hại thấy người vợ bạn lẫn lộn khóc. Phải nhiều người ôm giữ chị lại. Nước mắt vốn dễ lây, chẳng những các người đàn bà đi đưa đám đều ràn rụa nước mắt mà cả chàng đứng cạnh đó cũng bùi ngùi muốn khóc. Chừng năm tháng sau, ngẫu nhiên chàng nghe tin người vợ bạn về quê và lấy chồng. Nhiều người bảo rằng người chồng đó là người tình của chị, chị có khi người chồng trước còn sống. Chàng lặng yên nhìn tấm bia mộ hồi tưởng lại về mặt có duyên, đáng đáp thanh nhã của người bạn xưa và tâm hồn nghệ sĩ của bạn. Chàng chưa kịp kết luận thì hai đứa con đã chạy lại đứng cạnh. Thủy nói:

- Ba ơi, con nói với má rồi. Nhưng má ở trên trời thì làm sao má nghe được?

- Dù má ở đâu đi nữa mà khi mình thấp hương vái thì linh hồn má về ngay với mình.

Hào ngừng mắt lên nghe, miệng há ra và lông mày nhú lại. Nỗi thắc mắc đọc được trên cái vẻ thần thờ suy nghĩ. Chàng nói:

- Hồi ba còn nhỏ, đi học lớp Năm ở một trường làng. Có một anh học sinh lớn đi tắm sông bị chết đuối. Gia đình đem chôn anh ta ở cái trũng, -người ta gọi nghĩa trang của người Tàu là cái trũng- ở gần trường học. Nhiều anh em khi đi học hay ghé lại thăm mộ anh. Một bữa kia anh em tới thăm mộ như thường lệ thì thấy có một bức thư dán trên thành đá ngang hông ngôi mộ. Đó là một bức thư gói thăm anh Ca (Ca là tên anh bạn bị chết đuối) viết trên một trang giấy học trò, nét gạch xiên xẹo. Bức thư bắt đầu bằng: Thiện đức le (đọc là lơ) 12 tháng 5 năm 1929 và lời lẽ văn hoa theo kiểu thời bấy giờ:

"Nghiên châu bút ngọc, tạm bức thư lan, trước kính thăm quý hữu bình an"... vân vân. Cuối cùng ký tên là Nguyễn Thới. Có cả chữ "nay thơ" nữa.

- Nguyễn Thới là ai vậy ba?

- Là anh học trò lớp tư tác giả bức thư đó.

- Thế anh ta viết để làm chi vậy?

- Anh ta tin rằng dán bức thư vào tường mộ thì tới anh Ca sẽ hiện hồn về đọc thư. Nhiều anh em tin theo như vậy. Và người ta còn hẹn nhau sẽ đến xem thư của anh Ca viết trả lời, cũng sẽ dán lên tường mộ, cạnh thư của anh Thới.

- Anh Ca viết hờ ba?

- Ừ. Anh em tin rằng anh Ca sẽ viết trả lời và tự dán cho anh em xem.

- Thế ba có xem không?

- Không có, vì anh Ca không viết trả lời mà cũng không dán.

Hằng nói:

- Cái ý kiến đó cũng hay, hờ ba? Một người nhà quê mới học lớp Tư mà có sáng kiến...

Chàng mỉm cười:

- Mới học lớp Tư mà xác to bằng ông xã rồi. Nhưng thôi, đã trưa lắm. Lại lạy má rồi đi về.

Khi trở lại mộ thì hương đã gần tàn. Có gió phe phẩy thổi, ngọn lửa ở đầu hương cháy ngùn thật mau. Ba đưa con lần lượt theo thứ tự lớn nhỏ lại đứng chấp tay trước mộ. Chàng thần thờ nhìn ngôi mộ vợ rồi lặng lẽ quay đi, bước chậm chậm theo con. Trên đường về, không còn ai muốn nói chuyện nhiều vì trời nắng đã gắt. Tiếng bánh xe lăn bon bon trên đường. Cầu xóm Bống không bị tắt nghẽn lâu nữa. Những bộ com lê giày da đen còn sót lại trên đường đang vội vã tránh nắng. Các cái cổ thắt ca vát phải ngo ngoay liên tiếp.

Vượt quá cầu Bống, về đến công trường Cộng hòa, lòng chàng thấy vui vui, coi như đã về đến nhà rồi vậy. Những vẻ mặt quen thuộc tươi cười chào chàng. Áo mới, dép mới, cái đầu tóc chải công phu khiến những khuôn mặt đàn bà trông như mới lại, gần như lạ đi, chẳng khác những ngôi nhà vừa sơn

quét. Những người đàn ông chừng chạc và nhu mì hơn trong những bộ áo quần thường màu tối. Có lẽ những người chàng gặp đi vào giờ này đều ở trên đường về nhà họ.

Khi xe dừng trước cổng nhà, con Tô nhảy xò ra sủa vang lên, bị lóa mắt vì bề ngoài chừng chạc của bốn người quen. Lúc cởi áo ngoài và cởi giày, cùng với cái thú được thoải mái tay chân, tâm hồn chàng thấy nhẹ nhàng vui vẻ vì cái bồn phận đối với vợ đã trả xong, trả trọn vẹn hơn mọi năm bởi chàng đã chịu con, nhẫn nại đưa con đi thăm mẹ chúng. Ba đứa con sau khi bỏ mũ, đã lật đật chạy ra nhập bọn chơi với lũ bạn bè. Vừa lúc ấy con Tô lại cất tiếng sủa, đem theo một ông khách đến thăm đầu năm. Ông khách khác tiếp theo ông khách này. Và cứ liên miên như thế, chàng lo tiếp khách, con lo chơi với bạn bè, cái Tết sum vầy của mọi nhà chịu bất lực không sum họp cái gia đình bé nhỏ của chàng. Những bồn phận riêng tư, những nỗi vui chơi cũng riêng tư, chỉ có vào giờ ăn là cha con quây quần cùng nhau.

Nhưng ngày mừng một Tết bạn bè có quyền ngồi nói chuyện la cà bất chấp thời giờ thành ra các con phải tự ý ăn cơm trước. Vừa tiếp khách vừa bị khách rủ đi thăm nơi này nơi khác, rất cuộc, bộ quần áo mặc hơi sớm tinh sương phải đến mười giờ tối mới hoàn toàn cởi ra được. Tìm hỏi con thì Hằng đang nhập bọn với con Bốn, con Nga, con Anh quây quần ở bàn đánh cá ngựa.

- Còn thằng Hào? Chàng cất tiếng hỏi.

- Thưa thầy thằng Hào coi đánh "tôm cua" ở ngoài trụ sở Phong trào.. Tiếng con Bốn trả lời.

- Còn Thủy?

Bốn cái mặt ngơ ngác nhìn nhau. Hằng nói nhỏ:

- Chết cha! Từ hồi tám giờ đến giờ sao không thấy con Thủy lẫn quần ở nhà?

- Hay nó sang bên con Sa?

- Không có đâu - chàng gạt liền. Hôm qua tao đã dặn kỹ, ngày mùng một không được đi sang nhà ai hết, cả nhà của con Sa nữa. Sợ người ta kiêng.

- Thế thì nó ở đâu? - Con Bốn vừa tự hỏi vừa chạy xuống nhà bếp.

Hằng ra đứng ở cửa kêu:

- Thủy ơi.

Không có tiếng trả lời.

Giang mở cửa phòng mình nhìn vào rồi quay ra bảo:

- Thôi đừng tìm em nữa. Em nó ngủ ở trong phòng ba đây.

Chàng bước lại bàn viết. Thủy ngồi ở ghế mà lưng cúi sấp xuống, nghiêng mặt gác lên mặt bàn, mắt nhắm. Tiếng thở đều đặn. Tay trái đề lên một mảnh giấy còn tay phải cầm lỏng lẻo một cây bút. Chàng cúi xuống trang giấy. Những hàng chữ viết ngả nghiêng, chữ to cạnh chữ nhỏ, khoảng cách không đều và bôi xóa, nét mực nhoè nhoẹt. Tuy vậy, chàng cũng có thể đọc được:

*Má ơi,*

*Con đi thăm mộ má mà không có má, má ở trên trời. Con học lớp Năm không có má chải tóc cho con,*

*má con Nguyệt thắt bím cho nó đẹp lắm. Con đi học trời mưa trợt ướt áo đầm anh Hào lấy tờ giấy thấm của con. Má nhớ trả lời cho con rồi dán lên trên mộ.*

*Võ thị Tri Thủy*

## Hành Trình Về Thời Đại HÙNG VƯƠNG DỰNG NƯỚC

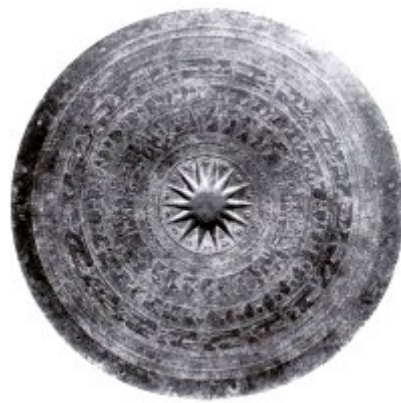
Lê Văn Hảo

(bấm vào ảnh để phóng lớn)

**I - Trống đồng Đông Sơn ;**  
hiện vật tiêu biểu nhất của văn hó Việt cổ, nền văn minh sông Hồng



**Trống Ngọc Lũ**



**Mặt trống**



**Mặt trống Ngọc Lũ**  
( Bản vẽ của Ngô Quỳnh Nga)  
Một toàn cảnh sinh hoạt  
của người Việt cổ



**Trống Ngọc Lũ**  
( chi tiết )



**Trống Ngọc Lũ**  
( chi tiết )

## II - Trống đồng Đông Sơn



**Mặt trống Hoàng Hạ**  
**Một toàn cảnh sinh hoạt**  
**của người Việt cổ**



**Trống Hoàng Hạ**  
**( chi tiết )**



**Trống Hoàng Hạ**  
**( chi tiết )**

### **III - Trống đồng Đông Sơn**



**Mặt trống Cổ Loa**  
**Một toàn cảnh sinh hoạt**  
**của người Việt cổ**



**Trống Cổ Loa**  
**( chi tiết )**



**Trống Cổ Loa**  
**( chi tiết )**

### **IV - Trống đồng Đông Sơn**



**Mặt trống Sông Đà**  
**Một toàn cảnh sinh hoạt**  
**của người Việt cổ**



**Trống Sông Đà**  
**( chi tiết )**



**Trống Sông Đà**  
**( chi tiết )**

# Cái váy và cái quần của các bà

Nguyễn Dư

**T**hử còn mài đũng quần trên ghế nhà trường, được học bài *Hai bà Trưng*:

*Bà Trưng quê ở Châu Phong*

*Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên*

...

*Hồng quần nhẹ bước chinh yên*

*Duổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành ...*

Nghe thầy giảng lúc ra trận hai bà mặc *hồng quần*, nghĩa là quần đỏ.

Cả lớp khoái chí, cười khúc khích.

Sau này đọc sách thấy nhiều học giả đồng ý với thầy.

*Hồng quần: quần chính nghĩa là cái váy, cái xiêm, phụ nữ xưa mặc quần đỏ.* (Đinh Xuân Lâm và Chu Thiên, *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Văn Học, 1966, tr. 87 ).

*Hồng quần: đàn bà (xưa mặc quần đỏ).* (Hoàng Xuân Hãn, tập 2, Giáo Dục, 1998, tr. 77).

*Hồng quần: quần đỏ (tức con gái).* (Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*).

Hình ảnh hai bà Trưng mặc quần đỏ đẹp giặc đẹp quá!

Đẹp quá hoá ra ... đáng ngờ!

Theo truyền thuyết thì thời Hùng Vương, đàn ông Việt Nam đóng khố, đàn bà mặc váy kín (váy chui) hoặc váy mở (váy quần). (*Thời đại Hùng Vương*, Khoa Học Xã Hội, 1976, tr.177).

Sử nước ta lại cho biết thêm:

Năm 1414, *nhà Minh cấm con trai con gái không được cắt tóc; đàn bà con gái thì mặc áo ngắn quần dài, hoá theo phong tục phương Bắc.* (*Đại Việt sử kí toàn thư*).

Nhà Minh muốn đồng hóa dân ta, cấm đàn bà con gái nước ta mặc váy, bắt phải mặc quần như người Tàu.

Năm 1428 Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh, giành lại độc lập cho đất nước.

Sử không cho biết cách ăn mặc của dân ta dưới thời Lê Thái Tổ và mấy triều vua kế tiếp.

*Thời tự chủ, với ý quyết xoá bỏ hết tàn tích nô lệ về y phục, vua Lê Thần Tông niên hiệu Thịnh Đức năm đầu (1653) định phép ăn mặc cho quan dân. Vua Lê Huyền Tông niên hiệu Cảnh Trị thứ ba (1665) cấm đàn bà con gái không được mặc áo có thắt lưng và mặc quần có ống chân (nghĩa là bắt buộc phải mặc váy).* (Nhật Thanh, *Đất lề quê thói*, Đại Nam, tr. 206).

*Vào khoảng năm 1744 chúa Võ Vương ở phương nam bắt dân gian cải cách y phục. Theo giáo sĩ Koffler thì chúa bắt bỏ lối quần áo thô bỉ của người đường ngoài, mà chầm chước theo lối quần áo của người Tàu.* (Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Bốn Phương, 1961, tr. 173).

Chúa Võ Vương muốn "*Triều đình riêng một góc trời, gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà*" (*Kiều*), độc lập đối với vua Lê chúa Trịnh đảng ngoài nên ra lệnh bắt đàn bà đảng trong phải ăn mặc như Tàu. Vì chúa muốn "*Thà làm tôi thẳng hủi hơn chịu tui anh em*", mà các bà đảng trong phải mặc quần.

Vua Minh Mạng đi xa thêm một bước nữa:

*Tháng tám (có chỗ hát tháng chín) có chiếu vua ra*

*Cấm quần không đáy người ta hỡi hừng*

*Không đi thì chợ không đông*

*Đi thì bóc lột quần chồng sao đang.*

Thật ra thì chưa chắc đã là tháng tám hay tháng chín vì sử nhà Nguyễn chép: *tháng 10 năm 1828, truyền đổi cách ăn mặc từ sông Gianh trở ra Bắc.* (*Quốc triều chính biên toát yếu*, Thuận Hoá, 1998, tr. 188).

Quần không đáy, "*vừa bằng cái thùng mà thùng hai đầu, bên ta thì có bên Tàu thì không*", tức là cái váy.

Minh Mạng bắt cả đàn bà đảng ngoài mặc quần, cấm mặc váy.

Trên lí thuyết thì từ năm 1828 đàn bà cả nước ta đều phải mặc quần theo ý muốn của nhà vua.

Nhưng thực tế thì ra sao?

Thực tế thì *"phép vua thua lệ làng"*. Đằng sau lũy tre xanh, mọi chuyện trong nhà ngoài xóm đều được dàn xếp theo bộ luật bất thành văn *"lệnh ông không bằng công bà"*. Vua nói vua nghe, váy bà bà mặc. Minh Mạng làm sao mà đụng được vào cái váy của các bà nhà quê làng ngoài! Trong lúc tỉnh thành xô xao kháo nhau cởi váy mặc quần thì thôn quê miền Bắc vẫn khư khư giữ cái váy. Cho mãi đến những năm 1940 vẫn còn cảnh:

*Quanh bếp ẩm nôi bánh chưng sùng sục*

*Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn*

*Đỡ nhón mớ chiếc váy sồi đen rức*

*Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm*

(Anh Thơ, *Đêm ba mươi tết*, 1941)

Cái váy của ta cứ âm thầm *"Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi"* (Phạm Duy). Nhiều phen được vua yêu, lắm lúc bị chúa ghét! Cái váy cứ nhần nhục bám lấy các bà mà tồn tại.

Thế mà hai bà Trưng đã tung ra *một* mặc quần từ những năm 40-43, nghĩa là gần 14 thế kỉ trước khi nhà Minh ra lệnh bắt đàn bà nước ta mặc quần, gần 18 thế kỉ trước khi vua Minh Mạng cấm mặc váy!

Đầu thế kỉ 20, đàn bà nước ta *"quần phần nhiều mặc quần sồi, lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều đỏ; ở Nam kỳ và Trung kỳ thì người phong lưu mặc quần nhiều trắng, chốn quê mặc quần vải xanh"*. (Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Tổng hợp Đồng Tháp, 1990, tr. 330).

Đến khoảng 1938, dân ta *"quần thì chỉ dùng sắc trắng và nâu"*. Những người giả cả mà giàu sang thì ngày hội hè tết nhất mới dùng quần đỏ". (Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, sđd, tr. 173).

Hai bà Trưng nhìn xa, đi trước thiên hạ hay cái quần của hai bà ... có vấn đề?

Bàn về quần, trước hết phải đặt câu hỏi quần là cái gì? Chết thật! Ngần này tuổi đầu mà không biết quần là cái gì à?

Quần (chữ Hán, bộ y) được Huỳnh Tịnh Của và Đào Duy Anh định nghĩa là *đồ để che phần dưới thân thể*. Tự điển Génibrel dịch chữ quần là *pantalon* (quần dài), *culotte* (quần đùi), *jupe* (váy đàn bà), *vêtement descendant depuis les reins jusqu'aux pieds* (đồ mặc che từ eo xuống đến chân).

Quần được Thiều Chửu dịch là *cái quần, cái xiêm*.

Đang tìm hiểu cái quần lại bị vướng vào cái xiêm. Vậy xiêm là cái gì?

Xiêm là *áo choàng che trước ngực* (Thiều Chửu), *áo che đằng trước* (Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*), *cái váy* (Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*), *đồ bận dưới, cái cùn (cùn là đồ bận trên)*, *cái váy* (Huỳnh Tịnh Của), *jupe* (váy dài), *jupon* (váy ngắn), *vêtement inférieur* (đồ mặc che phần dưới) (Génibrel), *manteau* (áo choàng) (Gustave Hue).

Đúc kết các định nghĩa trên, chúng ta hiểu rằng xiêm là cái áo choàng, áo mặc ngoài. Xiêm ngắn, chỉ che phần trên thân thể, thì chỉ có một tên gọi là xiêm. Xiêm dài (che cả phần dưới thân thể) thì ngoài tên xiêm, còn được gọi là quần, hay váy.

Quần là chữ dùng để chỉ đồ mặc che phần dưới thân thể. Quần được dùng cho cả đàn ông và đàn bà.

Quần có thể là cái *sa rông* của người Miên, cái *kilt* của người Ecosse ... Đàn ông và đàn bà Tàu đều mặc quần hai ống, cho nên quần đàn ông hay quần đàn bà Tàu đều là ... quần (như cách hiểu ngày nay).

Chỉ có cái quần đàn bà Việt Nam mới lặn độn, rắc rối.  
Ngày xưa (tạm cho là trước thời thuộc Minh) đàn bà nước ta không mặc quần. Thế à? Các bà không mặc quần hai ống như ngày nay mà chỉ mặc váy thôi.

Chữ quần (hán), chỉ đồ mặc để che phần dưới thân thể của đàn bà Việt Nam ngày xưa, phải được hiểu và phải được dịch nôm là cái váy để khỏi nhầm lẫn với cái quần đàn ông.

Điều này đã được tranh dân gian Oger (1909) chứng minh rõ ràng hơn qua một tấm vẽ đàn bà mặc váy. Tranh được ghi chú bằng chữ hán nôm "*dã phụ y thử quần, tục danh quần đùm*" (váy của đàn bà nhà quê, tục gọi là váy đùm). Người đàn bà trong tranh mặc váy, do đó chữ quần (hán) phải được dịch (nôm) là váy. Váy đùm là váy buộc túm cạp lại.

Dường như chỉ có văn học mới dùng *hồng quần* hay *quần hồng* để chỉ cái váy.

*Bốn cột lang, nha cấm để chồng*

*Ả thì đánh cái, ả còn ngong*

*Tế hậu thổ khom khom cật,*

*Vái hoàng thiên giữa giữa lòng*

*Tám bức quần hồng bay phới phới,*

*Hai hàng chân ngọc đứng song song.*

*Chơi xuân hết tác xuân đường ấy,*

*Cột nhỏ đem về để lỗ không.*

(*Cây đánh đu, Hồng Đức quốc âm thi tập*)

Hai cô gái đánh đu, khoe "*tám bức quần hồng*". Vậy là mỗi cô có "*bốn bức quần hồng*". Hồ Xuân Hương cũng đưa ra "*bốn mảnh quần hồng*" trong bài *Đánh đu*:

(...)

*Trai du gối hạc khom khom cật*

*Gái uốn lưng cong giữa giữa lòng*

*Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới*

*Hai hàng chân ngọc duỗi song song ...*

Bốn bức hay *bốn mảnh quần hồng* ở đây là cái gì? Nếu chỉ là cái quần hai ống thì mỗi ống phải xẻ hai. Ta không có kiểu quần tân kì như thế. Cũng không phải là một mình cái váy vì không có váy nào lại xẻ tư như vậy. Chỉ còn cái áo tứ thân (áo tứ thân có 2 vạt đằng trước, 1 vạt đằng sau) cộng với cái váy mới hợp thành *bốn mảnh quần hồng*. Cái áo tứ thân (cái xiêm của ta) đã được các tác giả gọi là cái quần. Chúng ta hiểu vì sao Thiều Chửu đã định nghĩa quần là cái xiêm, và Huỳnh Tịnh Của lại định nghĩa cái xiêm là đồ bận dưới, tức là cái quần.

Trong bài *Chỗ lợi làng Ngang* Nguyễn Khuyến có nói đến cái quần đàn bà:

*Đầu làng Ngang có một chỗ lợi*

*Có đèn ông Cuội cao vời vọi*

*Đàn bà đến đây vén quần lên*

*Chỗ thì đến háng chỗ đến gối*

*Ông Cuội ngồi trên mím mép cười*

*Cái gì trắng trắng như con cúi*

*Đàn bà khấp nép đứng liền thưa*

*Con trót hớ hênh ông xá tội ...*

Đàn bà vén quần, hớ hênh, để lộ cả cái gì trắng trắng như con cúi. Các nhà quan sát có thẩm quyền kết luận rằng người đàn bà trong câu chuyện mặc váy. Quần hai ống vén đến gối hay đến háng thì vẫn còn kín đáo, chưa để lộ bí mật.

Nguyễn Khuyến đã dùng chữ quần theo nghĩa chữ hán, để chỉ cái váy của các bà.

Hình ảnh vén váy để hở cả cơ đồ còn được thấy qua tấm tranh dân gian *Hứng dừa* dí dỏm.

Qua vài thí dụ kể trên thì thấy rằng từ thế kỉ 15 (*Hồng Đức quốc âm thi tập*) đến đầu thế kỉ 20 (Nguyễn



野  
婦  
衣  
此  
裙  
俗  
名  
裙  
襖

dã phụ y thử quần,  
tục danh quần đùm

Khuyến) chữ quần đã được văn học Việt Nam dùng theo nghĩa của chữ hán, để chỉ đồ che nửa dưới thân thể. Quần của đàn bà (miền Bắc) Việt Nam ngày xưa là cái váy, cái áo dài (xiêm), chứ chưa phải là cái quần hai ống ngày nay.

*Hồng quần* của hai bà Trưng phải được hiểu là *cái váy màu đỏ*.

Từ ngày người Pháp cai trị nước ta thì các bà nhà quê miền Bắc mới dần dần mặc quần hai ống như các ông. Một số bà tân thời ở tỉnh thành mặc màu trắng. Dân quê chỉ dùng màu đen hay màu nâu. Ngày nay, cả hai phái nước ta, phái mạnh và phái đề đầu phái mạnh, đều mặc quần hai ống, nhiều màu sắc, kể cả màu hồng, màu đỏ.

Cái váy, cái quần không những đã ám ảnh vua chúa mà còn đè nặng lên đời sống của đám dân đen.

Người xưa có phương thuật *"chữa mắt hột bằng gấu quần đàn bà"*.

Quần nào chả là quần, tại sao không dùng quần đàn ông mà phải dùng quần đàn bà? Chẳng *nam nữ bình quyền* tí nào cả! Nam nhi thua thiệt quá!

Thật ra thì phương thuật dùng gấu váy, sau này váy hiểm, khó kiếm người ta mới thay váy bằng quần, dĩ nhiên phải là quần đàn bà.

Chữ váy, ngoài nghĩa thông dụng là cái váy đàn bà, còn có nghĩa khác là nạo vét, lau chùi (*curer, nettoyer*, tự điển Génibrel). *Váy là dùng vật gì mà vặn xoáy (xoáy) hoặc móc ra. Váy tại nghĩa là móc rút ráy trong lỗ tai* (Huỳnh Tịnh Của).

Váy (đồ mặc) đồng âm với váy (lau chùi, xoáy móc). Do đó, giới bình dân đã dùng cái váy để tượng trưng cho động tác lau chùi. Ai bị đau mắt hột thì lật mí mắt lên, lấy gấu váy dí nhẹ vào mí là tất cả các hột sẽ được đánh sạch.

Từ ngày các bà không mặc váy nữa thì người ta dùng gấu quần. Đứng về mặt chữ nghĩa thì cái quần không giải thích được ý nghĩa của phương thuật. Phải thông qua cái váy mới rõ nghĩa.

Quần đàn ông không dính dáng gì đến váy cho nên không chữa được mắt hột! Quần của các ông thua quần các bà chứ không phải các bà kì thị các ông!

Xưa kia, *"thợ may và thợ giặt không nhận may váy, giặt váy cho các bà"*. Pierre Huard và Maurice Durand (*Connaissance du Vietnam*, EFEO, Paris, 1954, tr. 178) cho rằng ta bắt chước tục Tàu. Người Tàu kiêng để lẫn lộn quần áo vợ chồng còn trẻ, dưới 70 tuổi.

Thuyết âm dương của Tàu e rằng cao siêu quá, vượt quá xa cái triết lí bình dân của cái váy của ta:

*Sáng trăng em tưởng tối trời*

*Em ngồi em để sự đời em ra*

*Sự đời bằng cái lá đa*

*Đen như mồm chó, chém cha sự đời.*

Bọn thợ may, thợ giặt sợ cái váy có lẽ chỉ vì họ tin rằng váy có ma thuật nạo vét của cải, làm hao tài, sạt nghiệp mà thôi.

Giới trí thức cũng bị váy, quần làm cho vương mắc lòng bùng ...

Ngày xưa, *"thư sinh, nhà nho không sờ vào váy, vào quần đàn bà giữa ban ngày"*.

Không biết cụ Khổng lúc bé có phải giặt giũ, phơi quần áo giúp mẹ không?

Nhiều người cho rằng vì váy, quần đàn bà là vật ô uế nên nhà nho không đụng đến. Giải thích như vậy nghe không ổn. Cho dù váy, quần của các bà có ô uế thật đi nữa thì cũng chỉ ô uế vài ngày lúc các bà có tháng thôi. Còn những ngày bình thường thì quần đàn ông hay váy đàn bà đã chắc gì cái nào sạch hơn cái nào? Không riêng gì nhà nho, đến người mù chữ cũng chẳng ai muốn đụng đến những đồ ô uế.

Nhà nho là người dùi mài kinh sử chuyên nghiệp. Ông nào cũng đầy một bụng chữ thánh hiền. Ban ngày ban mặt, nhỡ mà đụng vào cái váy hấp dẫn kia thì còn đâu là chữ nghĩa nữa! Cái váy sẽ cạo vét, lau chùi sạch sành sanh cái bụng chữ thì làm sao mà mờ mịt mờ mặt với thiên hạ được! Có muốn sờ thì chờ lúc nhá nhem hãy sờ. *"Tối lửa tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh"*, mèo nào cũng xám như nhau. Tranh tối tranh sáng thì ... có mắt cũng như không, còn thấy đường nào mà cạo với vét!

Dân gian có một giai thoại về cái váy.

*Chuyện kể rằng ông lí làng kia mới tậu được cái ô đen. Ông rất hãnh diện, đi đâu cũng che ô để khoe với dân làng. Một hôm ông vênh vang đi qua chỗ có mấy cô gái đang làm cỏ ruộng. Một cô hát:*

*Hôm qua tôi mất xống thâm*

*Hôm nay tôi gặp người cầm ô đen.*

*Một cô phụ họa thêm:*

*-Nói thế thì ra người ta ăn cắp cái xống thâm, cái váy đen của chị về may ô à? Em nhớ là xống thâm của*

*chị tươi đẹp hơn ô đen kia cơ mà. Để em lên mượn, chúng mình xem cho kĩ nhé.*

*Ông lí bầm gan tím ruột định mắng mấy con "vén váy không nên" kia, nhưng ông chợt nghĩ nhờ đụng phải bọn "xắn váy quai công" thì thật là nan giải. Nghĩ vậy, ông lí vội cụp ô, chuồn cho nhanh.*

*Hải Phòng cũng có một giai thoại tương tự.*

*Trong một cuộc hát đúm, cô gái tấn công trước:*

*Hôm qua em mất cái váy thâm*

*Hôm nay em thấy anh cầm một chiếc ô đen.*

*Cô gái chanh chua vừa dứt lời, liền được chàng trai nhã nhặn đáp lễ:*

*Em nói thế là em cũng nhâm*

*Hôm qua anh thấy ông đội khăn thâm ra đình*

Trong lúc các bà nhà quê phải mất nhiều năm mới bỏ được cái váy sồi, váy đùm, váy đụp, thì mấy cô ở thành thị lại hớn hờ tung hô cái váy xoè, váy chèn, váy cụt của phương Tây.

Thú phô trương ao ước bấy lâu nay! Giờ mới được mân mê cái váy hiện đại, hiện sinh ... hiện hình!

Khách bên đường sững sờ liếc trộm cái của lạ muôn màu, muôn vẻ ... Muôn năm!

Thấy mà chóng cả mặt, chỉ ... muốn nằm!

**Nguyễn Dư**  
**(Lyon, 8/2003)**

# Chuyện ăn uống của các vua Nguyễn

Nguyễn Đắc Xuân

**Ô**ng cố và ông nội tôi (cụ Nguyễn Đắc Tiêu) suốt đời ở trong ban Nhạc chánh của Nam triều. Đời bác tôi (ông Ngũ Vọng), lại làm Thị vệ cho vua Khải Định và ông vua cuối cùng Bảo Đại. Lúc nhỏ tôi được gần ông nội tôi và bác tôi. Để giải buồn, ông tôi và bác tôi hay kể chuyện trong Nội cho tôi nghe. Những chuyện đó cứ được kể đi kể lại đã làm cho nhiều người khó chịu và chúng cũng đã hằn sâu trong tâm trí tôi. Không ngờ, nững nếp hằn đó đã trở thành những cơ sở đầu tiên cho cuộc đời nghiên cứu Huế của tôi sau này.

Nhân nói chuyện ăn Tết năm nay, tôi xin trình bày đôi nét về chuyện ăn uống của các vua Nguyễn.

Trong cung Nguyễn có hai bộ phận lo chuyện bếp núc.

Bộ phận Lý Thiện : Người phục vụ trong bộ phận này phần lớn là dân làng Phước An (Thừa Thiên-Huế) phụ trách nấu nướng cỗ bàn cho những yến tiệc, kỵ giỗ của triều đình. Đầu đường Lê Huân phía cột cờ có một con đường nhỏ mang tên Lý Thiện. Đó là nơi ăn ở và làm việc của bộ phận Lý Thiện ngày xưa.

Bộ phận Lý Thiện : Ở ngay trong Đại Nội (phía phải của Nhà hát cung đình Duyệt Thị Đường). Thượng Thiện hằng ngày đi chợ mua thực phẩm cho vua và gia đình nhà vua. Bộ phận này là bếp chính của vua.

Mẹ tôi đã từng được bác Ngũ Vọng đưa vào xem bếp Thượng Thiện và được nghe lính Thượng Thiện giải thích cặn kẽ chuyện bếp núc của nhà vua.

Bếp Thượng Thiện lo nấu nướng cho vua ăn có đến mấy chục người. Mỗi người phụ trách một việc như : vớt dưa, vớt tắm, quét thịt nạc, làm nem, làm chả, làm tré, người đi chợ, người nấu các món ăn (mỗi người chỉ nấu được một vài món / 35 món).

Nấu cơm và thức ăn cho vua đều dùng nồi tráp bằng đất nung sản xuất ở làng "Đột Đột" huyện Phong Điền. Đồ đất mới đưa vào Nội liền được thả vào một chảo nước chè xanh đậm đặc đang sôi sùng sục, ninh đến khi nào các đồ đất mới ấy được mạ một lớp men xanh mới vớt ra và cất vào kho để dùng dần. Mỗi bữa ăn dùng một cái om nấu cơm, vua ăn xong đập bể, bữa sau lại dùng cái khác.

Dưa vua dùng vớt từ một loại tre già, vớt sao cho chiếc dưa có một đầu to, một đầu nhỏ. Vớt xong dùng dăm tre chuốt cho thật bóng láng và bỏ vào nồi hấp rồi phơi khô trước khi nhập kho. Tắm vua dùng gọi là "tắm bông" cũng vớt từ một thứ tre già. Chiếc tắm dài bằng cây bút bi. Đầu nhỏ giống đầu tắm thường dùng xia răng. Đầu lớn bằng mút dưa được người vớt dùng sòng rửa đập nhẹ nhẹ cho tươ ra, cái xơ tre thật mịn mới được dùng. Cái đầu xơ loe ra giống như một cái bông vụn thò, nhà Nguyễn kiêng chữ "hoa" nên gọi là "tắm bông". Các cụ nhuộm răng đen, sau khi ăn cơm xong, xia răng uống nước cho sạch miệng rồi dùng đầu tắm bông chà sạch răng. Cuối cùng chấm đầu bông ấy vào thuốc rỏi (đen như mực) để rỏi lại hàm răng, giữ cho hàm răng luôn luôn bóng đẹp, nhất là phái nữ.

Vua ăn cơm gọi là hoàng đế "ngự thiện" hoặc "Ngài ngự thiện". Trừ vua Duy Tân và vua Bảo Đại "ngự thiện" với vợ con, các ông vua khác thường ngồi ăn cơm một mình. Khi cần có người nói chuyện cho vui trong khi ăn, vua cho hai trực thân (quan văn từ tứ phẩm, quan võ từ tam phẩm trở lên) vào ngồi gần hầu

chuyện, gọi là "chầu thiện". Vua " ngự thiện" trên bàn hoặc trên sập, hai quan "chầu thiện" ngồi chênh chếch đối diện với một khoảng cách có thể đối thoại với nhau bằng giọng bình thường. Nếu có những vị quan nào được vua quý trọng, vua sẽ "ban thiện" bằng cách sai thị vệ dọn thêm một mâm riêng và mâm cơm được đặt ở một khoảng cách nhất định để vị quan đó vừa ăn cơm vừa hầu chuyện.

Trong lúc vua ăn, ban nhạc cung đình ngồi ở xa xa hòa nhạc giúp cho không khí bữa ăn bớt phần tẻ nhạt.

Mỗi bữa "ngự thiện" có 35 món. Các món chính đựng trong vạm bít giấy và buộc lạt cẩn thận. Tên thức ăn được viết trên một cái nhãn dán bên ngoài vạm. Vua thích món ăn nào thì bảo thị vệ mở món đó. Trước khi ăn, nhà vua thường ban bớt thức ăn cho các bà phi được nhà vua sủng ái nhất.

Trong 35 món ngự thiện không phải món nào cũng thuộc loại cao lương mỹ vị mà thực ra có nhiều món rất bình dân như : dưa môn kho, ruốc sả, dưa cải, rau muống chấm nước tôm kho ... Vua Duy Tân lúc nhỏ rất thích ăn cơm với cá bóng kho khô, khi lên làm vua, bữa "ngự thiện" nào cũng có món ăn dân tộc ấy. Cơm "ngự thiện" đầy đủ như thế, nhưng nhiều khi nhà vua không thích ăn mà chỉ húp một chén cháo trắng rồi đứng dậy.

Vua ăn xong, thị vệ bèn bung vào một khay thức ăn tráng miệng gồm có các loại chè, bánh, kẹo, mứt, trái cây. Những món này được những bàn tay "cực kỳ tinh tế" của các bà trong cung Nguyễn tự làm hay gửi mua. Bởi thế, dù không muốn ăn nhà vua cũng cố gắng nhón tay lấy một vài món bỏ vào miệng ăn để vừa lòng các bà. Các bà có món ăn được vua chọn lấy làm hãnh diện. Những món nhà vua không dùng hết, vua để riêng ban cho các quan. Vua cho ai món gì thì giao cho thị vệ sai lính thượng thiện bỏ vào quả sơn đỏ để vào siêng phủ khăn điều và che lọng xanh rước đến tận nhà người đó. Tại đây, chủ nhà phải có mặt để đón "ân vua, lộc nước".

Việc nấu nướng ăn uống của vua lâu ngày ảnh hưởng đến các quan và dần dần ảnh hưởng đến dân gian. Đến nay, triều Nguyễn đã chấm dứt gần nửa thế kỷ mà cái ảnh hưởng đó vẫn còn. Và nó đã được xem là di sản văn hóa vật chất của trung tâm văn hóa Huế.

**Nguyễn Đắc Xuân**  
1994

## Con tàu thời gian

Từ Bruxelles tôi ra đi vào mùa xuân lên mạn bắc  
con tàu đưa tôi qua nhiều ga nhỏ  
không dừng lại  
những hoa trắng đại bên đường không nói  
chỉ đong đưa  
những mái nhà ngói đỏ  
những tháp chuông đen  
không chào hỏi  
chỉ gửi lại cho tôi những màu sắc đẹp  
những hoa hồng trông cạnh mấy sân ga  
nhắc lại cho tôi nhiều kỷ niệm  
Antwerpen, tên đóng trong ngoặc kép  
với những toa tàu màu xanh  
những người thợ mặc áo vàng  
nhà ga màu bồ hóng  
mấy người hành khách ngủ quên  
trong năm ẩm mùa xuân  
tôi đã đáp chuyến tàu nào từ tiền kiếp  
tiếng người gọi trên sân ga  
lẫn tiếng gà vịt, tiếng còi tàu  
và cũng những màu hoa đại đong đưa trong gió sớm  
tàu đi qua mấy khu nhà máy lớn  
những giây điện giăng làm tôi nhớ một bầu trời  
tôi nhớ một khoé miệng ai cười  
trên con đường tàu song song đưa tôi lên mạn bắc

Hơi nắng bốc xa xôi  
con tàu lao qua một giòng sông  
hai giòng sông  
nước ở đây trong xanh như quá khứ  
chiếc xe rom dài dừng bên đường cái  
hỡi cô gái mặc váy màu li-la hồng có mái tóc vàng  
đi xe đạp bên con đường làng  
tôi muốn con tàu tôi đi ngược lại  
tôi muốn vẫy chào cô  
giữa mùa xuân sáng nay  
nhưng tôi biết con tàu tôi không bao giờ dừng lại  
hỡi những đóa hoa Rô-đô-đen-đron màu tím đại  
trong thung lũng xanh  
một con cừu nào gặm cỏ lẻ loi  
cái thửa ruộng mới gieo  
bao luống cây con còn nhỏ dại  
con tàu thời gian tôi bỏ lại  
bên đường đi  
Rosendaal  
Rotterdam

Amsterdam

...

con tàu say

chẳng bao giờ dừng lại

*Trên tàu đi Copenhagen 18-06-86*

## Xuân Muộn

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng  
Xếp tàn y lại để dành hơi  
Cung oán

Xuân che đời nắng thênh thênh  
Cây chồi nụ biếc, lang thang cánh ngàn

Xuân về trên tóc muộn màng  
Lối xưa bến cũ, ngõ ngang chiêm bao  
Thân thương cũng một câu chào  
Cổ tri quen lạ, xôn xao sóng trùng

Mãn bôi tri kỷ tương phùng  
Đập gương tìm bóng hào hùng ngày xanh  
Tri thiên, ngũ thập quân quanh  
Tàn y xếp mộng hùng anh vá trời  
Sương lam mờ mịt mặt người  
Ngựa rung hí lạnh một đời đa đoan

Xuân về lặng áng mây ngàn  
Ngàn trùng cách trở, nắng vàng héo hon  
Mây xanh băng lãng quanh hồn  
Núi ta sợi nhớ chân bon lối về

Hai vai trĩu nặng tình quê  
Nửa đi nửa ở, lời thề vướng chân  
Cũng đành lần lựa khát quanh  
Nhất ngôn ký xuất, cũng đành cuộc chơi

Xuân về muộn tiếng ru hời  
Nước non nghĩa nặng, à ơi nát lòng  
Trăm năm một cõi đục trong  
Ru ta tròn giấc một vòng tịch nhiên

**Thơ Vũ Quyên**

## **Hoàng hôn trên đôi cánh mỗi**

Tà dương nhuộm đỏ hoàng hôn  
trên đôi cánh mỗi bòn chòn nẻo đi  
mây mù hút ngã chia ly  
mưa sa nhỏ giọt tình si cuối mùa

Ta về bên nớ ơ hờ  
bên ni ngõ vắng thẫn thờ mắt trông  
mềm môi nhấp chén rượu nồng  
mặt trời xích đạo quay vòng tử sinh

Thôi em mắt đỏ nghĩa tình  
thôi ta vô lượng cũng ngàn ấy thôi  
mai sau ngõ đợi luân hồi  
mộng đầu nụ chớm hợp bôi tao phùng

Trên đôi cánh sắt ì âm  
sao hôm thấp ngọn thì thâm ánh đêm  
ta về xuân bước qua thêm  
hoàng hôn đỏ pháo chênh vênh bước đời

Thôi me mắt lệ nghẹn lời  
xót con bạc tóc xót đời đôi nơi  
nhân sinh thất thập phận người  
hoàng hôn ngả bóng chơi vui bước trần

Ta về lòng nặng ân cần  
trên đôi cánh mỗi phân vân bước đường  
không hành nẻo lấp màn sương  
ngõ đời chạng vạng vẫn vương cuối hôn

Thôi ta nghĩa núi tình sông  
dùng dằng kẻ ở nát lòng người đi  
trăm năm rồi cũng xanh rì  
đất mềm khai huyết mã quy vọc vầy

**Vũ Quyên**

**Thơ Vũ Quyên**

## **Nửa đêm trừ tịch xứ người**

Nửa đêm trừ tịch tráo trăng  
Đếm cừ thí đồ giấc nồng khép mi  
Thèm cơn đồng thiếp li bì  
Phiêu hồn quê cũ thâm thì xuân xưa

Ngậm lòng tiếng pháo giao thừa  
Đồng tiền mừng tuổi nếp chưa nát nhàu  
Lắm hương khói mắt Bụt nheo  
Lâm râm câu khăn mẹ cầu an khang  
Chim về tổ nhớ họp đàn  
Ngày xuân đậu cánh mai vàng ngát hiên  
Lộc non xanh nụ đoàn viên  
Phát phơ tóc bạc đắm miền mộng du

Xứ người trừ tịch ngật ngư  
Thỉnh không tỉnh lặng lờ đờ cơn say  
Mâm cơm khói ngại ngừng bay  
Cũng xong ngày Tết đỏ cay mắt nhìn

Nửa đêm trừ tịch buồn tênh  
Xứ người cừ đếm chênh vênh nổi sầu

**Vũ Quyên**

Rabindranath Tagore(1861-1941)  
Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển ngữ.

## Gift- Quà Tặng

### Gift

O my love, what gift of mine  
Shall I give you this dawn?  
A morning song?  
But morning does not last long -  
The heat of the sun  
Wilts it like a flower  
And songs that tire  
Are done.

O friend, when you come to my gate  
At dusk  
What is it you ask?  
What shall I bring you?  
A light?  
A lamp from a secret corner of my silent house?  
But will you want to take it with you  
Down the crowded street?  
Alas,  
The wind will blow it out.

Whatever gifts are in my power to give you,  
Be they flowers,  
Be they gems for your neck ,  
How can they please you  
If in time they must surely wither ,  
Crack ,  
Lose lustre?  
All that my hands can place in yours  
Will slip through your fingers  
And fall forgotten to the dust  
To turn into dust.

Rather,  
When you have leisure,  
Wander idly through my garden in spring  
And let an unknown, hidden flower's scent startle you  
Into sudden wondering -  
Let that displaced moment  
Be my gift.  
Or if, as you peer your way down a shady avenue,  
Suddenly, spilled

From the thick gathered tresses of evening  
A single shivering fleck of sunset-light stops you,  
Turns your daydreams to gold,  
Let that light be an innocent  
Gift.

Truest treasure is fleeting;  
It sparkles for a moment, then goes.  
It does not tell its name; its tune  
Stops us in our tracks, its dance disappears  
At the toss of an anklet.  
I know no way to it -  
No hand, nor word can reach it.  
Friend, whatever you take of it,  
On your own,  
Without asking, without knowing, let that  
Be yours.  
Anything I can give you is trifling -  
Be it a flower, or a song.

## Quà Tặng

Em yêu ta có gì đây  
Tặng em vào buổi sáng này hỡi em?  
Bình minh ca khúc êm đêm?  
Nhưng nào buổi sáng có bên mãi đâu  
Vàng dương tỏa nhiệt non đầu  
Bình minh tàn lụi, ủa màu giống hoa  
Và rồi ngay khúc hoan ca  
Điều ru nhảm chán cũng qua một thời.

Em yêu nếu buổi đẹp trời  
Hoàng hôn dịu bước em nơi cổng nhà  
Em mong chi gọi chút quà?  
Quà chi ta sẽ mặn mà trao em?  
Hay tặng em một ngọn đèn  
Từ trong góc khuất im lìm nhà ta ?  
Nhưng khi em dạo chơi xa  
Có mang đèn xuống phố qua lăm người?  
Gió vô tình lăm chao ơi  
Thổi đèn ta tắt mất thôi còn gì !

Trong tầm tay có quà chi  
Mà ta có thể mang về tặng em  
Dù hoa rục rở bên thềm  
Ngọc ngà lộng lẫy khoe trên cổ người  
Quà đâu luôn tạo nụ cười

Vì thời gian sẽ dập vùi cánh hoa  
Ngọc ngà cũng rạn nứt ra  
Sắc phô hào nhoáng phôi pha tháng ngày.  
Quà mình trao tặng nhau này  
Trôi qua năm ngón bàn tay em hiền  
Rơi vào tro bụi lãng quên  
Hóa thành tro bụi vương miền nhân gian

Thôi! Xin em buổi thanh nhàn  
Du xuân dạo gót ngọc sang vườn nhà  
Chợt đâu thoang thoảng bay xa  
Hương thầm hoa lạ lan ra bất ngờ  
Làm em thích thú sững sờ  
Phút giây hoan lạc đó là quà ta .  
Hay em đưa mắt nhìn qua  
Lần theo lối rợp lá hoa bên đường  
Chợt đâu một đốm tà dương  
Lung linh in bóng ngăn đường em đi  
Biến mơ màng tuổi xuân thì  
Thành ra mộng đẹp khác chi mộng vàng  
Xin em giữ ánh hôn hoàng  
Làm quà trong trắng vô vàn ta trao .

Kho tàng trôi nổi biết bao;  
Chói chang giây phút, tan vào hư vô  
Vô đề ca khúc thiên thu  
Cản ngăn nẻo ý, chặn ru bước đời  
Tựa như vũ điệu buông lời  
Tàn nhanh theo tiếng vòng nơi chân người.  
Tìm đâu! Thân vạn dặm chơi  
Xa tầm tay với! Xa nơi ngôn từ!  
Những gì em có riêng tư  
Không hay không biết, không chờ không xin  
Bạn lòng ơi giữ cho bền  
Của riêng em đó kiếm tìm đâu xa.  
Dù ta có tặng em quà  
Tặng hoa hay khúc tình ca đáng gì!

# Hoa Hồng Lễ Tình Yêu

**Tân Văn**  
Valentine Day

Nàng tên Hồng yêu loài hoa màu đỏ  
Nữ sinh viên còn trong trắng thơ ngây  
Một chiều xuân bỗng có một chàng trai  
Đến tỏ tình với cánh Hồng tươi thắm  
Nàng cảm động mỗi tình đầu thơ mộng  
Trái tim non nguyên chung thủy suốt đời  
Anh là người em yêu mãi anh ơi  
Và trung thành trọn đời em xin hứa  
Vào ngày Lễ Tình Yêu mùa Xuân đó  
Một bó hồng được gửi đến nhà nàng  
Kèm thiệp Tình Yêu viết bởi tay chàng  
Hoa khoe sắc giữa ngày xuân tươi mát

Rồi quê hương bỗng vang rền súng giặc  
Xếp bút nghiên theo tiếng gọi lên đường  
Ngày tòng chinh chàng từ giã người thương  
Sau những tháng quân trường, ra biên ải  
Trước khi lên đường, lòng trai hăng hái  
Chàng đến tìm chủ nhân của tiệm hoa  
Trả trăm lần, trước khi bước đi xa  
Viết trăm thiệp và dặn dò chủ tiệm  
Thời loạn ly, người đi trong chinh chiến  
Hẹn ngày đi, ai hẹn được ngày về!  
Những chiến công hiển hách với lời thề...  
Rồi chàng hy sinh nơi miền biên ải  
Nàng đau đớn muốn chết theo, nhưng ngại  
Không còn ai để nuôi nấng song thân  
Mộ của chàng nàng xây tại đồi thông  
Và đến trồng những hoa hồng tươi thắm  
Cuộc đời trôi với chuỗi ngày cay đắng  
Mùa Xuân sau vẫn trong lửa chiến tranh  
Lễ Tình Yêu tiệm hoa gửi đến nàng  
Bó hoa hồng với thiệp yêu chàng viết  
Rằng anh yêu em nhiều hơn năm trước  
Cách âm dương không cách được ân tình  
Nàng đính ninh chàng đã lỡ đặt tiền  
Trước ngày lên đường đi ra chiến trận  
Nhìn những hoa hồng với bao trân trọng  
Kỷ niệm xưa đầy luyến tiếc, nhớ nhung...  
Nàng nâng niu để bên cạnh chân dung  
Của người chồng chưa bao giờ được cưới  
Nhìn lưu luyến hoa tình yêu lần cuối .

Nhưng năm sau cũng vào lễ Tình Yêu  
Một chiều xuân, chim hót, gió hiu hiu  
Nàng cô đơn trong một căn nhà nhỏ  
Ôn kỷ niệm với bao nhiêu gắn bó  
Bỗng tai nghe tiếng cửa gỗ bên ngoài  
Người giao hoa hồng mang đến tận tay  
Kèm với thiệp Anh Yêu Em triu mến  
Nàng sững sờ hỏi người giao hoa đến  
Được trả lời rằng trước lúc lên đường  
Người yêu đặt hoa cho một trăm lần  
Và trăm thiệp Anh Yêu Em mãi mãi  
Nàng mở thiệp có thư tình để lại  
Em yêu ơi một năm đã trôi qua  
Âm dương bây giờ hai đũa cách xa  
Anh hiểu nỗi cô đơn và đau khổ  
Tình của anh vẫn không hề thay đổi  
Không lời nào tả nỗi được lòng anh  
Anh muốn em hạnh phúc ở trần gian  
Nên đặt hoa mang tên Em yêu mến  
Mỗi độ Xuân về lễ Tình Yêu đến  
Em cứ ở nhà để đón nhận hoa  
Nhớ những ngày kỷ niệm của đôi ta  
Mỗi bó hoa giao đúng ngày lễ đó  
Chỉ tới khi nào cửa người ta gõ  
Không ai trả lời, họ mới ngưng giao  
Họ đến ba lần nếu chẳng thấy ai  
Thì họ sẽ theo lời anh ghi rõ  
Mang bó hồng lên đỉnh đồi hoa đỏ  
Nơi ta bên nhau như cặp vợ chồng  
Anh yêu Em nên anh thích hoa Hồng.

.....

*Bao nhiêu năm sau cuộc chiến đã tàn  
Có dịp dừng chân bên đồi hoa đỏ  
Đọc chuyện hai người khắc trên đôi mộ  
Tôi chạnh lòng viết nên một bài thơ  
Vào ngày đầu Xuân nhân Lễ Tình Yêu*

**Tân Văn**  
ngovantan@yahoo.com

## Trường tương tư

Nhớ nhau mãi, ở Trường An  
" Trường Tương tư khúc " tiếng đàn đêm thu  
Đế ngâm giếng ngọc bên bờ  
Đêm khuya lứt thướt sương mờ thê lương  
Chiếu đơn lạnh lẽo đêm trường  
Đèn khuya cô ảnh chập chờn bóng ai  
Nhớ thương dạ những ai hoài  
Trăng soi rèm cuốn lại ngời thở than  
Mặt hoa xa cách mây ngàn  
Trời xanh xanh thăm mấy tầng trời cao  
Nước trong gợn sóng lao xao  
Đường xa trời rộng làm sao mộng hồn  
Bay về tìm gặp người thương  
Làm sao về đến bên nàng đêm nay ?  
Quan san muôn dặm đường dài  
Trường tương tư dạ ai hoài canh thâu

Quỳnh Chi phỏng dịch  
( 23/12/2003)

## Trường tương tư

Trường tương tư  
Tại Trường An  
Lạc vĩ thu đề kim tĩnh lan  
Vi sương thê thê điệp sắc hàn  
Cô đăng bất minh tứ dục tuyệt  
Quyển duy vọng nguyệt không trường than  
Mỹ nhân như hoa cách vân đoan  
Thượng hữu thanh minh chi cao thiên  
Hạ hữu lục thủy chi ba lan  
Thiên trường lộ viễn hồn phi khổ  
Mộng hồn bất đáo quan sơn nan  
Trường tương tư  
Tối tâm can

thơ Lý Bạch

( theo Thơ Đường Tập II ,  
Nam Trân tuyển thơ, Viện Văn học 1962 )

## Trường tương tư (2)

Bóng chiều bằng lãng hoàng hôn  
Trăng lên hoa khép ngậm sương đọng sâu  
Trăng soi óng ánh lụa đào  
Trăng khuya thao thức dạ sầu ngần ngơ  
Phượng hoàng phím bật đường tơ  
Uyên ương lưu luyến còn mơ đàn cầm

So dây gảy khúc nhạc lòng  
Yên nhiên xa quá biết chẳng hỡi người  
Gió xuân chuyển giúp gió ơi  
Nhớ chàng xa cách phương trời xa xăm  
Nhớ ai suối lệ chứa chan  
Còn đâu mắt biếc trao chàng năm xưa  
Sầu dâng đòi đoạn tơ vò  
Xa xôi ai có thấu cho chẳng là  
Khi về đến trước thềm hoa  
Gương trong còn bóng dáng hoa u sầu

Quỳnh Chi phỏng dịch  
( 23/12/2003)

## Trường tương tư

Nhật sắc dục tận hoa hàm yên  
Nguyệt minh như tổ sầu bất miên  
Triệu sắt sơ đình phượng hoàng trụ  
Thục cầm dục tấu uyên ương huyền  
Thử khúc hữu ý vô nhân truyền  
Nguyện tùy xuân phong ký Yên nhiên  
Ức quân thiều thiều cách thanh thiên  
Tích thời hoành ba mục  
Kim tác lưu lệ tuyền  
Bất tín thiếp trường đoạn  
Quy lai khán thủ minh kính tiền  
thơ Lý Bạch

( theo Thơ Đường Tập II ,  
Nam Trân tuyển thơ, Viện Văn học 1962 )

## Lambretta

Lambretta chạy về xóm nhỏ  
Chở theo anh một kẻ hàn sinh  
Không Honda lượn khắp đô thành  
Không Vespa, Peugeot., Solex

Lambretta bao người chen chúc  
Giữa đông người chẳng dám làm quen  
Có một người con gái ngồi bên  
Có một người con trai bối rối

Lambretta đi về muôn lối  
Có một người ngơ ngẩn nhìn theo  
Có một người e thẹn cúi đầu  
Bao lần gặp mà không dám hỏi

Lambretta chiều nay đứng đợi  
Có một người trông ngóng ngẩn ngơ  
Bóng một người không hẹn bao giờ  
Anh thầm trách . . " Sao em không đến ?"

Quỳnh Chi ( 22/11/2003)

### Tri âm

Thinh không vi vút gió ngàn  
Tiếng tiêu cao vút mây từng trời cao  
Âm vang trong gió xôn xao  
Thác tuôn rừng thẳm núi cao chập chùng  
Sóng xô rào rạt trùng dương  
Hư không vang vọng tiếng lòng tri âm  
Quỳnh Chi ( 22/10/2003 )

## **Lambretta**

Lambretta chạy về xóm nhỏ  
Chở theo anh một kẻ hàn sinh  
Không Honda lượn khắp đô thành  
Không Vespa, Peugeot., Solex

Lambretta bao người chen chúc  
Giữa đông người chẳng dám làm quen  
Có một người con gái ngồi bên  
Có một người con trai bối rối

Lambretta đi về muôn lối  
Có một người ngơ ngẩn nhìn theo  
Có một người e thẹn cúi đầu  
Bao lần gặp mà không dám hỏi

Lambretta chiều nay đứng đợi  
Có một người trông ngóng ngẩn ngơ  
Bóng một người không hẹn bao giờ  
Anh thầm trách . . " Sao em không đến ?"

Quỳnh Chi ( 22/11/2003)

## **Tri âm**

Thinh không vi vút gió ngàn  
Tiếng tiêu cao vút mây từng trời cao  
Âm vang trong gió xôn xao  
Thác tuôn rừng thẳm núi cao chập chùng  
Sóng xô rào rạt trùng dương  
Hư không vang vọng tiếng lòng tri âm  
Quỳnh Chi ( 22/10/2003 )

## **XA GẦN**

Một mình lạ nước, lạ non  
Rời xa xứ Ý, từng mòn gót chân  
Một mình, không một người thân  
Quê hương xa tắp, có gần chi đâu!  
"Láng giềng" một tiếng chào nhau  
Mà nghe xa lạ. Ôi chao láng giềng!  
Chung đường mà lại rất... riêng  
Cả năm hy hữu mới duyên nụ cười  
Bà con xa, xa thật rồi!  
Láng giềng cũng thế, tại tôi hay người?  
"Bà con xa không bằng láng giềng gần"\*  
Tôi không láng giềng cũng chẳng bà con!

Ý Nga, 22.11.2003

\*Tục ngữ VN.

## **GIỌT NHỚ**

Một đứa bờ vai ngủ rất hiền  
Mẹ dò từng bước, dốc nghiêng nghiêng  
Đường băng trơn trượt, đôi chân yếu  
Một đứa chờ sanh, nằm có yên?

Tay xách, nách mang, chân chẳng dừng...  
Con nhìn tội lỗi một người dừng  
Và con liên tưởng vòng tay ngọt  
Má đã cưu mang... Thương quá chừng!

Với chín đứa con, bao tảo tần  
Thương con, nhường cả những miếng ngon  
Đứa đi, đứa mất, còn... nước mắt  
Thương quá tuổi già Má héo hon!

Trời đất mệnh mông tuyết giá băng!  
Trắng cả hồn con, ai biết rằng  
Tuyết ở ngoài trời vương mi mắt  
Biên thành Giọt Nhớ, Má hay chẳng???

Ý Nga, 18.11.2003

## **VÔ DUYÊN !**

Viết thay TN

Người "Bấm chữ 'send'\* và chờ đợi"  
Tôi cười dòng chữ rất ngô nghê  
Hỏi thăm: "Trăng khuyết, tròn?" tha thiết  
Hỏi: "Tuyết còn rơi trắng não nề?"

Người hỏi tuyết trắng nào hỏi tôi  
Can chi phải trả lời lời thôi  
Tuyết, trắng tròn khuyết tôi nào biết  
Ai ngắm trắng đâu mà trả lời!

Người gửi mỗi ngày một vi thư  
Người đâu mà lắm thì giờ dư  
Thương chồng bếp núc chưa sẵn sóc  
Người ngóng làm gì? Ai muốn hư!

Á Nghi

*\* Gửi vi thư (email)*

## ĐƯỜNG ĐI PHẢI CÓ LỐI VỀ

Vô duyên! Cứ ngắm gót chân  
Bây giờ tuyết thể, chân trần đâu ra  
Bây giờ buổi sáng đi qua  
Ông ngắm chi để có quà chiều đông?  
Coi chừng tôi ngã biết không?  
Kiện ông cái tội... phập-phồng tim tôi  
Tại ông nên cứ bồi-hồi  
Theo người ta mãi, mai rồi thở than  
Đã rằng tôi có một Chàng  
Nhấn đeo đã bóng, chàng ràng được chi?  
Ông đừng gieo tiếng thị phi  
Gót chân thôi đỏ, chân đi thôi về!

Á Nghi

# Dòng người bất tận

Nguyễn Tường Bách

**D**u khách đến Huế thường đến viếng đàn Nam Giao, vốn có tiếng tăm và nằm gần thành phố. Từ Nam Giao, rẽ tay mặt, khách có thể đi thăm nhiều lăng tẩm chùa chiền cổ kính. Trên đường từ rẽ mặt, chỉ cách Nam Giao không đầy một cây số, có một con đường nhỏ dẫn vào một ngôi chùa không mấy ai biết đến. Đó là chùa Châu Lâm, "chùa nhà" của tôi.

Chùa Châu Lâm không mấy ai biết đến là phải. Đó là một ngôi chùa chỉ mới được xây dựng cách đây hơn 70 năm, là một ngôi chùa nhỏ trong số hàng trăm ngôi chùa nhỏ bé khác tại Huế. Dường như các gia đình xứ Huế ai cũng có một ngôi "chùa nhà" như ngày nay xã hội tân thời ai cũng có một "bác sĩ nhà". Không rõ cơ duyên nào mà gia đình tôi tuy ở tận Bao Vinh hầu như nằm phía đầu kia của thành phố, nhưng không chịu lấy một ngôi chùa nào đó ở Hương Trà, Hương Vinh mà lặn lội lên tận sườn núi Ngự Bình, tìm ngôi chùa nhỏ đó để xin làm đệ tử và làm nơi qui y cho con cháu.

Nói "lặn lội" thật ra không hề quá đáng vì ấn tượng của tôi với chùa Châu Lâm thường dính liền với mùa đông xứ Huế. Ngày xưa, tôi vốn thường tháp tùng ông tôi lên thăm chùa vào dịp Tết Nguyên Đán, một mùa của mưa gió và giá lạnh của miền Trung. Trong những ngày đầu xuân của thập niên năm mươi đó người ta thường đi xích-lô mà khách được che bằng một miếng vải bạt lỏng lẻo. Xe dừng trước cổng ở ngoài đường cái. Ông cháu chúng tôi lội đường đất vào chùa và cuối cùng leo một cái dốc mà thời xa xưa đó tôi cho là cao lắm. Một cây mít đón chào chúng tôi nhưng tôi nào có hơi sức nhìn đến nó. Cái dốc này dường như đầy đất sét trơn trượt, đi giày mà tôi vẫn cố bám chân thật chặt cho khỏi té ngã.

Trong chính điện, tôi đợi ông tôi lạy Phật xong mới đến phiên mình. Đến chùa, lạy Phật là việc đầu tiên phải làm, điều mà tôi vẫn còn giữ đến ngày nay. Sau khi lễ Phật chúng tôi xuống "nhà dưới" thăm Ông Châu Lâm, hoà thượng trụ trì của chùa. Ngày đó, tôi đâu biết Ông tuy mới gần sáu mươi nhưng đã là một vị tăng sĩ đã thực hiện nhiều Phật sự to lớn, đã dày công tham gia xây dựng phong trào Phật giáo tại miền Trung, là huynh đệ với hòa thượng Tịnh Khiết. Tôi cũng không hề biết sau khi tu học, tham vấn và hoạt động nhiều nơi, Ông đã về đây khai sơn ngôi chùa Châu Lâm, chỗ mà tôi đang ngồi co ro trong những mùa đông lạnh giá đó. Đối với con mắt trẻ thơ hồi đó, Ông là thầy của ông tôi, là người có một khuôn mặt vừa nghiêm nghị, vừa hiền hậu. Ông là người rất thoát tục cao xa, dường như không có gì của thế gian và chạm đến, tôi nghĩ thế. Tôi lơ đãng ngồi nghe những câu chuyện đạo nho nhỏ, đợi đến lúc được phát bánh mứt. Trong không khí lạnh và đầy sương của sườn núi Ngự Bình, không gian thấm đượm mùi thơm ngát của hương trầm và thỉnh thoảng được điểm nhẹ bằng vài tiếng chuông thông thả. Chùa nào đánh chuông, chùa nào thắp hương, đó là điều không ai hỏi đến trên sườn núi xứ Huế. Những ngày đi chùa giá lạnh tưởng chừng như bất đắc dĩ đó nào ngờ để lại ấn tượng sâu xa trong tôi để mình cứ mơ mãi về một ngày Tết Nguyên Đán về thăm quê đi lại trên sườn núi Ngự Bình.

Bẵng đi mấy mươi năm xa quê tôi không về lại Châu Lâm. Một ngày nọ trong năm 1977 tôi nhận được thư từ xứ Huế, cũng vào một ngày xuân, báo tin Ông Châu Lâm đã mất. Tôi tự hỏi, như thế Ông đã chứng kiến những lần dâu biển của đạo pháp và đất nước, những cảnh vui dập của năm 1963, những biến cố miền Trung của năm 1965 và cuộc đời trong năm 1975. Ông đã nghĩ sao? Rồi tôi tự trả lời, chuyện thế gian chắc không thể tác động đến Ông, một người tu hành ẩn dật đích thực. Rồi cũng nhiều năm mà tôi đi tham bái chùa chiền trong nhiều nước khác nhau và thấy rõ một điều, có lẽ trên đời ít có chùa nào nhỏ hơn *chùa nhà* của mình, nhưng cũng khó có những pho tượng nào đẹp hơn tượng chùa mình.

Tháng 12 năm 2002 tôi lại đến thăm chùa trong một ngày mưa phùn giá lạnh. Cây mít ngày xưa không còn nữa và dốc lên chùa bây giờ xem ra rất tầm thường, xe Honda chạy thẳng lên sân. Sau khi lên điện

lạy Phật và ngắm lại các bức tượng xưa mà tôi đã thầm mang theo hình ảnh đi khắp nơi trên thế giới, tôi ngồi lại ngay chỗ ngày xưa ông tôi ngồi, còn ngôi chỗ của Ôn Châu Lâm là thầy Phước Thành, một vị đệ tử của Ôn. Bên cạnh tôi là chú Hạnh Viên, một vị xuất gia còn rất trẻ, từ miền Nam ra đây tu học. Theo truyền thống xứ Huế mùa đông, chúng tôi rút chân lên ghế cho ấm, ngồi uống trà trong ngôi nhà xưa, nơi Ôn từng sống hẳn cũng gần 40 năm. Tôi nhìn ảnh của Ôn, tưởng chừng như thời gian đọng lại trong căn nhà mờ tối này.

Tôi nhìn chú Hạnh Viên với chút thú vị. Trong Nam xa xôi tại sao chú lại "lặn lội" ra đây tu học, bộ trong đó không có chùa sao mà ra Huế chịu khổ vì lạnh và ẩm, nhất là tại sao chú lại chọn đúng ngôi chùa vô danh và nhỏ bé này. Chùa Châu Lâm của tôi bây giờ đã được đồn xa tiếng lành rồi chẳng? Thời gian không hề đọng lại như tôi tưởng vì bây giờ trong ngôi chùa khang trang đã có điện thoại, có máy vi tính, có tủ sách, có internet.

Tôi nhìn thầy Phước Thành, tính ra thì Thầy hơn tôi có vài tuổi, y như ngày xưa Ôn hơn ông tôi vài tuổi. Ôi, thời gian đâu có bao giờ đọng lại, Ôn và ông tôi đã mất, còn tôi nay bằng cỡ tuổi ông tôi năm xưa. Chỉ căn nhà mờ tối này và mùi thơm của hương trầm mới không hề thay đổi. Tôi nhìn mắt thầy Phước Thành, hỏi thăm bệnh mắt của thầy. Thầy cho biết một bên mắt không thể cứu chữa được và bồng buột miệng:

Phù nghiệp hệ thọ thân, *Bởi do nghiệp trời buộc mà có thân,*  
Vị miễn hình lụy *Chưa ai khỏi khổ lụy về thân.*

Đó là hai câu đầu trong *Qui sơn cảnh sách*. Tôi đã biết *Qui sơn cảnh sách* là một tập luận nhằm khuyên cáo tăng sinh, nhưng hôm nay tôi nhận ra nó được bắt đầu bằng hai câu đầy lòng từ bi và thương xót. Thân người chỉ là tập hợp của những yếu tố vật chất, hai câu này vang lên như một lời cảm khái, đầy an ủi cho cuộc đời nhân sinh.

Tuy nãi tứ đại phù trì *Tuy nhờ bốn đại giữ gìn*  
Thường tương vi bội *Nhưng chúng thường trái nghịch*

Vô thường lão bệnh, bất dữ nhân kỳ *Vô thường già bệnh, chẳng hẹn với người*  
Triêu tồn tịch vong, sát na dị thể *Sớm còn tối mất, một sát-na đã qua đời khác*

Tôi nhìn hình Ôn, nhớ Ôn và ông tôi. Cả hai vị đã trường thọ nhưng quả có người sống một cuộc đời rất ngắn ngủi, quả là cái chết chẳng hẹn với người. Người Tây Tạng chẳng từng hay nói: "Kiếp sau có khi tới sớm hơn ngày mai". Thấm thía thay! Tôi lắng nghe lời giọng ngâm trầm ấm của thầy Phước Thành và lắng nghe chính lòng mình, khám phá có vài điều khác lạ.

Những câu kinh luận như trong *Qui sơn cảnh sách* ngày xưa là những lời căn dặn thường tình nay bỗng có chiều sâu thẳm. Đó chính là những kết luận lớn nhất của con người. Những điều mà ta chỉ hiểu bằng trí năng, bằng lý luận nay là sự trải nghiệm đích thực của chính mình. Đạo Phật quả có nhiều mức độ và chiều kích mà có lẽ lòng người chỉ thấu hiểu nó sau khi bản thân mình đã sống trải và tâm phải đang dò tìm thực sự.

Tôi nhìn thầy Phước Thành với lòng hâm mộ giọng ngâm. Thầy cho biết tăng sinh nào cũng phải thuộc nằm lòng *Qui sơn cảnh sách* từ hồi nhập môn. Tôi quay nhìn chú Hạnh Viên, chú mỉm cười gật đầu. Tôi lại khám phá ra một điều mới mẻ nơi chính mình. Thầy Phước Thành không quá xa tôi như hình ảnh của Ôn Châu Lâm ngày trước, vì một lẽ là chúng tôi cùng một thế hệ, nhưng một lẽ khác quan trọng hơn là tôi cảm nhận rõ hơn bao giờ cả, một tu sĩ cũng có những "khổ lụy" về thân. Đúng thôi, chưa có ai được "vị miễn hình lụy". Có lẽ ngày xưa Ôn Châu Lâm cũng thế mà tôi không biết chẳng. Hình ảnh của một nhà tu thâm nghiêm của thời xa xưa bỗng biến đi và nhường chỗ cho một con người với lòng thương yêu gần

gửi. Tôi nhìn hình Ôn, nhìn thầy Phước Thành, nhìn chú Hạnh Viên, nhìn chính mình và nhận ra một điều kết nối giữa bốn chúng tôi, một điều mà tôi chưa bao giờ nhận thấy thật rõ, đó là tình đồng đạo.

Tình đồng đạo, một điều vốn được nói đến quá nhiều để trở thành sáo ngữ, nhưng trong buổi sáng mùa đông nọ tại Huế, tôi thấy vô cùng đích thực. Thoắt một cái tôi bỗng nhớ tới những người bạn quý đang sống trên đất nước Việt Nam, tại Pháp, tại Đức, có những người đã rất lâu tôi chưa gặp lại, nhớ cả những người tôi chưa bao giờ được gặp, chỉ trao đổi bằng thư từ. Tất cả giữa chúng ta có một điều chung, đó là những người cùng nhận đức Phật làm thầy. Tất cả đều ập về một lúc như thể trái đất chật ních những người đó, những người mà ta gọi là "tăng", một trong ba tam bảo.

Trong một lúc tôi nhớ đến những bất mãn, những phê phán, những nghi kỵ của mình đối với nhiều thầy, nhiều bạn về các mặt như giáo lý, chủ trương, phép tu tập, thái độ chính trị...và nhận thấy mình phiền diện. Không phải vì những điều khác biệt đó không có, mà vì đầu óc thiển cận của mình chỉ cho thấy cái khác, cái riêng, mà không chịu thấy cái gốc rễ to lớn đã sinh ra muôn vạn lá cành, không thấy cái tình nghĩa, cái chung nhất của những người đi chung một đường. Không đại đột sao khi ta chỉ thấy sóng nhấp nhô khác nhau mà không thấy chất nước? Huống hồ gì những người như chúng ta không hề "chật ních" trên trái đất mà thật ra vô cùng mỏng yếu và đang bị các yếu tố xã hội phân hóa và xói mòn một cách không thương tiếc. Những con người đó không những chỉ chịu hình lụy của thân thôi mà còn bị xã hội và các thế lực khác thử thách, xâu xé, lừa dối, chia rẽ...một cách vô cùng tinh tế và tàn bạo.

Nhưng tôi vẫn không tuyệt vọng. Tôi nhìn hình Ôn Châu Lâm và hai vị tu sĩ trong căn nhà mờ tối nọ của Ôn để lại và thấy tính chất liên tục của thời gian và đạo pháp. Sau Ôn có thầy Phước Thành, sau thầy Phước Thành có chú Hạnh Viên. Sau lớp người chúng tôi vẫn có những con người rất trẻ hướng về ánh sáng chân lý của tự thân. Những dòng người tự nguyện tiếp nhau đi trên một con đường đạo, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Tôi bỗng nhớ đoàn người kéo nhau lên đỉnh Linh Thửu tại Ấn Độ để đánh lễ đức Thế Tôn, họ cũng tự nguyện đi đường xa vất vả đến đó, tất cả cũng chỉ vì một lòng kính mộ sự thật.

Tôi chợt nhận ra rằng chính những khổ lụy về thân và những thử thách của xã hội mới làm ta thấu hiểu nhiều điều. Có những điều giản đơn mà sau nửa thế kỷ ta mới nhận ra nó. Đó là một ngày mùa đông, trong chùa Châu Lâm vô danh và nhỏ bé...

**Nguyễn Tường Bách**  
**8.1.2004**

# Bóng người trên sương mù

## Truyện Nhất Linh

Viết theo chuyện một người bạn kể lại.

Ở ngoài, đêm tối như mực. Trong toa hạng nhì, riêng tôi ngồi đối diện với Trạch, một người bạn cũ, tình cờ gặp vì cùng đi một chuyến xe. Mười năm trước, bạn tôi còn là một người cầm lái xe lửa, cũng hân vi như tôi; bây giờ gặp nhau trong toa hạng nhì, hai người cùng ngạc nhiên và cùng mừng cho nhau.

Lúc nói chuyện, tôi thấy bên cạnh bạn có cái hộp khảm rất đẹp, liền cầm lấy xem, rồi tình cờ mở hộp ra; bạn tôi như có ý không bằng lòng, nhưng vì nể tôi nên không nói gì. Tôi nhìn vào hộp thấy rất lạ: hộp bịt kín, ở trong có một con bướm rất to, hai cánh đã xơ xác. Tôi hỏi bạn:

- Con bướm này vùng tôi thường thấy luôn, quý gì mà anh giữ cẩn thận thế này?

- Vâng, bướm thường, nói cho đúng thì chính là một con ngài, nhưng đối với tôi...

Vừa nói đến đây, xe rầm rầm đi qua một cái cầu sắt. Bạn tôi lắng tai nghe rồi nói:

- Xe đi qua cầu N.G.. Tôi bắt con bướm chính ở giữa cái cầu này đã mười năm nay...

Thấy bạn có vẻ khác, tôi đoán có chuyện gì, liền hỏi:

- Con bướm này chắc cũng có sự tích gì đây?

- Vâng, nhưng sự tích buồn... chuyện đã ngoài mười năm: mười năm trước độ anh đi Saigon thì tôi còn là anh cầm lái tàu hỏa. Chính độ ấy tôi chạy con đường này, tình cảnh tôi độ ấy anh đã rõ.

- Cũng như tình cảnh tôi...

- Nhưng có một việc tôi không nói anh hay là độ ấy tôi có lấy một người vợ, nhưng giấu nhà, giấu mọi người, giấu anh. Chúng tôi sống trong tình cảnh nghèo khổ mà thật lấy làm sung sướng. Nhưng vì cảnh nghèo, vì nhà tôi không quen chịu được kham khổ nên người một ngày một yếu dần.

Về sau nhà tôi bị bệnh nặng mà tôi thì vẫn phải đi làm, không ai trông nom ở nhà. Một đêm nhà tôi yếu quá ngất người đi mấy lần, mà chính đêm ấy là đêm tôi được ông Chánh cử đi cầm lái chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền. Thật là một dịp rất hay cho tôi. Nhưng tôi biết không thể nào đi được, liền vào kêu với ông Chánh, nói là vợ ốm. Ông Chánh đập bàn đập ghế, gắt:

- Tôi không biết! Một là mười giờ đêm nay anh phải có mặt ở ga, hai là từ giờ này trở đi anh đừng bước chân tới đây nữa. Thôi anh ra!

Lời ông Chánh nói quả quyết, tôi phân vân không biết nghĩ ra sao: lúc về nhà, ngồi ở đầu giường, nhìn đến vợ mới biết rằng không đi được, dầu có mất việc làm cũng không cần.

Nhà tôi thấy tôi có vẻ lo nghĩ, hỏi nguyên cớ vì sao, tôi liền đem việc ấy kể lại cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong, vẻ mặt tươi hẳn lên bảo tôi rằng:

- Thế cậu đi chứ! Việc gì phải ngăn ngừa! Tôi không việc gì đâu, đã thấy đỡ nhiều. Chiều mai về mua cái gì làm quà cho tôi đấy.

Tôi thấy nhà tôi cười nói vui vẻ, tôi vững tâm, thay quần áo ra ga. Đến ga đúng mười giờ. Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liều. Lúc đó tôi có cái cảm giác lạ lẫm: hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không nhìn thấy mặt vợ tôi nữa. Tôi cố định trí để cầm máy, nhưng chỉ được một lúc thôi.

Bỗng cả chuyến xe lửa nghiêng về một bên, rồi lắc lư như muốn đổ. Người "ét" của tôi vội bỏ cái xéng xúc than, níu lấy tôi nói:

- Ô hay! hôm nay ông làm sao thế? Chỗ ấy đường cong nguy hiểm thế mà ông không hãm máy. Ông ngủ à?

Tôi không ngủ nhưng người tuy ở đây mà trí còn nghĩ đến người vợ nằm đợi chết một thân, một mình trong gian nhà nhỏ kia. Mắt tôi hoa lên, mồ hôi ra ướt đầm cả người.

Xe đi vào khe núi, hết cao lại xuống thấp như có vẻ nhọc nhằn. Tôi thò đầu ra cửa nhìn thẳng trước mặt, nhưng đêm ấy sương mù đầy trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới ánh hai cái đèn ở đầu toa.

Bỗng tôi thấy... rõ ràng, tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn bà mặc áo rộng đứng dang tay. Tôi dụi mắt tưởng mình trông hoảng, nhưng không, hình người đàn bà vẫn đấy. Tôi gọi người "ét" lại cửa toa, bảo ông ta nhìn rồi hỏi:

- Bác có thấy gì không?

Vừa nói xong hình người vụt biến mất. Bác "ét" thò đầu ra và bảo tôi:

- Chỉ thấy sương mù! ông lại mê ngủ rồi.

- Không rõ ràng tôi thấy có hình người đàn bà in trên sa mù nhưng vừa biến mất.

Người "ét" cười ra vẻ không tin, lấy xéng xúc than cho vào lò, còn tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ dăm dăm nhìn thẳng trước mặt. Được một lát, hình người đàn bà lại hiện ra, lần này rõ ràng hơn, hai tay ngấn thẳng như muốn ngăn đường không cho xe chạy lên nữa.

Tôi gọi người "ét" nhưng bác ta làm bộ không nghe thấy cứ cắm đầu xúc than cho vào lò. Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật, mà ai cũng phải thấy. Tôi đến cầm lấy tay bác "ét" kéo bác ra xem rồi bảo, cả quyết:

- Nhìn xem!

Bác ta há hốc mồm giương to đôi mắt, hốt hoảng nói:

- Là thật!... ma ông ạ!

Xe tiến đến đâu, cái hình người lại đến đấy, có lúc mờ, lúc rõ, lơ lửng giữa lưng trời. Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thông thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy hiểm.

Tôi bảo bác "ét":

- Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.

- Vâng, sao cái hình lại như lấy tay làm hiệu bảo ta đứng lại.

Cái hình người trước còn vẫy tay thông thả, sau vẫy thật nhanh như người tỏ ý thất vọng, vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe.

- Hay ta dừng xe lại xem sao, chắc là ma!

- Không được, tự nhiên vô cớ.

Còn tôi lúc bây giờ hai tai ư như người mất trí khôn: tôi văng vẳng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tiếng một người đàn bà bảo tôi:

- Đỗ lại! Đỗ lại!

Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái "phanh" như định hãm rồi lại không hãm. Một lát, tôi lại nghe thấy tiếng người đàn bà, rõ hơn lần trước, giục tôi:

- Hãm lại! Hãm ngay lại!

Lúc bấy giờ tôi không biết gì nữa, nhắm mắt hãm phanh lại thật mạnh. Các toa rung một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh vắng. Xe chạy từ từ một quãng rồi đỗ hẳn. Tôi chưa kịp bước xuống, đã thấy người "xếp tanh" cầm đèn lên hỏi:

- Việc gì thế?

Tôi luống cuống không biết trả lời làm sao, vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập mờ:

- Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn Quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy ầm ầm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N.G..

Mấy đêm ấy mưa lũ, nước chắt chảy xiết, nên mới réo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi, mấy người đều kinh hoàng: cái cầu N.G. bị nước nguồn chảy về xoáy gãy làm đôi.

Một tí nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai; tưởng không có cái tai nạn nào ghê gớm hơn, thế mà chính vì tôi nên mới không có cái tai nạn ấy. Tôi đứng ngẩn người không hiểu sao cả.

Người "xếp tanh" mừng cuống quít, hỏi tôi:

- Sao ông biết mà hãm?

- Tôi cũng không hiểu.

Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt, xúm xít quanh tôi hỏi dồn, tôi không biết trả lời ra sao, một lát, mọi người đứng giãn ra, quan Toàn Quyền đến, ngài không nề tôi là người lao động, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen.

Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được trọng thưởng, nhưng trọng thưởng lúc đó đối với tôi cũng như không. Tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà, không biết ra sao. Tôi đi trở lại và thoáng thấy cái gì bám ở cái đèn để đầu toa, nhìn kỹ thì ra một con bướm thật to, vướng vào đèn, đang đập cánh để tìm đường thoát. Chính là con bướm trong cái hộp này đây.

Trông thấy con bướm tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc này là cái bóng con bướm này in lên trên sương mù, đầu con bướm là đầu hình người mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vậy.

Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi, sau nghĩ con bướm đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm kỷ niệm. Tôi nhìn vào đồng hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm...

Hôm sau tôi vừa về tới cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào khoảng một giờ đêm qua.

Tôi không hay tin nhảm; tôi chắc đó chỉ là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để phù hộ cho tôi tránh được tai nạn hôm ấy. Nhưng tránh được tai nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giàu sang phú quý bây giờ đối với tôi cũng như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đây mà hồn tận đâu đâu.

Bạn tôi kể xong câu chuyện, đập cái hộp khâm lại, rồi lại thẩn thờ nói:

- Bây giờ chỉ còn lại cái xác bướm không hồn!

**Nhất Linh**  
Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống ,  
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934

# A SILHOUETTE IN THE FOG (1)

by NHAT LINH (2)

Translated from the Vietnamese by TRUC HUY (3)

---

Adapted from a friend's account.

**I**t was pitch-black outside. In the compartment of second class, I was alone face to face with Trach, an old friend, that a sheer chance had made me meet him in the same train. Ten years ago, he was still conducting the train and lived in a precarious financial situation like me. We were both amazed and happy to meet each other again in this coach.

While speaking to him, I noticed, lain by his side, a very beautiful box inlaid with mother-of-pearl. I took it up to admire it more closely, and I opened it fortuitously. My friend appeared to be dissatisfied but, out of consideration for me, he did not say anything. Then I found out something quite unusual: locked up well in the box was an enormous butterfly with its wings already damaged. I told him:

- Butterflies, like this one, are commonly seen in my region; they aren't of rare species. Why do you want to preserve it with so much care and affection?

- It's true. It is a very common butterfly. As a matter of fact, it's just a bombyx, but for me...

The roar of the train passing on a metallic bridge interrupted his sentence. He listened attentively to that sound, and then declared:

- We are just crossing bridge N. G.. It's precisely on this bridge, in its middle, that I caught this butterfly, ten years ago...

His face seemed to change expression. I presumed that there was something the matter with him, so I hastened to ask:

- This butterfly is undoubtedly related to some kind of story, isn't it?

- Yes, a sad story ... It happened to me more than ten years ago, about the time when you made a move to Saigon; and myself, I was still conducting a train and worked on this line. No need for me to tell you in what situation I was then; you know that well.

- In the same situation as mine...

- However, I did not tell you one thing: by that time, I was just married, but I kept it secretly from my family, from everyone, from you. My wife and I, we lived in poverty, yet we were really very happy. My wife, however, was too fragile to support all these privations, and her health's condition declined day after day. Then, with time, she became seriously sick. Unfortunately, I had to continue to go to work, although there was nobody to look after her at home.

One evening, my wife lost consciousness several times; and that precise evening, my superior ordered me to lead the official convoy of the Governor General. It was a true chance for me, but I could not accept. I immediately went and saw my superior to explain to him that my wife was very sick. He flew into a white rage and shouted to me:

- I don't want to know! Either you will show up at the station at ten o'clock tonight, or you can quit your job right now and it's not necessary for you to come back again. Get out of here now!

His words proved to be inflexible; and me, I could not know which decision to take. However, when returning home and sitting beside my wife lying in bed, I realized, in seeing her, that I could not leave her alone at home like that, that I needed to remain by her bedside, whatever would happen, even should I lose my job.

My wife, seeing me so anxious, questioned me. I told her the whole story. After I finished my account, her face became very radiant, she said:

- You will go there! There is nothing to worry about. I'm all right. Moreover, I feel myself much better now. When you return home tomorrow evening, don't forget to bring me a small gift.

I saw her laughing and speaking merrily; that reassured me. I got dressed and left for the station. When I arrived there, it was exactly ten o'clock. However, right after the departure of the train, I started to feel myself very anxious: I realized that I had behaved inconsiderately! I got a very strange feeling, something like a presentiment: it seemed to me as though, when I left my wife alone at home like that, I was not going to see her again, alive, at my return.

I tried to concentrate myself in operating the machine, but that hardly lasted very long. Suddenly, the train seemed to oscillate and lean on one side, as if it were going to overturn. My heating aid released his shovel and grasped me:

- Hey! What have you tonight? This turning is dreadfully dangerous, and you did not slow down. Did you fall asleep?

I did not fall asleep but if I was there well upright, my spirit, on the other hand, was somehow with my dying wife, at home, lonely in our small house. I had dazles in my eyes and I was covered with sweat.

We entered a mountain ravine. It was a rough pass for the train, because of upward and downward slopes. I leaned my head outside through the door to look in front of me; but that night, there was a thick fog. One could not distinguish anything except a white gleam formed in the beam of the two headlights.

Suddenly, I saw ... very distinctly, I saw, in the fog, the silhouette of a woman wearing a very loose white dress, standing over there, at some distance ahead of the train, her arms fully stretched out. I rubbed my eyes, believing in a hallucination, but the silhouette was always there. I called my aid and sent him to look by the door, then asked him:

- Don't you see something?

Hardly had I finished these words that the silhouette disappeared. My aid leaned his head outward then replied:

- I only see the fog! You must have a dream.

- No way, I saw very well a silhouette of a woman in the fog, but she has just disappeared.

My aid laughed, incredulous. He took his shovel and added coal into the boiler; and me, on the other hand, I could not move from there, my eyes still looking the route in front of me. A few moments later, the woman's silhouette reappeared again, this time much clearer, and stretched her arms wide open, as if she wanted to bar the train from moving on.

Again I called my aid, but this time he pretended not hearing me, feigning absorbed in throwing coal into the boiler. I knew that I did not dream, I knew that the silhouette was real, and that everyone would see it. I caught my aid's hand, took him to the door and said with determination:

- Now, look again!

His mouth and eyes wide opened with great fear, he uttered:

- It's very ... very strange ... It is a ghost!

As the train advanced, the woman's silhouette moved back, floating between sky and ground, and being specified and growing blurred in turn. Then, the silhouette waved both arms in full gesture, as though she wanted to convey to us to stop, that there was imminent danger.

I said to my aid:

- I think it will occur something abnormal.

- Yes, the silhouette seems to gesture to us to stop.

The woman's silhouette persisted in making great gestures of arms, which became increasingly faster and faster, as if she were desperate not to be able to make herself understood.

- I think we'd better stop the train and find out what it is. It's certainly a ghost!

- You should not do that. There is no reason...

Then I heard a sort of buzzing and steady noise that continually amplified in my ears. I felt myself as if I were going to lose conscience at any moment: a voice reached me from very far, a woman's voice that said to me:

- Stop! Stop!

As I listened attentively to that voice, my hand held firmly the brake, ready to apply it, however not daring to do so. Again, I heard the woman's voice, more distinct and more urging than ever:

- Slow down! Apply the brake immediately!

Not realizing what I did, with my eyes shut, I jammed on the brakes brutally. The sudden movement shook all the coaches; the iron wheels howled in the silence of the night. The train still ran a little distance more, then immobilized. As I hardly climbed down the steps, the train guard came running, holding a lantern in his hand, and asked:

- What happened?

I was confused, not knowing what to answer. Who would believe me even though I would tell the truth? I mumbled:

- There is something very strange. Let me go and find out with the lantern.

Coming to the news, the officers of the Governor's delegation joined us and, before this unexpected event, accompanied us. At some distance from there, we heard the roar of a waterfall. By gathering my spirits, I realized that we were at bridge N. G..

On the previous days, it had been raining abundantly; and it was probably the torrential flow that caused such a tremendous sound. Arrived at the edge of the river, what we saw with the gleam of the lantern struck us with stupor: the torrent had divided the bridge in two.

A little more, if I had not slowed down in time, the convoy transporting the Governor would have been precipitated in the ravine, and none of us would have

survived. One could not imagine such a more appalling catastrophe, and it was I who had avoided it by a hairbreadth. I was standing there, stupefied, unable to understand what had happened.

The train guard, glowing with great relief, asked me:

- How did you know that it was necessary to slow down and apply the brake in time like that?

- I really don't know.

With joy painted on every face, the officials made circle around me, assailing me with questions to which I could not answer. Then they drew aside to give way to the Governor General himself. Although I was only a simple railway worker, the Governor did not hesitate, in his joy, to shake my hand soiled with coal and to express to me his congratulations.

It was undoubtedly that I was going to receive a deserving award or honor but, at that precise moment, it was to me of little significance, since I was totally absorbed in thinking to my wife, ill and lonely at home.

When I got back to the train, I suddenly caught sight of something stuck on one of the headlights. As I looked at it more closely, I saw that it was a very large butterfly, taken in the headlight and still being struggled to free itself from there. It was precisely the same butterfly you see here in this box.

I understood the whole thing immediately by looking at it. The truth was this: the woman's silhouette of a few moments ago was in reality the shadow of that butterfly projected on the fog. The head of the animal was the head of the woman's silhouette, and its beating wings her waving arms.

I caught the insect and was about to release it, but thinking that it had saved my life, I decided to keep it as a souvenir. At that very moment, the clock in the train indicated two o'clock in the morning...

The following day, as soon as I arrived at the steps of my house gate, a kid got out precipitately, announcing to me that my wife had died; she died in the night, around one o'clock in the morning.

I'm not superstitious and want to convince myself that it was merely something fortuitous, that it was just a coincidence. However, I could not prevent myself from thinking that my wife's soul had been reincarnated in this butterfly to preserve me from that accident, that night.

What is the meaning of my life now? I have survived and have saved my body, but for what? Wealth and glory are vain things for me now. I am now very much alike this butterfly, even though my body is here, but my heart is elsewhere...

When he finished his account, my friend closed the mother-of-pearl inlaid box and said absent-mindedly:

- Now, there is left here only the remains of that butterfly, without its soul!

---

(1) Translated from "Bong Nguoi Tren Suong Mu", a story from the collection "Anh Phai Song" (You Must Live) by Khai Hung and Nhat Linh, published in 1937.

(2) Nhat Linh (real name: Nguyen Tuong Tam, 1905-1963), was the most important pre-war Vietnamese novelist. In 1931, he met Khai Hung (real name: Tran Khanh Giu, 1896-1947), one of the most famous Vietnamese authors of the first half of the 20th century, and the two founded, in 1933, the "Tu Luc Van Doan" (Self Strength Literary Group). He contributed largely to ensure the literary revival in Vietnam during the pre-war period.

Nhat Linh's main works are:

- "Nang Thu" (Autumn's sunlight) - 1934 (novel)
- "Doan Tuyet" (Breaking the ties) - 1935 (novel)
- "Lanh Lung" (A lonely life) - 1936 (novel)
- "Anh Phai Song" (You must live) - 1937 (short stories) (in collaboration with Khai Hung)
- "Hai Buoi Chieu Vang" (Two golden afternoons) - 1937 (novel)
- "Doi Ban" (Two friends) - 1938 (novel)
- "Buom Trang" (White butterfly) - 1939 (novel)
- "Xom Cau Moi" (Cau Moi hamlet) - 1958 (novel)
- "Dong Song Thanh Thuy" (Thanh Thuy river) - 1960-1961 (novel)

(3) Truc Huy (pseudonym of Nguyen Dinh Tham) was graduated from University of Saigon. He left Vietnam in April 1975 and currently lives in Canada with his family. He is the author of "Studies on Vietnamese Language and Literature: A Preliminary Bibliography", published by Cornell University Press, Ithaca, New York, 1992.

# Người Nhật , Nước Nhật : (1) Hayashi Fumiko

Văn-Lang Tôn-thất Phương

Có lẽ không bao nhiêu người Việt mình biết đến nữ văn sĩ *Hayashi Fumiko* (1903-1951), mặc dù bà là ngôi sao sáng của cận đại Nhật Bản, và đã từng đến sống ở Việt Nam (1942-1943).



Đây là một cây bút không mệt mỏi: trong 24 năm viết lách, bà đã viết được 86 cuốn sách, và trên 200 loại truyện ngắn hay đoản văn. Đa số những sách này bán chạy như tôm tươi - vì qua ngòi bút của bà, quần chúng thấy được cái nhọc nhằn của người phụ nữ Nhật trong thời chiến tranh và những đói nghèo của xã hội Nhật sau Thế Chiến. Văn chương của Hayashi Fumiko là nỗi niềm của những người phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo, luôn luôn chật vật với sinh kế và thua kém về mọi mặt, nhưng biết ráng tranh đấu - với hoàn cảnh và với chính mình - để mà sống. Có những cái gắng gỏi, tưởng là dễ nhưng lại rất khó đối với một phụ nữ nghèo túng, ví dụ như cố nuôi hy vọng, không muốn ngã vào con đường làm gái bán thân !

Bà sinh ra vào lúc năm cùng tháng tận: 31 tháng 12, 1903. Cha bán hàng rong ở một tỉnh lẻ vùng Kyushu, mẹ là con gái của một chủ lữ quán (*onsen ryokan*). Hai ông bà ở với nhau không cưới hỏi gì. Mẹ bà cũng khá phóng túng: trước Fumiko, người mẹ mới 35 tuổi nhưng đã có sẵn 3 đứa con với hai người chồng trước, và ông chồng hiện tại thì nhỏ hơn bà đến 14 tuổi. Không được gia đình chấp thuận, cả hai phải dấn thân ra đi, tìm đến sinh sống ở Shimonoseki. Fumiko ra đời ở đó.

Fumiko mới lên 6 thì một hôm ông bố - đang sống muối dưa ngày hai buổi với vợ con - bỗng được "trúng mảnh" trong chuyện làm ăn, và dắt ngay một cô geisha về nhà. Bà mẹ giận dữ bỏ ra đi với một tình nhân mới - trẻ hơn bà 20 tuổi - và dẫn Fumiko theo. Cả gia đình lê lết từ thành phố này qua thành phố khác, buôn lẻ bán rong. Tuy người bố mới rất hiền, nhưng cuộc sống lang thang làm đứa bé không học hành gì ra hồn. Có mấy năm ở tiểu học mà Fumiko phải đổi trường đến 7 lần, và do đó không có bạn học nào hết. Thú vui của cô bé là đọc sách, và nô đùa với những ai chịu khó chơi với mình. Cuộc sống thì làm than, nghèo đói. Cha mẹ của Fumiko không thuê nổi một chỗ riêng cho mình, cứ phải ở trọ trong những căn nhà có đủ hạng người cùng cực và khá khác thường : một cô gái giang hồ cụt một ngón tay và có xăm hình 1 con rắn trên bụng, một chú thợ mỏ khùng khùng, một anh hát dạo chỉ có một mắt ...

Khi Fumiko lên 12 tuổi thì gia đình dọn về Onomichi, một vùng ven biển gần Hiroshima. Nơi đây, cô bé may mắn được một thầy giáo dạy tiểu học thương tài viết của cô nên thúc cô thi vào Trung Học Cấp 2 (năm 1918). Bà mẹ thấy thế nên ở yên một chỗ cho đến khi cô bé tốt nghiệp. Vì Fumiko phải đi làm ban đêm để trả học phí cho nên học hành cũng không giỏi giang gì. Nhưng ở đây cũng có một giáo viên khác khuyến khích cô trau dồi văn chương, và nhờ đó Fumiko làm quen được với các tác phẩm của Basho, Walt Whitman, Heinrich Heine, vv ... Cô bắt đầu làm thơ đăng báo.

Người tình đầu tiên của Fumiko là Okano Gun-Ichi, cả hai vốn thích nhau vì văn chương. Năm 1922, sau khi tốt nghiệp Trung Học, Fumiko theo chàng ta lên Tokyo. Cả hai chung sống với nhau cho đến khi chàng xong đại học. Nhưng họ không cưới được nhau: gia đình chàng chê Fumiko là ... đẹp và rất thông minh, nhưng nghèo và xuất thân hạ tiện.

Thời thế là tan một chuyện lòng! Fumiko bỏ về Onomichi một thời gian, nhưng sau đó quyết định trở lại Tokyo dù phải làm đủ nghề chật vật để sinh sống: ngồi khâu tiền ở nhà tắm công cộng (Ofuro), giữ em, làm thư ký, phụ việc cân chế thuốc, làm cho tiệm cầm đồ, sơn đồ chơi trẻ con, vv... ' Nghề ' mà Fumiko

làm lâu nhất là chạy bàn trong một tiệm cà phê nhỏ, ban đêm thì về giúp cha mẹ bán ở xe hàng rong (hai người này đã dọn lên thành phố Tokyo).

Tuy thế, không phải lúc nào cũng có việc làm. Nghèo đói quá, có lần Fumiko đã phải lén nhỏ trộm rau cải của người ta trồng dưới ruộng, có khi lại phải ngủ trong cầu tiêu công cộng. Fumiko ghi lại có lúc đã rất xuống tinh thần:

*Trời đêm - hôi hám - tối thui  
Nếu nhà vắng chủ, ắt tôi chui vào  
Tôi nghèo - có trộm [cũng] không sao  
Còn chi nữa để ước ao bây giờ  
Người tình cũng đã thờ ơ  
Chê tôi khốn khó !*

*Đêm chờ tôi nao ...*

Cùng cực tới mức có lúc Fumiko đã tự tử để tránh cái thúc ép của ý nghĩ vì túng quá có nên bán thân nuôi miệng hay không. Nhưng thuốc ngủ không đủ mạnh! Sau khi tỉnh dậy, Fumiko tự nhủ là phải ráng hết sức để mạnh dạn sống tiếp cuộc đời mình ...

Khi nghề nghiệp đã long đong thì hình như tình duyên cũng lận đận. Năm 21 tuổi, tuy nghèo nhưng Fumiko đã cuu mang nuôi 1 chàng nghệ sĩ xác xơ! Được chừng dăm bảy tháng, nàng sững sờ khám phá ra chàng có một số tiền kèch sù 2,000 Yen [bằng mấy năm tiền lương] cất trong nhà băng, và một xấp thư tình mùi mẫn của một nữ lưu nào đó ... Fumiko "dứt duyên tơ" ngay, nhưng lại sa vào tay một kẻ tệ hơn: Nomura Yoshiya. Anh chàng này tuy là thi sĩ nhưng thuộc loại trời gà *rất* chặt, và ... thượng cẳng chân hạ cẳng tay với nàng khá thường xuyên! Tuy vậy cả hai vẫn sống với nhau - cho đến một hôm, chàng đã nàng nằm bẹp dưới đất, rồi nhét nàng vô trong một cái túi lớn, đem vào bếp vát dưới gầm nhà...

Năm 23 tuổi (1926), Fumiko gặp Tezuka Rokubin, một họa sĩ - và chàng này thì bình thường hơn, nghĩa là biết thương yêu nâng đỡ nàng. Hai người sống chung với nhau cho đến ... 18 năm sau (1944) mới hợp thức hoá là vợ chồng!

Fumiko vốn nặng tình với chuyện viết lách từ những năm nghèo đói. Cô viết nhật ký rất dài, và cũng hay làm thơ, thỉnh thoảng có gửi dăm ba bài đi xuất bản trong các tạp chí. Cô thích đọc văn [bản dịch] của Tolstoy, Baudelaire, O'Neill và nhà văn Na-Uy Knut Hamsun.

Năm 1927, Fumiko góp những điều đã chép trong nhật ký để viết lại thành sách, lấy tựa là *Những Ngày Lang Bạt* (*Ho-ro-ki*). Đưa bao nhiêu nhà xuất bản cũng đều bị từ chối. Cuối cùng, có một tạp chí chịu đăng nó thành từng phần, nhưng họ cũng làm khó dễ, không chịu đăng liên tục. Mãi đến năm 1930 mới có ban biên tập của một tạp chí khác đọc thấy thích và cho in ra thành sách.

Không ngờ, sách vừa mới cho ra, độc giả đã đua nhau mua ngay mấy trăm ngàn cuốn, một kỷ lục vĩ đại! Lúc này Fumiko mới 26 tuổi. *Những Ngày Lang Bạt* nói lên tất cả những nỗi niềm mà Fumiko đã trải qua trong những năm khó nhọc. Mỗi phần của cuốn sách là những nét cắt gọn mà sâu về những lam than của chính bản thân nàng: đổi từ nghề này qua nghề khác nhưng chả nghề nào vinh, cuộc sống thì bao giờ cũng bị đồng tiền dẫn dắt ..., trong đó cái nghèo làm đôi khi con người chỉ dám mơ ước đến những cái thực ra vốn rất bình thường:

*Tôi mong sao mua được một ít thuốc để tẩy những vết dơ trên áo ...  
Nhà trọ rất ồn ào vào giờ ăn tối. Mùi đồ ăn người ta nấu cứ bay vào phòng làm tôi thực là  
thèm ...*

*Bay đến đây đi, ôi trống lược  
Bay đến đây đi, đậu ngào đường*

*Bay đến đây đi, ôi tô mì nước  
Bay đến đây đi, bánh mì kẹp mít dâu.*

Cá nhân thì như thế, còn cuộc sống của đa số trong xã hội nói chung thì cũng không có gì phấn khởi: Fumiko tả lại cảnh xin việc ở một tiệm bán gạo, người ta chỉ cần có hai nhân viên mà hàng trăm phụ nữ đứng xếp hàng chờ. Ở phần khác thì kể chuyện đám thợ nề nghèo mà say sưa, chỉ biết nốc vô cả chục chai rượu saké, rồi xô xát với nhau ...

Dĩ nhiên *Những Ngày Lang Bạt* đi xa hơn những chuyện nói về nghèo khó. Trong cuốn sách, Fumiko cũng bộc lộ mọi ý nghĩ và mơ ước của mình: "tôi muốn hét to lên như một người điên" ... "phải viết, chỉ có viết thôi, quên hết để mà viết lách ... rồi để xuất bản ... 500 cuốn thì phải tốn 80 Yen ... chắc phải đem đi cầm cái kimono mới trả đủ " ... Thịnh thoảng cũng có chen vào một vài bài thơ, mỗi bài mỗi khúc đều làm người đọc ngậm ngùi vì cảm cảnh:

*Tôi biết chi đâu, thời thơ ấu  
Giờ đã hoang tàn hoá bụi tro !*

Nói chung, độc giả ưa chuộng *Những Ngày Lang Bạt* vì nó đầy tính riêng chung: hàng chục vạn phụ nữ Nhật thấy cuộc sống của mình được nói ra trung thực. Sách bán ra đem lại một số tiền khá, Fumiko biếu mẹ một phần, và dùng để đi du lịch hơn 1 tháng bên Trung Quốc. Lúc trở về (1931), theo yêu cầu của độc giả, Fumiko viết *Những Ngày Lang Bạt II* (Zoku Horoki), và cho xuất bản lại tập thơ *Bóng Dáng Ngựa Xanh* (Ao-uma o Mitari)

Hai tác phẩm khác ra đời sau đó: *Cái Phở Nhỏ có Cá và Phong Cầm* (Fukin to Sakana no Machi) và *Thanh Bân* (Seihin no Sho). Truyện thứ nhất nói về những kỷ niệm thời thơ ấu của Fumiko ở Onomichi, tác phẩm thứ hai gồm nhiều truyện ngắn nói về tình cảm giữa Fumiko và Rokubin trong bốn năm đầu chung sống. Lúc này Fumiko đã hết tiền, chàng và nàng lại sống trong nghèo khó - nhưng thương yêu nhau hơn. Qua Rokubin, Fumiko bắt đầu tìm lại được lòng tin vào thiện tâm của con người, một điều mà từ bao lâu nàng vẫn ngỡ vực.

*Thanh Bân* được quần chúng lẫn các nhà phê bình văn học ủng hộ nồng nhiệt. Có tiền, Fumiko lại đi du lịch: lấy tàu lửa xuyên Siberia để qua Moscova, sau đó tới ở Paris khoảng 4 tháng, đi xem Opera và diễn kịch, thăm các viện bảo tàng vv... cho đến khi cháy túi mới trở về (tháng 6, 1932). Trong thời gian ở Paris, Fumiko có viết ít bài ngắn, gửi về đăng ở các tạp chí.

Bây giờ bà đã nổi danh nên những nhà xuất bản và các hội đoàn giành nhau tìm đến để đặt cọc bài viết, hoặc mời đi thuyết trình. Fumiko không từ chối một ai, vì muốn kiếm tiền, và được đi chơi đó đây. Tuy vậy cứ mỗi mùa Hè thì Fumiko lại rút về một nơi yên tĩnh trong vùng Omomichi để có thì giờ viết lách và để cho Rokubin vẽ. Về sau, Rokubin cũng khá lên, tạo được tên tuổi trong nghề nghiệp của mình.

Qua 1934, những viết lách của Fumiko - dù vẫn mang tính hiện thực phê phán - đã bắt đầu thoát dần ra khỏi loại tự thuật. Tác phẩm *Chú Bé Khóc Nhè* (Nakimushi Kozo) là câu chuyện một em nhỏ có mẹ đi lấy chồng khác, và vì không ai muốn nuôi nên cứ phải bị chuyển tay từ người này qua người khác trong đám bà con. Tác phẩm *Con Hàu* (Kaki, 1935) thì nói về 1 anh thợ làm túi da cưới phải một cô vợ tham tiền, về sau bị vợ bỏ nên anh dần dần hoá điên ... Cả hai cuốn này đều được đánh giá cao nên Fumiko có tự tin hơn để đi xa khỏi lãnh vực viết truyện tự thuật.

Thường Fumiko không cho ai thấy quan điểm chính trị của mình. Có lẽ nhờ đó mà mùa Thu năm 1936, quân bộ Nhật cho phép bà (lúc đó làm phóng viên) qua tiếp xúc với binh lính Nhật bên Mãn Châu. Năm sau, khi quân Nhật tiến chiếm Trung Quốc, Rokubin bị gọi nhập ngũ. Tháng Chạp, bà xin làm phóng viên chiến trường cho báo *Tokyo Nichi Nichi*, và đã có mặt trong những ngày đầu khi quân Nhật chiếm Nam Kinh. Tuy nhiên, chả rõ vì sợ kiểm duyệt hay vì quan điểm cá nhân - hay cả hai - mà không thấy Fumiko đã động gì đến những thảm cảnh của người dân Trung Quốc, ví dụ như chuyện quân đội của Thiên Hoàng hãm hiếp hơn 20,000 phụ nữ ở Nam Kinh. Fumiko chỉ viết bài trên quan điểm của quân đội Nhật.

Những năm kế tiếp vẫn là những năm mà Fumiko ' khoác chỉnh y ' - bà trực thuộc hẳn vào "*Lực lượng Cầm Bút của Quân Đội*" (*Pen Butai*). Fumiko liên tiếp viết *Tiền Tuyến* (*Sensen*), *Ba Đào* (*Hato*), *Đội Quân Nơi Miệt Bắc* (*Hokugan Butai*), và những loạt phóng sự nói về sinh hoạt của quân Nhật trên các chiến trường Mãn Châu, Trung Quốc. Ngoài ra, bà cũng hay đi diễn thuyết đề "ủy lạo" binh sĩ, hay vận động dân chúng Nhật ủng hộ cho chiến tranh ... Từ 1942 trở đi, Fumiko có mặt trong số những văn sĩ Nhật được gửi xuống 'Nam Phương' (vùng bị Nhật chiếm đóng như Indochina, Singapore, Java, Borneo và Sumatra) để cổ súy cho 'tinh thần Đại Đông Á'. Nhờ có quan hệ tốt với quân đội, trong mùa Đông 1942-1943 bà được đến sống huy hoàng trong những biệt thự sang trọng ở Đà Lạt . Chính phong cảnh hữu tình ở đây đã giúp cho bà sau này viết được cuốn truyện nổi tiếng *Phù Vân* (*Uki-gumo*).

Tháng 5-1943, Fumiko trở về Tokyo. Lúc đó nước Nhật đã quá túng quẫn, ai cũng phải chạy lo kiếm miếng ăn nên chuyện viết lách hoàn toàn không có gì. Mặt khác, chế độ kiểm duyệt ngày càng nặng nề thêm. Ngay cả cuốn *Những Ngày Lang Bạt* cũng bị cấm lưu hành vì bị cho là quá vị kỷ cá nhân và thiếu tinh thần yêu nước.

Dù sao thì về mặt gia đình, Fumiko khá may mắn vì Rokubin được giải ngũ trở về. Hai người nhận một bé trai làm con nuôi, đặt tên là *Tai*. Năm sau, vì Tokyo bị máy bay Mỹ dội bom liên miên nên bà phải bế con sơ tán lên vùng núi non gần tỉnh Nagano. Fumiko chỉ viết được dăm bài thơ và ít bài tạp ghi không đáng kể.

Tháng 8-1945, nước Nhật đầu hàng. Hoà bình trở lại nhưng những khó khăn nghèo đói trong xã hội lên đến cao độ. Tuy vậy, trạng huống mới lại đem đến cho Fumiko nhiều đề tài để viết. Năm 1946, bà có được vài truyện ngắn xuất bản trong các tạp chí [*Bão Tuyết* (*Fubuki*), *Hồ Hẹn* (*Aibiki*), *Nuôi Trong Đồng Rộng* (*Hoboku*), vv... ] và hai cuốn sách [*Cỏ Nổi* (*Ukigusa*), *Du Tình Lai Láng* (*Ryojo no Umi*) ].

Không biết vì chế độ kiểm duyệt đã cáo chung - hay do Fumiko bây giờ mới cảm được mùi thống khổ của chiến tranh sau khi nó có đến cho chính bản thân mình - mà tình cảm của bà bỗng nhiên có vẻ khác đi so với thuở "vác bút tòng quân" lúc trước. Giữa 1946 và 1947, Fumiko bắt đầu viết *Bao Giòng Nước Xoắn* (*Uzu-shio*), nói về tình cảnh những góa phụ có chồng lính chết trong chiến tranh. *Trời Mưa* (*Ame*) là chuyện kể những bơ vơ đau khổ của một anh cựu chiến binh:

*Kojiro* trở về, chán chường, mệt mỏi. Từ lâu, gia đình ngõ anh đã tử trận, nên gả vợ anh cho đứa em trai ... Nghe bố khuyên "đừng xáo trộn làm hư hết mọi sự", anh bỏ quê đi xuống Sasebo, định ở nhờ một người bạn, nhưng không kiếm được. Giữa thành phố Sasebo hoang tàn đổ nát, Kijiro bước đi lạc lõng, nghe mưa quất trên vai mình mà thấy lạnh buốt cả tâm can ...

Khuynh hướng chán chiến tranh hiện rõ thêm trong tác phẩm *Viên Kim Cương ở Borneo* (*Boruneo Daiya*), xuất bản năm 1948:

Manabê là một kỹ sư về hầm mỏ. Ông ta đào được một viên kim cương rất lớn ở Borneo và gửi về cho vợ, mong sẽ thấy nàng hãnh diện đeo lên. Không ngờ, bà vợ đem viên kim cương đóng góp cho quỹ ủng hộ chiến tranh ... Manabê cảm thấy được một sự rỗng tuếch rất giống nhau giữa hai loại người: một bên là những người Nhật đi xâm lăng nước khác và xem dân bản xứ là loài đáng khinh thấp kém, bên kia là một người đàn bà Nhật đã đi làm chuyện "*uổng mất giá trị của một viên kim cương*".

Chính thời 1947-1948 là lúc Fumiko sáng tác rất sung sức: 20 cuốn sách và trên 10 truyện ngắn. *Đời Vô Lại Thong Dong* (*Uruwashiki Sekizui*) là câu chuyện của một cựu chiến binh phải sống lang thang trên các nẻo phố phường. *Gian Truân* (*Hone*) là câu chuyện của một góa phụ hai vai nặng gánh gia đình: chồng thì chết trận ở Okinawa, em trai thì ho lao, ông bố già thì bị truất tiền hưu bổng. Nàng không kham được chuyện đi đàn áo mướn để kiếm sống, nên trở thành gái bán thân. Trong đêm đầu tiên đi khách, nàng nghe cắn rứt "*ừ cả hai tại*". Nhưng chả bao lâu, nàng sớm biết "*liếc sơ qua là nhận ngay được giá trị của từng cái ví tiền*".

Một truyện ngắn khác, *Doá Cúc Muộn* (*Bangiku*), nói về một bà Geisha già tên *Kin*, đã 56 tuổi nhưng vẫn còn đẹp :

Ngày trước, *Kin* yêu 1 chàng bạch diện thư sinh tên *Tabê*, nhỏ hơn *Kin* 25 tuổi. *Tabê* đi lính qua Burma, bây giờ đã trở về, và họ muốn gặp lại nhau. Nàng soi gương trang điểm để chờ "chiến sĩ của lòng em" hiện đến.

Và *Tabê* đến, ăn mặc xuềnh xoàng, cung cách thô lỗ. Chiến tranh đã làm cho "chàng thư sinh ấy" hoá ra 1 con người khác. *Tabê* hiện đang làm ăn thất bại, chuyện vợ con gia đình gặp bế tắc, cô tình nhân thì lại có bầu ... *Tabê* ngỏ lời muốn mượn 400,000 Yen. Khi nghe *Tabê* bảo nếu không có ít nhiều thì không chịu ra về, *Kin* thấy như bị dội một gáo nước lạnh: "*Anh đến để mượn tiền, hay đến để thăm nhau ?*"

*Kin* vẫn cất kỹ tấm hình của *Tabê* từ bao nhiêu năm nay. Giờ đây ... *Kin* đem hình ra đốt. Nàng biết từ đây mình sẽ không còn yêu ai nữa. Mọi sự chỉ là tiền ...

Truyện ngắn *Ngoài Phố* (*Shitamachi*) kể chuyện một người đàn bà nghèo tên *Ryo*:

Chồng của *Ryo* đi lính, bị cầm tù ở Siberia đã 6 năm nay, không rõ mất còn. *Ryo* lo buôn bán nuôi con, mỗi ngày mang trà đi bán dạo khắp phố phường.

Một hôm trời quá lạnh. Có một anh tài xế xe tải tốt bụng mời *Ryo* vào nhà sưởi ấm cho qua cơn gió. Đến thăm anh ta vào ngày sau, và những ngày sau ... *Ryo* thấy lòng xao xuyến, nhưng khi anh ta tỏ tình cảm, nàng từ chối, để rồi sau đó hối tiếc, rồi lại dằn vặt, do dự ... Cuối cùng, như chuyện tự nhiên - hai người trở thành thân thiết. Rồi họ đi xem Ciné chung, tối đó ngủ với nhau ở lữ quán. Những tưởng gió đời từ nay bớt lạnh. Nhưng không may, hôm sau anh tài xế chết đột ngột vì tai nạn ...

*Ryo* vẫn tiếp tục đi bán trà dạo ... Có lần, một người đàn bà nghèo nọ mời nàng vào nhà uống nước. Nhìn bà ta và mấy người phụ nữ khác ngồi khâu bên những chồng áo quần cao ngất, *Ryo* suy nghĩ - những người này, "cũng đàn bà, và còn nghèo khó hơn mình, mà họ còn ráng được thay" ...

Trong hai năm 1949-1950, Fumiko viết thêm khoảng 20 truyện ngắn đăng trên tạp chí và xuất bản khoảng 6-7 cuốn sách, trong đó *Phù Vân* (*Ukigumo*) là cuốn cuối cùng nhưng rất thành công. Truyện nói về 1 người đàn ông và một người đàn bà không thích ứng được với thực trạng:

*Tomioka Ken-ichi* là một kỹ sư lâm nghiệp sang làm việc ở Đà Lạt thời quân Nhật chiếm Việt Nam. Anh gặp *Koda Yukiko*, một cô thư ký đánh máy rất trẻ. Cả hai đang hưởng một cuộc sống thần tiên: nhà cửa thì có sẵn những biệt thự đẹp lầy của những người Pháp giàu, xung quanh thì có núi đồi nên thơ, hoa nở khắp nơi, hồ nước trong xanh, cảnh vật như tranh vẽ, nhiều loài chim nhiệt đới nhón nhơ ...

Vì *Yukiko* là cô gái trẻ (người Nhật) duy nhất ở đó nên có lắm kẻ theo đuổi. Nhưng cô chỉ yêu *Tomioka* dù biết chàng này đã có vợ ở Nhật và đang có một cô nhân tình Việt Nam. *Tomioka* cũng thích *Yukiko*, nhưng vì ham muốn, chứ không yêu tới độ như nàng mê đắm anh ta. Dù sao thì cả hai có thì giờ và hoàn cảnh nên thơ thuận tiện để chung vui, như đi khám phá những vùng rừng núi, hay dạo chơi hồ nước, thăm công viên thiên nhiên, và khám phá về thân thể của nhau ...

Bỗng Nhật thua trận, họ rút về đất cũ thực tại. Trái ngược với cái vùng địa đàng mộng mơ có tình yêu nồng cháy đam mê, Nhật Bản trong những năm hậu chiến là một đất nước đầy hoang tàn và xác xơ vì nghèo đói. Mỗi ngày trên quê hương hôm nay là những cảnh trời

xám gió lạnh, giường ngủ chả có gối êm chăn ấm, bữa ăn hụt nợ thiếu kia ... Dĩ nhiên Tomioka không dám hé môi với vợ về chuyện Yukiko, và vì tiếc của đời, anh cũng không dám nói với Yukiko là mình không yêu cô ta để cho dứt khoát ... Về sau, anh bán nhà lấy vốn đi buôn gỗ, nhưng sớm thất bại, và cuối cùng phải đi ở nhờ vào những người bà con ...

Phần Yukiko, tuy hiểu Tomioka rất rõ nhưng không dứt ra được, nên cô vẫn cố gắng "nú kéo bóng tình yêu". Khi vợ của Tomioka đã mất và anh chàng đi lãnh việc mới ở vùng Yakushima, Yukiko đi theo ... Nhưng vùng này khí hậu ẩm ướt lạnh lẽo, ngày càng làm cho bệnh lao của Yukiko thêm nặng. Nằm hấp hối trên giường bệnh, Yukiko nhận ra

*Những gì mà nàng ngỡ là tiếng muôn cây rì rào trong gió nhẹ của vườn địa đàng Đà Lạt, thực ra chỉ là tiếng của những hạt mưa bị gió tạt, rơi rạt rào trên liếp cửa ngoài kia. Nàng thấy như vệt rơi tòm xuống vực ...*

Yukiko chết đi, còn lại Tomioka bơ vơ sống không nhà không cửa, không vợ, không tình nhân, và không biết sống để làm gì. Bây giờ, anh ta chỉ là "[phù vân](#)" - một cụm mây nổi lêu bêu - như hàng triệu cụm mây khác đang sống bập bênh mất hướng đi dưới bầu trời nặng trĩu của một nước Nhật đói nghèo sau cuộc chiến.

[Phù Vân](#) ra đời chỉ hai tháng sau thì Fumiko bị biến chứng cơ tim, và chết ngay hôm sau, chưa tròn 48 tuổi (28-6-1951). Ngày đưa linh cửu, ngoài giới văn nhân nghệ sĩ ra còn có hàng ngàn phụ nữ, nhiều người tay còn cầm giỏ đi chợ, đến nghiêng mình tiếc nuối tiễn đưa.

Fumiko viết nhiều về cuộc đời của đám đông quần chúng, nên được quần chúng ái mộ . Để tưởng niệm bà, họ dựng một tượng đồng bên con đường lớn ở trung tâm thành phố *Onomichi* (Hiroshima), nơi Fumiko sống thời niên thiếu. Bên cạnh đó là một căn nhà kỷ niệm được làm giống hệt cái văn phòng mà bà thường làm việc . Ở quê hương bên ngoài, *Sakura-jima* (Kuyshu), không xa nơi lữ quán của mẹ bà ngày xưa, người ta lập một đền thờ để tưởng nhớ Fumiko. Trước đền là một tảng đá xinh xinh, có khắc hai câu thơ của người nữ sĩ:

*Hana no inochi wa mijikakute  
nigashiki koto nomi o-kariki*

Kiếp hoa thường ngắn ngủi  
Và cay đắng đông đầy.

**Văn-Lang Tôn-thất Phương, Canberra 2003-07.**

[npttp@yahoo.com.au](mailto:npttp@yahoo.com.au)

# Đoá Cúc Muộn

Nguyên tác : **Bangiku**  
Tác giả : **Hayashi Fumiko**  
Văn Lang Tôn Thất Phương dịch

## Lời người dịch:

**Hayashi Fumiko**(1903-1951) rất nổi tiếng về phân tích tâm lý phụ nữ - đặc biệt là phụ nữ nghèo - trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Nhưng với "**Bangiku**" thì nhân vật nữ của bà không nghèo chút nào, mà phần diễn tả tâm lý lại sâu sắc, chứng tỏ tài nghệ của Hayashi Fumiko không chỉ hạn chế trong một lãnh vực duy nhất. Tuy qua đời sớm, sự nghiệp viết lách không đến được 24 năm, nhưng bà để lại được trên 85 cuốn sách và hơn 200 tác phẩm khác gồm truyện ngắn, thi tập, đoản văn, vv... Khi nói về tác phẩm nào hay nhất của bà, giới văn học Nhật Bản đồng thanh nhất trí: truyện ngắn thì Cúc Muộn (**Bangiku**), truyện dài có Phù Vân (**Ukigumo**).

Bài dưới đây dịch theo nguyên văn của nhà xuất bản Chikuma Shobo, Tokyo 1978. Tuy nhiên để tránh rườm rà, những tên người hay địa danh nào không cần thiết đều được bỏ bớt. Có một điểm nhỏ xin lưu ý: người Nhật xem cúc là loài hoa quý, đài các, không phải thứ "liều ngổ hoa tường".

**Kin** để ống điện thoại xuống, tiếng nói ở đầu giây bên kia còn như văng vẳng: "Vâng, lát nữa, khoảng năm giờ, sẽ đến". Kin nhủ thầm - lâu lắm không gặp, cũng hơn cả năm rồi chứ nhỉ! Mới có ba giờ, còn đến hai tiếng nữa. Trước hết là phải đi tắm mới được! Kin dặn cô giúp việc tối nay cho mình ăn sớm hơn một chút, rồi lật đật bước vào phòng tắm. Vừa cho thân mình chìm từ từ trong làn nước ấm, Kin miên man suy nghĩ: "Nhất định phải cho thấy mình đẹp hơn hồi hai đứa chia tay mới được. Nếu để nhận ra được mình đã luống tuổi thì kể như là hết"... Kin để thì giờ ngâm trong bồn nước khá lâu.

Tắm xong, Kin mở tủ lạnh lấy nước đá ra đập nhỏ, cuốn trong hai lần khăn mỏng, rồi đến ngồi trước kiếng cẩn thận xoa khắp gương mặt đến hơn mười phút. Cái lạnh làm da mặt Kin đỏ lên, mất hết cảm giác. Từ bên trong, chút ý nghĩ về cái tuổi đã 56 của mình tự nhiên len đến. Nhưng qua bao nhiêu năm kinh nghiệm trong nghề, Kin dư sức biết làm thế nào để che vết tích của thời gian. Kin lấy ra một hộp kem dưỡng da thượng hạng, loại nhập cảng, xoa đều lên mặt. Nhìn vào kiếng, Kin thấy một người đàn bà lớn tuổi có gương mặt tái ngắt như người chết đang mở lớn đôi mắt nhìn mình.

Điểm trang thêm một lát, Kin thấy cái mặt của mình sao mà phát chán. Nhưng trong trí Kin cũng hiện ra ngay những hình ảnh của chính mình ngày xưa, được in trên những tấm bưu thiếp, tươi đẹp, trẻ trung. Kin vén vạt áo lên, nhìn vào đùi. Còn đâu nữa cái tròn lẳn căng nhựa sống của những ngày xưa cũ. Bây giờ, gân xanh thấy rõ dưới làn da. Được một cái là hai đùi vẫn còn khấp sát vào được với nhau. Cứ mỗi lần đi tắm, Kin vẫn thường khép hai đùi lại và đổ nước trên chỗ hũng để thích thú thấy nước được giữ lại, chứng tỏ còn sát lắm, làm Kin thấy an tâm về tuổi tác của mình. Phải, đối với đàn ông, mình vẫn còn hấp dẫn. Điều này là tất cả đối với Kin, nó cho Kin sức mạnh để mà sống. Kin luôn tay vào phía bên trong giữa hai đùi, vuốt ve nhẹ nhẹ và tưởng tượng đây là bàn tay của một người nào khác. Vẫn còn mềm mại êm ái, thấy như vuốt những lông tơ trên tấm da nai mịn có tấm thêm dầu.

Kin trực nhớ đến một bức vẽ trong cuốn sách của **Saikaku** nói về hai cô gái đẹp ngồi gầy đàn **Samisen** ở miền **Isê**. Người ta giăng những chiếc lưới đỏ quanh chỗ hai cô ngồi. Trước khi hai cô bắt đầu gầy đàn, khách đến xem thì nhau ném tiền vào kẻ lưới xem tiền của ai có thể đựng vào được người đẹp. Cái hình ảnh một mỹ nhân xinh như tranh vẽ ngồi sau những chiếc lưới màu đỏ, bây giờ đối với Kin đã là một dĩ vãng quá xa vời. Những ngày còn trẻ, Kin sống theo vật chất, trong mắt chỉ có đồng tiền. Nhưng bây giờ luống tuổi, nhất là sau khi đã sống qua một thời chiến tranh khốc liệt, Kin thấy cuộc sống thiếu người đàn ông thì thật trống trải và quá bấp bênh. Càng già, sắc đẹp càng biến đổi đi, mà tính chất của vẻ đẹp cũng

cứ mỗi năm lại khác ra một chút. Nhưng Kin không đại đến nỗi đi mặc những thứ màu mè sắc sỡ để che dấu tuổi tác. Có nhiều phụ nữ, khi đã ngoài năm mươi, thường hay mang chuỗi để che bớt cái thiếu thốn trên ngực, hay mặc váy có nhiều sọc đỏ - coi cứ giống như mặc vải lót; hay mặc áo xa-tanh láng bóng, lũng thùng; hay đội mũ rộng vành để che đi vết nhăn trên trán. Kin coi rẻ những thứ tiểu xảo đó, cũng như ghét cái kiểu những bà mặc *kimono* mà có thêm một viền đỏ quanh cổ, trông thật rẻ tiền.

Kin không hề mặc âu phục bao giờ. Cái áo được chọn hôm nay là chiếc *kimono* trắng nếp có màu chàm đậm gần như đen, làm nổi bật cái trắng muốt của giải tơ mềm chạy viền từ cổ xuống đến ngực. Chiếc *obi* để thắt quanh lưng là lụa vàng thật nhạt, có pha những đường trang trí kiểu *Hakata*. Sợi giây cuốn dưới *obi* thì có màu xanh nhẹ mà khi mặc áo Kin sẽ cẩn thận không để phần chuôi của nó lộ ra phía trước. Kin cũng sửa soạn thân mình rất kỹ càng: nâng ngực cho cao thêm, siết eo cho nhỏ xuống, bụng thì quần chặt đến sát rạt, mông thì chêm một chút cho thấy cao và cong lên. Tóc Kin vốn màu nâu. Màu này đi đôi với làn da trắng của gương mặt rất hợp, không cho ai nhận ra được là tuổi người phụ nữ đã quá năm mươi. Thân hình Kin cũng cao ráo, nhờ đó khi mặc *kimono* thì phần phía dưới vạt áo úp vào một cách gọn ghẽ, thấy thơm tất, nhẹ nhàng.

Kinh nghiệm dạy cho Kin một điều quan trọng mà mỗi lần sắp gặp người đàn ông nào Kin cũng không quên, đó là uống một ly rượu nhỏ. Kin đứng trước tấm gương, nốc nhanh một ly *saké* lạnh, rồi đi đánh răng súc miệng tức khắc để làm mất mùi. Với Kin, chất rượu có hiệu quả diệu kỳ, không loại mỹ phẩm nào trên đời sánh kịp. Nó làm cho đôi mắt được phớt một màu hồng dịu dịu và mở ra rất to, long lanh. Bây giờ gương mặt của Kin - sau khi có thoa một lớp phấn màu xanh nhạt và phủ lên một lớp kem mỏng có pha *glycerine* - đã trở nên láng lẩy tươi tắn, trông trẻ hẳn ra. Kin thoa màu son đỏ thật đậm lên môi. Chỉ có làn môi là nơi duy nhất trên người Kin chịu đựng màu đỏ.

Kin cũng không hề sơn móng tay bao giờ. Càng lớn tuổi thêm lại càng thấy không cần thiết, chỉ tỏ bày tỏ sự thiếu thốn thêm khát bên trong. Cứ xoa tay với kem, rồi cắt từng móng cho sát vào, và chà vào vải cho láng là được. Nơi tay áo, phần ở cổ tay thì Kin nghĩ nên có màu gì nhạt, cho nên chọn thứ có sọc hồng nhạt và xanh. Xong xuôi, Kin thoa nước hoa lên hai vai và cánh tay, lựa thứ có mùi thật dịu, ngọt ngào. Không bao giờ nên thoa lên hai trái tai, không bao giờ!

Kin vẫn biết dù sao mình cũng chỉ là nữ giới: chẳng thà chết sớm, hơn là sống lâu làm một bà già bản thủ còm rộm giữa lòng đời. Kin nhớ đến lời của một bài hát cũ mà mình vẫn thích:

*Chả giống như người thiên hạ đâu  
Chỉ để cho ai thấy bạc đầu  
Cứ như những đoá hoa hồng đỏ  
Lòng này mơ được thế từ lâu.*

Giá phải sống chẳng có người đàn ông nào chung quanh - ôi, mới có nghĩ đến thế thôi mà đã thấy bồn chồn trong dạ. Kin liếc nhìn những cánh hoa hồng do ông *Itaya* mang đến tặng: màu hoa rực rỡ, làm nhớ đến những ngày tháng vàng son cũ! Có 1 thứ cảm giác gì đây hoài niệm pha thích thú khi nghĩ về cái thưở xa xưa lúc trước, những thói quen, những điều mình thích, những sung sướng ... mọi thứ đều với thời gian mà thay đổi cả. Những khi nằm ngủ một mình, nửa đêm tỉnh giấc, Kin thường âm thầm đếm xem có bao nhiêu người đã qua trong đời mình kể từ thưở còn là con gái. Đã có người này, người này, rồi người này ... à, còn người này, người này nữa ... nhưng mà so với người kia, người này đến trước với mình, hay đến sau? Cứ mỗi lần miên man với cái điệp khúc hoài tưởng như thế, Kin thấy kỷ niệm kéo về rào rạt trong lòng. Có nhiều phụ nữ thường ứa nước mắt khi nghĩ đến lúc chia tay với người xưa, nhưng Kin chỉ thích nhớ về những ngày mới gặp gỡ ban đầu. Có lẽ một phần nào đó Kin đã học theo người xưa trong truyện *Isé*, nhưng phải nói là Kin rất thích nằm nhớ về những người đàn ông cũ như thế mỗi khi cô đơn nằm thao thức trong đêm.

\*

Khi này nhận điện thoại, Kin không ngờ là Tabê liên lạc lại với mình. Bây giờ cái cảm giác cứ như đang nhìn một ly rượu đào thượng-hạng ngon nồng, mời mọc. Chắc chắn là Tabê đến để tìm lại dĩ vãng! Hẳn

trong lòng còn vương vấn mãi những kỷ niệm của ngày xa xưa ấy, nên mới muốn về tìm lại chút dư âm! Nhưng giờ này không phải lúc để thở than và hoài niệm về quá khứ, lại càng không phải là lúc để lộ ra vết tích về cao tuổi hay nghèo nàn. Phải làm sao tỏ ra mình biết trân trọng, và tạo được một không khí dễ thương thân mật "thời gian này riêng của đôi ta"! Làm sao để khi về rồi, Tabê sẽ tự nhủ "*người yêu cũ của tôi vẫn không khác với thuở nào, còn đẹp lắm*" ...

Trang điểm xong, Kin đứng dậy xoay mình qua lại ngắm nghía trong gương. Còn chỗ nào chưa được không nhỉ! Kin cẩn thận nhìn một lần chót, rồi mở cửa bước ra phòng ăn. Khay cơm đã dọn sẵn. Kin ngồi đối diện với cô tớ gái, ăn bữa cơm nhẹ - một chén cơm với canh *mixô*, và chút ít rong biển. Xong xuôi, Kin đập một cái trứng sống, bỏ hết, chỉ nuốt cái lòng đỏ.

Xưa nay Kin không có thói quen mời đàn ông ăn cơm với mình. Kin thấy không cần. Việc gì phải tỏ ra giỏi, đi nấu thức này món kia cho cẩn thận để được đàn ông khen? Làm việc nội trợ, có chi hay đâu mà thích thú? Minh đã không định lập gia đình thì cần gì phải cho đàn ông thấy đây sẽ là một người nội trợ đảm đang? Còn các ông ư? Họ có đem bao nhiêu vật quý giá đến biếu cũng là việc tự nhiên thôi. Kin không bao giờ giao tiếp với những ai không có tiền. Đàn ông mà nghèo thì chả có gì hấp dẫn. Khi gần gũi với Kin, người nào mà để áo vét lòi thối thiếu chải chuốt, hay có đồ lót đứt nút nhưng cứ để thế mà dùng, Kin thấy chán ngán đến tột cùng. Với Kin, việc ân ái chính là nghệ thuật, cứ mỗi lần như thế là cả hai cùng tạo một sự hài hoà đặc sắc khác nhau. Kin nhớ lại từ khi còn rất trẻ thiên hạ đã bảo nhau sao mình giống cô *Manryu*, một người đẹp nổi tiếng ở vùng *Akasaka*. Sau khi lấy chồng rồi cô ấy vẫn còn đẹp, và Kin có thấy được một lần, lấy làm hâm mộ sắc đẹp, cứ tấm tắc hoài. Kin hiểu rằng để được đẹp bền lâu, điều quan trọng nhất là phải có tiền.

Kin trở thành *geisha* khi mới lên 19. Vô nghề chưa bao lâu đã nổi tiếng, vì Kin quá đẹp, chứ tập luyện tay nghề thì chả có bao nhiêu. Lần tiếp khách đầu tiên, Kin gặp một người Pháp đã đứng tuổi. Ông ta đi chu du vùng Viễn Đông, và ghé đến Tokyo. Cuộc gặp gỡ cũng thơ mộng. Ông ta say đắm Kin, gọi Kin là *Marguerite Gautier* Nhật Bản, làm Kin cũng có cảm giác mình là nhân vật tiểu thuyết *Trà Hoa Nữ* thực sự. Tuy chuyện chăn gối thì ông yếu xịu, nhưng Kin không quên được ông ta. Ông tên là Michel, chắc bây giờ cũng đã qua đời ở một nơi nào đó phía bắc nước Pháp. Hồi mới về nước, Michel có gửi tặng Kin một chuỗi đeo tay có gắn ngọc Opal và nhiều hạt kim cương nhỏ long lanh. Kin quý nó lắm, ngay trong những ngày khốn khó nhất của thời chiến tranh cũng không bán đi. Những người đàn ông khác có liên hệ với Kin lúc trước, về sau cũng ăn nên làm ra và có tên tuổi, nhưng rồi chiến tranh loạn lạc, bây giờ không biết họ ở đâu.

Người ta đồn đãi với nhau là "tài sản của Aizawa Kin nhiều lắm". Thực sự thì Kin đâu có bao nhiêu. Chỉ vền vẹn một cái nhà Kin đang ở - may mà hồi chiến tranh chưa bị cháy - và một ngôi biệt thự nằm cạnh bờ biển ở *Atami*. Mà biệt thự này lại do đứa "em gái nuôi" đứng tên, nên lúc sau chiến tranh thấy giá nhà lên cao, Kin đã bán quách. Kin cũng không muốn bắt chước những người *geisha* khác đi mở một tiệm ăn hay trà đình gì đó để làm kế sinh nhai. Thực sự là Kin chẳng làm gì, chỉ sống ngày-lại-ngày với một cô giúp việc bị câm - tên *Kinu* - cũng do cô em nói trên kiếm cho.

Cuộc sống của Kin cũng đơn giản hơn người ta tưởng. Đi xem phim hay xem hát cũng không, đi dạo quanh quần ngoài phố cũng chả thích. Kin không muốn ra ngoài lúc ban ngày, ngại thiên hạ thấy được mình đã luống tuổi. Ánh mặt trời bao giờ cũng làm cho cái già nua thấy rõ ra, dù có ăn mặc sang trọng đến mấy cũng chả che dấu được. Cho nên Kin sống như một loài hoa ưa bóng mát, lấy thú đọc sách làm vui. Có người khuyên nên kiếm một đứa con nuôi để sau này nhờ vả khi tuổi già sức yếu, nhưng Kin không muốn suy nghĩ sau này già thì sẽ ra sao. Hoàn cảnh cũng đã làm Kin quen sống một mình từ khi còn bé.

Kin không biết gì về cha mẹ của mình. Chỉ còn nhớ được quê là *Kosagawa*, ở gần *Akita*, và khi lên năm tuổi thì được một gia đình ở Tokyo nhận làm con nuôi. Kin đổi ra họ *Aizawa* từ đó. Cha nuôi của Kin tên *Kyujiro*. Ông sang làm việc xây cất bên Trung Quốc rồi bật tin luôn từ khi Kin còn ở Tiểu Học. Mọi sự trông vào ở mẹ nuôi - tên là *Ritsu* - một người khá giỏi chuyện làm ăn. Bà biết đầu tư trong cổ phiếu, và

mua nhà cho thuê, nhờ đó chả mấy chốc trở nên khá giả. Nói đến gia đình *Aizawa* ở vùng *Ushigomê*, ai cũng biết là giàu.

Thờ đó trong vùng có tiệm làm vớ (*tabi*) của ông *Tatsui* rất nổi tiếng và có uy tín. Gia đình *Tatsui* có một cô con gái rất đẹp tên *Machiko*. *Machiko* thường ngồi may hàng ngay dưới tấm rèm xanh trước cửa tiệm, mái tóc nghiêng nghiêng giắt hoa đào, cổ áo viền xa-tanh màu đậm, làm bao nhiêu người điên đảo, kể cả những chàng trai của trường đại học nổi tiếng như *Waseda*. Người ta nườm nượp tới mua hàng, nhiều chàng còn tặng thêm tiền, để lên bàn rồi lặng lẽ rút lui. *Kin* lúc đó nhỏ hơn *Machiko* khoảng 4-5 tuổi, nhưng thiên hạ cũng đã kháo nhau là cô bé quá xinh. Xa gần nức tiếng trăm trỏ về hai đoá hoa tươi biết nói.

Từ khi có một tay cờ bạc tên là *Tori-goê* hay tới lui với bà mẹ thì gia đình bắt đầu xuống dốc. Khi đó *Kin* mới lên 19. Rồi bà mẹ đắm ra nghiện nặng, say sưa mãi, những chuỗi ngày đen tối của *Kin* cứ kéo dài. Cho đến một hôm, trong lúc nửa thật nửa đùa, *Tori-goê* làm tới, cướp mất của *Kin* đời người con gái. Trong cơn hốt hoảng rã rời, *Kin* bỏ nhà ra đi, rồi trở thành một *geisha* ở vùng *Akasaka* sang trọng. *Machiko* cũng bạc mệnh. Cũng khoảng thời gian đó, khi phi cơ vừa mới bắt đầu bay trong nước, người ta mời *Machiko* mặc áo *kimono* lớn đi với chuyến bay. Không may phi cơ bị rớt, tai nạn này báo chí xa gần đều có loan tin. Riêng phần *Kin* thì khi vào nghề rồi mới đổi tên thành *Kin-ya*. Chả mấy chốc mà các tạp chí đăng ảnh của *Kin* rất nhiều. Sau đó, khi các bưu thiếp có ảnh người đẹp trở thành một phổ biến, hình của *Kin* cũng được in bán khắp nơi.

Những chuyện trên bây giờ đã thành quá khứ xa vời, nhưng *Kin* cũng chưa quen với cái cảm giác là mình đã ngoài 50 tuổi. Cũng có khi *Kin* nghĩ là mình sống tới chừng này thì cũng đủ, nhưng cũng có lúc lại nghĩ sao thời thanh xuân chả được bao lắm. Mẹ nuôi giờ cũng đã mất, gia sản cũng đã về tay người con gái ruột là *Sumiko* - sinh ra sau khi đã nhận *Kin* - cho nên *Kin* chẳng có chút trách nhiệm gì phải vương bận với gia đình.

\*

*Kin* quen *Tabê* vào khoảng 1942-1943, lúc chiến tranh Thái Bình Dương vừa bùng nổ. Khi ấy *Kin* nghĩ làm đã ba năm, về thuê một phòng trong nhà *Sumiko* để ở. Vợ chồng *Sumiko* có cho sinh viên ở trọ nên *Kin* mới gặp *Tabê*. Nếu so tuổi ra thì cứ như mẹ với con, nhưng cả hai tự nhiên thấy thích nhau. Có lẽ nhờ bề ngoài của *Kin* trông cứ trẻ như mới 37-38, với hai nét mi đậm đà, dễ bắt mắt người ta. Năm sau, *Tabê* xong đại học thì bị động viên ngay, đeo lon thiếu úy, nhưng binh đoàn còn đóng ở *Hiroshima*. *Kin* có xuống đó thăm *Tabê* hai lần.

Trong lần thứ nhất, khi *Kin* vừa ngồi chưa yên chỗ trong khách sạn thì *Tabê* đã đến. Vì *Tabê* mặc quân phục nên mùi hôi của da thuộc cứ làm *Kin* thực ngạt thở. Tuy vậy *Kin* cũng ở với *Tabê* đến hai đêm. Đã mệt mỏi vì lặn lội đường xa mà *Tabê* lại mạnh quá làm *Kin* mệt ứ hơi, về sau *Kin* kể lại với người quen là lúc đó *Kin* ngất ngư gần chết. *Kin* có đi thăm *Tabê* lần thứ nhì, nhưng sau đó hết muốn đi nữa, dù *Tabê* có gửi điện tín thúc giục nhiều lần. Sau đó, *Tabê* chuyển đi *Burma* (Miền Điện), sau chiến tranh khoảng một năm mới về nước, có lên *Tokyo* để tìm *Kin*. Trông người *Tabê* già mộp, loạt răng cửa lại gãy mất, *Kin* vỡ cả mộng. Sau đó *Tabê* nhờ có ông anh cả - làm luật sư - giúp vốn cho để buôn bán xe hơi nên trong vòng một năm thấy sang trọng hẳn ra. Gặp *Kin*, có khoe là sắp cưới vợ. Bằng hơn cả năm trời *Kin* chưa gặp lại lần nào.

Nhà của *Kin* đang ở nằm trong khu *Numabukuro*. Ngôi nhà này rất sang, có gắn điện thoại hẳn hoi, nhưng hồi đó *Tokyo* còn bị ném bom liên miên nên *Kin* mua được với giá rẻ mạt. Nhà chỉ cách nơi vợ chồng *Sumiko* ở độ vài chục thước, nhưng nhà của *Sumiko* thì bị bom làm cháy rụi cả, vợ chồng *Sumiko* phải qua tá túc với *Kin*, chiến tranh xong thì *Kin* mới bảo đi ra. Hai vợ chồng trở về miếng đất cũ xây lại được căn nhà, nhờ vật giá lúc đó cũng còn rẻ. *Sumiko* vẫn cảm ơn *Kin* về chuyện đã cứu mạng mình.

Về cái biệt thự ở *Atami* thì Kin cũng đã bán xong khá lâu. Thu vô được ba trăm ngàn, Kin đem mua ngay mấy căn nhà ọp ẹp, cho tân trang lại rồi bán ra với giá gấp đến mấy lần. Với chuyện tiền nong thì cái đầu Kin rất tỉnh. Kinh nghiệm cho Kin biết nếu mình không hấp tấp thì tiền bạc sinh sôi nảy nở rất dễ, cứ như trái banh bằng tuyết lăn xuống dốc, càng lăn xa thì càng hoá ra to. Khi cho ai vay, Kin không cần lấy lời nhiều, nhưng đòi phải có gì bảo đảm chắc chắn. Kin cũng không tin ở chuyện gửi tiền vô ngân hàng, hề có bao nhiêu là lo xoay chuyển thật nhanh, không bắt chước dân nhà quê cứ lo cất trong nhà trum trum. Những tính toán về tiền bạc này nọ thì Kin thuê chồng của Sumiko lo liệu. Kinh nghiệm cho Kin biết nếu chia cho người ta ít phần trăm trong số tiền lời thì thiên hạ sẽ lo làm rất tận tâm.

Trong căn nhà rộng bây giờ chỉ có mỗi Kin và cô tớ gái. Coi thì buồn bã nhưng Kin không thấy buồn chút nào, vì Kin vốn không thích đi đâu. Cũng chẳng nuôi chó vì Kin nghĩ không ích lợi gì, có phòng kẻ trộm thì lo đóng cửa ngõ cho chắc chắn, khoá cho cẩn thận thì vẫn tốt hơn, do đó nhà Kin cửa ngõ rất kỹ lưỡng. Sống chỉ có hai người thôi cũng có cái thoải mái. Cô tớ gái không nói được, cho nên có khách đàn ông đến, dù là ai đi nữa, Kin cũng không sợ chuyện lời vào tiếng ra. Dù sao có lúc Kin cũng tự nhiên thấy bất an, cứ nghĩ biết đâu số mình sẽ bị ai đó giết không chừng, nên hơi lo về cái không khí của căn nhà quá tịch mịch. Kin cứ để radio nói suốt ngày là vì thế.

Người thường hay đến với Kin hiện nay là ông *Itaya Kiyoji*, chủ một tiệm hoa ở Chiba. Ông này là em ruột của người đã mua cái nhà của Kin ở Atami nên quen nhau. Lúc đầu thì *Itaya* chỉ gặp Kin có vài lần, nhưng sau đó hầu như tuần nào cũng đến. Tuổi ông ta mới tứ tuần mà trên đầu không còn sợi tóc nào nên trông già hơn nhiều. Hồi chiến tranh, ông có mở hãng buôn ở Hà Nội, sau này về nước nhờ người anh giúp vốn để mở một trại trồng hoa, nhờ thế nên Kin cứ có hoa tươi cắm đầy nhà. Hôm nay thì bó hoa trong bình là loại hoa hồng vàng "*Castanien*". Nhìn những cánh hoa xinh, Kin nhớ lại mấy câu của một bài ca nào đó:

*Khi Ichô đỏ lá vàng  
Vườn hồng hắt đã mấy lần đắm sương?  
Cánh hoa vàng thắm nồn nường  
Đẹp như ai tuổi xa dân thanh xuân!*

Kin yêu những cánh hoa hồng vàng tươi thắm, mùi hương của chúng bao giờ cũng gợi nhớ nhưng. Từ khi nhận điện thoại của Tabê, Kin miên man suy nghĩ, thấy tình cảm của mình nghiêng nhiều về phía Tabê. So với Itaya, Tabê trẻ hơn. Hồi ở Hiroshima tuy Kin phải vất vả với Tabê, nhưng lúc đó Tabê đang là quân nhân sống lâu ngày trong trại, tuổi lại còn trẻ nên hơi mạnh bạo ít nhiều thì cũng dễ hiểu, nhớ lại cũng thấy vui vui. Ngay cả những điều không vui trong quá khứ, sau một thời gian, đôi khi cũng gây cho ta nhiều hoài niệm, huông chi!

\*

Cũng đâu khoảng năm giờ rưỡi Tabê mới đến, mang theo gói quà với nhiều thứ quý như rượu whisky, pho mát, giấm bông. Đến gần chiếc ghế để bên cạnh lò sưởi, Tabê buông mình xuống một cái rầm. Trông người chả còn vẻ gì là những trẻ trung của ngày xưa: áo vét thì xám, quần màu lục đậm đen, cứ giống như một ông thợ máy. Tabê mở lời:

- Thấy vẫn vậy, lúc nào cũng đẹp!
- Vậy sao? Cảm ơn, tưởng cũng đâu sắp hết thời rồi!
- Đâu có, coi hấp dẫn hơn bà-nhà của tôi nhiều!
- Ủa, chị còn trẻ mà?
- Trẻ thì trẻ, nhưng mà dân nhà quê!

Vừa nói, Tabê vừa đưa cái hộp bằng bạc đựng thuốc lá ra mời và tự tay châm lửa cho Kin. Vừa lúc cô tớ gái bung ra một khay lớn đầy pho mát và giấm bông cắt sẵn, cùng với hai cái ly uống rượu. Tabê buột miệng:

- Cô này coi khá quá!
- Phải, nhưng mà không nói được đâu nghe!

Cô gái cúi đầu chào Tabê một cách kính cẩn, đôi mắt nhu hoà; còn Tabê thì nhìn vào thân hình cô chòng chọc. Thường ngày Kin không chú ý lắm, nhưng bây giờ tự nhiên thấy cái trẻ trung của cô ta bỗng trở nên gai mắt. Kin kéo Tabê trở lại câu chuyện:

- Mọi sự đều suông sẻ cả ?
- Ô ! Ai? Việc tôi ấy à ? Tháng sau thì đứa nhỏ sinh ra rồi !
- Ủa, vậy sao? Kin vừa nói vừa cầm chai whisky rót vào ly của Tabê. Anh ta cầm lên ực một cái cạn sạch, rồi rót lại cho Kin trả lễ.
- Sống thoải mái quá nhỉ !
- Anh nói sao ?
- Ngoài đời thì giông bão đủ thứ mà ở đây chả có gì thay đổi, lúc nào cũng sung túc đầy đủ, thực là kỳ diệu. Chắc chắn là có ông nào đó chu tất cho đủ cả chứ gì ? Làm đàn bà sướng thật !
- Sao mịa mai chi quá vậy. Tôi cũng có làm gì xúc phạm đâu mà bị nói như thế?
- Không có, không có, đâu có ý mịa mai chi đâu, đừng giận nghe! Tôi chỉ định nói cô là người sung sướng, thế thôi. Định nói là đàn ông đi kiếm sống thì khó khăn hơn đàn bà nhiều, rồi tự nhiên diễn tả thành như thế thôi. Ở đời này, muốn sống yên cũng không được - khôn sống mớng chết - đôi khi không hại ai thì người ta cũng hại mình. Tôi đây, ngày nào cũng phải như đánh bạc để mà sống chứ phải đâu !
- Nhưng ... chuyện buôn bán lúc này khá lắm mà?
- Khá quái gì, cứ giống như đi lác lư trên sợi giây, ù cả tai để kiếm tiền đó chứ !

Kin không nói gì, ngồi yên nhấp nhấp ly rượu. Dưới chân tường vọng lên tiếng của một con dế nào đó, nghe sao mà buồn bã, lẻ loi.

Tabê uống thêm một ly nữa, rồi đột nhiên vói qua trên lò sưởi, nắm tay Kin thật chặt. Bàn tay Kin không đeo nhẫn, cứ như một chiếc khăn lụa, thật mềm. Kin cứ ngồi yên nín thở để cho Tabê nắm một cách thụ động, bàn tay để lỏng, lạnh ngắt, mềm nhũn. Đôi mắt đã ngà ngà hơi men của Tabê nhìn Kin, thấy những hình ảnh của ngày xưa kéo về trong trí - Trước mắt mình, Kin đang ngồi đó, vẫn đẹp như xưa. Cái cảm giác sao mà lạ kỳ. Trong đời con người, theo năm tháng dần trôi, mọi sự lúc nào cũng đổi thay, tình cảnh có khi lên, có khi xuống; nhưng người đàn bà này của mình ngày xưa thì chẳng thấy đổi thay gì cả, và đang ngồi đó thực, rõ ràng. Những vết nhăn nhỏ dưới viền mắt cũng vẫn còn đó, giống hệt thuở trước. Nét mặt cũng thế, đường nét vẫn không thấy khác đi gì cả! Làm sao biết được người này đang sống như thế nào? Từ đó đến nay, bao nhiêu là biến chuyển lớn lao trong xã hội đã xảy ra, nhưng có vẻ cuộc sống chẳng bị chút ảnh hưởng gì, lại khá tiện nghi là đằng khác. Nơi đây có đủ cả, tủ áo, lò sưởi, hoa hồng tươi thắm cắm khắp nơi ... và người ấy đang ngồi đó mỉm cười, trước mắt mình, rõ ràng, thực sự! Tuổi thì chắc cũng phải hơn 50 rồi, nhưng vẫn còn đây vẻ quyến rũ, nồng nàn ... Nghĩ đến đây, tự nhiên trong trí Tabê cái hình ảnh của người vợ trẻ ở nhà bỗng hiện ra. Trong căn gác chung cư, giờ này đang lo làm việc nội trợ, tuy chỉ mới 25 tuổi nhưng đã nhiều mệt mỏi ...

Kin mở ngăn kéo lấy ra một ống điếu nhỏ bằng bạc, đặt điếu thuốc vào, châm lửa hút và lặng lẽ quan sát Tabê. Hai cái đùi của Tabê cứ rung rung làm Kin thấy khó chịu. Có phải đây là dấu hiệu đang gặp khó khăn về tiền bạc? Kin nhìn Tabê, thấy chẳng còn chút nào tình cảm nồng cháy của những ngày ở *Hiroshima* thuở trước - Cái khoảng trống giữa mình với Tabê thế mà thực diệu vợi, bây giờ đây gặp lại mới nhận ra được. Thấy sao quá chơi vơi, sao mà lòng lại tự nhiên buồn, sao mà tất cả những gì thân thiết của ngày xưa bỗng phút chốc trở nên nguội lạnh! Phải chăng vì thân thể của người đàn ông này đã quá quen thuộc nên chẳng có gì hấp dẫn nữa? Sao mà thấy không an tâm được, ngồi gần nhau mà tình cảm thực là xa!

- Có quen ai, mượn giùm cho tôi bốn trăm ngàn được không?
- Tiền à? Bốn trăm ngàn là nhiều lắm đó.
- Phải, đang kẹt quá, không biết có cách gì không?
- Có lẽ không được đâu. Bây giờ tôi không đi làm cho nên không có thu nhập gì, bàn chuyện này có vẻ không phải lúc.
- Vậy sao? Trả tiền lời thật nhiều cũng không được sao?
- Chả có tiền làm sao mà nói được hay không chứ! Chuyện này tôi không làm được đâu.

Kin bỗng nhiên cảm được bầu không khí sao trở nên rộn rịp, và thấy nhớ những lúc bình yên bên cạnh ông *Itaya*. Nén nỗi thất vọng về Tabê, Kin nhắc người đầy nâng ấm nước đang sôi trên lò sưởi rót vào bình trà.

- Nếu không có thì thôi hai trăm ngàn cũng được, tôi cảm ơn nhiều!
- Anh hay quá à, ai lại đi nói chuyện tiền với tôi! Anh đã biết là tôi không có tiền mà ? Giá có nhờ được ở đâu thì tôi cũng đã đi vay để mà sống rồi. Chắc anh đến để nói chuyện mượn tiền, đâu phải để thăm nhau?
- Đâu có, đến thăm đó chứ. Đến để gặp lại thôi, nhưng mà nói ra là vì nghĩ chuyện gì thì mình cũng tâm sự với nhau được.
- Thử nhờ ông anh một lần nữa xem sao?
- Tiền này dùng vào chỗ không thể đi bàn với anh ấy được!

Kin lại ngồi yên lặng, miên man nghĩ chắc tuổi trẻ của mình cũng chỉ một hai năm nữa là hết. Bây giờ mới hiểu cái tình yêu nồng nhiệt khi xưa có vẻ chẳng còn chút dư âm nào trong cả hai. Nhưng đó hình như cũng chẳng phải tình yêu, đúng hơn là một thứ đam mê thu hút lẫn nhau giữa trai gái, cứ lẫn quện vào nhau như lá vàng bị hút theo cơn gió cuốn ào ào. Bây giờ mình ở đây, Tabê đang ngồi đó, thế mà cả hai không còn chút gì với nhau nữa, ngoài cái điều đã quen với nhau ngày xưa. Có chút cảm giác gì như hụt hẫng khê lên đến làm Kin thấy trong lòng buồn buồn, tê tái.

Đang ngồi nhấp trà, Tabê dường như nhớ được nên ra vẻ tươi cười, hỏi nho nhỏ: "tôi nay ngủ lại được không"? Kin nhìn Tabê, ngạc nhiên: "Không được đâu, cứ giỡn hoài!" Nói xong, Kin nheo mắt với Tabê, hàm răng giả trắng đều ánh lên trông thật đẹp với nụ cười chưa tắt.

- Trời ơi, sao mà lạnh lùng vậy không biết! Có nói chuyện tiền bạc gì nữa đâu! Chỉ thử vói vĩnh người xưa một chút mà sao khó quá không biết! Nhưng mà, ở đây cứ như một thế giới khác chứ nhỉ ! Thời buổi khó khăn mà cô thực là giỏi, có gì đi nữa cũng vượt qua được cả. Cái này thì mấy cô mới lớn chịu bó tay thôi. À, cô có hay nhảy đầm không?

Kin cười bằng mũi, nghĩ thầm: Nói chuyện mấy cô còn trẻ. Mấy cô ra sao, làm thế nào biết được!

- Nhảy? Có biết gì đâu! Anh có hay nhảy không?
- Cũng có chút chút.
- Vậy sao? Chắc là với người nào tuyệt lắm. Cho nên mới cần tiền, phải không?
- Cứ nói vậy! Đâu có kiếm được tiền nhiều đến độ đem lo cho mấy chuyện như vậy!
- Ô, nhưng mà nhìn trang phục thế này, nếu không phải làm gì khá thì đâu mà tề chỉnh hẳn hoi như thế!
- Bề ngoài đó thôi, thực ra rỗng túi rồi! Đạo này chuyện làm ăn cũng bầm dập góc lên tề xuống, hết chịu nổi.

Kin bật cười lớn nhìn Tabê, thấy mái tóc rậm dợn phồng ấy vẫn còn vương xuống trên trán. Mặc dù cái trẻ trung của thuở học trò khi trước không còn nữa, nhưng những đường nét trên khuôn mặt - tuy là không thanh tú lắm - cũng cho thấy được sự cường tráng của một người đàn ông ở tuổi trung niên. Dè dặt như con thú sống trên đồng hoang khi đã đánh được hơi gì lạ, Kin bước lại gần Tabê, vừa châm trà vừa hỏi, nửa đùa nửa thật:

- Nghe đâu tiền sắp phá giá, có phải không?
- Bộ có tiền nhiều lắm hay sao mà lo quá vậy ?
- Coi kìa, mới đó lại trở lại chuyện tiền nhiều với ít, anh thực là lạ! Nghe người ta đồn ngoài chợ thì cũng hỏi cho biết vậy thôi chứ!
- Ừm, nước Nhật bây giờ sao mà làm được chuyện vô lý thế. Nhưng không có tiền thì hơi đâu mà lo!
- Phải rồi! Kin vừa nói vừa nghiêng chai whisky rót cho Tabê.
- A .. à, bây giờ mà được lên *Hakone* hay chỗ nào yên tĩnh như vậy để nghỉ thì khoái lắm. Ở đó mà ngủ luôn một hơi hai ba ngày thì tuyệt!
- Anh mệt lắm sao?
- Cũng tại cứ lu bu lo kiếm cho ra tiền.
- Nhưng ... anh mà có bao giờ phải lo gì chuyện tiền! Chắc là nghĩ đến cô nào nhiều quá đó thôi!

Tuy không ưa cái sự mực thước quá đàng hoàng của Kin trong cách đối xử, Tabê cũng thấy Kin hay hay, cứ như đang nhìn một món đồ cổ sang và quý giá. "Nếu đêm nay mà mình ngủ lại, thì cũng như mưa xuân đổ xuống ruộng cần", Tabê vừa nghĩ thầm như thế vừa nhìn vào khuôn mặt của Kin. Những đường nét ở cằm như thế này là biểu hiện của một người cương nghị. Tự nhiên hình ảnh còn mon mồn của cô tớ gái cầm bông hiện ra trong trí. Cô ta không đẹp, nhưng kinh nghiệm với nhiều phụ nữ khác nhau cho Tabê biết rằng sự trẻ trung là một điểm tốt không có gì sánh bằng. Tabê nghĩ thêm: Giá hôm nay là lần đầu tiên gặp Kin, chắc mọi sự đã không khó khăn như thế này. Mà sao bây giờ thấy Kin lại có vẻ khá già nua ...

Kin như linh cảm được ý nghĩ đó, bèn lật đặt đứng dậy đi sang phòng bên cạnh, đến thẳng chỗ có tấm kiếng lớn, lấy ra một ống *hormone* chích vào tay. Rồi vừa cầm miếng bông gòn chà lên chỗ mới chích vừa soi mình trong kiếng, Kin thấy cần chấm thêm lên mũi mình một chút phấn. Thực là chán, trai gái mà không đậm tình với nhau thì mới đi làm những việc vô duyên như thế này! Kin nghĩ thế mà buồn, bất giác ứa nước mắt. Nếu mà người ngồi ngoài kia là *Itayath* thì Kin đã có thể dựa đầu trên gối ông ta mà khóc, hay làm nũng nọ kia. Nhưng với Tabê thì khác, Kin không biết rõ là mình thích hay ghét bây giờ. Một phần thì muốn để về phút đi cho xong, một phần thì Kin lại muốn ghi giữ chút gì là hình ảnh mình trong tim anh ta. Chàng này, từ lúc chia tay với mình đến nay, hẳn đã quen rất nhiều cô khác!

Kin đi rửa tay, rồi trên đường trở lại phòng khách, ghé nhìn thử vào phòng cô tớ gái. *Kinu* đang cúi mình cắt giấy báo thành những miếng mẫu để học may, cái móng to ngồi trên chiếu, tóc búi cao đưa cái ót cao trắng mịn coi thật đẹp. Cái thân hình săn chắc thấy sao mà ngon mắt!

Trong phòng khách, Tabê đang nằm dài lim dim trên sàn nhà. Kin bước ra, lại gần tủ trà bật radio lên, cố ý để cho tiếng khá lớn. Khúc giao hưởng số 9 của Beethoven vang lên rộn rã. Tabê bật người dậy, uống thêm 1 ly whisky rồi nói:

- Nhớ hồi đó mình đi chơi trong vùng sông ở *Shibamata* không? Trời mưa to, đến lữ quán thì chỉ có lươn nướng, mà phải ăn không vì họ hết cơm.
- Nhớ chứ! Đâu cũng khoảng trước khi anh vô lính thì phải. Hồi đó thực phẩm đã thiếu lắm rồi. Có nhiều hoa đỏ để trong phòng nữa, còn nhớ hai đứa mình làm đồ cái bình hoa không?
- Phải rồi, còn nhớ chứ! Mặt Kin bỗng trở nên đầy đặn lại, nhìn thấy trẻ hẳn ra. Tabê rù:
- Khi nào có dịp mình lại đi nữa nghe!
- Đi thì đi, nhưng dạo này cũng đâm ra hơi lười rồi! Chỗ đó chắc bây giờ muốn ăn gì cũng có ...

Nói đến đây, trong trí Kin lại hiện ra những hình ảnh ở *Shibamata*, nhưng không phải là kỷ niệm chung với Tabê. Lúc ấy mới hết chiến tranh, và người đi chơi với Kin là *Yamazaki*. Yamazaki vừa mới chết gần đây thôi, sau khi mổ bao tử. Kin như còn thấy được mọi chi tiết: Căn phòng hơi tối ở bên bờ sông *Edo* trong một ngày nóng hầm hập cuối mùa Hạ, những tiếng ì ầm của cái máy bơm nước, tiếng ve kêu ra rả, trên bờ đê nhìn ra từ cửa sổ thì có nhiều xe đạp đua với nhau để đi lấy hàng, khi xe chạy những bánh xe bạc phản chiếu ánh sáng loang loáng. Tuy lúc đó chả phải là lần hò hẹn đầu tiên với Yamazaki, nhưng cái hình ảnh trẻ trung và việc chưa biết gì mấy về đàn bà của *Yamazaki* làm Kin nhớ mãi, coi như một kỷ niệm vàng mười. Khi đó, đồ ăn thức uống cũng đã phong phú nhiều, chiến tranh cũng đã chấm dứt nên tinh thần mọi người cũng nhẹ nhàng ra, nói chung là mọi sự khá yên tĩnh. Lúc trở về thì trời đã tối, xe buýt chạy về hướng *Shin-koiwa* bằng đường dành riêng cho quân xa...

- Sau khi mình chia tay nhau thuở ấy rồi, có quen ai đặc biệt hay không?
- Anh hỏi về tôi?
- Phải !
- Người đặc biệt thì ngoài anh ra đâu có ai!
- Vậy là không phải nói thật rồi!
- Ô, sao anh nói vậy ? Không phải thế sao? Người như tôi, ai mà tìm tới?
- Không tin đâu !
- Vậy sao? Nhưng mà từ nay trở đi tôi sẽ ráng vươn lên, sống cho có ý nghĩa.
- Ừ, con đường trước mặt còn dài mà !
- Đúng, sống thật lâu, cho đến khi già lụ khụ luôn !

- Từ rày, thôi đừng lảng nhăng bậy bạ với ai nữa nghe.
- Cái anh này, mất bớt đi đâu cái hiền lành hồi trước hết cả! Sao mà ăn nói như vậy được không biết? Hồi xưa anh khá hơn nhiều mà!

Tabê cầm cái điều con của Kin lên hút mấy cái, vị đắng tràn đầy cả lưỡi. Thấy Tabê rút khăn ra nhỏ phỉ vào trong đó, Kin cười, bảo "không siêng lau chùi nên chắc bị nghẹt". Rồi Kin đỡ lấy cái điều, gõ mạnh trên tờ giấy bồi.

Tabê vẫn thắc mắc không hiểu là Kin sống như thế nào. Thời buổi này ai ai cũng vất vả khó khăn mà nơi đây chẳng thấy dấu vết gì là lặn lội cả, có vẻ như muốn kiếm ra vài ba trăm ngàn thì cũng dễ dàng thôi. Tabê chẳng thiết tha gì chuyện ôm ấp chung đụng với Kin, chỉ muốn tìm xem Kin sung túc đến mức nào. Sau khi đi quân đội về, Tabê hăng hái nhảy ra làm kinh doanh, nhưng chỉ mới nửa năm thì số vốn ông anh giúp cho đã tiêu pha cạn hết, cô tình nhân lại sắp sinh con. Trong lúc nguồn cơn bối rối, Tabê nghĩ đến Kin, những mong có gì cứu gỡ. Nhưng Kin của ngày hôm nay không còn là một người tình hết lòng hết sức như ngày xưa nữa, khiến Tabê bàng hoàng thấy cái khoảng cách giữa hai người sao đã quá xa. Lâu lắm mới gặp nhau mà Kin không tỏ ra vui mừng nồng nhiệt gì, cung cách tiếp đãi thì thật đúng đắn, vẻ mặt và cử chỉ lại rất chừng mực, lễ nghi, thấy khó mà tiến gần lại được.

Tabê thử nắm tay Kin thật chặt một lần nữa. Nhưng Kin không chạy qua bên kia lò sưởi với Tabê mà cứ để yên bàn tay như thế, bàn tay kia thì tiếp tục lau cái điều đều đều. Qua biết bao năm tháng, bây giờ cả hai đã mang trong mình những tình cảm phức tạp rất khác nhau. Mỗi người sống theo con đường riêng của mình, ngày lại ngày tuổi tác cứ chùng chất thêm, đẩy những kỷ niệm xưa lui dần, không còn tìm lại được. Giống như nhau, cả hai đều lảng lẽ so sánh người cũ của mình trong hiện tại với lúc trước. Thấy sao như đắm chìm trong một vòng huyền ảo, gặp nhau mà mỗi người đã quá mệt mỏi với con đường đi phức tạp của riêng mình. Ở thực tế bây giờ, không thể hy vọng có sự ngẫu nhiên như trong tiểu thuyết, vì tiểu thuyết có khi còn đẹp hơn, dễ dàng hơn. Những gì ở đây hôm nay chính là cái thực trạng lạ kỳ của cuộc đời - có hai người tìm gặp nhau để thấy mình chối bỏ lẫn nhau!

Có lúc Tabê suy tính là mình có thể giết Kin, nhưng lại ngại ngùng khi nghĩ nếu giết một người - dù tầm thường như thế này - cũng thành mang tội. Giá có giết một hai người đàn bà - thứ không ai thèm để ý đến - thì cũng có sao đâu, nhưng chỉ vì thế mà phí đời mình thì thật quá ngu! Sao lại phải giết một bà già, thấp hèn như sâu bọ, nhưng dù sao cũng không tội tình gì, và đang sống yên ổn ở nơi đây? Chắc chắn trong hai cái tủ áo kia phải có áo *kimono* chất đầy ắp. Hồi trước, có lần mình đã được xem một chuỗi đeo bằng ngọc dát kim cương nhận từ người nào tên Michel hay gì đó, bây giờ những thứ tương tự hẳn phải có cất đâu quanh đây. Cái nhà này cũng chắc chắn là của cô ta ...

Tabê nghĩ thêm là nếu có giết một người đàn bà đang ở với một cô gái câm thì cũng chẳng khó nhọc gì, nhưng bỗng thấy sao những hình ảnh của ngày xưa tự nhiên lại sống dậy trong lòng rất mãnh liệt: người đàn bà này, khi mình còn đi học, trong suốt khoảng thời gian chiến tranh xáo trộn ấy, đã từng là người mình thương mến yêu đương! Không biết vì đang say hay sao mà Tabê lại thấy Kin tuy đang ngồi đó nhưng cái bóng thì ăn sâu vào trong da của mình một cách kỳ lạ. Trong trí thì không muốn đụng vào Kin - dù là chỉ đụng vào tay thôi - nhưng bao kỷ niệm cùng Kin trong những ngày đắm thắm thuở xưa lại cứ thấm thiết trong lòng, rất sâu đậm .

Kin đứng dậy đi về phía tủ áo, lấy ra một tấm hình của Tabê thời còn đi học.

- Ô, cái này hay quá!
- Ở trong nhà của Sumiko nhưng cô ấy cho lại đó. Chắc là chụp trước khi mình gặp nhau. Hồi đó trông anh như một công tử nhĩ, mặc *kimono* với sọc trắng, thấy đẹp không! Cứ đem về đi cho chị nhà xem với. Cui đẹp lắm, không giống cái người hay nói chuyện xóc hông bây giờ chút xíu nào !
- Té ra cũng có một thời tôi được như thế này nhĩ!
- Dĩ nhiên! Nếu anh cứ như thế này mà phát triển ra tử tế đàng hoàng thì ông Tabê cũng là một người đáng kể lắm chứ!
- Nghĩa là định nói tôi không nên người chứ gì?

- Phải !
- Á, cũng tại cô đó, vớ tại cuộc chiến tranh quá dài !
- Ủa, lo đi đồ lỗi kìa! Không phải như anh nói đâu, tại anh hoá đục ra đó.
- Á, đục! Người ta ai cũng thô tục! Thế cả!
- Vậy mà tội nghiệp tôi không, có lòng giữ tấm hình này thực là lâu!
- Thì cũng thành chút kỷ niệm ít nhiều gì đó, chứ cô có cho tôi cái nào đâu ?
- Hình tôi ?
- Phải!
- Thôi đi, sợ chụp hình lắm. Nhưng mà hình tôi lúc làm *geisha* thuở trước, có gửi ra mặt trận cho anh mà?
- Làm rớt đâu mất rồi!
- Đó, thấy không, tôi thật thà hơn anh nhiều!

Bức "thành đồng" ngăn cách hai người - thể hiện qua cái lò sưởi ở giữa - có vẻ vẫn không suy suyển bớt chút nào. Bây giờ thì Tabê đã say khướt, còn Kin thì từ đầu chí cuối chỉ mới uống chưa được lấy nửa ly. Tabê cầm tách trà lạnh lên ực một hơi, rồi buông thõng tấm hình xuống bàn một cách hồ hững.

- Coi chừng khuya quá hết tàu điện, không về được.
- Bộ định đuổi về lúc tôi đang say thế này sao?
- Phải, nhà này toàn đàn bà con gái, hàng xóm người ta bàn tán !
- Hàng xóm? Người như cô mà thêm giữ ý với họ à?
- Vâng, giữ ý chứ!
- Tối nay ông ấy tới hả ?
- Ôi, ngài Tabê này, quá sức rồi đó nghe! Anh nói cái kiểu này tôi ghét lắm đó !
- Chả sao, kiếm không ra tiền thì hai ba ngày cũng chưa về được. Hay là ở lại đây ?

Kin đưa hai tay lên ôm đầu, tròn xoe hai mắt sững sờ nhìn cái miệng vừa nói xong của Tabê. Cả một mối tình ấp ủ nghìn thu bỗng vụt biến mất! Lặng nhìn người đàn ông trước mắt, Kin chẳng còn thấy đâu là cái đã gây cho mình bao xao xuyên trong những ngày xưa, nơi con người này cũng chẳng còn chút gì là sự biết mắc cỡ của thời thanh niên lúc trước. Kin cũng muốn chia ra một ít tiền để tổng đi cho xong, nhưng nghĩ lại, thấy có cho con người đang say sưa này một xu thôi cũng không đáng. Thà để tiền cho những người ngây thơ khờ khạo còn hơn. Đàn ông mà không biết tự trọng thì chả ra gì. Trong đời Kin đã có biết bao người ngây thơ tìm đến, và Kin yêu cái ngây thơ đó, xem như một cái gì quý giá cao thượng. Xưa nay Kin chỉ thích người đàn ông nào mà Kin cho là lý tưởng, cho nên với thực tế hôm nay, Tabê đã trụt xuống cái vị trí của những kẻ mà Kin xem là quá tầm thường. Khi Tabê không chết ngoài trận tuyến mà lại trở về được bình yên, Kin cho đó âu cũng là số mệnh. Giờ này nghĩ lại, lẽ ra với những vất vả khi xuống *Hiroshima* thuở đó, Kin đã có thể dứt tình với Tabê được rồi.

- Làm gì mà nhìn chòng chọc vào mặt người ta vậy?
- Ủa, vậy lúc này anh cũng nhìn tôi như thế thì sao? Chắc là nghĩ gì xấu trong đầu chứ gì?
- Đầu có, vì nghĩ đến cô Kin lúc nào cũng đẹp nên chiêm ngưỡng đó thôi.
- Phải, tôi cũng vậy, vì nghĩ anh Tabê bây giờ thực là oai, cho nên...
- Nói ngược chứ gì!

Tabê đang ngồi tưởng đến chuyện giết Kin, nhưng ráng kềm được ý nghĩ để nói trở thành chữ "nói ngược".

- Anh sướng quá nhỉ, từ đây sắp bước vào lứa tuổi tinh hoa phát tiết của đời người.
- Thì cô, cũng còn lâu chán!
- Tôi ư? Hết rồi! Cứ vậy rồi tàn thôi. Muốn hai ba năm nữa là đi về nhà quê sinh sống!
- Vậy lúc này nói sống thật lâu, để rồi lang chạ nọ kia, đó là nói giỡn phải không?
- Trời, tôi có nói vậy đâu! Tôi là người sống với kỷ niệm. Chỉ có vậy thôi. Tại sao mình không là bạn tốt với nhau?
- Lại trở qua chuyện khác rồi. Thôi đừng có nói như kiểu mấy cô học trò còn nhỏ nữa. Kỷ niệm thì ra sao mà chả được!
- Vậy à, nhưng mà ... gọi lại chuyện đi *Shibamata* cũng là anh chứ ai!

Hai đầu gối của Tabê bắt đầu rung rung trở lại. Thấy quá cần tiền. Tiền! Phải làm sao để mượn Kin cho bằng được, năm chục ngàn thôi cũng đỡ rồi.

- Thật tình cô không xoay được sao? Tôi lấy cái tiem ra làm bảo đảm mà ?
- Ủa, lại nói chuyện tiền ? Nói với tôi cũng không ích gì đâu. Tôi thực ra không có xu nào, cũng chẳng quen ai giàu. Nhìn tôi có vẻ thế nhưng thực ra thì túi rỗng. Không chừng còn phải mượn anh để mà sống nữa là !
- Chuyến này, tôi mà thành công thì sẽ đền ơn cho cô thật nhiều. Cô là người mà tôi không bao giờ quên đâu !
- Thôi, anh nhiều lời quá, đừng nói mấy cái vuốt ve đó nữa ... Anh đã bảo anh sẽ không nói về tiền nữa mà!

Một ngọn gió thu lạnh lẽo mang đầy hơi nước bỗng thổi thốc vào phòng. Tabê cầm thanh sắt để khêu lửa lên. Thoáng trong một giây, hai chân mày của Tabê nhíu lại, đầy vẻ giận dữ. Như bị bóng hình huyền hoặc nào đó lôi kéo, Tabê ghi thanh sắt thật chặt. Một tia chớp chạy nhanh vào mạch máu kích thích cả toàn thân của Tabê. Kin lo ngại nhìn theo bàn tay anh ta. Sao mà cái quang cảnh bây giờ cứ như là mình đã có thấy đâu trước đây rồi?

- Anh say quá, thôi nghỉ lại đêm nay cũng được!

"*Thôi nghỉ lại đêm nay!*" Tabê nghe mấy tiếng này, bèn thả thanh sắt ra, rồi đứng dậy đi loạng choạng vào phòng vệ sinh. Nhìn theo từ phía sau lưng, Kin như đọc được ý nghĩ của Tabê, bật cười khan, khinh bỉ. Cuộc chiến tranh này làm cho con người đổi thay hết cả! Kin với lên tủ trà lấy xuống mấy viên thuốc ngủ. Chai whisky vẫn còn một phần ba. Chừng này mà cho uống hết, để anh ta ngủ một đêm thật thẳng giấc, rồi sáng mai sẽ tống đi. Phần mình thì đêm nay không chợp mắt được là chuyện chắc!

Kin cầm tấm hình của Tabê lên, đưa vào ngọn lửa nóng. Một ít khói bốc lên, lan nhanh ra khắp chung quanh. Thấy cô *Kinu* từ bên ngoài khe hé cửa nhìn vào, Kin đưa tay ra dấu, bảo sửa soạn chăn nệm cho Tabê. Xong, Kin cắt 1 lát pho mát mỏng đưa lên đốt để át mùi giấy vừa cháy.

Tabê trở lại, tay vin vào vai cô tớ gái, đang còn đứng ngoài đã hỏi vọng vào:

- Ủa, đốt cái gì thế?
- Muốn nướng chút pho mát ăn thử xem sao, không ngờ nó rút xuống lửa!

Giữa đám khói trắng của giấy cháy lúc này, một làn khói đen cuộn lên nhanh, hoà lẫn tất cả, làm cái chụp đèn thủy tinh tròn bỗng hoá ra lơ mơ như mặt trăng khi nằm lẫn trong mây. Mùi dầu cháy thế mà cũng khá nồng. Kin thấy ngọt ngào khó chịu, đứng lên đi mở toang hết các cửa trong nhà.

*Hayashi Fumiko*  
*Viết xong tháng 11-1952*

**Văn Lang Tôn Thất Phương dịch**  
**Canberra, 8-2003**  
**npttp@yahoo.com.au**

# Địa Ngục Trước Mắt

Nguyên tác : Jigokuhen

Tác Giả: Akutagawa Ryunosuke (1892-1927)

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

## Lời Người Dịch:

Akutagawa viết *Jigokuhen* (1918) theo lối cổ sự tân biên (chuyện cũ soạn lại), sở trường của ông. Đề tài một phần mượn từ *Uji-shui-monogatari* (Vũ Trụ Thập Di Vật Ngữ), tập sách gộp nhặt 197 truyện có màu sắc Phật Giáo do tác giả vô danh soạn vào thế kỷ 13 (dưới thời mạc phủ Kamakura), phần khác mượn từ *Kokin Chobun Shu* (Cổ Kim Trữ Văn Tập) (1) liên quan đến bức bình phong địa ngục nổi tiếng. Akutagawa lấy cảm hứng viết *Jigokuhen* từ thái độ quái gở của một họa sư tên gọi Ryôshu hay Yoshihide (Lương Tú) bởi vì nhân vật này tỏ ra khoái trá khi thấy nhà mình bị hỏa tai thiêu rụi.

*Jigokuhen* (Địa Ngục Biển) là tên thu gọn của Địa Ngục Biển Tướng Đồ, bức tranh trên bình phong tả những cảnh tượng hình phạt dưới địa ngục mà tăng lữ Phật Giáo cho vẽ ra để răn dạy tín hữu làm lành lánh dữ.

Truyện này tuy không dính líu gì đến phim *Địa Ngục Môn* (2) (1953) của Kinugasa Teinosuke, đã đoạt Giải Chính Đại Hội Điện Ảnh Cannes năm 1954 nhưng có liên hệ với *Địa Ngục Biển* (1969) do các tài tử hàng đầu Nhật Bản như Nakamura Kinnosuke, Nakadai Tatsuya và Naitô Yôko diễn xuất.

Akutagawa có lẽ viết theo phong cách *kôdan* (giảng đàm), nghệ thuật sân khấu hưng thịnh nhất vào thời Genroku (1688-1704), có lẽ đến từ Trung Quốc. Người kể chuyện ngồi trước cái bàn con, cầm quạt gỗ nhịp, lên bồng xuống trầm kể những loại truyện có chủ đề chiến trận, vũ hiệp, báo ân báo oán, thể thái nhân tình. Đây là một ví dụ điển hình của truyền thống kết hợp văn học với nghệ thuật trình diễn (*misemono*) của Nhật Bản, vẫn còn truyền đến ngày nay.

Quan điểm của Akutagawa là nghệ thuật trên hết (tuy lúc cuối đời ông có vẻ bị dao động vì những biến cố thời cuộc). Nghệ thuật dẫu thắng được quyền lực nhưng nếu hy sinh Thiện để chọn lấy Mỹ thì theo thiên ý, điều đó không hẳn thỏa đáng. Tuy nhiên, tác giả đã có lý khi bảo địa ngục không cần phải tìm đâu xa, nó đã có ở trong lòng ta hay trước mắt ta qua quan hệ với tha nhân.

Người dịch sử dụng nguyên tác Nhật ngữ của nhà xuất bản Kôdansha in lại năm 1971, tham chiếu *The Hell Screen* (bản dịch sang Anh Ngữ của Takashi Kojima, trong *Ryunosuke Akutagawa, Japanese Short Stories*, Tuttle Publishing, Tokyo, 5<sup>th</sup> edition, 2000) cũng như bản Pháp ngữ *Figures Infernales* của Arimasa Mori, trong *Rashômon et autres contes*, Gallimard, Unesco, Paris 1965).

## Một

Đức ông Horikawa (3) có lẽ là nhân vật xưa nay chưa hề thấy mà mai sau khéo chẳng ai sánh kịp ngài. Người ta đồn trước khi ngài thác sinh vào cõi đời này, Đại Uy Đức Minh Vương (4) đã hiện ra bên gối mộng của ngài từ thân nên tự thuở còn thơ ngài đã có cái gì khác hẳn người thường, nhất cử nhất động không ai lường được. Chỉ riêng qui mô phủ đệ ngài xây ở vùng Horikawa thì ôi thôi, tráng lệ, huy hoàng, cao kỳ đến mức bọn phàm tục chúng tôi dù có bóp trán cũng không sao nghĩ ra nổi. Những điều thiên hạ thì thầm về ngài có cả chuyện liên quan tới tính hạnh mà kẻ bảo giống Tần Thi Hoàng (5), người so với Tùy Dạng Đế (6). Nhưng hạng bàn tán kiểu đó thì, như ngạn ngữ nói, khác chi lũ mù xem voi. Đức ông

không bao giờ chuộng lông lấy hào nhoáng cho riêng mình mà lúc nào cũng nghĩ đến kẻ dưới, nói cách khác, có cái lượng cả chỉ lo cho trăm họ yên vui.

Con người ngài quang minh chính đại như thế nên ngộ nhờ đêm khuya qua cung điện phường Nijô, có gặp phải quỷ sứ chắc chúng cũng chẳng dám động đến lông chân. Ngay hồn ma của quan Tả Đại Thần Minamoto-no-Tôru mà thiên hạ đồn đại đêm đêm vẫn hiện về ở viện Kawara-no-in (7) phường đông Sanjô, nơi nổi tiếng vì có khu viên đình mô phỏng theo phong cảnh Shiogama trong xứ Michinoku (8), bị ngài mắng cho, phải lùi mất. Nam phụ lão ấu đất kinh đô có tôn kính ngài như hiện thân Phật Tổ tái sinh thì cũng chẳng quá đáng. Đến độ hôm đi dự yến thưởng mai trong Hoàng Cung về, con bò kéo xe cho ngài lồng lên đâm phải ông lão bên đường đến bị thương, mà lão già ấy chỉ biết chấp tay xá dài, coi chuyện bò ngài húc phải như một vinh hạnh.

Suốt đời đức ông không thiếu chi những chuyện đáng lưu truyền hậu thế. Này nhé, nhân đại yến của Thiên Hoàng, ngài đã dâng ba mươi thốt ngựa, toàn ngựa kim, để làm quà cho khách; lúc gặp khó khăn khi xây một chiếc cầu dài, ngài lại đem cậu tiểu đồng hầu cận sủng ái nhất làm chân cầu sống để tế thần (9); có hôm còn to gan cho một nhà sư Trung Quốc đem cái thuật Hoa Đà mổ nhọt tấy trên đùi nữa đấy. Những chuyện thế đấy kể ra không hết, tuy nhiên trong số các giai thoại, xem ra không có gì thảm khốc hơn câu chuyện về nguồn gốc bức bình phong vẽ cảnh địa ngục mà con cháu ngài còn giữ làm của báu trong nhà. Thường ngài có bao giờ dao động vì điều gì đâu, thế mà trong thời gian câu chuyện bình phong xảy ra, đức ông cũng tỏ ra bối rối. Không thừa chắc quý vị cũng hiểu, kẻ châu chực bên cạnh ngài như bọn tôi thì hồn xiêu phách tán cả lũ. Riêng bản thân từng hầu hạ trong phủ có trên hai mươi năm, thú thực tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng nào hãi hùng như vậy.

Thế nhưng, để mào đầu câu chuyện, quý vị phải nghe tôi giới thiệu tay họa sư Yoshihide, tác giả tấm bình phong nói trên, là nhân vật thế nào cái đã.

## Hai

Nhắc đến cái tên Yoshihide, có thể trong vòng quý vị, nhiều người hãy còn nhớ. Hồi đó, hắn ta là một họa sư danh tiếng lẫy lừng, cả giới cầm cọ chẳng có người nào qua mặt. Lúc câu chuyện sắp kể xảy ra, hắn đã là một lão già ngoại năm mươi, dáng dấp khảng khiu chỉ có da bọc xương, khổ người thấp bé, tính nết khó ưa. Mỗi lần đến hầu cửa phủ, hắn ta hay mặc một bộ quần áo nhuộm màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen mềm, trông thật ti tiện. Không hiểu có nào từng ấy tuổi mà hắn còn tỏ môi đỏ chót khiến cho ta phải nghĩ tâm địa hắn có cái gì quý quái. Hư thực thế nào chẳng rõ, chỉ nghe có người bảo cặp môi son kia là do thói quen mút đầu cọ vẽ lâu năm mà sinh ra. Kẻ xấu miệng hơn lấy cách đi đứng, cử chỉ giống như khi của hắn ta để đặt cho hắn cái biệt hiệu Saruhide, nghĩa là "con khi Hide".

Nói tới Saruhide, người ta còn nhớ cả câu chuyện như sau. Đạo đó, đưa con gái độc nhất của Yoshihide mới mười lăm tuổi được tuyển vào làm thị nữ trong phủ đức ông. May mắn cho hắn, cô gái nom ra đẹp đẽ yêu kiều, nghĩa là chẳng giống bố tí tí nào. Có lẽ vì mồ côi mẹ từ nhỏ hay sao mà cô ta sớm chín chắn, biết để ý để tứ, kính trên nhường dưới, tính lại lạnh lợi nên mới từng ấy tuổi đã xử sự khôn khéo, được lòng mọi người, trên từ Lệnh Bà cho đến hàng thê thiếp.

Thế rồi không hiểu nhân cơ hội nào, có người ở vùng Tanba đem dâng một con khi nuôi đã thuần tính. Công tử con trai đức ông đang tuổi tình nghịch mới mượn cái tên Yoshihide đặt cho nó. Khốn nỗi cái tên lại ăn khớp với tướng mạo kỳ khôi của con khi nên khắp phủ không ai là không buồn cười. Nào chỉ có thế, cứ mỗi lần con khi leo lên ngai vắt vẻo trên cành tùng hoặc làm bản mặt chiếu phòng học công tử, bọn gia nhân lại kêu réo ầm tên Yoshihide để dọa cho nó sợ.

Nhưng có hôm, khi cô con gái của Yoshihide, tay cầm nhánh mai hồng có cài một tờ hoa tiên, đang đi dọc theo cái hành lang dài thì từ phía cánh cửa kéo đằng xa, con khi Yoshihide kia, chân khập khiễng như bị lợi, không đủ nhanh nhẹn để trèo cột nữa, đang cố lết mình chạy trốn ai đó cho thật nhanh. Thì ra sau lưng nó, công tử nhà ta đang hươi gậy đuổi, miệng mắng: *Đội đó, mày chạy đi đâu, đồ trộm quít*. Trước cảnh tượng ấy, đưa con gái của Yoshihide ban đầu có chân chừ giầy lát nhưng khi con khi đến nơi, bắm

cứng vật áo dài của mình và cất tiếng kêu thảm thiết như van lơn thì cô ta bỗng động lòng thương. Một tay cô đưa nhanh mai lên cao, tay kia vung ngay ống tay áo thụng màu tím nhạt, nhẹ nhàng bế con khỉ vào lòng, tiến đến trước mặt công tử, khẽ cúi đầu cất tiếng trong thanh thưa:

*- Dám xin công tử tha tội cho con vật ngu dại này.*

Công tử đang hùng hổ đuổi theo đến nơi, dễ gì mà tha, mặt người mới sa sầm, đậm chân ầm ầm hai ba lần, quát mắng:

*- Nó là đồ trộm quýt, mi bao che cái gì?*

*-Thưa công tử, thú vật chúng đâu có hiểu phải trái ...*

Cô gái mỉm cười hiền hậu đáp lời, rồi phân trần :

*- Con vật này cũng mang tên Yoshihide như cha thiếp. Nếu nó bị trừng phạt khác thì khác nào cha bị phạt nên thiếp không nỡ giương mắt làm ngơ ...*

Nghe vậy, ngạo ngược như công tử cũng phải vuốt bụng :

*- Nếu người có hiếu muốn cứu mạng cha thì lần này ta tạm tha cho nó đấy !*

Còn hậm hực, công tử nói xong câu, vút cái roi rồi đi khuất vào trong theo cánh cửa khi nãy.

## Ba

Con gái Yoshihide và con khỉ nhỏ trở nên thân thiết từ ngày có câu chuyện kia. Cô đem cái lục lạc bằng vàng tiểu thư ban, gắn vào sợi dây đồ cho nó đeo vào cổ. Còn con khỉ cứ quần quít bên cô, ít khi chịu rời. Lúc cô bị cảm, trong người khó ở phải nằm một chỗ, nó cứ ngồi bên gối, cắn cắn móng tay, gương mặt đượm vẻ lo lắng.

Có điều lạ là cũng kể từ hôm đó, thiên hạ không còn xúm lại trêu chọc con khỉ như trước. Trái lại họ ngày càng yêu chiều nó, ngay cả người khó tính như công tử lâu lâu cũng ném cho nó quả hồng hay hạt dẻ. Lúc trong đám cận vệ có kẻ lấy chân đá nó, người bèn nổi ngay con thịnh nộ. Rồi đến phiên đức ông cũng có lần cho gọi con gái Yoshihide bế con vật đến châu ngài, có lẽ vì đã nghe thuật lại chuyện liên quan đến con khỉ và duyên có những trận lôi đình của công tử.

*- Mi hiếu thảo, ta khen cho đó!*

Đức ông phán như thế và cô gái được thưởng cho một tấm yếm màu hồng. Con khỉ cũng nhanh nhẩu bắt chước cô gái nâng chiếc yếm lên trán để tạ ơn làm ngài vô cùng đẹp ý. Phải nhớ cho là con gái Yoshihide có lọt vào mắt đức ông chỉ nhờ cái đức hiếu hạnh tỏ ra khi che chở thương yêu con khỉ làm ngài cảm động chứ không phải ngài đắm đuối sắc đẹp như thiên hạ cứ hiểu lầm. Như tôi sẽ từ từ tường thuật, những lời đồn đại đó cũng không chỉ là chuyện bịa cả nhưng phải thừa trước là người như đức ông thêm gì to tưởng tới con gái anh thợ vẽ cho dầu nàng ta sắc nước hương trời đến đâu chẳng nữa.

Con gái Yoshihide được đức ông khen thưởng xong, mới lui ra. Vì tính cô khéo ăn ở, các nàng hầu trong phủ không ai ghen tức cả. Ngược lại, kể từ hôm đó, họ càng đem lòng thương mến cô lẫn con khỉ, còn cô thì lúc nào cũng được ở cạnh tiểu thư, không thiếu gì dịp theo hầu xe loan xem hội đó đây.

Ta hãy tạm gác chuyện cô con gái ở đây để kể về người cha, tức là họa sư Yoshihide. Trong khi con khỉ kia chẳng mấy chốc bỗng được mọi người cưng yêu chiều chuộng thì cái lão Yoshihide chính hiệu vẫn bị ghét bỏ, người chung quanh hề gặp dịp cứ gọi lén hẩn là Saruhide. Chả riêng người trong phủ không ai ưa, bên ngoài như tăng quan chùa Yokawa bây giờ, lúc nghe ai nhắc tên Yoshihide là biến sắc như người

gặp ma và ghét hẳn ra mặt. (Có người cho biết nguyên do tại Yoshihide hay vẽ hí họa hành tung của ông ta nhưng đó chỉ là lời đồn có mười đã phải bỏ bớt tám chín, không lấy gì làm chắc). Dù hỏi ai chẳng nữa, mọi người đều nghĩ không tốt về hắn. Không nói xấu hẳn có lẽ chỉ là hai ba đồng nghiệp trong ngành họa hoặc những ai biết hẳn qua tranh mà chưa tiếp xúc với người. Trên thực tế, thiên hạ ghét hẳn không riêng chỗ tướng mạo ti tiện mà còn vì một số thói hư tật xấu nữa. Nếu có gì là do hắn tự chuốc vạ vào thân thôi chứ không thể nào giải thích lỗi khác.

## Bốn

Thói hư tật xấu phải kể ra là keo bần, ích kỷ, trơ trên, biếng nhác, tham lam ... trong đó, nổi bật hơn cả tính phách lối ngạo mạn, lúc nào cũng vênh váo như có cái bảng đệ nhất họa sư bản triều treo trước mũi. Nếu hẳn chỉ ngạo nghễ trong lĩnh vực hội họa thì còn được đi, nhưng không, hẳn lại coi thường tất cả những gì gọi là qui củ phép tắc trong thiên hạ mới phiền chứ. Một đệ tử theo học lâu năm ở cửa hẳn kể chuyện có hôm ở phủ đệ nào đó, trong khi một cô đồng rất thiêng được linh nhập đang báo trước những tai họa thảm khốc thể mà hẳn vẫn không thèm lắng nghe, sẵn bút mực cứ chăm chú vẽ lại từng chi tiết nét mặt hải hùng của cô đồng. Dưới con mắt hẳn những lời tiên tri của đức mẫu đều là trò đùa để dọa con nít chắc?

Gã họa sư tính khí như thế nên khi họa tiên nữ Kichijō (10) hẳn mượn hình thù gái đi thô bỉ, còn vẽ Đức Bất Động Minh Vương(11) hẳn lại chọn hình ảnh một tên vô lại mới ra tù, toàn chơi những trò bất kính phạm thượng. Hễ cất vấn thì hẳn trả lời như khiêu khích: *Nói nghe lạ chưa, Thần Phật Yoshihide tạo ra thì tài nào vật nổi Yoshihide nhi !* Lời ăn tiếng nói kiểu đó khiến bọn đệ tử thân tín cũng cảm miệng hén, thiếu chi những đứa sợ hãi cho tương lai hậu vận đã tức tốc xin ra. Nói tóm lại, phải gọi Yoshihide là kẻ đầy tiền oan nghiệp chướng vì tội ngạo mạn, lúc nào cũng vỗ ngực coi ta nhất trần đời.

Khỏi nói cũng biết hẳn ta tự cho tài nghệ hội họa của mình là cao cường. Nhất là khi trong những bức họa vừa kể, từ nét cọ đến cách chọn màu, nhất nhất đều khác phong cách các họa sư đương thời làm cho bọn đồng nghiệp ghét hẳn đều cho là tà phái. Theo lời bọn họ bình phẩm thì đối với những họa phẩm của các bậc tổ sư đời xưa như Kawanari (12) hay Kanaoka, không hiếm chi những lời truyền tụng kiểu như, khi các vị ấy vẽ bức cảnh mai nở bên bờ giếng thì vào những đêm có trăng sẽ thoang thoảng hương thơm, còn nếu là bức bình phong tả cuộc sống nhà công khanh thì tưởng chừng có tiếng tiêu tiêu vọng ra từ đó. Trong khi ấy, tranh của Yoshihide lúc nào cũng chỉ để lại một ấn tượng gây gây khó ở. Ví dụ khi gã ta vẽ cánh cửa chùa Ryugaiji (13) thì riêng một cảnh tả năm cồi luân hồi (14) thôi cũng làm cho những kẻ đi đường đêm khuya qua đây tưởng chừng nghe đâu đây tiếng quỷ thần đang khóc than rên siết. Không những thế, có người còn bảo người được cả mùi thây chết thổi rửa từ bức tranh ấy bốc ra. Về những bức truyền thần mấy bà thê thiếp của đức ông mà ngài ra lệnh cho hẳn làm thì bà nào được vẽ chỉ trong vòng ba năm đều lâm bệnh như bị ai hớp hồn rồi lần lượt ra ma cả. Bọn xấu miệng cứ bảo thế vẫn chưa đủ bằng chứng để kết luận là tranh của Yoshihide theo đường bàng môn tà đạo là gì à ?

Vâng, đúng như tôi đã thưa trước, Yoshihide là kẻ đập đổ khuôn khổ của người mà lại vô cùng thoả mãn về mình, đến độ lúc đức ông hỏi đùa hẳn : *"Coi bộ nhà người chỉ chuộng vẽ toàn cái xấu xa thôi nhi?"* thì hẳn vừa mỉm một nụ cười khó ưa trên cặp môi đỏ chót già không nên nét, vừa trả lời bẻ trên bằng một giọng trịch thượng : *"Bẩm chính thế. Bọn họa sĩ đời hợt thường tình thì làm sao nhìn thấy nét đẹp nằm bên trong cái xấu để mà vẽ nó ra ợ !"* Cho hẳn là đệ nhất họa sư của bản triều đi, nhưng đứng trước mặt đức ông mà dám vênh váo thốt ra một câu như thế, quả to gan. Cậu đệ tử mà tôi dẫn chứng lúc nãy hay gọi lên hẳn bằng cái hỗn danh Chira Eiju để chế nhạo tính tự mãn của hẳn. Thật không có gì đúng hơn vì như quý vị thừa biết Chira Eiju là tên con thiên cầu có cái mũi to, dài, xưa từ Trung Quốc vượt biển qua đây ấy mà.

Tuy vậy, ngay ở nơi Yoshihide, con người ngang ngược, bất chấp thiên hạ này, hãy còn một chút gì gọi là nhân tính, bởi vì hẳn cũng biết yêu thương.

## Năm

Xin thưa với quý vị rằng tên Yoshihide kia yêu đứa con một của hãn hiện đang làm thị nữ trong phủ của đức ông với một tình thương hầu như rò dại. Như tôi vừa mới thưa qua, con gái của hãn là người rất mực dịu hiền, có hiếu với cha hết chỗ nói, nhưng hãn nào kém, đối với con cũng lo lắng chi li. Dù là một kẻ không hề cúng cho chùa chiền lấy một đồng kẽm nhưng hễ con gái xin đồ trang sức đầu tóc, quần áo thì hãn không tiếc mấy may tiền bạc, vội vàng sắm sửa cho ngay. Quý vị coi có tin nổi không?

Yoshihide yêu con gái nhưng chỉ yêu suông chứ không bao giờ nghe hãn đã động tới việc kiếm tẩm chồng cho con. Ngược lại, nếu có ai tỏ ý sẵn đón cô gái thì hãn liền tụ tập bọn côn quang lập mưu lên nên người ấy một trận nên thân. Vì vậy lúc đức ông ra lệnh phải tiến cô ấy vào phủ làm thị nữ thì ông bố này không bằng lòng chút nào. Giữa sảnh đường trước mặt Đức Ông mà hãn lộ vẻ đau khổ ra mặt. Những kẻ tung tin ra cho rằng đức ông bị sắc đẹp của cô gái lôi cuốn mới cưỡng cô ta phải vào hầu bắt chấp sự chống đối của cha cô có lẽ đã suy luận theo lối họ, nghĩa là những người từng lâm vào cảnh ngộ đó.

Cho dù những tin đồn kia có thật đi nữa, đối với một người thương con như Yoshihide thì chuyện khấn khứa sao cho nó sớm được trong phủ thái ra là điều hợp lý. Có lần hãn theo lệnh đức ông lấy gương mặt một cậu hầu cận sủng ái của ngài làm mẫu để vẽ hình Văn Thù Bồ Tát thời niên thiếu. Bức tranh hết sức thành công làm đẹp lòng Đức Ông, ngài mới cao hứng ban cho một lời :

*-Mi muốn thương gì, ta sẽ cho. Đừng ngần ngại, cứ nói thật !*

Yoshihide lúc đó mới ngồi lại ngay ngắn. Người ta còn đang đoán thử hãn định xin gì thì bỗng nghe hãn dạn dĩ thưa:

*-Xin lượng trên cho con gái của thần được thôi việc.*

Ở nơi phủ đệ khác thì không nói, chứ đây là được hầu hạ đức ông Horikawa cơ mà! Dù thương con đến mức nào, ai đòi lại ngu dại xin cho nó về nghỉ. Ngay cả người có lượng hải hà như đức ông mà cũng thấy bị xúc phạm. Ngài trầm ngâm chốc lát, trừng mắt nhìn Yoshihide rồi phán ngắn gọn:

*-Cái đó không được!*

Nói xong, mặc kệ hãn, ngài vùng đứng dậy vào trong.

Sự thể như thế phải lập đi lập lại đến bốn năm lần và bây giờ nhớ lại mới thấy cặp mắt đức ông nhìn Yoshihide mỗi ngày càng lạnh nhạt. Nhân chuyện đó, con gái hãn có lẽ vì lo lắng cho cha già nên mỗi khi lui về phòng thường cắn tay áo và thút thít khóc. Thế rồi lời xì xào chuyện đức ông tơ tưởng đến cô gái càng ngày càng lan ra trong phủ. Kề thì bảo nguyên do của sự tích bức bình phong vẽ cảnh địa ngục là vì cô gái kia không chịu theo ý muốn đức ông nhưng dĩ nhiên chuyện như thế làm gì có.

Theo con mắt của tôi, sở dĩ đức ông không cho cô gái kia nghỉ việc luôn vì ngài cảm cảnh cô ta, thay vì để cô về với một người cha ương ngạnh gàn dở, ngài có hảo ý giúp cô có dịp may ở lại sống đời nhưng lựa trong phủ. Dĩ nhiên ngài cũng muốn bảo bọc cô bé hiền hậu dễ thương kia nữa đấy nhưng nếu ta cứ nằng nặc bảo ngài háo sắc thì hơi quá. Đúng hơn, đó chỉ là chuyện đặt điều nói xấu.

Ai muốn bảo sao thì bảo nhưng lúc đó là thời điểm vì chuyện cô gái, ngài đâm ra ghét bỏ Yoshihide. Không hiểu suy nghĩ thế nào mà đột nhiên, ngài cho gọi hãn lại, hạ lệnh vẽ bức bình phong miêu tả cảnh tượng địa ngục.

## Sáu

Xin thưa về bức Bình Phong Địa Ngục kia thì đến nay, cái cảnh tượng khủng khiếp trên bức họa vẫn còn hiện ra mồn một trước mắt tôi.

Cũng cùng vẽ cảnh tượng địa ngục như nhau nhưng nếu đem so sánh với tác phẩm của các họa sư khác thì tranh Yoshihide chẳng giống mấy may kể từ hình vẽ đầu tiên. Trên bức bình phong ấy, cả đến từng xó góc, cảnh tượng thập điện diêm vương và phán quan, quỷ sứ đều được tô vẽ tỉ mỉ, sau mới đến một mặt tranh rộng người với ngọn lửa hùng hực đốt sáng núi kiểng rừng gươm. Tường chừng lửa đang cuốn hút tất cả. Phẩm phục ra vẻ đời Hán của các vị phán quan còn điểm cho bức tranh một ít chấm xanh hoặc vàng, ngoài ra, cả nền họa bị trùm trong một bầu lửa đỏ. Giữa bức tranh, ta thấy những giọt mực tóe ra thành mấy cột khói đen uốn hình chữ vạn, còn kim nhũ bắn tung như đốm sáng của lửa ngọn đang múa may quay cuồng.

Chừng đó đã đủ mười phần bút lực để làm kinh ngạc người xem tranh nhưng hơn thế nữa, hầu như chưa ai thấy ở một bức tranh vẽ cảnh địa ngục nào khác có được cái cách trình bày cảnh tượng tội nhân đang bị ngọn nghiệp hỏa quay nướng, quần quai thống khổ như thế. Giải thích tại sao ấy à ? Xin thưa là trong đám tội nhân mà Yoshihide vẽ ra đây, có đủ mọi hạng người: trên từ công khanh quyền quý, dưới đến bọn ăn mày ăn nhặt. Nào bậc cao sang đai mao uy nghiêm, nào ả hầu non lượt là tình tứ, nào nhà sư lần tràng niệm Phật, nào cậu hề đồng chân xỏ guốc cao, nào cô tiểu thư xiêm y thon thả, nào ông thầy cúng diện lớp đạo bào ... nhiều đếm không hết. Tất cả lũ người đó đang bị bọn ngục tốt đầu trâu mặt ngựa hành hạ khổ sở, mê loạn tứ tán trong ngọn lửa, ngọn khói, giữa giòng nước xoáy như những chiếc lá rụng bị cơn lốc cuốn. Người đàn bà tóc kết giữa thanh cương đao, tay chân co dúm như con nhện xưa kia không phải là một mục đồng buồn thần bán thánh đó sao? Gã đàn ông mình treo ngược thân doi, ngực bị ngọn giáo đâm xuyên thủng kia chẳng từng là tên quan lại ngồi chơi hưởng lộc là gì! Ngoài ra, những kẻ khác thì hoặc bị quật bằng roi sắt, hoặc bị nghiền nát dưới bàn đá nghìn cân, để cho quái điều ria, độc xà ngoặm. Hề tội nhân phạm lỗi thế nào thì có cách ứng báo thế đó, nói sao cho cùng.

Dầu vậy, khủng khiếp nhất vẫn là cảnh chiếc xe ngự do bò kéo rơi từ trên không thẳng xuống rừng gươm đao nhọn hoắc như nanh thú, lưng lẳng từng xâu người bị lưỡi kiếm xuyên ngang. Trong chiếc xe ấy, nhìn qua bức rèm trúc đã bị gió lửa tạt đến bật tung, có một nữ quý nhân ăn mặc lụa là như công nương, đang khô héo ngoắc ngoải chờ chết, dòng suối tóc bị lửa tấp và chiếc cổ trắng ngần của nàng ưỡn ra đằng trước. Quang cảnh vị công nương hấp hối trong chiếc xe bò kéo là cao điểm tượng trưng cho mọi thống khổ trong cái hỏa ngục này. Tất cả sự khủng khiếp của tám bình phong rộng lớn như tụ lại ở một nhân vật chính. Họa sư đã vẽ tới mức nhập thần khiến cho những ai nhìn bức tranh đều có cảm tưởng nghe được tiếng gào khóc thê thảm xoáy vào tai họ.

Ôi chao, vì nó đấy, vì để vẽ bằng được tám bình phong ấy, mà câu chuyện thảm khốc kia mới xảy ra, quý vị ơi ! Nhưng nếu nó không xảy ra, tài thánh Yoshihide cũng chẳng vẽ được sống động cảnh tượng trừng phạt và thống khổ cùng cực dưới đáy địa ngục đâu! Để hoàn thành bức tranh, hẳn đã chấp nhận một cảnh ngộ còn thê thảm hơn cả chuyện mất đi mạng sống. Nói cách khác, chính vì muốn sao cho bức tranh địa ngục đạt đến mức thần diệu mà Yoshihide, đệ nhất họa sư của bản triều, đã tự tay mở cánh cửa địa ngục để rồi lao mình xuống đấy.

Có thể tôi quá sôi nổi vì bức bình phong quý giá ấy nên kể hơi nhanh hay đã đem đuôi câu chuyện đổi ra đằng đầu. Vậy bây giờ cho phép tôi vòng lại kể tiếp việc đức ông Horikawa đã ra lệnh cho Yoshihide ra sao và hẳn đã vẽ bức bình phong ấy như thế nào nhé.

## Bảy

Từ hôm nhận lệnh, Yoshihide không lên hầu trên phủ suốt năm sáu tháng liền, mỗi ngày cặm cụi vì bức họa trên bình phong. Yêu con đến thế mà khi đã bắt đầu vẽ thì có bảo là hẳn chẳng thêm gặp mặt con gái nữa thật cũng không ngoa. Theo lời cậu đệ tử mà tôi nhắc đến hồi nãy đấy, hễ lao đầu công việc rồi thì hẳn ta như bị ma chôn ám. Thiên hạ hay dè bỉu rằng Yoshihide mà thành công và có chút danh trong họa giới là vì hẳn đã thề ước điều gì với hồ ly tiên để đánh đổi lấy phúc lộc. Chứng cứ là có kẻ kể rằng chỉ cần nấp vào một chỗ tối rình xem lúc gã vẽ tranh thì thế nào cũng thấy bóng không phải một con mà cả một đàn chồn tụ tập, trước mặt sau lưng, bên trái bên phải hẳn. Chỉ cần được hỗ trợ thế thôi mà mỗi khi tay cầm cây cọ rồi là hẳn có sức vẽ một lèo cho đến lúc hoàn tất bức tranh. Ngày đêm tự giam trong phòng

kín, mắt ít khi thấy được ánh mặt trời. Nhất là khi vẽ bức bình phong địa ngục, thì hẩn càng mê mải, quên bẵng mọi sự.

Nói rõ hơn, giữa ban ngày ban mặt Yoshihide cứ buông rèm kín mít, bắt lũ học trò mặc thử đủ loại áo xống từ áo dự hội đến áo mặc ngày thường, mang đủ loại trang sức, còn hẩn thì, bí mật pha màu và chăm chú ghi chép lại chi tiết của từng người dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì đã lấy gì làm lạ vì mỗi lần vẽ tranh hẩn đều có những thái độ lạ lùng chứ đâu riêng gì khi họa bức bình phong địa ngục. Ví dụ trong thời gian vẽ Năm Cảnh Luân Hồi ở chùa Ryugaiji, hẩn có lần thấy một xác chết nằm bên đường. Nếu là người bình thường thì họ đã nhìn thật nhanh qua chỗ khác, thế mà hẩn lại điềm nhiên ghé ngồi xuống, bắt đầu vẽ chi li từng chân lông cọng tóc trên mặt trên tay của cái thầy đã bắt đầu rữa ra. Sự say mê đến thế của hẩn phải được gọi thế nào cho đúng nhỉ ? Chắc nhiều vị sẽ không trả lời được. Bây giờ tôi chưa có thời giờ giải bày tường tận đâu, trước hết, xin quý vị hãy nghe cho thủng câu chuyện đã.

Một tên đệ tử của Yoshihide (vẫn là anh chàng nhắc tới ban nãy) đang sửa soạn bột màu cho thầy thì bỗng dung hẩn ta đến đứng một bên, bảo :

*- Ta đi nghỉ trưa một chốc. Không biết sao dạo này chiêm bao toàn ác mộng.*

Chính ra chuyện đó Yoshihide vẫn thường gặp nên tên đệ tử chẳng làm lạ, vẫn không dừng tay, cất tiếng :

*- Thế ạ.*

Nó chỉ trả lời cho đủ lễ nhưng khác mọi ngày, mặt Yoshihide ra chiều buồn bã, y hỏi tên đệ tử bằng một giọng điệu mà nó cảm thấy khó từ chối.:

*- Vì thế, ta muốn nhờ ngươi đến ngồi bên giường, canh giấc hộ ta cơ !*

Tên đệ tử tự hỏi không biết sao lần này thầy nó lại có vẻ bức rút vì những cơn ác mộng đến thế, nhưng cũng lễ phép thưa.

*- Vâng, thầy để con canh cho.*

Yoshihide vẫn chưa hết vẻ lo âu, chần chừ bảo :

*- Thế thì mi vào bên trong này với ta. Nếu có đũa khác đến trong lúc ta đang ngủ, tuyệt đối cấm nó đến bên cạnh nhé.*

Chỗ gọi là bên trong có gì khác hơn là gian phòng ngày cũng như đêm cửa bít kín, nơi Yoshihide ngồi vẽ hay băng quơ nhìn ngọn đèn dầu. Vòng quanh căn buồng là bức bình phong mới được thảo qua vài nét đơn sơ bằng hòn than. Tên đệ tử đến nơi đã thấy Yoshihide nằm đầu gối lên cánh tay, ra dáng đang thiếp đi vì quá mệt. Thế nhưng chỉ được một giờ sau, tên đệ tử ngồi canh giấc đầu giường bỗng nghe một chuỗi âm thanh ròn rợn vọng vào tai hẩn.

## Tám

Lúc đầu thực ra chỉ là một chuỗi tiếng động vô nghĩa nhưng lần hồi, tên đệ tử nghe ra đó là những câu nói mớ ngắt quãng của người đang ngộp nước, cố gắng học ra ăng ặc:

*- Sao, bảo tôi xuống à? Đi đâu, xuống mãi đâu? Tận đáy địa ngục cơ à ? Bảo tôi xuống hỏa ngục? Ai đó? Vị nào đang gọi tôi đó? Tưởng ai chờ hóa ra....*

Tên đệ tử quên cả bột màu, hoảng hốt nhìn như muốn xuyên thấu ông thầy để dò xét tận bên trong khuôn mặt nhăn nhoe giờ đây đã đổi thành trắng bệch, đầm những hạt mồ hôi to, cũng như cái miệng còn sót mấy chiếc răng thừa thốt giữa đôi môi khô queo đang thở đứt đoạn. Thế rồi trong cái miệng đó có một vật gì lay qua lay lại như được ai cột vào một sợi tơ mà kéo. Thì ra cái lưỡi của ông thầy nó. Những âm thanh rì rạc đang phát ra từ phía cái lưỡi ấy.

*- Hừ, té ra là người . Ta cũng đoán chỉ có thể là người thôi. Người bảo gì ? Đến đón à ? Cùng nhau xuống tận đáy địa ngục đi. Ta đi thôi !. Con gái ta đang chờ dưới ấy mà...*

Lúc ấy tên đệ tử có cảm tưởng ghê rợn như có những bóng hình mờ ảo kỳ quái vụt lướt qua mắt nó rồi tan biến vào bức bình phong. Dĩ nhiên nó vội vàng nắm bàn tay Yoshihide lay lấy lay để, đánh thức thầy cho bằng được nhưng ông ta vẫn tiếp tục mê sảng một mình, không có vẻ gì sắp mở mắt ra. Hoảng quá, tên đệ tử mới bung chậu nước rửa cọ đang đặt ở bên cạnh, xối ào lên mặt thầy.

*- Đợi người đấy, lên xe nhanh đi ! Lên xe bò này mà xuống địa ngục với ta.*

Câu nói phát ra giữa tiếng rên siết như đang bị tắt nghẽn trong cổ họng Yoshihide. Thế rồi hấn giật bắn như bị kim chích, bừng mở mắt, bật người dậy. Trong ánh mắt như vẫn còn đọng lại những cảnh tượng quái gở vừa thấy trong chiêm bao. Một hồi lâu sau, cặp mắt vẫn đầy kinh hãi, miệng há hốc, còn đôi mắt mở trừng trừng nhìn vào hư vô. Rốt cục, lại được thần hồn rồi, hấn mới lãnh đạm nói với tên đệ tử :

*-Thôi, được rồi. Cho mi trở về chỗ cũ !*

Tên đệ tử biết lúc này mà còn thêm tiếng một tiếng hai, chắc chắn không khỏi bị thầy mắng cho nên lật đật rút lui khỏi phòng. Ra đến bên ngoài nhìn được ánh nắng mặt trời, nó mới cảm thấy chính mình cũng vừa thoát khỏi cơn ác mộng.

Nếu chỉ có chừng đó chuyện thôi thì nói gì nhưng chưa đầy một tháng sau, Yoshihide lại cố tình gọi một tên đệ tử khác vào phòng vẽ. Đang ngồi trong bóng tối trước ngọn đèn dầu chập chờn, miệng cắn mũi bút họa, hấn thành linh quay sang ra lệnh cho tên đệ tử:

*- Mi chịu phiên trần trường ra cho ta xem !*

Thông thường, mỗi khi sư phụ đã truyền điều chi, bọn chúng phải nghe theo răm rắp nên tên đệ tử bèn nhanh nhẹn cởi hết quần áo bày nguyên hình dạng cha sinh mẹ đẻ. Lúc đó, Yoshihide mới nhìn mặt nhìn nó một cách lạ lùng rồi bảo :

*-Ta chưa hề được xem cảnh một người bị cột bằng xiềng sắt. Dù không thích, mi có vui lòng làm theo lời ta trong chốc lát hay không?*

Giọng lưỡi thì bảo vui lòng kia nọ nhưng thái độ của hấn trông thật lạnh lùng. Nguyên lai, tên đệ tử này không có tướng là dân cầm cọ vẽ mà là thứ gã con trai mạnh bạo sinh ra để cầm đao kiếm cơ, nhưng khi nghe thầy nói thế, nó cũng hết hồn. Mãi sau này khi kể về câu chuyện trên, nó vẫn lập đi lập lại : *Tôi cứ tưởng sư phụ nổi điên và thật tôi đến nơi đấy chứ !* Thế nhưng lúc ấy Yoshihide thấy tên đệ tử ra dáng chần chừ là đã phát sốt. Không biết hấn kiếm đâu ra một sợi xích sắt mỏng, tay liền hoa nó lên rồi thoăn thoắt cuốn như bay quanh châu thân tên đệ tử. Thằng kia chưa kịp có thời giờ ừ hử gì cả thì đã bị xích kia siết hết hai cánh tay. Thế rồi Yoshihide lại hiềm ác rút thật chặt một đầu dây xích làm tên đệ tử đau thấu trời xanh, nó quỵ người ngã xuống mặt sàn đánh ầm và lăn lộn mấy vòng.

## Chín

Lúc đó có thể nói hình thù tên đệ tử giống như cái vỏ rượu ngã lăn lóc, mình mẩy tứ chi đều bị trói chèo queo thật tội nghiệp, có mỗi cái đầu còn ngo ngoe được thôi. Xem ra thì trên thân thể vạm vỡ của nó, máu trong huyết quản bị xiềng sắt ngưng tụ lại đã căng ứa trên làn da làm ửng đỏ cả người. Thế mà trước

quang cảnh đó Yoshihide vẫn bình thản như không, hấn cứ lững thững đi vòng quanh cái "vò rượu" kia, nhìn chỗ này ngắm chỗ kia, sao chép hết bức này tới bức nọ. Trong khi ấy thì tên đệ tử bị trói nằm kia chịu đau đớn khổ sở như thế nào thì tôi không cần tả ra làm gì, quý vị cũng đã đoán được.

Nếu không có gì bất ngờ xảy ra hôm đó thì chắc tên đệ tử kia còn phải chịu cái cực hình này không biết đến bao giờ, nhưng may cho nó (hay bảo không may cho nó mới phải) là sự việc kéo dài được một chốc thì từ chỗ khuất cạnh cái bờ góc nhà có một vệt gì đen bóng như dầu loang chậm chậm chảy thẳng ra thành một đường dài. Lúc đầu thì trông vật đó như dính chặt dưới nền nhưng lần hồi bỗng động dẩy từ từ rồi bắt đầu trườn về phía trước. Khi thử chú mục nhìn cái thân hình lấp la lấp lánh tiến gần đến trước mặt mình, tên đệ tử mới la ó thiếu điều đứt hơi:

*-Rắn, rắn ...*

Lúc ấy có bảo tượng chừng máu toàn thân tên đệ tử sắp sửa đông đặc cũng không quá đáng vì con rắn chỉ còn xiu xiu nữa đã có thể thè cái đầu lưỡi lạnh buốt của nó chạm vào mảng thịt ở cổ tên đệ tử đang bị xiềng siết đến bắt máu. Chuyện không thể ngờ này chắc đã khiến cho con người ma giáo như Yoshihide cũng đâm ra hoảng hốt nên hấn vội vàng ném ngay mũi cọ, khom người chụp lấy đuôi rắn, thông đầu cho nó đong đưa. Rắn cố vịn vẹo cả người để ngóc lên cho bằng được nhưng đầu nó không tài nào chạm nổi cổ tay gã thợ vẽ.

*-Con rắn khôn nạn, ông vẽ đang ngon .*

Hấn làm thảm nguyên rửa, tẩy tọt con rắn vào trong cái bờ góc phòng rồi cúi kinh tháo vòng xiềng đang thắt chung quanh người tên đệ tử. Hấn chỉ làm mỗi việc tháo xiềng chứ nhất nhất không có lấy một lời dịu ngọt an ủi. Như thế hấn cúi kinh không phải vì suýt nữa con rắn ngoạm cổ tên học trò mà chỉ vì nó làm hỏng một nét họa mà thôi. Sau này nghe kể mới biết ra con rắn ấy cũng được Yoshihide cố ý nuôi để dùng làm mẫu vẽ.

Qua mấy chuyện như thế quý vị đã hình dung được Yoshihide điên khùng và tệ bạc đến chừng nào. Để kết thúc, tôi xin kể thêm chuyện một tên đệ tử khác tuổi vừa mười ba mười bốn đã thiếu điều mất mạng trong khoảng thời gian bức tranh địa ngục đang thành hình. Tên đệ tử này là một cậu trai bẩm sinh có nước da trắng trẻo như con gái. Một đêm, không hiểu có gì, cậu ta được gọi vào phòng thầy. Lúc đó, Yoshihide ngồi dưới ánh đèn, đang chăm chút đút cho một con chim quái dị ăn mấy mẩu thịt sống để trong lòng bàn tay mình. Con chim ấy phải to đến cỡ một con mèo nuôi trong nhà, lông vũ chia ra hai bên như những cái lỗ tai, cặp mắt tròn to màu hổ phách, tóm lại, mới nhìn qua cứ ngỡ là ông miêu nào đó.

## Mười

Nguyên lai, Yoshihide chúa ghét những ai chõ mõm vào chuyện của lão, thành thử trong xưởng vẽ cát giầu gì, cả con rắn vừa kể, hấn không hề hé môi cho lũ đệ tử biết. Do đó, có lúc trên bàn trong phòng hấn, những vật quái lạ như đầu lâu, bình bạc, mâm sơn ...được trần thiết, tùy theo cảnh trí cần cho bức vẽ. Không ai hiểu ngày thường Yoshihide chôn giấu những của lạ ấy ở đâu. Cho nên lời đồn đại về việc hấn được Thần Tài hỗ trợ chắc phải bắt nguồn từ những chi tiết đó thôi.

Tên đệ tử trẻ lúc ấy nghĩ thầm con chim quái dị kia cũng chỉ là một vật làm mẫu để vẽ bức bình phong nên mới thẳng thớm đến cúi xuống trước mặt thầy, kính cẩn :

*- Thưa thầy gọi con có việc gì ạ ?*

Yoshihide coi bộ không chú ý đến câu hỏi của nó, thè lưỡi liếm quanh cặp môi đỏ, hất hàm về hướng con chim, hỏi :

*- Sao, mi thấy nó thuần chưa nào ?*

*- Thưa thầy, chim này là giống gì mà con chưa được biết bao giờ !*

Đệ tử vừa hỏi vừa ngắm nhìn con chim hình thù giống mèo với cặp tai trông đến khiếp. Yoshihide vẫn giữ vẻ trào lộng cổ hủ:

*- Cái gì ? Mi chưa thấy giống chim này bao giờ à ? Dân đô thị như bọn bay chán thật. Con vật này là giống cú có sừng mà lão thợ săn ở Kurama mới đem biếu ta mấy hôm trước. Có một con thuần tính thế này hiếm lắm đây !*

Vừa nói xong, nhằm lúc con cú vừa nuốt sạch mồi, y mới đưa tay lên nhẹ nhàng vuốt ngược tấm lưng nó từ dưới lên trên. Mới thế thôi thì trong nháy mắt, con vật đã vùng bay lên bàn, cất lên một tiếng kêu nhọn sắc, hai chân giương móng vuốt, nhắm đầu tên đệ tử lao tới. Nếu lúc đó tên đệ tử không vội vàng đưa ống tay áo lên che mặt thì đã ăn hai ba vết mổ rồi cũng nên. Nó la ới ới, vung tay chực đuổi quái điều thì con cú có sừng lại kêu the thé, chìa mỏ cốc thẳng đầu thẳng bé. Thăng bé quên cả việc nó đang đứng trước mặt thầy, hết đứng lại ngồi, chống đỡ không ngừng, luống cuống chạy trong cái phòng vẽ chật chội tìm cách thoát thân. Con cú cũng không chịu rời một tấc, lúc bay lên cao lúc sà xuống thấp, hề thấy kẻ hở là châu đầu xuống nhắm ngay con người thăng bé. Mỗi lần như vậy, cánh nó đập phàn phật, bắn ra hơi ẩm nặng mùi lá mục hay quả nhũn tanh tưởi chịu không thấu. Đối với thăng bé lúc ấy thì thú thật, ngọn đèn dầu leo lét bên cạnh chả khác gì vàng trắng lu lạnh lẽo và căn buồng vẽ của ông thầy nó là hang động đầy yêu khí một nơi thâm sơn cùng cốc nào đâu.

Tuy nhiên cái nó sợ nhất không phải việc bị con cú tấn công. Điều làm nó rợn tóc gáy là thái độ của ông thầy Yoshihide, này giờ vẫn lạnh lùng ngắm nghía quang cảnh, từ tốn nhấm ngọn bút và ghi chép lên một cuộn giấy cảnh tượng ghê khiếp khi đưa học trò ẻo lả như con gái đang bị quái điều tấn công không thương tiếc. Thoáng liếc thấy thế, một nỗi sợ hãi xâm chiếm lấy thăng bé và đương sự hiểu ngay là ông thầy này có khi sẵn sàng thí cả mạng nó nữa.

## Mười Một

Tình thực chuyện thầy thí mạng trò không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Xem chuyện kêu đệ tử đến đêm hôm đó rồi lập mưu kích thích con cú để vẽ được cảnh nó chạy cuống cuống lúc bị cú tấn công thì rõ. Thưa vì lẽ đó mà tên đệ tử khi nhanh mắt thấy bộ dạng ông thầy, bất giác lấy hai ống tay áo che đầu, bỗng sau một tiếng thét hoảng hốt, nó té khuỵu phía cánh cửa kéo ở góc phòng. Vừa lúc ấy, Yoshihide cũng cất tiếng la lối rồi dợm đứng lên. Đã thấy tiếng đập cánh của con cú càng lúc càng dữ dội cùng với tiếng đồ vật đổ vỡ loảng xoảng. Tên đệ tử mất cả thần hồn, bỏ cả tay che đầu, ngẩn xem có gì. Căn phòng lúc đó tối mịt, chỉ nghe tiếng gã họa sư đang bức dọc réo gọi bọn đệ tử.

Rốt cục, từ xa một đứa lên tiếng đáp lại, rồi tất tả cầm đuốc đến nơi. Dưới ánh sáng của ngọn lửa khói cay xè, nó thấy cây đèn trong phòng đã ngã lăn kềnh và ở chỗ dầu loang ra cả mặt sàn lẫn mặt chiếu, con cú hồi nãy đang nằm lẫn lộn, cổ nhấc một bên cánh lên và cất tiếng kêu ra chiều đau đớn. Riêng Yoshihide vẫn ở trong tư thế nửa đứng nửa ngồi, mặt ra dáng kinh ngạc còn mồm lẩm bẩm những gì không rõ. Thật ra chẳng có gì lạ cả: một con rắn đen thui đã cuộn người quanh con cú, từ đầu đến một bên cánh, và tiếp tục siết chặt. Có lẽ lúc tên học trò chạy vội và té khuỵu ở góc này đã lật đổ cái chum và khi cú kia khinh suất định chụp mồi con rắn đang từ trong chum bò ra là lúc cuộc thư hùng bắt đầu. Hai tên đệ tử đưa mắt nhìn nhau rồi trong khoảnh khắc, chỉ biết trố mắt nhìn cuộc chiến đấu đang xảy ra, xong lặng lẽ cúi đầu chào thầy và kín đáo bước ra khỏi phòng. Chẳng ai biết số phận của con cú và con rắn ra sao nữa.

Chuyện tương tự những gì vừa kể nhiều vô số. Như tôi đã thưa trước, kể từ đầu thu là lúc có lệnh vẽ bức bình phong địa ngục cho đến mùa đông, lũ đệ tử của Yoshihide luôn luôn bị sự phụ tạo ra mọi chuyện phiền hà vì thái độ quái gở của hần ta. Thế nhưng đến cuối mùa đông thì có cái gì không ổn trong kế hoạch vẽ bức bình phong của Yoshihide. Mặt mày hần ngày càng bụ xụ, lời ăn tiếng nói cũng gắt gỏng hơn. Bức họa vẽ thử đã xong đến tám phần mười mà cứ bị bày trơ ra đấy, không tiến thêm được bước

nào. Nhìn cảnh tượng đó có thể đoán được là Yoshihide sẵn sàng xoá sạch những gì đã cất công vẽ cho đến lúc ấy.

Dẫu vậy, chẳng ai hiểu và chẳng ai dám đặt câu hỏi xem cái gì đã làm họa sư kệt cứng. Bọn đệ tử trước đây mấy lần đã cách ông thầy, có cảm tưởng như chúng đang bị nhốt chung một chuồng với hổ lang, đều giữ ý giữ tứ không dám đến gần sư phụ.

## Mười Hai

Chính vì thế mà tôi không thấy gì xảy ra vào thời điểm đó để kể chuyện làm quà cho quý vị. Có lẽ chẳng chỉ là việc cái lão già ngang bướng kia bỗng trở nên mau nước mắt, nhiều lúc ra chỗ khuất ngồi khóc một mình. Đặc biệt có hôm có tên đệ tử không biết nhân việc gì phải đi ngang vườn nhà trên, bắt gặp ông thầy của nó đang đứng bên hành lang ngược mắt nhìn lên khung trời sắp vào xuân mà đôi mắt như mờ lệ. Tên đệ tử thấy thế chợt cả thẹn như thể nó đang dòm trộm ai, lẳng lặng trở gót rút lui, nhưng bao nhiêu đó đã đủ cho ta thấy gã đàn ông ngạo mạn khi muốn vẽ cảnh năm côi luân hồi của chúng sinh dám lấy cả thầy chết bên vệ đường làm mẫu kia lại có thể ức lòng vì không thực hiện được bức bình phong mà đâm ra khóc lóc như trẻ con. Nếu quý vị không cho là quái gở thì tôi xin thua.

Thế nhưng, suốt thời gian vẽ bức bình phong, khi Yoshihide thiếu điều say mê đến mức có thể coi như khùng tới nơi thì cô con gái lão ta càng ngày càng chìm đắm trong u ám đến nỗi khi nhìn dung mạo tiêu tụy của cô, bọn tôi không ghìm được nước mắt. Huống chi cô ta xưa giờ da dẻ vẫn trắng muốt, đáng điệu u buồn, khép nép, nên từ độ riềm mi trĩu xuống, quầng mắt thâm hơn, đáng cô đã buồn lại nẫu nùng thêm. Ban đầu còn tưởng cô vì lo lắng cho cha già hay hờn duyên tử phận chi chi. Chúng tôi phỏng đoán hết nguyên nhân này tới nguyên nhân nọ, giữa chừng mới nghe người ta đồn cô buồn là tại đức ông đang buộc cô chịu theo ý ngài đấy thôi. Nhưng chỉ ít lâu, bỗng nhiên thấy thiên hạ như quên bằng những lời đàm tiếu đó.

Có lẽ nhằm khoảng đó thì phải, một đêm, trời vừa rạng sáng, lúc tôi đang một mình đi dọc hành lang trong phủ thì cái con khỉ nhỏ mang tên Yoshihide ở đâu bỗng bắt đầu chạy tới, nín cứng vật *hakama* trên quần của tôi giật lấy giật để. Tôi còn nhớ đêm đó trời âm trầm, trong vườn thoảng hương mơ, vàng trắng tỏa ánh sáng bàng bạc. Dưới ánh trăng, tôi để ý thấy con khỉ chìa hàm răng trắng bóc, mũi xẹp nếp nhăn nhăn, kêu eng éc toản loạn như đang bức bối vì điều gì. Tôi khó chịu thái độ quái gở của con vật thì ít mà hậm hực vì tấm *hakama* mới toanh bị giật nát thì nhiều, mới đầu định quơ chân đá nó qua một bên rồi cứ thế đi tiếp. Bỗng tôi chợt nhớ ra chuyện anh chàng vũ sĩ vì muốn trừng phạt con khỉ mà bị công tử quở trách. Lại thêm đáng điệu của con khỉ như có cái gì khác thường làm tôi rất cục buộc phải chạy theo hướng con khỉ kéo, dọc theo năm sáu gian buồng (15).

Vòng khỏi khúc quanh của hành lang, dù trong bóng đêm tôi cũng nhận ra được màu nước sáng nhàn nhạt của hồ nước trải rộng đằng sau mấy thân cây tùng xinh xắn. Chính vào lúc đó, tai tôi bỗng bắt được tiếng người đang giằng co gì nhau ở một gian phòng bên cạnh, và tiếng động đó coi bộ kịch liệt nhưng thì thầm thì thụt. Ngoài ra chung quanh hoàn toàn im vắng, ngoài tiếng cá nhảy làm nước động, dưới ánh sáng trắng bạc của màu trăng pha sương, không lấy có một tiếng người. Đến cạnh chỗ xuất phát tiếng động, tôi bắt chợt dừng bước, tiến lại gần cánh cửa kéo, nín hơi để chờ xem có kẻ bất lương nào ló đầu ra chẳng.

## Mười Ba

Hình như con khỉ Yoshihide thấy tôi cứ e dè, đâm ra bức bối, chạy lú qua lú quý hai ba vòng dưới chân, mồm phát ra tiếng kêu lí nhí như bị ai bóp họng, rồi thoát cái co hai chân phóng lên chộp lấy vai tôi. Tôi chỉ biết phản ứng bằng cách quay cổ về hướng khác để khỏi bị móng nó cào cho. Con khỉ bèn cắn lấy ông tay áo khoác *suikan* của tôi để thân mình khỏi bị tuột xuống nhưng lại làm tôi mất đà loạng choạng thụt lùi hai ba bước, cả người va vào cánh cửa kéo. Đến nước này thì hết còn chân chờ được nữa nên tôi mới kéo xoạc tấm cửa ra, dợm nhảy vào phía bên trong chỗ ánh trăng không chiếu tới xem sao thì cùng lúc có vật gì bỗng ngáng tầm mắt. Nhưng không, đấy chỉ là một người đàn bà từ căn phòng ấy chạy vụt ra, làm giật bắn cả mình. Người ấy thiếu điều đâm sầm vào tôi và nhân cái trớn đó, tới được bên ngoài thì ngã ra

sàn, đầu gối quỳ xuống và hơi thở đứt đoạn, run rẩy dương mắt nhìn về phía tôi mà như thể còn đang nhìn một vật gì khiếp đảm.

Không cần phải nói quý vị cũng đủ hiểu người đàn bà ấy là cô gái con anh thợ vẽ Yoshihide. Nhưng có cái là đêm hôm đó cô chẳng còn là cô gái của mọi ngày, đôi mắt to của cô chiếu vào mắt tôi một cái nhìn cứ ánh lên lấp la lấp lánh, gò má đỏ bừng bừng như hực sốt. Tấm *hakama* trên đùi cũng như cái *uchigi* lụa choàng người đã lệch lạc, không còn đâu nét thơ ngây mọi ngày mà thay vào đó là một vẻ gợi tình. Làm tôi đâm ra tự hỏi con người trước mặt kia có phải cô con gái thường ngày mảnh khảnh khép nép của Yoshihide hay không nữa. Tôi bèn đứng tựa lưng vào tấm cửa ngắm người con gái yêu kiều kia dưới ánh trăng, vừa đưa tay chỉ về hướng có tiếng chân của ai đó đang chạy vội vã xa dần và đưa mắt lặng lẽ nhìn cô thầm hỏi cô xem đó là ai..

Cô gái chỉ cắn môi, im lặng lắc đầu. Cứ xem thế thì thấy cô hẳn còn cay đắng vì việc mới xảy ra.

Tôi mới khom người xuống, miệng sát vào tai cô gái, thì thảo hỏi "*Ai đấy?*". Thế nhưng cô ta cứ quây quắt lắc đầu, chẳng chịu trả lời. Không những thế, lúc đó, những giọt lệ từ riềm mi dài như chực trào ra khoé mắt và cô càng cắn chặt môi hơn. Đáng tiếc là với đứa cha sinh mẹ đẻ tính khí đần độn như tôi thì ngoài những gì được thấy tận mắt, tôi không biết phỏng đoán ngọn ngành chi cả. Thấy thế, thưa quý vị, tôi chả dám hỏi cô ấy thêm câu nào mà chỉ biết đứng như trời trồng một lúc lâu như để lắng nghe từng nhịp trái tim nhảy thình thịch trong lồng ngực của cô gái, một phần cũng vì thầm nghĩ mình có thể làm điều đại dột nếu còn muốn tìm hiểu xa hơn.

Không nhớ rõ tôi đã đứng như thế được bao lâu, mãi sau mới từ từ khép cánh cửa kéo và chỉ biết ngoái lại cổ nhỏ nhẹ từ tốn nói được một câu: "*Cô về phòng đi thôi!*" với người con gái hình như lúc ấy đã qua cơn xúc động. Riêng phần tôi lại áy náy vì có cảm tưởng mình đã thấy một điều gì không nên. Hơi mắc cỡ, bèn quay người đi trở lại hướng cũ. Thế nhưng vừa được mười bước thì chợt có ai từ đằng sau e sợ nắm vạt áo tôi giật giật kéo lại. Tôi giật mình quay lại, xem có chuyện gì.

Chỉ thấy dưới chân mình con khi nhỏ Yoshihide hai tay phục xuống như người ta, cái lục lạc bằng vàng kêu lanh canh, đang kính cẩn gục đầu lên gục đầu xuống.

## Mười Bốn

Sự việc sau đây xảy ra khoảng chừng nửa tháng sau vụ náo loạn. Một hôm, Họa sư Yoshihide đột nhiên đến phủ và xin đức ông cho phép hấn gặp trực tiếp. Lão họa sư chỉ là hạng bần dân nhưng thường ngày vẫn được đức ông đặc biệt chiếu cố nên mới dám thế. Bình thường dễ gì ngài cho ai gặp nhưng hôm đó ngài nhận lời tiếp hấn một cách dễ dàng và cho gọi hấn đến ngay. Yoshihide mặc cái áo màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen quen thuộc nhưng vẻ mặt lại nhăn nhó, khó ở hơn mọi ngày. Cúi rạp trước mặt đức ông, hấn cất giọng khàn khàn thưa:

*- Bẩm bực bình phong cảnh địa ngục mà bề trên hạ lệnh vẽ, thần ra sức cầm bút đêm ngày nên nay mai sắp hoàn thành rồi ạ.*

*- Thế thì mừng cho mi. Ta cũng đẹp lòng.*

Ngoài miệng dạy như thế nhưng giọng của đức ông ỉu xiu, như không lấy gì thiết tha cho lắm.

*- Thưa thần chưa làm gì đáng để bề trên khen thưởng như vậy.*

Yoshihide có vẻ hơi giận dỗi nhưng vẫn phủ phục nói tiếp :

*- Bức tranh hầu như xong rồi nhưng còn có chỗ thần không sao vẽ được.*

- Mi nói gì ? Có chỗ mi vẽ không được à ?

- Thừa vâng. Bình sinh cái gì thần chưa thấy tận mắt thì thần không thể vẽ ra. Nếu gương mà vẽ lại không thỏa mãn. Cho nên thần coi như là vẽ không được vậy.

Nghe đến đây, gương mặt đức ông bỗng phẳng phát một nụ cười chế nhạo :

- Mi muốn nói là muốn vẽ bức bình phong địa ngục thì mi phải thấy được cảnh địa ngục trước đã à ?

- Thừa đúng thế thật. Năm ngoái gặp lúc có trận hỏa tai thật lớn, thần đã chứng kiến tận mắt một biển lửa nóng rực chẳng khác lửa hỏa ngục. Nhờ cái duyên thấy cảnh lửa đỏ cuộn cuộn đó mà sau này thần mới sáng tác được bức " Bất Động Minh Vương Quán Lửa ". Chắc bề trên cũng biết đến bức họa đỏ của tiểu thần.

- Vẽ lũ tội nhân được không hả ? Mi chưa chứng kiến công việc bọn ngục tốt dưới địa ngục bao giờ mà!

Đức ông như hoàn toàn không thèm để ý đến lời phân trần Yoshihide, ngài đang hỏi câu này lại nhảy qua câu kia.

- Mắt thần đã có dịp nhìn cảnh kẻ bị niềng bằng xiềng sắt, cũng từng vẽ được cảnh người chạy trốn khi bị quái điều đuổi theo mô thực sự chứ thần đâu dám thừa là chưa biết cảnh khổ của lũ tội nhân bị tra khảo. Hơn nữa, ngục tốt thì...

Yoshihide miệng nở một nụ cười gương gao, nói :

- Còn ngục tốt thì đã hiện ra rõ ràng trong những giấc mộng của thần rồi. Đứa đầu trâu, đứa mặt ngựa, có lúc chúng nó mang dạng quỷ ba đầu sáu tay, miệng nói không ra âm, tay đập không thành tiếng, đối xử hết sức tàn bạo với kẻ tiểu thần bất kể ngày đêm.... Cái mà thần không tài nào vẽ nổi không phải là cảnh đó đâu ạ.

Nghe thế, đến đức ông cũng không khỏi ngạc nhiên. Ngài nhìn trừng trừng mặt Yoshihide một lúc lâu, có vẻ bồn chồn muốn tìm hiểu. Mãi sau mới nhú mày và ngao ngễ buông một câu gọn lỏn :

- Vẽ cái gì mà không được đâu, nói nghe coi !

## Mười Lăm

- Cái tiểu thần muốn vẽ cho được ở ngay giữa bức bình phong là cảnh chiếc xe ngựa từ trên không rơi xuống đấy ạ .

Yoshihide nói và lần đầu tiên y dám ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt đức ông. Tôi nghe người ta bảo khi đụng đến chuyện hội họa rồi là anh ta hóa ra ngông cuồng luôn nhưng quả là cái nhìn của hắn lúc đó trông đáng sợ thật.

- Thừa, trong chiếc xe đó phải có một vị công nương cực kỳ diễm lệ, mái tóc sổ tung, khô héo khắc khoải giữa ngọn lửa hung bạo. Khuôn mặt nàng phải ngọt ngào vì khói, đôi mày nhú lại, đầu rướn lên về phía vòm nóc xe. Tay của nàng phải kéo ghệt lấy rèm cửa muốn che không cho những đốm lửa đang bắn tung như mưa bắc từ trên không xuống. Thế rồi chung quanh nàng phải có khoảng mười, mười hai con ác quỷ châu mô kêu inh ỏi và bay liệng loạn xạ. Xin thừa hình ảnh vị công nương diễm lệ trong chiếc xe ngựa kia chính là cái mà tiểu thần không tài nào vẽ cho được!

- Thế...mi tính sao đây?

Không hiểu có gì đức ông xem ra có vẻ hài lòng một cách kỳ lạ, ngài làm như thúc giục Yoshihide nói thêm. Cặp môi đỏ chót như người lên cơn sốt của lão họa sư run lay bầy. Y nói mà cứ tưởng mình đang ở giữa cơn mộng dữ :

*- Đó là cái mà thần không tài nào vẽ nổi.*

Y lập lại câu khi nãy lần nữa rồi cắn chặt hàm răng, mạnh dạn tiếp lời:

*- Xin bệ trên làm ơn cho thấy được cảnh châm lửa đốt một chiếc xe ngựa trước mặt thần. Ngoài ra, nếu có thể thì.....*

Đức ông sa sầm nét mặt trong giây lát, xong bỗng ngài bật tiếng cười sáng sặc. Từ từ cố nén cười cho khỏi đứt hơi, ngài mới phán:

*- Được rồi, ta sẽ ra lệnh cho chúng làm đúng ý ngươi. Không cần lo có thể hay không thể cho mắt công.*

Khi tôi nghe đức ông thốt ra câu đó, không hiểu vì có linh tính hay sao mà thấy hơi rờn rợn. Dung nghi ngài lúc đó thật dị thường, miệng thì sùi cả bọt mép, còn cặp mày cứ nhăn đi nhú lại như sắp phát ra chớp nháng. Có lẽ ngài đã tiêm nhiễm cái khủng khiếp của Yoshihide nhưng chưa đến nỗi điên như hắn đó thôi. Nói hết câu ngài mới ngừng lại giây lát rồi bỗng dựng tiếng cười ằng ặc trong cổ họng tuôn ra như thác, không cách gì ngăn lại được:

*- Ta sẽ cho đốt một chiếc xe ngựa như ngươi muốn. Ta lại sẽ ra lệnh đưa lên xe đó một đứa con gái thật diễm lệ ăn bận kiểu nhà đài các. Khói lửa sẽ liếm tấp mặt nó, con đàn bà đó sẽ khắc khoải đau khổ chờ chết. Muốn vẽ cho bằng được cái cảnh tượng đó thì mi đáng là đệ nhất họa sư trong thiên hạ. Ta khen cho mi đấy, a ha, ta khen cho mi.*

Mới nghe đức ông nói như thế, mặt Yoshihide bỗng tái mét, hơi thở hỗn hển, đôi môi hầy lập bập nhưng gân cốt toàn thân thì đã nhũn ra cả. Hai tay dán bệt xuống mặt chiếu, hắn mới lí nhí trong miệng mấy câu cảm ơn:.

*- Tiểu thần vô cùng cảm kích. Muôn đội ơn bệ trên.*

Có lẽ câu nói của đức ông đã làm loé ra trong đầu hắn từng chi tiết sống động quang cảnh ghê rợn của chương trình mà hắn ta dự tưởng. Đây là lần duy nhất trong đời mà dưới mắt tôi, Yoshihide chỉ là một kẻ đáng thương thôi.

## Mười Sáu

Được hai ba hôm, một đêm sau lần đức ông cho Yoshihide hầu, ngài mới gọi hắn vào cho nhìn tận mắt quang cảnh một chiếc xe ngựa bị đốt. Nhưng cảnh đốt xe đó không diễn ra ngay giữa phủ Horikawa mà ở cái dinh tên gọi Yukige, một sơn trang nơi ngày xưa lệnh bà em gái của ngài có lần cư ngụ.

Xin thưa cái dinh Yukige này đã lâu không ai ở, vườn tược mênh mông để tiêu điều hoang phế. Riêng về số phận của em gái đức ông, vẫn theo lời đồn của thiên hạ, có những mẩu chuyện chẳng hạn cứ vào đêm không trăng, bà ta hãy còn kéo lêch gấu cái *hakama* đồ tươi, chân không chấm đất, đi dọc suốt hành lang. Những giai thoại đó có thể phát xuất từ trí tưởng tượng của những kẻ có dịp đi ngang qua chỗ không có hơi người này thôi nhưng không hẳn hoàn toàn phi lý vì giữa ban ngày ban mặt mà không khí ở khu dinh cơ này hết sức u tịch. Cứ đến lúc mặt trời khuất núi, tiếng nước lòng khe róc rách trong bờ bụi và cảnh mây cánh vạc bay dưới ánh trăng như mang điềm gở làm người ta đủ rợn người.

Đêm đó lại đúng hôm không trăng. Trời tối như mực nhưng dưới ánh đèn dầu, đã thấy đức ông mặc cái áo ngắn màu xanh non, cái quần dài tím sẫm thêu hoa văn nổi, đang chễm chệ ngồi xếp bằng trên tấm bô đoàn tét bằng rom viền gấm trắng bên hành lang. Chung quanh ngài là năm sáu tả hữu hầu cận, không cần

phải nói cũng biết họ sắp thành hàng ngũ rất cung kính. Đặc biệt trong đám có một người cặp mắt trông dị thường, đó là một vũ sĩ mấy năm trước trong khi viễn chinh ở Michinoku, có lần đối phải ăn thịt người qua bữa. Từ dạo đó, hắn trở nên mạnh mẽ đến độ tay không có sức bẻ nổi sừng hươu sống. Mình mang áo giáp, hắn đứng nghiêm trang bên hành lang, lưỡi đại đao đeo vênh lên như đuôi én lộ ra ngoài thắt lưng. Dưới ánh đèn chập chờn trong gió đêm, lúc lóe lên lúc chực tắt, không hiểu sao nhìn đi nhìn lại những con người đó, tôi thấy ghê ghê, không biết mình đang sống trong mộng hay đứng trước cảnh thực.

Hơn thế nữa, một chiếc xe ngựa đã được kéo ra đặt giữa viên đình. Về uy nghi của cỗ xe như át cả bóng đêm, hai càng xe vì không bắt vào bò nên đặt nghiêng nghiêng lên trên một cái bậc. Nhìn những chỗ dát vàng trên thành xe trông như sao sa, chiếu lấp lánh, ngay giữa đêm xuân mà cảm thấy ớn lạnh, nhất là vì bức rèm xanh có viền hàng thêu nổi phong kín không cho thấy bên trong xe có những gì. Chung quanh, một bọn tráng đinh tay cầm đuốc cháy, cẩn thận tránh không để khói dạt về phía hàng hiên nơi đức ông ngự, cung kính đứng chờ lệnh.

Chỗ của Yoshihide hơi cách đó một chút. Hắn quì gối, mặt hướng về hàng hiên, hình như vẫn bộ áo màu nâu non và cái mũ quạ mềm, như bị đè bẹp bởi bầu trời đầy sao, thu mình lại dúm đó nom còn nhỏ bé hơn ngày thường. Sau lưng hắn lại có thêm một người cũng đội mũ áo y như thế, có lẽ là tên đệ tử tùy tùng. Hai người ấy đang quì cách xa trong bóng tối lơ mơ thành thử từ dưới hàng hiên là chỗ tôi mà nhìn thì thật tình cũng không sao chắc chắn về màu áo.

## Mười Bảy

Lúc đó trời cũng đã về khuya. Bóng tối phủ đen kịt núi rừng như đang nghe ngóng từng nhịp tim tiếng thở của những người có mặt. Chỉ có tiếng gió đêm thốc qua và mỗi lần như thế, mùi khói và muối được lại bay tới. Đức ông ngồi một chỗ không nói gì, ngài chỉ lặng ngắm khung cảnh khác thường này, rốt cục mới lệch gối tới một chút, cao giọng gọi:

*-Yoshihide!*

Hình như Yoshihide có trả lời ngài sao đó nhưng lỗ tai tôi chỉ nghe tựa hồ một tiếng rên rỉ.

*-Yoshihide! Đêm nay mi được toại nguyện đấy nhé. Ta sẽ cho đốt chiếc xe ngựa để mi xem.*

Nói xong câu, đức ông mới liếc mắt nhìn lũ hầu cận. Lúc đó, tôi có cảm tưởng đức ông và chúng nó đang mỉm cười với nhau một cách khó hiểu. Có lẽ tại tôi tưởng tượng ra thế không chừng. Nghe đức ông bảo, Yoshihide sợ hãi ngẩng đầu lên nhìn lên về phía hàng hiên nhưng không nói năng gì cả.

*-Xem kìa. Đây là chiếc xe ta vẫn đi mỗi ngày. Chắc mi thừa biết. Bây giờ ta sẽ ra lệnh đốt xe để dựng mẫu phong cảnh hỏa ngục cho mi.*

Đức ông mới dừng nói, đưa mắt ra hiệu cho tên hầu cận rồi mới làm bộ thương cảm:

*-Trong chiếc xe này, ta cho trói một con thị tỳ phạm lỗi đặt nguyên vào đấy. Nếu châm lửa đốt xe thì nhất định thịt nát xương tan; con đàn bà đó sẽ chịu muôn vàn đau đớn, khắc khoải chờ chết. Người họa được bức bình phong với cảnh tượng như thế thì tác phẩm của người đúng là có một không hai đấy. Đừng bỏ sót chi tiết lúc thịt trắng da ngà cháy khét trong lửa nhé! Hãy nhìn cho mãn nhãn cảnh lợn tóc đen sỗ tung bị lửa tấp ra tro đi nghe!.*

Lần thứ ba, đức ông lại ngưng giọng. Tôi không hiểu ngài đang nghĩ gì, chỉ thấy ngài cười không thành tiếng đến rung cả đôi vai, rồi phán:

*-Quang cảnh này muôn đời sau cũng không có đấy. Ta cũng xin làm quan khách. Bay đâu, vén rèm lên cho Yoshihide xem cho biết mặt con đàn bà trong xe đi!*

Nghe lệnh, một tên tráng đinh một tay nâng cao ngọn đuốc thông, xông xáo đến gần cỗ xe, vươn cánh kia tay ra, kéo bức rèm cửa lên cái một. Ngọn đuốc đang cháy phừng phực kêu rảng rảng, ánh sáng đỏ loá loá của nó thoát chốc đã rọi sáng rõ khoảng không gian hẹp. Cảnh tượng thật thảm khốc: trên sàn, một thị nữ bị xiềng chặt, mà trời ơi, làm sao tôi trông nhầm cho được? Sau tấm *kimono* điểm lệ thêu hoa anh đào là dòng suối tóc đen mượt buông mềm xuống bờ vai, một cảnh thoa vàng xinh xắn cài lấp lánh. Nhìn cái thân hình mảnh mai, mòm bị bịt chặt để khỏi kêu la, nét u buồn dịu hiền của khuôn mặt, tôi nhận ra ngay người thị nữ ấy không ai khác hơn cô con gái Yoshihide. Suýt nữa tôi đã hét lên vì thảng thốt.

Thưa chính vào lúc đó đây ạ, tên vũ sĩ mạnh bạo đối diện với tôi bỗng đứng phắt lên, một tay ghì cán dao, mắt trừng trừng nhìn về hướng Yoshihide. Tôi kinh hãi ngó theo mới thấy lão họa sư vừa chứng kiến cảnh tượng trên đã gần hóa rồ. Tự nãy giờ vẫn quì bên dưới thế mà đã hấn đã bật dậy chực bay ra. Hai tay hấn vươn ra phía trước như sắp sửa chạy ủa về hướng cái xe trong cơn mê dại. Có điều đáng tiếc là, như đã thưa, chỗ tôi đứng lại quá xa nên không rõ tướng mạo hấn ta lúc ấy. Tuy nhiên mới vừa nghĩ như thế xong thì đã cảm thấy gương mặt trắng bệch của Yoshihide, không, cả hình dáng của lão ta nữa, đang như có một sức lực vô hình gì nào đó thoát kéo khỏi màn đêm và mang ra treo giữa không gian, bày lồ lộ trước mắt tôi. Cùng lúc ấy có tiếng đức ông ra lệnh "*Châm lửa cho ta!*" và bọn tráng đinh ném vào xe hết ngọn đuốc thông này đến ngọn khác. Chiếc xe ngự bèn lửa bùng lên.

## Mười Tám

Chỉ trong nháy mắt, ngọn lửa đã bao trùm cả cỗ xe. Mấy tụi giầy màu tím kết trên hiên xe bị quạt bay tung lên, từ phía dưới khói trắng cuộn cuộn hiện rõ trong đêm đen. Hết rèm trúc rồi hai bên thành cửa cho đến đến kim loại dát trên mũi như thể vỡ tung một loạt và bay ra thành một trận mưa lửa cuồng loạn giữa tầng không, cảnh tượng thảm khốc đến nghẹn lời. Thế rồi những lưỡi lửa giận dữ liếm tấp khung xe, bốc lên tận trời cao, đỏ rực như vàng dương đang sa xuống đất, bảo là lửa lò trời trào ra cũng không quá đáng. Lúc này tôi còn chực hét lên, còn giờ đây hoàn toàn hồn tiêu phách tán, chỉ biết há hốc nhìn quang cảnh rừng rợn này chứ không biết làm gì khác. Thế nhưng người ruột thịt như Yoshihide thì ...

Đến nay tôi vẫn còn chưa quên về mặt Yoshihide lúc ấy. Gã đàn ông đó những tưởng là sẽ chạy như mê về phía cỗ xe thì lúc lửa vừa bùng lên, bỗng chùn chân lại, hai tay vẫn vươn ra đằng trước, mắt chỉ nhìn chằm chập, cái nhìn như đang cố cuốn hút cho bằng được tất cả lửa khói đang bao trùm cỗ xe. Ánh sáng ngọn lửa chiếu rọi toàn thân, soi từng nếp nhăn nheo trên khuôn mặt già nua xấu xí, soi đến cả từng cọng râu của lão. Thế nhưng chính cái gương mặt với cặp mắt đang mở cực to, với đôi môi vận vẹo đến biến hình, với bắp thịt trên gò má đang run rẩy lật bật mới làm ta hình dung được tâm trạng của Yoshihide khi sự sợ hãi, nỗi đau khổ và kinh ngạc thay nhau hiện ra trên đó, đợt này nối tiếp đợt khác. Cho dầu là tên cường đạo sắp sửa bị bêu đầu hay kẻ tội nhân gian ác nghịch đạo mà thập điện diêm vương lôi ra công đường xét xử cũng không thể nào có khuôn mặt khốn khổ hơn lão ta lúc ấy. Đến nỗi tên vũ sĩ tùy tùng mạnh bạo dường nào mà mặt cũng chột biến sắc, sợ sệt ngược mắt lên nhìn đức ông.

Đức ông miệng vẫn mím chặt, lâu lâu lại cười ma quái, mắt không rời cỗ xe. Mà trong chiếc xe ấy thì, trời ôi, hình dung cô gái trong xe tôi được thấy lúc đó ra làm sao, đến bây giờ vẫn chưa đủ can đảm để kể hết chi tiết. Cái khuôn mặt trắng trẻo ngửa lên vì ngạt khói, mái tóc dài phất tung như muốn dập tắt ngọn lửa, cả manh áo lụa thêu hoa anh đào thướt tha mỹ lệ, trong một khoảnh khắc đều biến thành lửa. Thật là một cảnh tượng bi thảm. Dần dần ngọn gió đêm có phần dịu xuống để khói dạt về phía bên kia, những đốm sáng bắn tung như kim nhũ lên đầu ngọn lửa đỏ, người con gái, miệng vẫn bị bịt chặt, ngoi lên trong cơn hấp hối làm sợi xiềng sắt cột nàng như thể sắp đứt đến nơi. Tôi nghĩ rằng dưới địa ngục, tội nhân cũng chỉ đau khổ đến thế này là cùng! Từ bọn tôi đến người vũ sĩ mạnh bạo kia đều khiếp sợ đến dựng tóc

Gió đêm thổi trở lại lần nữa, lướt trên những ngọn cây trong khu viên đình. Luồng gió ấy chạy quanh như không biết về đâu. Bỗng lúc đó mọi người nhận thấy có một vật gì đen đen, nháy nhót như một quả cầu,

giữa khoảng mặt đất và thỉnh không, rồi từ trên nóc dinh phóng thẳng vào cỗ xe đang bốc cháy. Thế rồi giữa khi khung xe sơn son bắt đầu rời rã và đổ xuống, vật ấy quăng lấy bờ vai xiêu vẹo của cô gái lay lay lay để, thốt ra một tiếng kêu dài, nhọn sắc như lụa xé vọng ra đến ngoài màn khói, ra chiều đau đớn. Nghe như thế được hai ba lần thì bọn chúng tôi cũng không ai bảo ai cũng bật lên tiếng kêu ngạc nhiên. Kẽ vào tận đằng sau bức tường lửa khói để đeo riết vào vai cô con gái bị thiêu không ai khác hơn con khi mang cái hồn danh Yoshihide xịch ở phủ Horikawa.

## Mười Chín

Cái bóng khi ấy chỉ hiện ra trong một thoáng thôi ạ. Trong lúc những tia lửa hãy còn bắn tung lên trời như người ta rắc thêm kim nhũ lên mặt bức sơn mài thì cả bóng con khi lẫn cô gái đều đã chìm khuất hoàn toàn sau làn khói đen. Giữa khu viên đình chỉ còn cỗ xe lửa cháy bùng bùng, tiếng nổ lóp đóp. Có lẽ không thể gọi là xe mà phải gọi là cột lửa thì mới phù hợp với hình dạng ngọn lửa kinh hoàng đang vút lên không như thiêu đốt cả ngàn sao.

Đứng lặng người nhìn chăm chú trước cái cột lửa kia, Yoshihide đang có một thái độ không ai hiểu nổi. Cái lão Yoshihide mới phút trước hãy còn cực kỳ đau khổ vì quang cảnh trừng phạt dưới địa ngục kia bây giờ lại mừng vui rạng rỡ ra một cách lạ lùng. Cái rạng rỡ của người ngộ đạo hầu như đang tràn trề trên khuôn mặt nhăn nheo. Có lẽ hắn quên bằng việc mình đang ở trước mặt đức ông hay sao mà thấy hắn cứ đứng vênh người ra, hai tay khoanh chặt trước ngực. Làm như cảnh mà hắn đang thấy không phải là đứa con gái yêu đang hấp hối trước mặt cha. Hắn chỉ ghi nhận được qua đó những chi tiết đem đến cho hắn một niềm vui thỏa vô bờ bến : màu lửa huy hoàng và hình ảnh người đàn bà trẻ đang chịu cực hình.

Quái gở hơn nữa là Yoshihide không chỉ tỏ ra vui sướng khi đứng ngắm đứa con gái yêu trong con thống khổ. Lúc đó con người hắn còn toát ra một vẻ uy nghiêm bạo tợn như Sư Vương đang căm giận, đến độ lũ chim đêm không biết bao nhiêu con đang bay toán loạn và kêu gào vì bất chợt bị ngọn lửa sém phải, không có con nào dám lượn vòng quanh chòm mũ màu quạ đen của Yoshihide. Có lẽ đối với lũ chim không hiểu cơ sự gì kia, trên đầu lão họa sư phải có một vầng hào quang uy nghiêm tỏa rộng làm chúng kinh sợ.

Chim chóc còn như thế thì nói chi đến bọn chúng tôi, ngay cả lũ tráng đinh, đều im hơi nín tiếng, toàn thân run rẩy, chăm chú theo dõi từng động tĩnh của Yoshihide mà lòng tràn ngập một sự đồng tình lạ lùng với hắn như mới vừa được đức Phật Khai Nhân mở mắt cho, Hình ảnh ngọn lửa thiêu đốt cỗ xe vẫn vù trên không trung và lão họa sư đứng lặng như kẻ bị ai cướp mất hồn đủ tạo ra một bầu không khí uy nghiêm và hoan hỉ dị thường. Giữa cảnh tượng đó, chỉ có mỗi một người đang ngồi bên hàng hiên, đức ông Horikawa là đã biến thành một kẻ khác, mặt ngài tái như chàm đỏ, mép sùi bọt , hai bàn tay ghệt chặt lấy manh quần màu tím sẫm, kéo từng hơi thở khò khè như một con thú cổ họng khát ráo.

## Hai Mươi

Trước sau rồi cũng đã có người đem chuyện đức ông Horikawa đốt chiếc xe ngựa ở dinh Yukige đêm hôm ấy thổ lộ người ngoài biết. mà hình như không thiếu những kẻ chê trách hành vi của đức ông. Trước tiên người ta đặt câu hỏi có gì đức ông lại đem đốt chết con gái Yoshihide ; riêng việc này, câu giải đáp căn cứ vào lời đồn về mối hận tình xem ra nhiều hơn cả. Nhưng đến độ cho đốt xe, giết người như vậy chắc chắn đức ông hãy còn có chủ tâm sửa trị tính khí quàng xiên của lão họa sư muốn thí cả mạng người để vẽ bằng được bức bình phong. Lý do trên có lần tôi đã nghe từ chính miệng ngài.

Còn thái độ lão Yoshihide sau khi chứng kiến cảnh con gái bị đốt trước mắt mà con tim gổ đá của mình vẫn không lay chuyển, còn xin tiếp tục được vẽ bức bình phong, cũng lại bị người đời phê phán. Trong số đó, có kẻ thóa mạ nếu vì hội họa mà quên cả tình cha con, rõ ràng hắn là phường gian ác, mặt người dạ thú. Tăng quan chùa Yokawa chính là một trong những người tán thành luận điệu ấy. Vị này thường bảo : *" Cho dầu giỏi hơn người được trong một lãnh vực nghề nghiệp hay một nghệ thuật nhưng nếu để được thể mà vút cả ngũ thường (16) thì không tránh khỏi bị đọa xuống A Tỳ ".*

Chỉ trong vòng một tháng sau, Yoshihide đã hoàn thành bức bình phong tả cảnh địa ngục. Hắn liền đem lên phủ kính cẩn dâng cho đức ông. Nhắm lúc ấy tăng quan chùa Yokawa đang ghé qua phủ. Khi ông ta mới vừa xem một lượt bức bình phong, đã kinh hoàng trước cảnh một cõi đất trời đang chìm đắm trong trận bão lửa. Tăng quan trước đó vẫn khinh khỉnh với Yoshihide, cứ nhìn mặt lão họa sư một cách trân tráo, đến lúc được xem bức tranh, bỗng như không nén nổi lời tán thưởng, vỗ đùi đánh đét, thốt lên một tiếng : "*Thần diệu !*". Nghe thế, đức ông Horikawa chỉ biết cười gượng gạo và hình ảnh nụ cười ấy, đến nay tôi vẫn chưa quên.

Kể từ ngày đó, không còn một ai, ít nhất trong cửa phủ, nói xấu lão họa sư thêm một lời nào. Những người được xem bức bình phong, cho dù là kẻ ngày thường vẫn mang ác cảm với hắn, đều không khỏi xúc động đến lặng người, làm như họ sống thực được với muôn vàn khổ ải của hỏa ngục thể hiện trên mặt tranh.

Nhưng lúc thiên hạ hiểu ra thì Yoshihide đã vĩnh biệt cõi đời này. Ngay đêm hôm sau khi hoàn thành bức bình phong, hắn đã thông dây thừng lên rường căn buồng ngủ, thắt cổ chết. Có mỗi đứa con gái yêu thì nó đã đi trước cha nên gã đàn ông này có lẽ không bao giờ tìm lại được sự yên ổn trong tâm hồn. Năm xương tàn của lão ta nay vẫn nằm đâu đó dưới nền nhà cũ nhưng ngay cái mốc con bằng đá ghi dấu lại thì vài chục năm sau đó, với mưa to gió lớn đã đổ nát, rêu phong, khiến không còn ai biết ngôi mộ kia là của ai và xưa kia đã làm gì.

(Tháng 5 năm Taisho thứ 7)  
(Đăng trên nhật báo Osaka Mainichi)  
Dịch xong ở Tokyo ngày 12 tháng 12 năm 2003  
Nguyễn Nam Trân

## Chú thích

(1) - Cách ghép hai nguồn tư liệu làm một của Akutagawa có thể ảnh hưởng đến phong cách sáng tạo của Kurosawa Akira khi ông dựng phim Rashômon (1950, Giải Chính Đại Hội Điện Ảnh Venice) theo hai tác phẩm của Akutagawa, La Sinh Môn (Rashômon, 1915) và Khuất Trong Lùm (Yabu no naka, 1921).

(2) - Đã dựa trên truyện tình tội lỗi giữa chàng Moritô và nàng Kesa với bối cảnh trung cổ thời Hei-an trong một tác phẩm cùng tên (Moritô to Kesa) cũng do Akutagawa Ryunosuke viết, đã đăng trên tạp chí Chuô Kôron năm Taisho thứ 7 (1918).

(3) - Horikawa, tên một con sông chảy qua Kyoto, kinh đô Nhật Bản thời xưa, nhưng Đức Ông (quan đại thần hay bậc tôn quý) Horikawa có thể chỉ là một nhân vật hư cấu.

(4) - Đại Uy Đức Minh Vương, tên một trong năm vị Minh Vương gìn giữ cõi Tây Phương, có tài hàng long phục hổ để bảo vệ chúng sinh. Tương truyền có ba đầu sáu tay, cưỡi trâu trắng, tướng mạo phần nộ dữ tợn.

(5) - Tần Thi Hoàng Doanh Chính (259BC-210BC), hoàng đế đầu tiên, gồm thu sáu nước, thống nhất Trung Quốc, nổi tiếng tàn ác, đốt sách, chôn sống nho sinh.

(6) - Tùy Dạng Đế Dương Quảng (569-618), vua thứ hai nhà Tùy, tương truyền giết cha soán ngôi, chuộng vũ công, sống xa hoa dâm dật.

(7) - Kawahara-no-in, dinh thự ở Kyoto có khu vườn nổi tiếng đẹp, sau lấy làm chùa. Quan tả đại thần Minamoto-no-Tôru (822-895), con trai thiên hoàng Saga, là chủ cũ khu dinh thự tráng lệ ấy.

(8) - Michinoku là tên cổ của vùng Đông Bắc Nhật Bản, ngày xưa là nơi hoang vu hiểm trở.

(9) - T. Kojima và A. Mori hiểu đoạn văn này theo hai cách khác nhau. Chúng tôi theo lối dịch của T. Kojima.

(10) - Kichijôten (Srii-Mahâdevii theo Phạn ngữ) hay Cát Tường Thiên Nữ là một bà tiên dung mạo đoan trang, hay ban phúc lộc.

(11) - Fudômyôô (Acalanâtha theo Phạn ngữ) hay Bất Động Minh Vương, một trong năm vị Minh Vương, sứ giả của Như Lai đến giáo hóa chúng sinh.

(12) - Kawanari tức Hokusai Kawanari (782-853) họa gia đầu đời Hei-an, gốc người Triều Tiên. Giỏi về sơn thủy và nhân vật.

[\(13\)](#) - Ryugaiji hay Long Cái T ự (Chùa Đầu Rồng)

[\(14\)](#) - Năm cõi trong vòng luân hồi mà tùy theo nghiệp báo con người sẽ thác sinh vào: cõi trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục.

[\(15\)](#) - dịch thoát chữ ken có nghĩa là đơn vị đo chiều dài cỡ 1,81m.

[\(16\)](#) - Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín

# Mấy trái quýt

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Đinh Văn Phước

Vào lúc chạng vạng một ngày mùa đông mây mù. Tôi ra ga Yokosuka lên chuyến xe lửa đi Tokyo, ngồi một góc trên toa hạng nhì, lơ đãng chờ tiếng tu huýt báo tàu chạy. Trong toa, đèn đã bật sáng từ lâu, nhưng lạ thay, ngoài tôi ra chẳng có hành khách nào khác. Nhìn ra ngoài sân ga lơ mờ tối, hôm nay lạ thật, sao không thấy bóng người tiễn đưa, chỉ có một con chó con bị nhốt trong cũi, chốc chốc cứ sủa ăng ăng, nghe buồn thảm. Cảnh vật sao giống lòng tôi lúc ấy một cách kỳ lạ. Một cảm giác mệt mỏi rã rời khó tả như bị bầu trời u ám đầy mây tuyết đè nặng trong đầu. Tôi thọc nguyên hai tay trong túi ngoài của chiếc măng tô, ngay cả tờ báo chiều bỏ trong túi ấy cũng không buồn lôi ra đọc.

Rồi tiếng tu huýt rúc lên. Tôi thấy dễ chịu ra một tí, ngả đầu dựa vào khung cửa sổ, trong lòng hồ hững chờ cảnh sân ga sắp chậm chậm lùi về phía sau. Bỗng, từ phía cửa soát vé có tiếng guốc âm ỉ, tiếp đó tôi nghe thấy tiếng la ó của người theo xe soát vé, rồi cửa toa xe tôi đang ngồi bỗng mở toang, một đứa con gái trạc mười ba, mười bốn lật đặt leo lên vừa đúng lúc chuyến xe lửa nặng nề lắc mạnh, từ từ chuyển bánh. Hàng cột trên sân ga cắt quang cảnh chạy trước mắt tôi thành từng khung một, chiếc xe rải nước nằm trơ như bị bỏ quên, tiếng người phu khuân vác cảm ơn ai đó cho tiền nước - tất cả lùi dần, lẫn vào trong làn khói tàu tạt vào cửa sổ toa xe, như còn luyến tiếc. Bây giờ tôi mới thấy thanh thản, chậm điều thuốc quần tay hút, lần đầu tiên tôi nhường cặp mi buồn ngủ, thoáng nhìn mặt con bé ngồi ở ghế trước.

Con bé bôi tóc kiểu **ichogaeshi** (1), mái tóc khô không xức dầu, hai gò má đỏ gay đầy những lần nứt nẻ ngang dọc, thấy dễ sợ. Đây đúng là một đứa con gái nhà quê. Nó quàng một chiếc khăn len màu lá vàng nhạt cáu bẩn, thả xuống tận đùi, trên đấy đặt một tay nải lớn. Tay nó thâm tím vì sương giá, nó vừa ôm tay nải, vừa nắm chặt cái vé đỏ hạng ba (2). Tôi không thể ưa bộ mặt quê kệch của con bé. Quần áo nó dơ dáy càng làm tôi thêm khó chịu. Sau cùng, tôi hết sức bức con bé dần dần không biết thân phận, không phân biệt nổi đâu là toa hạng ba, đâu là toa hạng nhì. Tôi chậm điều thuốc hút, cốt để quên nó. Tôi lôi tờ báo chiều trong túi ra, giở trên đùi mà đọc. Ánh sáng bên ngoài đổ tràn trên tờ báo, đột nhiên đổi thành ánh điện của bóng đèn trong toa, chữ in tò tè trong các cột báo không ngờ lại nổi bật lên thật rõ trước mắt tôi. Thì ra con tàu đã vào hầm đầu tiên của đường xe Yokosuka, đường xe có rất nhiều hầm.



Nhưng các trang báo chiều dưới ánh đèn tàu, toàn những chuyện không đâu, không làm tôi bớt chán nản. Tin về hòa ước, tin đám cưới, tin tham nhũng, các cột phân ưu cáo phó -- chuyến xe lửa lại lao vào hầm, trong khoảnh khắc, tôi có cảm tưởng như con tàu đang chạy ngược, và trong cái ảo tưởng ấy tôi đọc lướt qua, như cái máy, các cột báo khô khan vô vị hết bài này đến bài khác. Nhưng suốt cả thời gian ấy, không một giây phút nào tôi lại quên được con bé với tất cả vẻ quê mùa cục mịch, ngồi trước mặt. Chuyến xe lửa chạy trong hầm, đứa con gái nhà quê này và những trang báo chiều đầy chuyện tầm phào - những cái đó tượng trưng cho gì đây? Nếu đây không phải là biểu tượng của cuộc sống tẻ nhạt, thấp hèn, vô nghĩa này, thì là gì? Tôi thấy chán ngắt, hất tờ báo chiều đang đọc dờ qua một bên, lại dựa đầu vào khung cửa sổ, nhắm nghiền mắt ru dần vào giấc ngủ.

Vài phút sau, bất giác cảm thấy như có gì đe dọa, tôi chột mở mắt nhìn xung quanh. Không biết tự hồi nào, con bé đã bỏ chỗ ngồi trước mặt, sang bên cạnh tôi, nó có hết sức mở cửa sổ toa. Nhưng có lẽ tấm cửa kính quá nặng nên con bé không làm sao nâng nổi. Hai má đầy những lần nứt càng đỏ gât. Thình thoảng tiếng hít mũi lồng trong tiếng thở hỗn hển đứt đoạn của nó, dồn dập vào tai tôi. Dĩ nhiên tôi cũng thấy ít nhiều thương hại cho con bé. Nhưng đây chính là lúc con tàu lại sắp chạy vào hầm, cỏ khô mọc hai bên sườn núi, phát phơ trong ráng chiều chỉ chực ập vào cửa toa, và đó là một trong những lý do để người

ta đóng kín cửa tàu. Thế mà con bé lại cứ muốn nâng cửa sổ lên - tôi không thể nào hiểu nổi. Không, thực ra tôi chỉ đơn giản nghĩ là nó muốn mở cửa sổ chơi mà thôi, vì thế tôi càng bức bối khó chịu. Tôi lạnh lùng nhìn cảnh con bé đang khó nhọc lôi kéo tấm cửa kính với hai bàn tay thâm tím vì sương giá, trong bụng cứ cầu cho con nhỏ sẽ không bao giờ mở được. Tiếng con tàu chạy, bỗng gầm lên dữ dội, chuyển xe lửa lại lao vào hầm, và đột nhiên tấm cửa con bé muốn mở, rơi xuống đánh ầm. Qua cái khoảng trống vuông vức, khói lẫn bụi than đen kịt ập vào khắp toa, khói mù mịt làm tôi nghẹt thở. Tôi vốn yếu cuống họng, lại không kịp lấy khăn tay ra che; khói tấp vào mặt vào mũi; tôi ho sặc sụa, thở không được. Nhưng con bé không hề màng đến tôi, nó thò đầu ra ngoài cửa sổ, mặc cho hai mái tóc hai bên mang tai bị gió lay giật trong bóng tối, mắt đăm đăm về hướng tàu chạy. Khi tôi ngược mặt nhìn con bé trong màn khói dưới ánh đèn, thì ngoài cửa sổ toa, trời mỗi lúc một sáng ra. Từ bên ngoài, mùi đất, mùi cỏ khô, hơi nước mát lạnh tràn vào giúp tôi dứt được cơn ho, nếu không chắc tôi sẽ mắng phủ đầu con bé không quen biết này, bắt nó phải đóng cửa sổ lại.

Nhưng lúc ấy cũng chính là lúc con tàu đã êm ả ra khỏi hầm, sắp chạy qua một cổng xe lửa ngoài bìa một xóm nghèo nằm xen giữa hai ngọn đồi mọc toàn cỏ khô. Gần cổng xe lửa, mấy cái nhà cất chen chúc nhau, nhà nào cũng lụp xụp tồi tàn, cái thì mái rạ cái thì mái ngói. Một lá cờ trắng nhạt lay động trong ráng chiều, có lẽ người canh cổng xe đang phát cờ. Tôi nghĩ, như thế là tàu đã qua hết các đường hầm -- ngay lúc ấy, bên kia thanh cổng xe vắng vẻ ấy, tôi thấy ba đứa con trai, má hây hây đỏ, xếp hàng chen nhau đứng. Đứa nào cũng bé thấp loắt choắt như bị bầu trời đầy mây đè bẹp xuống. Quần áo chúng nó bạc màu, tồi tàn không khác gì cái xóm nghèo. Ba đứa bé ngược đầu nhìn chuyển xe lửa đang chạy, vừa đưa tay lên vẫy nhanh, vừa ngưỡng cổ hét to gì đó, tôi nghe không ra. Đúng lúc đó, con bé đang thò nửa thân người ra ngoài cửa sổ toa, đưa tay tím bầm, ra sức vẫy lại. Và bỗng từ trên trời năm sáu trái quýt vàng, màu vàng của nắng ấm, màu vàng gây rộn ràng, rớt xuống đầu ba đứa bé đang đứng tiền chuyển xe lửa. Tôi bất giác nín thở, chợt hiểu được mọi điều. Thì ra chắc con bé này phải lên tỉnh đi ở đợ, nó cất kỹ mấy trái quýt trong tay áo, bây giờ đem liệng ra ngoài cửa sổ xe, đền công cho ba đứa em đứng đợi ngoài cổng, chờ chuyển tàu để tiễn nó.

Cổng xe bên xóm nghèo chìm trong ráng chiều mờ nhạt, tiếng ba đứa nhỏ hò reo tíu tít nghe như tiếng chim non và mấy trái quýt màu vàng rực rỡ, tung rơi trên đầu chúng - trong nháy mắt, tất cả vụt lướt qua nhanh ngoài cửa sổ con tàu. Nhưng cảnh tượng ấy ăn sâu vào lòng tôi làm tim tôi thắt lại. Và từ đó, không hiểu vì sao, lòng tôi rạt rào sung sướng. Tôi thấy hân hoan phấn khởi, ngẩng đầu lên chăm chú nhìn con bé, bây giờ trông như một người hoàn toàn khác. Con bé đã trở về chỗ cũ trước mặt, vẫn khuôn mặt đầy những lằn nứt ngang dọc dấu trong chiếc khăn quàng len màu lá vàng nhạt, hai tay vẫn ôm cái tay nải lớn, trong tay vẫn nắm chặt cái vé hạng ba...

Giây phút này, lần đầu tiên tôi quên đi được dù chỉ một thoáng cái mệt rã rời và cuộc đời thấp hèn, tẻ nhạt, vô nghĩa này.

**Tokyo, Hino 12 - 2003**

### **Chú Thích**

- (1) Ichogaeshi: Một kiểu tóc của thiếu nữ Nhật, xin xem hình đính kèm
- (2) Vào thời ấy vé xe lửa Nhật có 3 hạng: hạng nhất màu trắng, hạng nhì màu xanh và hạng ba màu đỏ.

Tìm trong di sản văn hóa nghệ thuật, khoa học nhân văn  
của cha ông

## Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ

Một công trình lịch sử - văn hóa đồ sộ giữa thế kỷ XIX

Lê Văn Hảo

Mới đây đã được giới thiệu một công trình địa lý học lịch sử đồ sộ của Quốc sử quán triều Nguyễn ra đời cuối tk XIX: **Đồng Khánh Địa dư chí (1)**.

Nay cũng cần giới thiệu một công trình lịch sử - văn hóa vào loại đồ sộ nhất của triều Nguyễn xuất hiện giữa tk XIX : **Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ**.

Có thể xem đó là hai nét son rực rỡ của văn hóa và khoa học nhân văn thời đại quân chủ đã qua.

Chúng ta biết Minh Mạng một trong những vua có văn hóa (cultivé) của thời đại, trị vì từ 1820 đến 1840, đã thành lập hai cơ quan lớn: **Quốc sử quán** và **Nội các**.

\*

**Quốc sử quán** đã để lại ngót một trăm công trình sử học, địa lý học, văn học, mỹ học ... như **Đại Nam Nhất thống chí**, **Đại Nam Thực lục**, **Đại Nam Liệt truyện**, **Khâm định Việt sử thông giám cương mục**, **Minh Mạng chính yếu**, **Minh Mạng tấu nghị**, **Minh Mạng ngự chế văn**, **Tự Đức ngự chế thi**, **Ngự đề Danh thắng đồ hội thi tập**, **Ngự đề Thân kinh nhị thập đồ hội thi tập**, **Ngự đề Nhân vật đồ hội thi tập**, **Ngự đề Cổ tích đồ hội thi tập**(2)  
... V.V...

Bên cạnh **Quốc sử quán**, triều Nguyễn có một cơ quan lớn nữa chính trị, nửa văn hóa: **Nội các**. Nó vừa chuyên giữ công việc ấn chương, giấy tờ, sổ sách các cơ quan của triều đình, vừa có nhiệm vụ ghi chép lời nói việc làm của các vua, công tác của các bộ, viện, ty, phủ, các điển chế của triều đình đã đem thi hành. Với chức năng ấy, nó đã soạn thảo một khối lượng công văn khổng lồ được các vua xem xét ( " ngự lãm " ) và phê duyệt bằng mực son ( " châu phê " hay " châu bút " ). Đó là bộ **"Châu bản"** gồm 3200 tập về các triều vua từ Gia Long đến Bảo Đại, mỗi tập khoảng 600 trang giấy lệnh hội. Có thể xem đó là bộ Công báo ( Journal Officiel ) của triều Nguyễn ( 1802 - 1945 ) mà đến năm 1955, sau nhiều cơn binh lửa, chỉ còn sót lại 611 tập (3).

Trong số những bộ sách do Nội các soạn thảo và xuất bản, công trình có giá trị nhất là **Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ** ( từ nay gọi tắt là **Hội điển** ).



Trong lịch sử các chế độ quân chủ ở Đông Á (Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên) mỗi triều đại đều tổ chức biên soạn **hội điển** (còn gọi là **đại điển** hay **chính điển**) của triều đại mình. Ở Trung quốc các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều có hội điển, bộ sách ghi lại các công văn và các sự kiện lớn của triều đại. Gs. Trần Văn Khê khi tham khảo **Đại Thanh Hội điển Sự lệ** đã phát hiện những ghi chép chi tiết về 9 loại nhạc nước ngoài có mặt tại triều đình nhà Thanh cuối thế kỷ XVIII trong đó có dân "**An Nam quốc nhạc**" do vua Quang Trung gởi sang cùng với sứ bộ Đại Việt [\(4\)](#).

\*

Ở nước ta thời Nguyễn, thời Trần đã có **Hoàng triều Đại điển**, thời Lê trung hưng có **Quốc triều Hội điển** (còn gọi là **Lê triều Hội điển**), thời Lê mạt có **Quốc triều Chính điển lục**.

**Hội điển triều Nguyễn** đã vượt xa các **hội điển**, **đại điển** hay **chính điển** các triều đại trước. Nếu được dịch thuật (từ chữ Hán) và xuất bản đầy đủ đó sẽ là bộ sách dày hơn một vạn trang.

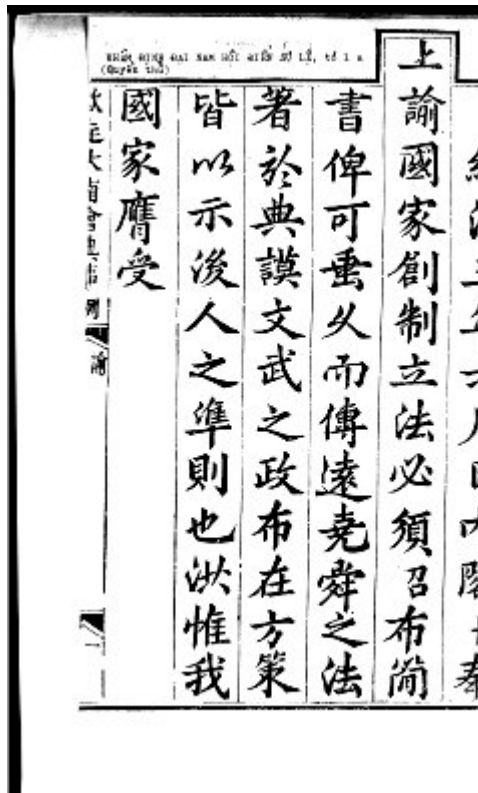
**Hội điển** ghi chép khá đầy đủ các công văn (chiếu chỉ, tấu sớ, phiên dụ) của triều đình về các việc đã đem ra thi hành thuộ tất cả

- các **bộ** (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công)
- các **phủ** (Tôn nhân, Nội vụ)
- các **viện** (Cơ mật, Tập hiền, Hàn lâm, Thái y)
- các **ty** (hơn mười mấy ty)
- các **tự** (Đại lý, Thái thường, Quang Lộc)
- các **giám** (Khâm thiên, Quốc tử)
- các **các** (Nội các, Đông các ...)

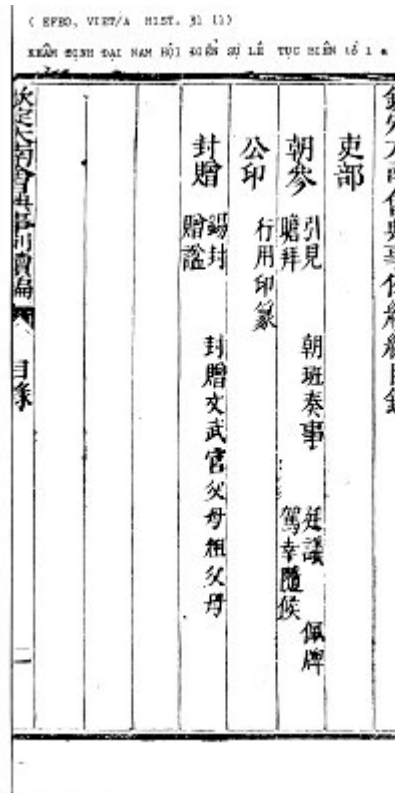
Ghi chép lại các công văn và các sự kiện chính, các sinh hoạt lớn từ Gia Long năm thứ nhất (1802) đến Duy Tân năm thứ 8 (1914), **Hội điển** gồm có 3 phần:

- Phần thứ nhất có thể gọi là **phần chính biên: Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ**, ghi chép từ 1802 đến 1851 (Tự Đức năm thứ 4), 1 quyển thủ + 262 quyển, mỗi quyển trên dưới 30 tờ in trên giấy lệnh hội 30 X 20, tổng cộng hơn 8000 tờ;
- Phần thứ hai là **Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ Tục biên**, ghi chép từ 1852 đến 1889 (Thành Thái năm thứ nhất), 61 quyển, khoảng 2000 tờ;
- Phần thứ ba là **Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ Tục biên Hậu thứ**, ghi chép từ 1890 đến 1914 (Duy Tân năm thứ 8), 28 quyển, khoảng 850 tờ (tất cả được viết bằng chữ Hán) [\(5\)](#).

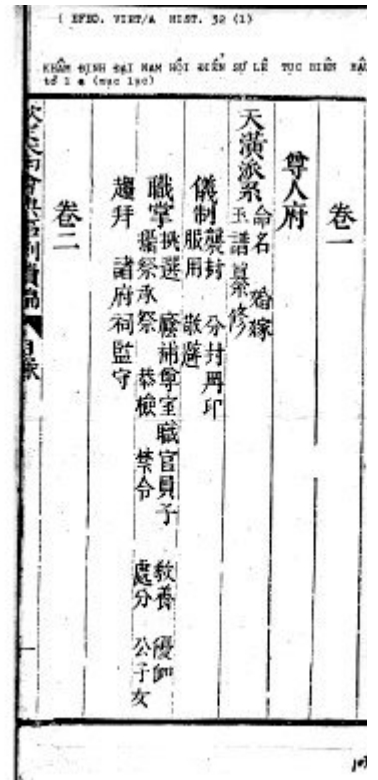
Như vậy bộ sách này đếm được hơn một vạn tờ và được biên soạn công phu liên tục trong hơn 70 năm kể từ chỉ dụ đầu tiên của Thiệu Trị (1843) đến những trang bản thảo cuối cùng (1914). Hơn mười bản in và bản chép tay hay sao chụp hiện đang được tàng trữ tại Việt Nam, Pháp, Nhật Bản, Hoa Kỳ.



**Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ**  
**(Phần chính biên)**  
tờ 1a của bộ sách



**Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ**  
**Tục biên**  
EFEO, VIET/A HIST. 31 (1)



**Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ**  
**Tục biên Hậu thứ**  
EFEO, VIET/A HIST. 32 (1)

Vì nguyên văn **Hội điển** là chữ Hán nên việc sử dụng, khai thác nó rất hạn chế. Những năm 1965-1968, Hội điển đã được trích dịch và xuất bản một phần nhỏ tại Sài Gòn (6).

Mãi đến năm 1993 bản dịch toàn bộ **phần chính biên** do các bậc túc nho và các chuyên gia Viện Sử học, Viện Hán Nôm Việt Nam thực hiện mới được nhà xuất bản Thuận hóa ở Huế công bố dưới nhan đề **Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ** (15 tập) (7);

**Phần tục biên** (61 quyển) một bản in, một bản chép tay (4700 tr.) đã được dịch và chưa xuất bản, hiện tàng trữ tại Viện Sử học, Viện Hán Nôm (Hà Nội) ;

**Phần tục biên hậu thứ** (28 quyển) 1 bản in (1917) hiện tàng trữ tại Thư viện Học viện Bác cổ Viễn đông Pháp (Paris) đang chờ được dịch và xuất bản.

Lần đầu tiên **Hội điển** được in và đến tay người đọc ở Quốc sử quán, ở Lục bộ và ở các tỉnh là vào năm 1868. Mười tám năm sau, phần chính biên này đã được in lại (1886). Lần cuối cùng Hội điển được in là vào những năm 1917, 1921.

\*

Tại sao một bộ sách chữ Hán như **Hội điển** triều Nguyễn, được biên soạn trong hơn 70 năm, đã được in đi chép lại nhiều lần ? Tại sao **Hội điển** dù được dịch thuật và xuất bản muộn màng, rồi vẫn không được quảng bá rộng rãi trong giới Việt Nam học, Đông phương học ?

Dù đã được không ít nhà nghiên cứu, nhà bác học như Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Khê, Trần Nghĩa và Francois Gros, Philippe Langlet, các chuyên gia của Đông dương Văn khố (Nhật Bản), của Viện Sử học, Viện Hán-Nôm (Việt Nam) đề cao, hình như **Hội điển** vẫn chưa được đánh giá đúng mức là một công trình lịch sử-văn hóa có một không hai trong di sản tinh thần của cha ông ta.

Chúng ta có những bộ sách lớn từng được xem như những bách khoa thư về sử học, y dược học, văn hóa học ... như :

- **Vân đài loại ngữ** của Lê Quý Đôn (1726-1784)

- **Y tông tâm lĩnh** của Lê Hữu Trác (1720-1791)

- **Lịch triều hiến chương loại chí** của Phan Huy Chú (1782-1840)

thời cuối Lê đầu Nguyễn cuối tk XVIII - đầu tk. XIX . Đến giữa tk. XIX ta lại có **Hội điển** của triều Nguyễn cũng đáng được xem là một bộ bách khoa thư vô cùng hấp dẫn vì dung lượng phong phú độc đáo của nó qua hơn 8000 trang sách.

\*

Tổng mục lục dày đến 57 trang của **Hội điển** (phần chính biên) đã được dịch và xuất bản năm 1993 (tập 1), ta cảm thấy choáng ngợp về số lượng hàng ngàn tài liệu mà những nhà khoa học nhân văn các chuyên ngành khác nhau có thể sử dụng để biên soạn các sách chuyên đề hay một cuốn sách lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam.

Những nhà nghiên cứu lịch sử chính trị, pháp lý, kinh tế, quân sự ... cần đọc hàng trăm quyển mà **Hội điển** đã dành cho các điển chế và hoạt động của bộ Lại (quyển 7-35), bộ Hộ (quyển 36-68), bộ Binh (quyển 137-178), bộ Hình (quyển 179-204) từ đầu tk. XIX đến giữa tk XIX.

Những nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa, nghệ thuật, tư tưởng, tôn giáo ... cần tham khảo ngót 100 quyển mà Hội điển đã dành cho bộ Lễ và bộ Công (quyển 69-136; quyển 205-223). Hóa ra cái gọi là bộ Lễ thời quân chủ là một liên bộ rộng lớn bao gồm các ngành văn hóa, giáo dục, đào tạo, thông tin, tuyên truyền, nghi lễ, ngoại giao, tôn giáo tín ngưỡng. Còn bộ Công là một liên bộ Xây dựng, Thủy lợi, Trị thủy, Giao thông, Vận tải, Hàng hải .

Những nhà địa lý học, kinh tế học, xã hội học ... sẽ rất thích thú có được hình ảnh một nhân dân cần cù lao động sáng tạo ở một đất nước Đại Nam giàu có của thịnh thời triều Nguyễn qua danh mục hàng chục loại thuế đánh vào các hoạt động nông công thương lâm ngư nghiệp, qua danh mục hàng trăm sản vật mà bộ Hộ thu mua của nhân dân hay các địa phương phải dâng nạp cho vua: nào là gạo thơm, quả ngon ở Thừa Thiên, dưa và chanh ở Phú Yên, Long Tường, chanh và lòng boong ở Quảng Nam, dưa hấu, bột hoàng tinh, thịt cừu khổng, đậu tương, rượu dâu ở Quảng Bình, nào là cam đường ở Thanh Hóa, Hải Dương, rượu ở Ninh Bình, Nam Định, sa lê , tuyết lê ở Cao Bằng Tuyên Quang ... và nhiều thời trân khác nữa (quyển 64-67, quyển 100).

\*

Qua **Hội điển** triều Nguyễn, các nhà dân tộc học, âm nhạc học, ẩm thực học, văn hóa học ... tha hồ nghiên cứu lễ hội cung đình, ca múa nhạc cung đình, ẩm thực cung đình ...

Cách nay nửa thế kỷ các học giả Đỗ Bằng Đoàn Đỗ Trọng Huề đã dựa vào **Hội điển** để viết Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam, gs Trần Văn Khê đã khai thác các quyển 69-72, 86-89, 99 ... của **Hội điển** và đã viết nên những trang sinh động về ca múa nhạc triều Nguyễn, để rồi hôm nay UNESCO long trọng công nhận **âm nhạc cung đình Huế là một di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại(8)** : tin vui này đã đến với chúng ta ngày 4.11.2003 vừa qua.

Những nhà nghiên cứu văn hóa ẩm thực Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử có thể dựng lại cả một nền ẩm thực cung đình thời Nguyễn nhờ các tài liệu về yến lễ, tiệc tùng, cỗ bàn ... được ghi chép rất chi tiết (quyển 59, 97-98, 130, 135, 237-238) qua đó ta biết triều Nguyễn có một cơ quan chuyên trách ẩm thực cung đình. Đó là Quang lộc tự, và đỉnh cao của nghệ thuật ẩm thực cung đình là tiệc yến chiêu đãi các sứ đoàn . Tiệc tiếp sứ gồm 3 hạng cỗ :

- Cỗ hạng 1 là hai mâm 60 món
- Cỗ hạng 2 là bảy mâm 40 món
- Cỗ hạng 3 là ba mươi mâm 30 món

Thực đơn trong mâm cỗ hạng nhất gồm :

- thức ăn : 27 món
- bánh (mặn và ngọt) : 15 loại
- mứt : 12 loại
- trái cây : 3 loại
- xôi, chè : 3 loại . v.v ...

Các món ăn vừa **dân gian** (chọn lọc) vừa **son hào hải vị** (yến sào, gân hươu, bào ngư, vây cá ... ) được bày biện trong những chén kiêu, đĩa kiêu nhỏ xinh.

Với niềm hy vọng phần còn lại của **Hội điển** sẽ được dịch thuật và xuất bản trong nay mai, và toàn bộ **Hội điển** được các nhà văn hóa học thừa nhận đúng mức giá trị lớn của nó, cần lưu ý là tất cả những ai yêu mến tha thiết với văn hóa văn minh Việt Nam đều dễ dàng đọc bản dịch tiếng Việt bộ **Hội điển** triều Nguyễn (phần chính biên) này tại Thư viện Học Viện Bác cổ Viễn đông Pháp, số 22 đại lộ tổng thống Wilson, Paris 16, ký hiệu VIET.HIST. 791 (1-15).

**Lê Văn Hảo**  
Tháng 1 / 2004

## Chú Thích và ThamKhảo

**(1)** Lê Văn Hảo , Đồng Khánh Địa dư chí, công trình địa lý học lịch sử lớn cuối tk. XIX vừa mới ra mắt năm 2003, trên trang nhà Chim Việt Cành Nam (<http://chimviet.free.fr> số 14 / 8-11-2003 )

**(2)** Nguyễn Xuân Hoa, Di sản văn hóa cổ đô Huế, trong Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam, công trình tập thể, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 395. Các tập Ngự đề ... ấy là những tập thơ của Minh Mạng, Thiệu Trị được minh họa bằng tranh vẽ theo công thức "nhất thi nhất họa" đã được Quốc sử quán in vào thời Thiệu Trị . Thư viện Học viện Bác cổ Viễn đông hiện đang tàng trữ bộ **Ngự đề Danh thắng đồ hội thi tập** của Minh Mạng dày 910 trang in 28 X 18 có đầy đủ hình vẽ đính kèm (ký hiệu MF/1/2/272).

**(3)** Châu bản triều Tự Đức 1848-1883, gs. Trần Nghĩa giới thiệu, trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nhà xb. Văn học , 2003,tr. 6-7

**(4)** Trần Văn Khê, La Musique Vietnamienne Traditionnelle, Presses Universitaires de France, Paris, 1962, tr. 36-37.

**(5)** Trần Văn Giáp, **Tìm hiểu Kho sách Hán Nôm Việt Nam**, tập I, nxb Văn hóa, H.N. 1984

Trần Nghĩa và Francois Gros (đồng chủ biên), **Di sản Hán Nôm Việt Nam, Thư mục đề yếu**, tập 1, 2, 3, nxb Khoa học Xã hội, HN 1993 (tiếng Việt và tiếng Pháp).

**(6)** **Nhu viễn trong Khâm Định Đại Nam Hội điển Sự lệ** (Quyển 132-136), Bộ QGGD, Tủ sách khảo cổ, tập I, II, Sài Gòn 1965-1966;

**Bang giao trong KĐĐNHĐSL** (Quyển 128-131), Phủ QVK Đặc trách Văn hóa, Tủ sách Khảo cổ 1 tập, Sài Gòn 1968.

**(7)** Nội các triều Nguyễn, **Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ**, chủ tịch hội đồng xuất bản : Nguyễn Hồng Phong. Ban dịch thuật, Ban hiệu đính, Ban biên tập: nhiều người, Viện Sử học và Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1993, 15 tập, khoảng 8500 tr. 14,5 X 20,5 .

**(8)** Trần Văn Khê, **Nhã nhạc cung đình Huế, Di sản văn hóa của nhân loại** , tập san Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần, số ra ngày 21/11/2003, tr. 18-19, kèm 3 ảnh.

Trần Kiều Lại Thủy, **Âm nhạc cung đình triều Nguyễn** lời giới thiệu của gs. Trần Văn Khê, nhà xb. Thuận Hóa, Huế, 1997, 268 tr.

# Cái nhìn đối chiếu giữa hai chữ viết tiếng Việt

Nguyễn Phú Phong

Như chúng ta đã biết, để ghi tiếng Việt chúng ta có hai thứ chữ viết, *chữ nôm* và *chữ quốc ngữ* :

- *chữ nôm* là chữ viết được hình thành dựa theo chữ Hán, hiện nay đã hết dùng.
- *chữ quốc ngữ* hiện đang dùng được xây dựng theo mẫu tự La-tinh. Cái tên *quốc ngữ* dùng để gọi thứ chữ viết này nghe không được chính lắm.

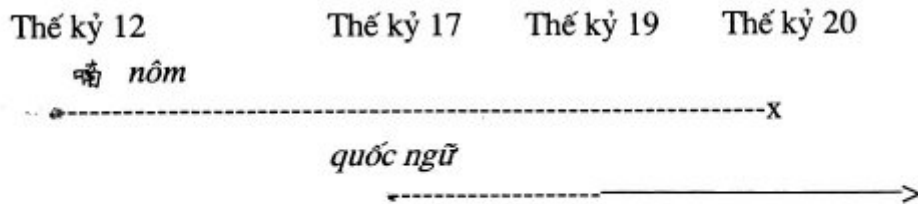
Qua tên gọi và qua loại chữ, chúng ta đã thấy lộ dạng cái quan hệ không đơn giản giữa một bên là chữ viết và lịch sử, và bên kia là giữa chữ viết và ngôn ngữ. Vì thế, để thông hiểu được tình hình chữ viết Việt Nam, trước hết phải làm một cuộc hiệu chỉnh về cái quan hệ nước đôi này.

Cuộc chiếm đóng Việt Nam của Trung Quốc kéo dài 1000 năm, chấm dứt ở thế kỷ 10 ; nước Việt Nam được giải phóng trở thành một quốc gia độc lập, cần đến một chữ viết để ghi lại tiếng nói của dân tộc mình. Không có một dấu tích nào thật chính xác về thời điểm phát xuất chữ nôm, nhưng ngữ âm lịch sử và những bước đầu của văn học tiếng Việt cho phép ta đoán định là chữ nôm có thể xuất hiện vào khoảng thế kỷ 12-13.

Từ thế kỷ 17, Âu Châu đã chú ý đến Việt Nam trên mặt văn hoá, bằng có là cuốn *Dictionarium annamiticum, lusitanum et latinum* (Từ điển Việt-Bồ-La), Romae, đã được xuất bản từ năm 1651. Tác giả là Alexandro de Rhodes, một giáo sĩ dòng tên quê ở Provence, đã có mặt ở Việt Nam từ 1624. Với cuốn *Dictionarium*, có thể nói là chữ viết tiếng Việt theo mẫu tự La-Tinh đã ra đời.

Nhưng mà sự ra đời một thứ chữ viết sẽ chỉ là một sự kiện không quan trọng, không ai chú ý đến, nếu nó không trở thành một thiết chế, được áp đặt do một quyền lực chính trị, và được nhìn nhận như vậy do các người sử dụng. Đó chính là điều mà chữ nôm không bao giờ đạt đến, vì chữ nôm chưa bao giờ được nhìn nhận như là một thiết chế, một chữ viết chính thức của Việt Nam, có lẽ ngoại trừ hai khoảng thời gian trị vì ngắn ngủi của nhà Hồ (1400-1407) và của nhà Nguyễn Tây Sơn (1788-1802).

Về phần chữ quốc ngữ, thì từ lúc cấu tạo vào giữa thế kỷ 17 cho đến khi đem áp dụng một cách tác động vào giữa thế kỷ 19, nghĩa là trong suốt hai thế kỷ, thứ chữ viết này chỉ được biết đến và sử dụng bởi một nhóm người theo Ky Tô giáo ; chữ quốc ngữ trước tiên là công cụ phục vụ cho các giáo sĩ trong việc truyền bá đạo chúa. Phải chờ đến khi nước Pháp chiếm đóng quân sự miền Nam Việt Nam bắt đầu từ năm 1859 thì chữ quốc ngữ mới ra khỏi cái khung cảnh nhỏ hẹp của người công giáo để được đem ra phổ biến vào quần chúng ở các vùng do Pháp quản trị. Từ đó thứ chữ viết theo mẫu tự La-Tinh trở thành một tay phụ trợ quý báu trong guồng máy cai trị của Pháp ở Việt Nam. Cuộc chinh phục Việt Nam của Pháp càng ngày càng toả rộng ra thì sự áp dụng chữ quốc ngữ càng ngày càng lan lớn. Ban đầu các nhà nho yêu nước Việt Nam chống sự truyền bá chữ quốc ngữ, nhưng bắt đầu thế kỷ 20, người Việt Nam trở nên đồng tình, hô hào học chữ quốc ngữ, khi thấy cái lợi của một sự thay đổi chữ viết như thế. Hình I dưới đây tóm tắt tình hình chữ viết ở Việt Nam :



Hình 1 (Đường gạch chấm : chữ viết không chính thức)  
(Đường gạch đầy : chữ viết chính thức)

Nhìn vào hình 1, tự nhiên một câu hỏi được nêu lên : Vậy thì trước quốc ngữ, chữ viết chính thức của Việt Nam là thứ chữ gì ? Xin đáp : Đó là chữ viết của Trung Quốc mà người Việt thường gọi là **chữ Hán**.

Đúng như vậy, dù là sau khi giành được độc lập ở thế kỷ 10 và cho mãi đến đệ nhị thập niên của thế kỷ 20, các triều đại vua chúa trị vì Việt Nam đều sử dụng chữ Hán như chữ viết chính thức trong công cuộc ghi chép sử sách, văn từ hành chánh và trong thi cử. Như vậy chữ Hán mặc nhiên được xem như phương tiện diễn đạt nếu không bắt buộc thì cũng là thích đáng được trọng dụng trong giới trí thức, nhà nho. Nhưng có một điều thường hay lầm lẫn là danh từ **chữ Hán** không phải chỉ đến một thứ chữ viết mà thôi, mà còn chỉ đến một ngôn ngữ, tiếng Trung Quốc. **Chữ Hán**, có khi cũng gọi là **Hán-Việt**, thì đúng là Hán trên mặt chữ viết, cú pháp, và ngữ nghĩa. Chỉ có cách đọc là Việt hoá. Điều này chỉ đúng nếu ta đặt mình vào thế kỷ 20. Nhưng điều này không còn đúng nữa nếu ta ngược thời gian lên đến thế kỷ 9, đến thời kỳ mà từ ngữ tiếng Trung Quốc nhập hàng loạt vào tiếng Việt. Đúng vậy, ở thời kỳ này quả không có một sự khác biệt nào giữa tiếng Trung Quốc và **chữ Hán** vì lúc ấy **chữ Hán** được dùng như một sinh ngữ trong một nước Việt Nam còn bị Trung Quốc chiếm đóng. Danh từ **chữ Hán**, hiểu như **Hán-Việt**, nghĩa là như tiếng Trung Quốc phát âm theo Việt Nam, chỉ được hình thành thật lâu sau khi quân đội chiếm đóng Trung Quốc bị đánh bật khỏi Việt Nam, dù sao cũng khá lâu để tiếng Trung Quốc ở nước Việt Nam, bấy giờ bị tách khỏi nước gốc, phải chịu những biến đổi ngữ âm đặc thù của tiếng Việt. Đó là cái nghĩa nước đôi của từ **Hán-Việt**, của **chữ Hán**. Như là một ngôn ngữ, **chữ Hán** chỉ đến một từ ngữ, dùng để viết hơn là để nói, việc này góp phần không ít vào huyền thuyết chữ viết ghi ý của **chữ Hán**. Dưới đây là quan hệ ngôn ngữ/chữ viết được minh hoạ bằng hình :

Hình 2

| Ngôn ngữ   | Chữ viết        | Tk 10          | Tk 13 | Tk 17 | Tk 19 | Tk 20 |
|------------|-----------------|----------------|-------|-------|-------|-------|
| Trung Quốc | <i>chữ hán</i>  | ← 漢字           |       |       |       |       |
| Việt Nam   | <i>chữ nôm</i>  | ----- 字喃       |       |       |       |       |
| Việt Nam   | <i>quốc ngữ</i> | ----- quốc ngữ |       |       |       |       |
|            |                 | T              |       |       |       |       |

Thời kỳ **T** ghi trên hình 2, kéo dài từ buổi khởi đầu của cuộc chinh phục Pháp đến khi bộ máy hành chánh Pháp khởi sự hoạt động toàn diện trên lãnh thổ Việt Nam là thời kỳ có hai quyền lực chính trị và hành chánh đi song song : một bên là chính quyền Pháp, bên kia là chính quyền bản xứ do nhà Nguyễn. Tình trạng này đưa đến hai thứ chữ viết chính thức cùng cộng cư nhưng cùng cạnh tranh : chữ quốc ngữ phía chính

quyền Pháp, chữ Hán phía triều đình Huế. Khởi nói là khi mà quyền lực của triều đình Huế giảm đi và nhường bước trước chính quyền thuộc địa, thì chữ Hán cũng theo đà đó lép dần trước chữ Pháp, trước khi bị chữ Pháp thay thế. Việc chữ Hán bị đánh bật ra khỏi vùng hoạt động của các giới chức trách quan trường không chỉ là một sự thất thế của một chữ viết ; đó cũng là một sự thay thế quan trọng, tiếng Pháp bây giờ chiếm địa vị của tiếng Trung Quốc. Và với chữ viết, nước Việt Nam đi từ vùng ảnh hưởng Hán (sinophonie) vào vùng ảnh hưởng Pháp (francophonie).

## I. Hình thành chữ nôm

Chữ nôm có những điểm khá giống với người mẫu của nó là chữ Hán, trong quan hệ ngôn ngữ/chữ viết. Mỗi một chữ nôm tương ứng với một đơn vị chữ viết tách biệt, một đơn vị ngữ nghĩa tối thiểu và một đoạn âm thanh bằng một âm tiết. Ta có thể phân biệt chữ nôm thành hai loại lớn : loại chữ đơn và loại chữ kép.

### I.1. Chữ đơn

Sau khi những kẻ xâm lăng phương Bắc rời khỏi Việt Nam thì nhu cầu ghi chép những tiếng đặc Việt đã khiến người Việt Nam mượn ở văn tự Trung Quốc những chữ Hán phát âm in hệt hoặc gần giống. Ở giai đoạn này, khó mà nói là đã có việc sáng tạo chữ viết. Cách thức vay mượn này, gọi là *giả tá* 假借 đã có nói đến trong sách *lục thư* 六書, một cổ thư Trung Quốc phân chia Hán tự theo sáu nguyên tắc cấu thành. Dưới đây chúng tôi đưa ra một số ví dụ về phép giả tá.

#### I.1.1. Phiên viết theo đồng âm

Không có một sự khác biệt nào giữa âm đọc Hán và âm đọc Việt cùng một chữ. Chỉ có nghĩa là khác thôi:

| Chữ viết | Âm đọc     | Nghĩa : | Hán  | Việt             |
|----------|------------|---------|------|------------------|
| 卒        | <i>tốt</i> |         | lính | tử tế            |
| 半        | <i>bán</i> |         | nửa  | đổi vật lấy tiền |

#### I.1.2. Phiên viết theo cận âm

Ta sử dụng một chữ Hán vì chữ này có âm gần giống một từ Việt để ghi từ này.

| Chữ viết | đọc Hán      | đọc Việt    |
|----------|--------------|-------------|
| 級        | <i>cấp</i>   | <i>khớp</i> |
| 召        | <i>triệu</i> | <i>trẹo</i> |
| 買        | <i>mãi</i>   | <i>máy</i>  |

Ta thấy là sự khác biệt về phát âm giữa Hán-Việt và Việt trong những ví dụ đưa ra có thể xuất phát từ phụ âm đầu cũng như từ âm cuối hay/và thanh điệu. Nhưng trong phương thức phiên viết theo cận âm này, chúng ta chỉ dựa một cách không chính xác vào ngữ âm, chứ không vào ngữ nghĩa, nên loại chữ viết này là nguồn gốc của nhiều sai lầm nếu phải đọc riêng từng chữ. Thứ chữ này phải đọc theo văn cảnh, và trong lâm trường hợp biến thiên tùy theo tác giả, nhiều khi cùng một tác giả nhưng lại thay đổi tùy theo kỳ xuất bản. Như chữ 女 đọc là *nữ* theo Hán-Việt, có thể đọc nôm tùy theo văn cảnh là *nớ, nọ, nũa, nỡ*.

### I.1.3. Phiên dịch trực tiếp

Theo phương thức này thì ta mượn một chữ Hán để biến thành một chữ nôm vì nghĩa của nó mà thôi. Như vậy chữ Hán được mượn này đọc theo âm của từ Việt tương ứng về ngữ nghĩa với từ Hán. Sự vay mượn là nhắm vào tự dạng và nghĩa chứ không đếm xỉa gì đến ngữ âm. Phương thức này rất ít dùng. Ta có thể đưa ra ví dụ chữ 群 đọc *bầy* theo tiếng Việt nhưng đọc *quần* theo Hán-Việt.

Trường hợp chữ 群 cần phải phân biệt với loại chữ kiểu như 味, chữ này có thể đọc theo hai âm khác nhau, (a) *vị* và (b) *mùi*; *vị* thường được xem là Hán-Việt còn *mùi* là Việt. Trái với hai âm *bầy* và *quần* của chữ 群 không có một quan hệ ngữ âm nào, *vị* và *mùi* thì lại phản ánh hai cách phát âm của cùng một chữ ở vào hai thời điểm khác nhau, *mùi* là cách đọc ở thế kỷ 6, biến chuyển thành *vị* vào thế kỷ 9 ; sự biến chuyển ngữ âm này đã được khảo cứu và xác định hẳn hoi. Chữ 味 với âm đọc *mùi* là một từ vay mượn toàn diện đã bắt rễ trong tiếng Việt hàng ngày từ một thời xa xưa, và tuân theo cú pháp tiếng Việt đến mức mà nguồn gốc Hán của nó bây giờ khó mà nhìn ra được.

## I.2. Chữ kép

Với loại chữ kép chúng ta mới thực sự đi vào lĩnh vực sáng tạo chữ viết về phần Việt Nam, sự sáng tạo này dù sao cũng nương theo những nguyên tắc lớn của sách *lục thư*, nhất là phép *hình thanh* và phép *hội ý*.

### I.2.1. Chữ ghép theo phép hình thanh

Được tạo bằng cách ghép một yếu tố âm với một yếu tố nghĩa, các chữ nôm hình thanh có thể chia ra làm hai nhóm tùy theo những yếu tố thành phần là toàn Hán hay một trong hai yếu tố là nôm.

a) Hai yếu tố thành phần là Hán

| Chữ nôm |            | Yếu tố nghĩa |   | Yếu tố âm          |
|---------|------------|--------------|---|--------------------|
| (1) 伺   | <i>tớ</i>  | 亻            | 四 | H-V đọc <i>tứ</i>  |
| (2) 巴   | <i>ba</i>  | 三            | 巴 | H-V đọc <i>ba</i>  |
| (3) 𠂔   | <i>chợ</i> | 市            | 𠂔 | H-V đọc <i>trợ</i> |
| (4) 𡵓   | <i>non</i> | 山            | 𡵓 | H-V đọc <i>nôn</i> |
| (5) 茂   | <i>đời</i> | 世            | 代 | H-V đọc <i>đại</i> |
| (6) 𢦏   | <i>tay</i> | 手            | 𢦏 | H-V đọc <i>tây</i> |

Trước hết xin lưu ý rằng vị trí của yếu tố âm trong các chữ là không cố định : bên mặt trong (1), bên trái trong (2), ở trên trong (3), và ở dưới trong (4). Có thể là tính bất cố định về vị trí này xuất phát từ một nguyên do thẩm mỹ, tính cân đối của chữ viết : mỗi một chữ phải nằm gọn trong một khung vuông lý tưởng. Đừng quên rằng viết chữ Hán ở Trung Quốc được đưa lên thành một nghệ thuật lớn nhằm khai thác và diễn tả cái đẹp thị giác của những chữ khối vuông.

Tiếp đến, hãy ghi nhận rằng ngoại trừ ví dụ (1) mà yếu tố nghĩa là một bộ Hán tự truyền thống, còn các ví dụ khác lại có phần chỉ nghĩa là một chữ Hán toàn diện dùng để nói lên cái nghĩa chính của chữ nôm kép thay vì gọi ra một nghĩa bao quát hay một trường ngữ nghĩa như trường hợp của các bộ thủ trong chữ Hán. Hai ví dụ (5) và (6)

giúp ta sáng tỏ vấn đề. Hai ví dụ này chắc là được cấu tạo thành hai giai đoạn : (5) thoát tiên là một chữ vay mượn toàn diện, cả ngữ nghĩa, tự dạng và ngữ âm dưới dạng đơn là 代 *dại* trong khi đó (6), *tay* khởi đầu chỉ được phiên viết bằng thành phần âm là 西 *tây*. Việc ghép thêm về sau các yếu tố nghĩa tương ứng 世 *thế* và 手 *thủ* là cần thiết để tránh đọc lầm. Những minh họa trên đây giúp ta thấy ra cái khác biệt khá lớn và khá đặc thù giữa các bộ thủ trong Hán ngữ và thành phần nghĩa trong một số chữ nôm, giúp ta biết con đường dò dẫm của những người sáng tạo chữ nôm, và đưa ra bằng cứ hiển nhiên về sự hiện hữu của những lớp chữ nôm được cấu tạo ở nhiều thời kỳ khác nhau được chồng chất lên nhau.

## b) Thành phần âm là nôm

Ví dụ sau đây giải rõ kiểu chữ viết này : 𣎵 *bún* được phân tích ra làm yếu tố nghĩa là 米 *mễ*, một trong những bộ thủ truyền thống của Hán tự, và yếu tố âm là 𣎵 *bốn* ; yếu tố âm này lại là một chữ nôm mà giá trị ngữ âm chỉ đạt được sau khi tra cứu để thấy rằng đó là một chữ gồm phần nghĩa là "bốn" và phần âm là 本 *bôn*. Quá trình giải mã chữ 𣎵 *bún* có thể tóm lược như sau:

Tín hiệu 𣎵 - giải mã lần 1 : nghĩa 米 + âm 𣎵  
- giải mã lần 2 : nghĩa 四 + âm 本

Ta thấy ngay thay vì chữ 𣎵 ta có thể đề nghị chữ 𣎵, viết bằng chữ sau tiết kiệm được một giai đoạn, giai đoạn 2, trong cuộc giải mã. Một lần nữa, qua ví dụ trên, chữ nôm cho ta cái cảm tưởng là một chữ viết có tính ứng tác hơn là một chữ viết được cấu tạo theo qui luật chặt chẽ.

### 1.2.2. Chữ ghép theo phép hội ý

Ví dụ thường nêu ra làm tiêu biểu cho kiểu chữ này là chữ 𣎵 *trời*. Các yếu tố thành phần 天 và 上 mà đọc theo Hán-Việt là *thiên* và *thượng* thì hiển nhiên là những yếu tố nghĩa chứ không phải âm. Chữ nôm hội ý rất ít, khoảng chừng 20 chữ ; việc này chứng tỏ rằng dù là trong một thứ chữ viết được gọi là tượng ý (idéogramme), thì yếu tố thành phần ngữ âm vẫn là căn bản và quyết định.

## 1.3. Chữ nôm và ngôn ngữ đơn âm

Chữ viết khối vuông kiểu Hán, và do đó chữ nôm, được mệnh danh là thứ chữ từ-âm tiết (word-syllabic), hình vị-âm tiết (morphosyllabique), v.v. Những tên gọi này ít nhiều phản ánh trung thực sự đồng đẳng giữa một bên là một đơn vị chữ viết, và bên kia là một âm tiết hay một hình vị. Nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu hình vị không tương ứng với một âm tiết bình thường nhưng với một âm tiết hơi đặc biệt vì phụ âm đầu không phải là một âm đơn mà là một nhóm phụ âm ? Đó là trường hợp tiếng chỉ "cái bầy chim" mà theo tiếng Việt cổ là từ *krập* chuyển biến thành từ *sập* hay *rập* trong tiếng Việt ngày nay. Chữ nôm để ghi chữ *krập* đưa ra hai giải pháp : (i) hoặc là phải ghi nhóm phụ âm *kr*, và như vậy thì dùng chữ 𣎵 được phân tách thành 𣎵 *cự* + 立 *lập* (*cự* + *lập* = *krập*) ; (ii) hoặc là biến nhóm phụ âm đầu thành một âm đơn và như thế thì chỉ dùng chữ 立 *lập*. (Lưu ý rằng âm *r* không có trong ngữ âm Hán, nên phải thay *r* bằng *l*). Số lượng từ kép kiểu *krập* không nhiều nhưng loại chữ này rất quý vì đó những nhân chứng hùng hồn cho vết tích ngữ âm cổ tiếng Việt ở một thời kỳ nào đó.

## I.4. Một số vấn đề đọc nô

Ngoài cái khó xuất phát từ sự thay đổi ngữ âm theo thời gian mà chữ viết không phản ánh được, còn nhiều cái khó khác với những nguyên có khác nhau :

- Có thể có sự lẫn lộn giữa một trường hợp vay mượn hoàn toàn, vừa chữ vừa nghĩa, với một vay mượn bộ phận, mượn chữ thôi. Ví như ký hiệu 木 có hai cách đọc, theo Hán-Việt là **mộc**, theo Việt là **mọc**. Để tránh nhầm lẫn, và nói lên rằng chữ 木 phải đọc theo nô thì người ta thêm vào dấu ˊ nháy. Như thế 木 **mọc** viết thành 𣎵. Có một số dấu nháy khác, như ㄣ, ㄵ, v.v. Chức năng của dấu nháy là để tránh nhầm lẫn, nhưng khổ thay, dấu nháy không đơn ứng ví như hai dấu ㄣ, ㄵ cũng là hai chữ Hán đọc là **khẩu** và **cá**.
- Lẫn lộn giữa một chữ nô và một chữ Hán đồng dạng. Ví dụ chữ 坦 có thể đọc theo Hán là **thản** "rộng", và theo Việt là **đất** (nghĩa : 土 + âm 旦 **đất**).
- Khó đọc do đơn giản hoá. Ví dụ chữ nô 𣎵 **một** là xuất phát từ chữ Hán giản lược đi bộ 𣎵 **thủy**. Ví dụ một chữ nô có thành phần âm bị giản hoá như : 坦 **đất** = nghĩa **thổ** + yếu tố âm đơn giản hoá 旦 (< 旦 **đất**). Yếu tố viết tắt cũng có thể là yếu tố nghĩa như : 𣎵 **trải** "kính qua", gồm thành phần nghĩa viết tắt là 止 (< 歷) + âm 吏 **lai**. Có một số trường hợp đơn giản hóa khó chứng minh như H-V 𣎵 **lầm** > V 𣎵 **lầm**.
- Do có sự khác biệt ngữ âm giữa ngôn ngữ cho mượn và ngôn ngữ vay mượn. Một chữ Hán có thể dùng để ghi nhiều từ Việt gần âm nhưng không gần nghĩa. Ngược lại, nhiều chữ Hán đọc khác nhau nhưng gần âm lại được dùng để ghi chỉ một từ Việt.

## II. Sự hình thành chữ quốc ngữ

Danh từ **quốc ngữ**, dịch từng chữ ra tiếng Việt là "nước, tiếng", nếu hiểu chính xác là "tiếng nước (nhà)" và như vậy **quốc ngữ** phải hiểu là "tiếng, ngôn ngữ". Thế nhưng danh từ này lại thường dùng để chỉ **chữ viết** tiếng Việt theo kiểu chữ cái La-Tinh. **Quốc ngữ** hay đúng hơn là **chữ quốc ngữ** là công trình của những giáo sĩ người Bồ, Ý, Pháp đã thành công trong việc chế ứng hệ chữ cái La-Tinh vào việc phiên viết tiếng Việt.

Ngay từ khi khởi đầu các hoạt động truyền đạo của họ ở thế kỷ 17, các giáo sĩ đạo Kỳ Tô phải giải quyết một vấn đề cực kỳ khó khăn là làm sao cho dân bản xứ hiểu họ nói gì. Trước sự tồn tại song song của hai ngôn ngữ ở Việt Nam lúc bấy giờ, một ngôn ngữ của của tầng lớp trí thức, tức là tiếng Hán-Việt, được triều đình Việt Nam sử dụng và các nhà nho xem trọng và ngôn ngữ thứ hai là tiếng Việt, ngôn ngữ của toàn dân, thì các giáo sĩ đã chọn lựa tiếng Việt, vì mục đích của họ là truyền đạo cho đám quần chúng. Hơn nữa nếu dùng một ngôn ngữ mà tất cả giới bình dân đều thông hiểu thì giới trí thức cũng hiểu không khó khăn gì, nhưng ngược lại thì không đúng. Chữ viết để viết tiếng Việt thời đó là chữ nô, một văn tự rất khó lại nhiều chữ, nên các giáo sĩ bèn tìm cách đặt ra một hệ thống ghi chép đơn giản và quen thuộc với họ để ghi tiếng Việt. Đó là tình hình và nhu cầu khai sinh ra chữ quốc ngữ mà mục tiêu đầu tiên và chủ yếu là ghi lại âm và thanh điệu của tiếng Việt - chữ quốc ngữ chủ yếu là một chữ viết ghi âm khác với chữ nô là thứ chữ viết dựa theo chữ Hán là chữ tượng ý

(idéogramme). Dưới đây phần miêu tả chữ quốc ngữ của chúng tôi căn bản dùng bài viết của A.-G. Haudicourt nhan đề là " Origine des particularités de l'alphabet vietnamien " đăng trong *Bulletin Dân Việt Nam* số 3, 1949, E.F.E.O. Hà Nội.

Điều lý tưởng trong một chữ viết ghi âm như chữ quốc ngữ là đạt đến những quan hệ lưỡng-đơn ứng (bi-univoque) giữa ký hiệu và âm : một con chữ và chỉ một con chữ thôi tương ứng với một âm, và một âm luôn luôn được ghi chú do một con chữ và chỉ một con chữ thôi. Thế nhưng trong khi hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ biến chuyển với thời gian thì chữ viết lại ổn định ; đó là nguyên do phát sinh sự khác biệt đôi khi khá lớn giữa cách phát âm của các từ trong một ngôn ngữ và ký hiệu (tức chữ viết) dùng để ghi các từ đó.

Chữ quốc ngữ dưới dạng hiện nay đang dùng đã được thiết định với sự phát hành cuốn từ điển của linh mục Jean-Louis Taberd, *Dictionarium anamitico-latinum*, Serampore, 1838. Như vậy chữ quốc ngữ hiện sử dụng là một thứ chữ viết rất ít tuổi. Tuy thế chữ quốc ngữ vẫn chứa đựng những đặc điểm xuất phát từ những chữ viết *roman* mà chữ quốc ngữ đã vay mượn. Sau đây là những chữ cái và những dấu thanh điệu mà ta thường gặp trong các sách văn Việt ngữ :

Phụ âm : *B C D Đ G H K L M N P Q R S T V X*  
*CH GH GI KH NG NH PH TH TR* (các tín hiệu kép này tương ứng với các phụ âm đơn)  
Nguyên âm : *A Ă Â E Ê I Y O Ô Ơ U Ư*  
Thanh điệu : *ngang*(không dấu) : *ta* ; *huyền* ( ` ) : *tà* ; *sắc* ( ´ ) : *tá* ;  
*nặng* ( • ) : *tạ* ; *hỏi* ( ? ) : *tả* ; *ngã* ( ~ ) : *tã*

## II.1. Các phụ âm

*H - H* đơn chiếc ở vị trí đầu chữ có giá trị ngữ âm khác *H* trong *CH, CH, KH, NH, PH, TH*. *H* là một âm sát thanh hầu điếc.

*TH, PH* - Trong *TH, H* chỉ một sự bật hơi, và như thế thì *TH* là một âm tắt bật hơi. Nhưng *PH* chỉ là một âm sát (spirante). Cách sử dụng con chữ *H* không nhất quán này phải suy ra từ nguồn gốc tiếng La Tinh và tiếng Hy Lạp. Tiếng La Tinh có thời phân biệt hai dây phụ âm tắt, vang (*B, D, G*) và điếc (*P, T, C, Q*), khác với tiếng Hy Lạp, tiếng này đưa ra ba dây, vang (*B, D, Γ*), điếc không bật hơi (*Π, T, K*) và điếc bật hơi (*Φ, θ, X*). Người La Tinh để ghi những âm điếc bật hơi đã đem *H* thêm vào như là cái dấu của sự bật hơi : *PH, CH, TH*. Nhưng với sự biến chuyển của ngữ âm Hy Lạp thì vào cuối thời cổ đại, những âm tắt đã biến thành âm sát. Do sự kiện này, các ký hiệu đã được dùng để ghi các âm tắt bật hơi, được đem ra sử dụng từ thời trung đại để chuyển chú các âm sát như *PH, TH* và *CH* trong các ngôn ngữ Đức. Bây giờ thì ta hiểu tại sao trong Việt ngữ, *TH* chỉ đến một âm tắt bật hơi của Hy Lạp cổ, còn *PH* lại chỉ đến một âm sát Hy Lạp hiện đại.

*CH* - Âm tắt vòm điếc *CH* là mượn ở hai tiếng Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, hai tiếng này lấy ký hiệu này từ tiếng Pháp cổ, ngôn ngữ sau đã tạo ra ký hiệu *CH* để ghi một âm mới không có trong các tiếng La Tinh cổ.

*K, KH, GH* - Âm tắt lưỡi giữa được ghi trong chữ quốc ngữ bằng chữ *C* ở trước *A, (Ă, Â), O, (Ô, Ơ)* và *U, (Ư)*, nhưng lại bằng *K* trước *E, (Ê), I, (Y)*. Lý do là trong tiếng

La Tinh bắt đầu từ thế kỷ thứ 4, phụ âm này đã biến thành một âm vòm trước trước **E, I**. Để tránh lẫn lộn giữa hai giá trị của **C**, người ta lấy chữ **K** dùng trong tiếng Hy Lạp và trong những ngôn ngữ Đức, vì rằng người ta không còn khả năng dùng : (1) cả **QU(E)** lẫn **QU(I)** như trong Pháp ngữ hoặc Tây Ban ngữ ; **QU** đã dùng để ghi một âm môi-mạc ; (2) cả **CH(E)** lẫn **CH(I)** như trong Ý ngữ vì những lí do mà ta đã thấy ở đoạn trước. Trong những điều kiện này, ta hiểu được việc dùng **KH** để ghi âm xát lưỡi giữa đứng trước tất cả các nguyên âm. Việc ghi chú âm lưỡi giữa vang trước **E, (Ê), I, (Y)** đặt ra một vấn đề tương tự : vì rằng **G(I)** đã đại biểu cho một âm xát vòm vang trong Việt ngữ và vì người ta lại không thể dùng **GU(I)** để ghi một âm lợi, nên phải cầu đến cách ghi chú theo kiểu Ý là **GH(E), GH(I)**. Tóm tắt lại là : âm lưỡi trước điếc được viết bằng **C** trước **A, Ǻ, Ȧ, O, Ô, Ơ, U, Ư** ; bằng **K** trước **E, Ê, I, Y** ; bằng **Q** nếu nó là một âm môi hoá, nghĩa là **Q** tiếp sau có **U**. Mặt khác, âm lưỡi trước vang được ghi bằng **GH** trước **E, Ê, I, Y** ; bằng **G** trước tất cả các nguyên âm khác.

**GI, D, Đ** - Âm xát vòm vang Việt được ghi theo kiểu Ý ngữ bằng **GI** bởi vì cách ghi chú âm này bằng ký hiệu **J** trong tiếng Pháp chỉ có từ thế kỷ 17 trở đi, ở thời này **J** là dạng của **I** nếu đứng ở vị trí đầu của một tiếng : lúc bấy giờ người ta viết **jure** thay cho **ivre**. Người ta đã dùng **D** để ghi âm tắt vòm trước vang mềm hoá ; việc này bắt phải thêm vào **D** một dấu ngang, để **D** viết thành **Đ, Đ** dùng để ghi âm tắt đầu lưỡi vang tương ứng với âm điếc **T**, và như vậy cách ghi chú này nhắc ta là có sự quan hệ thân thuộc giữa **Đ** và **T**.

**S, TR** - Ký hiệu **S** dùng để ghi âm xát răng trong tiếng Pháp, nhưng trong một địa phương vùng Basque, âm **S** thật lười để trở thành âm uốn lưỡi, nghĩa là âm đọc ở đỉnh vòm. Nhưng **S** với cách phát âm này có trong tiếng Việt, việc này giải thích sự có mặt của nó trong chữ quốc ngữ. Còn **TR** là ký hiệu ghi chú li lai (notation approximative) dành cho âm tắt uốn lưỡi tương ứng, âm này không có ở châu Âu.

**X** - Trong phụ bản *Brevis Declaratio* của cuốn *Dictionarium*, tác giả de Rhodes có nói rõ là **X** rất thường dùng và được phát âm như trong tiếng Bồ Đào Nha, hay như **SC** trong tiếng Ý. Giá trị ngữ âm **Ṣ** của chữ **X** trong tiếng Bồ hiện đại bắt nguồn từ trước thế kỷ 17, và nhóm con chữ **SChay** dùng để ghi âm **Ṣ** trong tiếng Ý như trong trường hợp hiện nay.

**NH, NG(H)** - Để chỉ rõ giá trị ngữ âm của **NH**, de Rhodes nói rằng " chúng ta cũng viết **H** sau **N**, ví dụ **nhà**, và y như **gna** trong tiếng Ý". Haudricourt (1949) đã nhận xét rằng " trong Pháp ngữ và Ý ngữ, âm mũi vòm trước xuất phát từ nhóm **GN** của La Tinh ; âm mũi này còn lưu giữ cách viết như thế trong khi ở tiếng Bồ cũng như trong tiếng provençal hay tiếng gascon, âm này lại được ghi là **NH** cho được tương tự với âm tắc tương ứng **CH** ; chính cách viết kiểu sau, tức **NH**, được tiếng Việt áp dụng. " Âm mũi lưỡi giữa ghi bằng ký hiệu **NG** có thể hiện diện ở vị trí đầu hay vị trí cuối âm tiết. De Rhodes ghi nhận rằng ở vị trí cuối " **G** không phát âm rõ ràng như ở vị trí đầu, đọc một cách không phân định (indistinct), dường như người ta loại bỏ đi phần **-uis** của chữ sanguis, chỉ còn lại **sang** "quí sang". " Vì là âm tương ứng với con chữ **G** được ghi theo tiếng Ý bởi **GH** trước **E, (Ê), I, (Y)** nên do đó **NG** trước các phụ âm này trở thành **NGH**.

## II.2. Các nguyên âm

**A, Ǻ** - Nguyên âm **a** được ghi khác nhau trong tiếng La Tinh tùy theo âm lượng : **a** cho âm dài và **Ǻ** cho âm ngắn ; ký hiệu sau được đem vào tiếng Việt.

**Â, Ê, Ô** - Trong tiếng Pháp, dạng viết *aage* trở thành *âge*, dấu ^ đặt trên nguyên âm cho biết đó là một nguyên âm dài. Ta cũng gặp cách dùng ký hiệu đó trong tiếng Bồ ; ở ngôn ngữ này *oo* trở thành *ô* và *ee* thành *ê*. Trong tiếng Bồ, *ô* và *ê* biểu diễn những nguyên âm khép hơn : *ô* có một giá trị trung gian giữa *o* và *u* ; *ê* giữa *e* và *i*. Tiếng Việt cũng có những nguyên âm cùng một giá trị, sự kiện này minh chứng việc tiếng Việt mượn các ký hiệu ở tiếng Bồ.

- Các ký hiệu *ơ* và *ư* dành cho các nguyên âm dòng sau không tròn môi bắt nguồn từ các ký hiệu *õ* và *ũ* .

**Y** - Chữ này nằm trong hệ thống chữ cái Hy Lạp. **Y** được mượn ở tiếng Tây Ban Nha trong đó nó thay thế *i* nằm giữa hai nguyên âm hay nằm ở vị trí cuối.

### II.3. Thanh điệu

Để ghi hai thanh điệu trong tiếng Hy Lạp cổ, người ta đã dùng hai ký hiệu / và ~ ; thanh của những từ không có trọng âm được ghi bằng dấu . Trong các ngôn ngữ rôman, các dấu ? và • được sử dụng để chỉ thanh điệu của câu, tương ứng với nghi vấn và tường thuật. Cái tài tình của các nhà sáng chế ra chữ quốc ngữ là đã dùng các dấu này để ghi thanh điệu của âm tiết, và việc này giải thích chỗ đặt dấu thanh đối với nguyên âm chính của âm tiết : thanh *hỏi* thuộc âm vực cao nằm trên còn thanh *nặng* thuộc âm vực thấp đặt ở dưới.

### III. Một số suy nghĩ đối chiếu

Các chữ nôm ở thời kỳ đầu là những chữ vay mượn theo phép giả tá (mượn theo âm Hán). Như vậy các chữ nôm này là những chữ dùng để phiên âm không hơn không kém. Về sau vì số lượng đáng kể của các chữ đồng âm, hoặc gần âm một cách không chính xác, "tạo" ra theo phép giả tá, người ta phải nhờ đến yếu tố chỉ ý để hình thành chữ nôm theo phép hài thanh, nhưng yếu tố chỉ ý này cũng chỉ là một điểm tựa mỏng manh trong việc đọc ra chữ nôm. Trên mặt này, phần chỉ ý không làm đầy đủ chức năng giúp ta giải mã chữ nôm trên mặt ngữ nghĩa ; trong một chừng mực nào đó phần chỉ ý chỉ giúp ta phân biệt hai chữ nôm đồng âm bằng cách xếp chúng vào hai loại

khác nhau. Như bộ *nhân* ghép với yếu tố thành phần âm 皮 *bì* cho ta chữ 彼 *bè* với nghĩa là "bè đẳng" trong khi cùng với phần âm 皮 *bì* mà ghép với bộ 𠂔 *trúc* thì

cũng cho một chữ 𠂔 *bè* đồng âm nhưng với nghĩa là "thuyền bè". Như thế, bộ phận nghĩa không cần thiết cho chữ nôm bằng bộ phận âm. Bộ phận nghĩa chỉ là một yếu tố phụ, một nét khu biệt, cho bộ phận âm và ta có thể không dùng đến ; sự không cần thiết của bộ phận nghĩa đã được chứng minh ở những chữ nôm theo phép giả tá, và nhất là ở chữ quốc ngữ.

Vì tính chất thứ yếu và không cần thiết của bộ phận chỉ ý và hiệu suất kém cỏi của nó - việc này giải thích hùng hồn lý do tại sao số lượng chữ hội ý rất nhỏ - sự sử dụng yếu tố chỉ ý càng ngày càng nhiều với sự gia tăng càng ngày càng cao của chữ nôm hình thành vào thời phát triển mạnh của chữ nôm từ thế kỷ 18 trở đi, là một giải pháp thật tốn kém.

Một trở ngại khác của chữ nôm bắt nguồn từ quyết định tuyển dụng, hay đúng hơn là sự nổi trội và bảo tồn của âm tiết như là đơn vị ngữ âm tác động trong công việc đặt chữ viết. Do vậy, đơn vị thuộc cấu khớp thứ hai (2è articulation) theo A. Martinet hoá ra trong nôm trên bình diện đoạn tính, là không khác gì đơn vị thuộc cấu khớp thứ

nhất : âm tiết là yếu tố cơ sở nhỏ nhất, cả về mặt âm lẫn nghĩa. Người Việt Nam trước khi chữ quốc ngữ được đem ra áp dụng, chưa bao giờ nghĩ đến việc phân tích âm tiết thành những thành phần nhỏ hơn : tỷ như họ đã không tính đến việc tạo ra những cái dấu để ghi thanh điệu ; thanh điệu hoàn toàn nhập vào, lẫn vào với âm tiết trong đó các thanh không có một hiện diện hình thức đặc thù nào cả. Việc sử dụng âm tiết như một đơn vị ngữ âm cơ sở bắt buộc ta phải tạo ra thật nhiều ký hiệu viết, 8187 chữ /ký hiệu theo *Bảng tra chữ nôm* của Viện Ngôn Ngữ Học, Hà Nội, 1976. Một hậu quả khác xuất phát từ quan niệm chữ nôm : một số ký hiệu/chữ đạt đến số nét cao khó tưởng tượng là 35, như chữ đọc  *rù* theo quốc ngữ.

Trong lúc đó, việc trình bày và bàn luận về chữ quốc ngữ được diễn ra trên một bình diện khác, bình diện giá trị của âm vị và của những con chữ đại biểu. Phải nhìn nhận là mặc dù có những khuyết điểm nhỏ, công trình của A. de Rhodes, của những người đi trước ông, cũng như của những kẻ kế tiếp, là một thành công khoa học đáng ghi. Theo ý kiến của các nhà ngôn ngữ học thì chữ quốc ngữ là một hệ thống phiên viết mạch lạc, chặt chẽ, có giá trị về ngữ âm học. Nó đã gây ấn tượng tốt cho nhiều chuyên viên vì tri giác cao và tài khéo léo của những người phát minh. Một khi đã học hiểu - học chữ quốc ngữ chỉ cần vài ba tuần - thì chữ nào từ nào cũng đọc được đúng đắn vì trường hợp chính tả ngoại lệ có nhưng không đáng kể. Thay vì hơn 8000 chữ nôm kê ra trong *Bảng tra* chắc chắn là chưa đầy đủ của Viện Ngôn Ngữ đã nói ở trên, thì chữ quốc ngữ chỉ cần dùng vốn vốn có 43 ký hiệu cơ bản. Đó là chỗ khác biệt phi thường giữa hai thứ chữ viết, một sự tiết kiệm lớn lao trong việc vận dụng trí nhớ để học chữ quốc ngữ thay vì chữ nôm, mặc dù là khi học chữ quốc ngữ không những chỉ học chữ cái mà còn phải học cách kết hợp của chúng.

Người ta thường nói đến một khuyết điểm lớn của chữ quốc ngữ là chữ viết này không có khả năng phân biệt những chữ khác nghĩa nhưng đồng âm. Tỷ như từ *la* "con lừa" viết y như từ *la* "ré lên". Nhưng như vậy thì ta cũng có thể chê một văn tự như Pháp ngữ vì trong tiếng Pháp, chữ *la* có thể đọc như là một quán từ, nhưng cũng có thể đọc như nốt thứ 6 của một thang nhạc. Theo mô hình Hán, chữ nôm nhắm tới việc biểu thị một từ như là một tín hiệu ngôn ngữ kết hợp một hình ảnh âm thanh với một khái niệm. Nhưng trong tình hình chữ viết hiện tại, nếu hình ảnh âm thanh được hoàn toàn biểu diễn bởi tín hiệu, thì khái niệm trái lại thường được định ra không phải chỉ bằng tín hiệu thôi mà còn bằng chu cảnh ngữ đoạn, hoặc ngữ cảnh. Trong chữ quốc ngữ, chu cảnh ngữ đoạn làm công tác thay thế bộ phận nghĩa trong chữ nôm. Cho nên, để nói rõ nghĩa của một tiếng *X*, người ta có hai cách : lúc xưa, và theo kiểu Hán, các nhà nho viết trong lòng bàn tay cái chữ tương ứng với âm *X*, chữ này gồm có bộ phận chỉ ý ; hiện nay, sau khi chữ nôm đã bị lãng quên, thì ta lại giải nghĩa *X* bằng cách xác định rằng " đó là *X* trong *XY* " Tỷ dụ như để giải thích cho người đối thoại biết nghĩa của chữ *may*, ta có thể nói đó là *may* như *may rủi*, chứ không phải *may* trong *may vá*. Như vậy yếu tố *Y* trong *XY* đóng vai trò yếu tố "chỉ nghĩa" của *X*. Trong chức năng này, *Y* tốt hơn nhiều so với bộ chữ chỉ ý trong chữ nôm vì, một mặt *Y* phụ trợ chỉ nghĩa của *X* một cách rõ ràng chính xác hơn, và mặt khác số chữ *Y* có thể sử dụng là tương đối nhiều, và nhờ những yếu tố *Y* khác nhau ghép vào mà *X* diễn tả ra được những sắc thái ngữ nghĩa khác nhau. Các nhà từ điển học Việt Nam đã sớm hiểu được cái hay, cái lợi của phương cách này, nên đã sử dụng theo hai kiểu : thụ động như là một phương tiện làm rõ nghĩa của một từ *X* ; hoặc tác động như phép tạo từ mới. Ví như, xuất phát từ *co*, ta đặt ra *co khít, co cứng, co giật, co thắt, co bóp*, v.v.

#### IV. Chữ viết, ngôn ngữ, văn hoá

Chúng ta đã lần lượt điểm qua những đặc tính, những ưu khuyết điểm của hai thứ chữ viết liên quan đến tiếng Việt. Việc loại bỏ chữ nôm để dùng chữ quốc ngữ chỉ có lợi

cho tiếng Việt mà thôi. Nhưng chúng tôi thấy cần phải nhấn mạnh một điều : sự thôi dùng chữ nôm không bắt buộc phải kéo theo sự từ bỏ học tập chữ Hán, hay tiếng Trung Quốc. Đáng tiếc là người ta hay lẫn lộn hai sự việc này. Việc đem áp dụng một cách bắt buộc, tăng tốc, chữ quốc ngữ của chính quyền Pháp ở Đông Dương vào cuối thế kỷ 19-đầu thế kỷ 20 nhắm mục đích chính là xoá bỏ ảnh hưởng lâu đời của Trung Hoa ở Việt Nam, và thay thế vào đó một ý niệm về văn minh theo kiểu Âu Châu. Như vậy thì đó là một toan tính thay thế một nền văn hoá, một thể hệ, một lớp trí thức bút lông (các nhà nho viết bằng bút lông), bằng một nền văn hoá khác, một thể hệ khác, một lớp trí thức khác viết bằng bút thép (học sinh các trường Pháp-Việt viết bằng bút sắt hiệu *sergent-major*). Trong môi trường đó, chúng ta đừng lấy làm lạ là những thành công cá thể trong việc hội nhập văn hóa Tây phương được đề cao, còn thành phần trí thức cũ, mặc áo dài đen, đội khăn đóng, thì lại bị đồng hoá với một nước Việt Nam lỗi thời, đóng bụi, chưa thoát ra khỏi lũy tre xanh để bước vào kỷ nguyên điện khí. Người ta thỉnh thoảng còn gặp lại hình ảnh nước Việt Nam ấy, nhất là vào dịp tết nguyên đán, ở các lễ đường, với các cụ già có những chòm râu đáng kính, hoa tay đặt bút lông trên những tờ giấy đỏ, viết những câu đối phụng múa rồng bay. Các chữ kiểu hán nôm tượng ý tượng hình rất thích ứng cho những dịp này, những dịp mà đồ trang hoàng vừa thuộc nghệ thuật hoa văn, vừa thuộc trí thức, nhưng cũng gợi nhắc lại hình ảnh, tình cảm của một xã hội đã đi vào quá khứ.

Thứ chữ viết kiểu Hán (chữ nôm), hình ảnh của một quá khứ đã đi vào quá khứ, đó là sự việc hiển nhiên ! Nhưng di sản văn hoá châu thổ được qua mười thế kỷ đô hộ Trung quốc, mười thế kỷ độc lập tự chủ, gần một thế kỷ hiện diện của Pháp, có trọng lượng trên tương lai của xứ sở. Và một trong những thành tố quan trọng của di sản đó là thuộc diện ngôn ngữ học, hay đúng hơn thuộc diện khái niệm mà chữ viết chỉ là một phương tiện truyền thông. Chúng ta thôi dùng chữ nôm không có nghĩa là chúng ta sẽ từ bỏ cái di sản Đông Á đó. Bằng chứng là tiếng Việt đã và đang rút từ cái vốn từ vựng của tiếng Hán những nghĩa tố, những căn tố từ nguyên, để tạo thêm những từ mới về khoa học hoặc văn học. Những yếu tố ngữ nghĩa mà tiếng Hán đã làm giàu qua hàng nghìn năm lịch sử chẵn chẵn bắt nguồn từ ngôn ngữ viết (*langue graphique*) mà L. Vandermeersch (1986, 125-158) đã đề cập đến một cách thuyết phục. Ngôn ngữ viết này biến thành ngôn ngữ nói, những cái biểu đạt bây giờ được nhận diện bằng cái mặt ngữ âm của nó. Chính trong y phục mới này mà và thường là dưới dạng từ ghép mà những phân vị (*monem*)-âm tiết đã đi vào tiếng Việt dưới hình thức quốc ngữ. Ta gặp lại phương thức hội ý cổ truyền, lần này không áp dụng cho một đơn vị viết-âm tiết (*unité graphique-syllabique*), một tự , mà cho một từ , đơn vị ngữ pháp, tập hợp đa hình vị-đa âm tiết. Trong việc phiên viết chúng ra chữ quốc ngữ, những từ vay mượn đó được đồng hoá bằng cách du nhập vào bản sắc văn hoá dân tộc của nước Việt Nam hiện đại, vì đó là phản ánh của những sự hiện diện kế tiếp nhau, hay đúng hơn, của một sự hợp tác thành công giữa một phương Bắc rất gần và một phương Tây xa xôi.

**Nguyễn Phú Phong**

### **Thư mục**

Aymonier, Etienne, 1886. Nos transcriptions. Etudes sur les systèmes d'écriture en caractères européens adoptés en Cochinchine française. *Excursions et reconnaissances* 12 : 31-89.

DeFrancis, John, 1977. *Colonialism and Language Policy in Vietnam*, The Hague, Mouton.

De Rhodes, Alexandro, 1651. *Dictionarivm Annamiticvm Lvsitanvm, et Latinvm*, Romă, Sacră de Congregationis.

Haudricourt, André-Georges, 1949. Origines des particularités de l'alphabet vietnamien, *Bulletin Dân Việt Nam* 3 : 61-68, Hanoi.

Hoàng Xuân Hãn, 1948. *Danh từ khoa học*, Saigon (in lần thứ 2).

Maspero, Henri, 1912. Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite. Les initiales, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*, XII,1.

Nguyễn Phú Phong, 1978. A propose du *nôm*, écriture démotique vietnamienne, *Cahiers de Linguistique Asie Orientale* No 4, 43-55, Paris.

Nguyễn Phú Phong, 1984. Formation et standardisation du vocabulaire scientifique et technique en vietnamien, in I. Fodor et C. Hagège (éds), *La réforme des langues. Histoire et avenir*, vol. III, Hamburg, Buske Verlag.

Nguyễn Phú Phong, 1988. L'avènement du *quốc ngữ* et l'évolution de la littérature vietnamienne. Quelques considérations linguistiques, in *Cahiers d'Etudes Vietnamiennes* 9, Université Paris 7.

Nguyễn Phú Phong, 1990. Le vietnamien : un cas de romanisation inachevée, *Cahiers d'Etudes Vietnamiennes* 10, Université Paris 7.

Roux, Jules, 1912. *Le triomphe définitif en Indochine du mode de transcription de la langue annamite à l'aide des caractères romains ou " Quốc ngữ "*. Conférence. Paris, Imprimerie Nouvelle.

Vandermeersch, Léon, 1986. *Le nouveau monde sinisé*, Paris, PUF.

Viện Văn Học, 1961. *Vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ*, Hà Nội, Viện Văn Học.

# Những Hư Cầu Liên Quan Đến Các Vị Vua Đời Nhà Trần (\*\*\*)

Trúc Lâm Lê An Bình

**N**gày 1 tháng 3, năm Ất Dậu (1285), giặc Nguyên đuổi theo rất gắt hai vua (Thượng hoàng Thánh Tông và Hoàng Đế Nhân Tông) phải bỏ thuyền, xử dụng đường trên bộ đi đến Thủy-Chú (không rõ nơi nào ngày nay), sau đó lấy thuyền ra cửa Nam-Triệu, vượt biển Đại-Bàng (thuộc địa phận xã Đại-Bàng, huyện Nghi-Dương, tỉnh Hải-Dương) đi vào Thanh-Hóa. Như thế ta thấy ở đây quân đội Đại Việt đang rơi vào thế tam đầu thọ địch đúng như kế hoạch của kẻ địch dự trù là các cánh quân của Thoát Hoan từ Thăng Long tiến về phối hợp với các cánh quân của tướng Hữu thừa Khoan Triệt, Vạn Hộ Mông Cổ Đãi và Bột La Hợp Đạt Nhi dẫn quân bằng đường bộ và Lý tả thừa Ô Mã Nhi Bạt Đô (sau khi chiếm xong bãi Tha-Mạc) bằng đường thủy; cánh quân của Toa Đô giải quyết xong chiến trường Thanh, Nghệ cũng thẳng đường tiến tới Thiên Trường. Để giải tỏa thế gọng kềm này ta phải giải quyết ra sao?

Từ Thiên Trường một cánh quân của ta rút về các lộ vùng đông bắc (Hải Phòng, Quảng Ninh) để dụ địch rượt theo rồi chờ cho Toa Đô dẫn quân ra khỏi Thanh Hóa thì ta mới vượt biển Đại-Bàng như đã nói ở trên để vào chiếm lại Thanh Hóa làm căn cứ đóng quân. Toa Đô vừa phải vất vả ngược xuôi để rượt đuổi quân ta, rốt cuộc cũng chẳng được gì lại mất đi cứ điểm vừa mới chiếm. Cương Mục Chính Biên quyển VII có đoạn viết: *"Lúc ấy quân Nguyên đuổi theo riết, nhà vua phải mời thượng hoàng cùng ngự một chiếc thuyền con, chạy ra nguồn Tam Trĩ, một mặt khác, sai người kéo thuyền của vua vẫn ngự đi ra ngã núi Ngọc Sơn, để đánh lừa quân Nguyên. Tướng Nguyên do thám biết được mưu ấy, mới sai Hữu thừa là Khoan Triệt, Tả thừa là Lý Hằng chia đường đuổi theo. Nhà vua phải đổi đi đường bộ đến xã Thủy-Chú, rồi lại đi thuyền đến sông Nam-Triệu, qua cửa biển Đại-Bàng vào Thanh Hóa"*.

Ngày 9 tháng 3 năm Ất Dậu (1285), hai vua bị tướng Nguyên là Giảo-Kỳ và Đường-Cổ-Đới đem chu-sư (hải quân) ra biển vây và suýt bắt được các ngài. May thay nhờ tướng Nguyễn Cường tận lực hộ giá mới có thể rút ra được về phía nguồn Tam-Trĩ, đồng thời giả đưa thuyền rồng đi miền Ngọc-Sơn (miền biển Thanh Hóa) để đánh lừa giặc. Quân thù tưởng là thuyền hai vua, chúng chặn bắt và tịch thu rất nhiều vàng bạc cũng như nam nữ của ta.

Ở đoạn này ta thấy rằng sau khi quân Đại Việt rút khỏi kinh thành Thăng Long rồi liên tiếp xảy ra các trận đánh Tha Mạc, Bình Than, A Lỗ, Đại Hoàng, Thanh Hóa thì hai vua và quân đội Đại Việt gần như rơi vào thế bị động phải liên tục di chuyển để tránh né sự truy đuổi của quân Nguyên theo Cương Mục ghi *"nhà vua phải chạy loạn long đong"*; Việt Nam Sử Lược của Lê Thân Trần Trọng Kim viết: *"Nhân Tông kinh hãi, Thượng hoàng đêm ngày lo sợ"*; Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép: *"Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trĩ Nguyên. xa giá nhà vua phiêu bạt"*. Các vị sử gia vừa kể có những lời như vậy đối với một vị đại anh hùng dân tộc như Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông thì hơi vội vàng và thiếu khách quan.

Hãy xem tình hình quân thù ra sao, theo Nguyên sử 13 tờ 8b8-10 ghi: *"Tháng 3 ngày Bính Tý Kinh Hồ Chiêm Thành hành tể xin thêm quân. Lúc bấy giờ Trần Nhật Hyên(\*) trốn về hai xứ Thiên Trường và Trường Yên, binh lực lại tập hợp. Hưng Đạo Vương đem hơn ngàn chiến thuyền về nhóm Vạn-Kiếp, còn Nguyễn Lộc thì ở Vĩnh Bình, mà quan quân đi xa lại đánh lâu, treo lơ lửng ở giữa. Quân của Toa Đô và Đường Cổ Đãi lại đến không đúng lúc, nên xin thêm quân. Vua cho đi đường thủy là nguy hiểm, ra lệnh cho quân tăng viện đi theo đường bộ"* -Toàn Tập Trần Nhân Tông-Lê Mạnh Thát Việt dịch (\*\*).

Như vậy thì quá rõ ràng, theo Nguyên Sử cho biết thì quân Mông-cổ cũng đang rơi vào thế bị động. Thế bị động đó là chúng phải đối phó với nghĩa quân của ta liên tục quấy rối những nơi địch chiếm đóng. Bằng chứng là phản thần Trần-Kiến trên đường về châu Hốt-Tát-Liệt lại được quân ta cho đi châu âm

phủ; để đối phó với những hoạt động tiêu thổ kháng chiến của quân ta, chúng bắt buộc phải xin thêm quân lính, xây dựng thêm nhiều đồn bót để gia tăng phòng thủ cũng như kiểm soát những vùng đã chiếm đươc. Ở đây chứng minh một điều, nếu thật sự kẻ thù có khả năng làm cho quân ta lúng túng, bị động thì cần gì Mông-cổ phải xin thêm viện binh như thế? Như là *"nhà vua phải chạy loạn long đong". xa giá nhà vua phiêu bạt*" v.v., làm sao ta có thể chuyển bại thành thắng và từ thủ chuyển sang công khi hóa giải thế gọng kềm mà chúng muốn tạo ra để vây hãm quân ta phải quy phục, thì nay chính đoàn quân xâm lược lại bị rơi vào thế trận mà Đức Hoàng đế Trần và Hưng Đạo Vương đã sắp xếp sau cuộc họp ở Hải-Đông. Đó là rút lui, phòng thủ và phản công chiến lược. Hiện tại ta ở giai đoạn nhì là phòng thủ chiến lược để chuẩn bị bước qua giai đoạn ba là tổng phản công chiến lược.

Chưa hết, tại chiến trường Thanh Hóa quân Mông-cổ đã gặp sức phản kháng rất quyết liệt của người dân địa phương. Ngày 9 tháng 3 năm 1285, tướng Nguyên là Giáo Kỳ kéo quân đến Bồ Vệ (thuộc Căn Bồ, Thanh Hóa). Người dân trong vùng nổi lên đánh địch, trong đó có dân chúng Hương Yên Duyên (xã Quảng Hùng, Quảng Xương, Thanh Hóa) dưới sự chỉ huy của ông Lê Mạnh tức là Đại Toát đã chống cự quyết liệt khiến chúng không biết đường chống đỡ, rút lui cũng không được tiến tới cũng chẳng xong, cuối cùng vì quân ta có kẻ phản bội nên giặc Nguyên mới thoát được và chúng còn đốt phá nhà cửa của ông. Sự kiện này không thấy ghi trong sử nhưng nhờ công đức xây chùa nên bia chùa Hưng Phúc ghi lại rằng: *"Hữu tướng giặc là Toa Đô tiến quân vào hương này. Ông đem người trong hương chặn giặc ở bến Cổ Bút. Hai bên đánh nhau giặc cơ hồ không rút chạy đươc. Nhưng vì có kẻ gian hàng giặc chỉ đường nên nhà cửa của ông bị đốt phá"* (Thơ văn Lý Trần, Hà Nội xuất bản 1988 tập II quyển thượng trang 648). Đó cũng là lý do giải thích vì sao đạo quân của Toa Đô và Đường Cổ Đãi đã không đúng hẹn với Thoát Hoan ở Thăng Long trong mưu toan bao vây các lực lượng của quân đội Đại Việt.

Trong lúc này Hưng Đạo Vương được lệnh đem hơn 1000 chiến thuyền về Vạn-Kiếp là nơi trước đây đã rút lui, còn tướng Nguyễn Lộc đóng ở Vĩnh Bình tạo thế gọng kềm đối với quân thù. Vì thế cả ba cánh quân của chúng do Thoát Hoan, Ô Mã Nhi và Toa Đô đều nằm ở giữa vòng vây mà Đức Hoàng đế Trần và Hưng Đạo Vương dày công sắp xếp kể từ sau trận Nội-Bàng và Chi-Lãng.

Với tài dụng binh như thần của Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông như thế, quân đội Đại Việt đang ở thế bị bao vây cả ba hướng, thế mà quân ta đã lật ngược được thế cờ trong những lúc nguy cấp nhất, khiến kẻ thù rơi vào giữa vòng vây của quân ta, như Nguyên sử nói *"quan quân đi xa đánh lâu, lại treo lơ lửng ở giữa"*. Thế mà không hiểu vì sao, ngoài tác giả một số quyển sử như Cương Mục, Toàn Thư, Việt Nam Sử Lược, có cái nhìn hơi tiêu cực về Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông về giai đoạn này thì có những người khác lại đi xa hơn như trong quyển **Histoire du Viet Nam des origines à 1858** do Lê Thành Khôi là tác giả được nhà Sudestasie xuất bản năm 1987 tại Paris. Trong quyển này ông Lê Thành Khôi viết như sau ở trang 186: *"Nhân Tông, bord d'un sampan léger, était descendu Hai-dong (Quang-Yên). Il fit mander Hung-dao et l'interrogea, soucieux: "La puissance de l'ennemi semble telle que je crains q'une guerre prolongée n'entraîne pour le peuple d'immenses destructions. Ne vaut-il pas mieux nous rendre pour l'en sauver ?"* Le généralissime répondit: *"Ces paroles manifestent les sentiments d'humanité de Votre Majesté, mais les Temples Dynastiques et les Dieux du Sol et des Moissons, que de viendraient-ils alors? Si vous voulez vous rendre, faites d'abord trancher ma tête!"*. Nghĩa là: "Vua Nhân Tông đi thuyền nhẹ xuống Hải-Đông (Quảng-Yên). Ngài cho vời Hưng-Đạo-Vương đến hỏi: *"Thế giặc dữ dội như thế e rằng cuộc chiến sẽ kéo dài gây tàn hại cho dân chúng, thôi thì để trăm đầu hàng giặc để cho dân chúng bớt khổ"*. Hưng-Đạo-Vương trả lời: *"Đức ngài nói câu đó thật là vị vua có lòng thương dân, nhưng rồi sơn hà xã tắc sẽ ra sao? Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì xin chém đầu thần trước đã"*.

\* **Việt Sử Toàn Thư** của ông Phạm Văn Sơn biên soạn ở trang 184 có mẫu đối thoại giữa Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông và Hưng Đạo Vương khi hội họp ở Hải-Đông trên một chiếc thuyền nhẹ nội dung như sau: *"Vua Nhân Tông được tin Hưng Đạo Vương lui quân khỏi Lạng Sơn liền xuống chiếc thuyền nhỏ ra Hải Đông (tức là Hải Dương), triệu Hưng Đạo Vương đến. Nhân Tông nói: Thế giặc lớn như vậy chống với nó e dân sự sẽ tàn hại hay là hàng chúng nó để cứu lấy dân?". Hưng Đạo Vương khẳng khái trả lời*

rằng: "Bệ hạ vì lòng thương dân mà nghĩ như vậy nhưng Tôn Miếu và Xã Tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng thì hãy chém đầu tôi đi trước đã!"

\* **Quyển Trần Hưng Đạo** của Hoàng Thúc Trâm ở trang 77 có ghi: "*Vua Trần-Nhân-Tôn ngự chiến thuyền nhẹ, lánh ra Hải đông (Tục gọi bầu Chi-Lăng. Nay thuộc tổng Chi-lang gần ga Tuần-muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng-son. An Nam Chí Lược chép Chi-lăng tức là "Lão thử quan" nghĩa là cửa chuột già).*"

- Hai đoạn văn nêu trên cho thấy sự kiện xảy ra như nhau khi vua Nhân Tông (hay Tôn) gặp Hưng-Đạo-Vương ở Hải Đông. Chỉ có khác một điều là câu nói muốn "đầu hàng" quân Mông-cổ của vua Nhân Tông được ghi trong Việt Sử Toàn Thư vốn không có trong các quyển cổ sử cũng như quyển **Trần Hưng Đạo** nói trên.

\* Ngày 12/05/2003, **bài Khí Phách Của Vị Tướng Tại Mặt Trận** do Bán Nguyệt San Ý Dân (Ydannews@aol.com) phổ biến trên diễn đàn công luận(diendancongluan@yahoogroups.com) và diễn đàn chính luận (chinhluan@yahoogroups.com), sau đó được đăng lại trong Bản Tin Quân Nhân, tháng 06/2003 xuất bản tại Pháp, có đoạn viết như sau: "*Năm 1284, khi giặc Mông Cổ đem đại quân tràn sang tấn công nước ta lần thứ hai, khiến vua Trần Nhân Tông phải lui binh về Vạn Kiếp và nảy sinh ý định đầu hàng giặc để tránh nhân dân phải đổ máu. Nguyên soái Trần Hưng Đạo, trong vai trò thống lĩnh toàn quân đã đồng ý thừa vâng mệnh vua rằng: "Nếu Bệ Hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã". Câu nói bất hủ này của Đức Trần Hưng Đạo đã có sức mạnh vạn năng khiến vua Trần Nhân Tông phải hủy bỏ ý định đầu hàng giặc và ra công chống ngoại xâm, đem lại thắng lợi cho dân Việt". Về bài này tác giả nhầm lẫn ở chỗ người chỉ huy ở Vạn Kiếp là Hưng Đạo Vương.*

- "*Sự bố trí lực lượng của quân đội Đại Việt được ghi nhận như sau: ở mặt Đông-Bắc quân ta trấn thủ? Vĩnh Bình, Động Bàng, Nội Bàng, Vạn Kiếp, Bình Than, chỉ huy mặt trận này là Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo; đối phó với cánh quân Vân Nam ở phía Tây Bắc thì giao cho Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật chỉ huy; phía Nam kinh đô ta xây dựng một số địa điểm phòng thủ như Đà Mạc, A Lỗ và Đại Hoàng do Bảo Nghĩa Hầu Trần Bình Trọng chỉ huy. Trên cùng, vì. Tổng chỉ huy chiến trường là Đức Hoàng Đế Trần Nhân Tông. Do vì các cứ điểm miền Bắc thất thủ trước sức tấn công vũ bão của giặc Nguyên, Hưng Đạo Vương đã cùng với binh lính cấp tốc rút khỏi Vạn Kiếp để bảo toàn lực lượng, khi nghe tin quân ta bị thiệt hại nặng như vậy, nên Đức Hoàng đế Trần đã vội đi thuyền nhẹ ra Hải Đông (chỉ chung vùng Hải Dương cũ nay thuộc tỉnh Hải Hưng và Hải Phòng hiện nay) để họp bàn các công việc cấp bách đồng thời tái tổ chức lại lực lượng quân đội nhà Trần. Sau cuộc họp thu gọn này quân dân nhà Trần đã có một chiến lược thích hợp với tình hình trước mặt (\*\*\*)". Do đó người lui binh từ Vạn Kiếp về là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chứ không phải Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông như bài viết Khí Phách Của Vị Tướng Tại Mặt Trận của Bán Nguyệt San Ý Dân đã trình bày, hơn nữa "ý định đầu hàng giặc" của Đức Hoàng đế Trần Nhân Tông lại càng không có cơ sở để hiện hữu.*

\* **Việt Sử Khảo Luận tập 2**, của tác gia? Hoàng Cơ Thụy do Hội Văn Hóa Hải Ngoại xuất bản 1988 dày 410 trang. Ở trang 325 ghi như sau: "*Vua Thánh Tông đi thuyền nhỏ xuống Hải-Đông (Hải Dương bấy giờ), cho vời Hưng Đạo Vương đến hỏi: Thế giặc to như vậy, mà chống chọi với nó thì dân bị tàn hại, hay là trẫm chịu hàng để cứu muôn dân ?" Hưng Đạo tâu: "Bệ hạ nói câu ấy thật là nhân đức, nhưng mà tôn miếu xã tắc thì sao. Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng". Ở đây tác gia? Hoàng Cơ Thụy đã chép nhầm một số sự kiện sau đây: 1/ Vua Trần Thánh Tông trị vì từ 24/2/1258 đến 22/10/1278, trong suốt 20 năm này quân Mông-cổ không có đem quân sang đánh Đại Việt, chỉ có căng thẳng ngoại giao giữa ta và nước Tàu; 2/ Địa điểm Hải Đông mà tác gia? Hoàng Cơ Thụy ghi rằng vua Thánh Tông gặp Hưng Đạo Vương, nó đã xảy ra vào cuộc kháng Nguyên lần thứ nhì năm 1285, người làm vua cũng như chỉ huy quân đội Đại Việt lúc đó là vua Nhân Tông (vua Thánh Tông lúc này là Thượng hoàng). Đây là sự lầm lẫn từ nhân vật (vua Thánh Tông); câu nói (hay là trẫm chịu hàng để cứu muôn dân. Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng); cho đến địa điểm Hải-Đông, địa điểm này đã diễn ra cuộc gặp giữa vua Nhân Tông và Hưng Đạo Vương trong cuộc kháng Nguyên lần thứ nhì 1285.*

- Theo Toàn Thư Bản in Nội Các Quan Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697) do các soạn gia? Lê Văn Hưu, Phan Văn Tiên, Ngô Sĩ Liên v.v. đồng biên soạn (chuyển sang ấn bản điện tử do Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Hồng Ty, Nguyễn Quang Trung 2001) ở trang 173 ghi: *"Thế giặc rất mạnh, [vua] lại phải lui giữ sông Thiên Mạc (theo Cương Mục là khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng). Phụ Trần theo vua bàn những việc cơ mật, rất ít người biết được điều đó. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách (chống giặc). Nhật Hiệu đương dựa mạn thuyền, cứ ngồi không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "nhập tống" (nghĩa là bỏ chạy vào đất Tống) lên mạn thuyền. Vua lập tức dời thuyền đến hỏi thái sư Trần Thủ Độ, Thủ Độ trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác". Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục được Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn 1856-1881 do viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam phiên dịch (chuyển sang ấn bản điện tử do Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Hồng Ty, Nguyễn Quang Trung 2001) ở trang 209 cũng ghi như thế. [Vua] ở đây tức là vua Thái Tông (hay Tôn tức là phụ hoàng của vua Thánh Tông và là nội tổ của vua Nhân Tông). Đây là hai quyền cố sự đã ghi tới sự kiện Vua Thái Tông vẫn kế thái sư Trần Thủ Độ giữa lúc thế giặc đang ở lúc hung hăng nhất. Và Trần Thủ Độ đã cương quyết trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác". Ngoài ra hai quyền này không có ghi một lời nào về sự kiện Hoàng đế Trần Nhân Tông "muốn hàng" quân Mông-cô.*

\* **Quyển Tiêu Sơn Tráng Sĩ** của tác giả Khái Hưng do Văn Nghệ xuất bản năm 1968, tại Sài Gòn, ở trang 263 ghi: *"Vua Nhân-Tôn nhà Trần nghe tin Hưng-Đạo-Vương bại trận chạy về Vạn-Kiếp, liền ngồi thuyền xuống Hải-Đông, rồi vời Vương đến bàn rằng: "Thế giặc to, mà mình chống với nó thì dân bị tàn hại, hay là trẫm ra hàng để cứu muôn dân?". Hưng-Đạo quỳ xuống kiếm dâng vua Nhân-Tôn rồi vươn cổ mà nói rằng: "Bệ-hạ nói câu ấy thật nhân đức, nhưng còn đất nước thì sao? Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước hết chém đầu tôi đã, rồi hãy hàng".*

- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn 1856-1881 do viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam phiên dịch (chuyển sang ấn bản điện tử do Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Hồng Ty, Nguyễn Quang Trung 2001) ở trang 226-227 có ghi: *"Quân Nguyên kéo tới Lộc Châu, lại sai Bả tông là A Lý sang nói rõ về lý do cất quân là cốt sang đánh Chiêm Thành chứ không có ý gì khác. Quân ta ngăn cản ở núi Kheo Cấp, quân Nguyên không tiến sang được. Chúng liền tiến theo cửa ải Khả Ly, quan quân ta chống cự lại không được; chúng bèn vào cửa ải Chi Lăng, quan quân ta lui về giữ bến Vạn Kiếp. Nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ sang Hải Đông, lúc ấy trời đã chiều mà chưa ăn cơm sáng, có tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hầm dâng lên, nhà vua khen là người trung nghĩa, cho chức Thượng phẩm. Nhà vua sang Hải Đông hạ lệnh cho Quốc Tuấn điều khiển dân quân các lộ. Vạn Trá, Ba Diễm, chọn người khỏe mạnh cho làm tiền phong.".* Vua Nhân-Tông gặp Hưng-Đạo-Vương ở Hải-Đông để bàn kế chống giặc cũng như hạ lệnh cho Hưng-Đạo-Vương tấn công giặc Nguyên, chứ không phải có ý đầu hàng như tác gia? Tiêu Sơn Tráng Sĩ đã nêu ra. Không rõ tác giả trích đoạn này từ đâu ra, có phải là sự lẫn lộn giữa vua Thái Tông và vua Nhân Tông hay chăng?.

\* **Đại Cương Lịch Sử Việt Nam tập 1**, Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh đồng biên soạn, xuất bản 1998 tại Hà Nội ghi ở trang 226 như sau về sự kiện này: *"Thuyền chủ tướng Trần Quốc Tuấn xuôi sông Lục Nam về Vạn Kiếp. Nghe tin quân ta rút lui, vua Thánh Tông vội vã đi thuyền ra gặp Quốc Công tiết chế. Trời chiều, nhà vua vẫn chưa ăn sáng, người lính cận vệ nắn phần gạo xấu của mình dâng lên. Thánh Tông vờ hỏi Thống soái "Thế giặc như thế ta phải hàng thôi". Trần Quốc Tuấn nghiêm chỉnh trả lời: "Bệ hạ chém đầu tôi rồi hãy hàng". (đây ghi là trích từ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư tập II trang 51, trang 81).*

- Vua Thánh Tông trị vì từ 24/2/1258 đến 22/10/1278, suốt thời gian này đã không có một trận chiến nào với quân Mông-cô (do đích thân ngài chỉ huy); về việc dâng phần gạo xấu là xảy ra với vua Nhân Tông (tức là thái tử của vua Thánh Tông trong cuộc kháng Nguyên lần thứ nhì 1258). Chúng tôi đã xem lại trong Toàn Thư, Cương Mục phần Thánh Tông Hoàng Đế thì không thấy có đoạn nào tương tự như trên.

\* **Việt Sử Mông Học** của Ngô Đức Dung Việt Sử Mông Học- Từ Hồng Bàng đến 1945, nhà xuất bản văn học Hà Nội xuất bản năm 1998, Việt Nam ghi ở trang 149: *"Đến đời Hốt-Tát-Liệt, Thế Tổ của nhà Nguyên diệt nhà Tống. Năm Nguyên Phong đời Trần Thái Tôn quân Nguyên sang xâm lược, đóng quân ở bờ tả ngạn sông Thao. Thái Tôn tự làm tướng đánh giặc.c. Quân Nguyên phải rút. Đến năm đầu Thiệu Bảo đời Nhân Tôn lại sai sứ đòi hỏi 6 việc năm trước. Vua muốn hàng hỏi Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn tâu: "Nếu Bệ hạ muốn hàng trước hết hãy chém đầu tôi" vua mới quyết chí chống giặc..."*. Ngoài ra ở các trang 147-157, tác giả? Ngô Đức Dung đã trình bày lẫn lộn giữa vua Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông; đồng thời các cuộc kháng Nguyên lần thứ I, II, III.

**Đại Việt Sử Ký Tiền Biên** được khắc in năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8(1800), biên soạn bởi các sử gia Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên (đời Trần), Lê Tung, Ngô Sĩ Liên, Ngô Thời Sĩ và được Ngô Thời Nhậm tu đính, ở trang 364 chép sự kiện vua Trần Nhân Tông ngự thuyền nhẹ sang lô. Hải Đông để gặp Hưng Đạo Vương, nhưng ở đây không có ghi dòng nào Đức Hoàng đế Trần nghĩ ý muốn *"đầu hàng"* quân Mông-cổ với Hưng Đạo Vương.

Đồng thời các quyển Đại Việt Sử Ký Toàn Thư do các sử thần Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên soạn năm 1697; Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục được soạn bởi Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (1856-1881); An-Nam Chí-Lược của Lê Tắc soạn năm 1335 được Viện Đại Học Huế dịch và xuất bản năm 1961 đều không có ghi sự kiện Hoàng đế Trần Nhân-Tông muốn *"đầu hàng"* quân Mông-cổ khi hội họp với Hưng-Đạo-Vương ở Hải-Đông; và không hiểu vì nguyên cớ gì các tác giả? Phạm Văn Sơn quyển Việt Sử Toàn Thư, Lê Thành Khôi quyển Histoire du Viet Nam des origines à 1858, tác giả? Ý Dân với bài Khí Phách Của Vị Tướng Tại Mặt Trận do Bán Nguyệt San Ý Dân xuất bản, Khái Hưng quyển Tiêu Sơn Tráng Sĩ, Việt Sử Mông Học của Ngô Đức Dung lại gán cho Đức Hoàng đế Trần Nhân-Tông là người muốn đầu hàng quân giặc, đây là một sự kiện không bao giờ có trong lịch sử, và đó là hư cấu! Riêng tác giả? Hoàng Cơ Thụy quyển Việt Sử Khảo Luận tập 2, các tác giả? Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh đồng biên soạn Đại Cương Lịch Sử Việt Nam tập 1, thì lại nhảm lẫn tên người, địa điểm cũng như sự kiện. Vì sự học hỏi của mọi tầng lớp người, chúng tôi mạn phép ghi ra đây để chúng ta có thể rút được một vài kinh nghiệm nhỏ (**nhưng rất quan trọng**) trong việc biên soạn cũng như nghiên cứu lịch sử nước nhà.

Rất mong các bậc cao minh vui lòng chỉ giáo. Đa tạ.

**Trúc Lâm Lê An Bình**

(\*) Trần Nhật Huyền tức Hoàng đế Trần Nhân Tông. Khi trao đổi văn thư ngoại giao với kẻ thù (Mông-cổ), Đức Hoàng đế Trần đã đổi tên của mình để giữ gìn thể thống quốc gia. Hầu hết các vị vua thời nhà Trần đều áp dụng chính sách này cả.

(\*\*) Tham khảo Toàn Tập Trần Nhân Tông, giáo sư tiến sĩ Lê Mạnh Thát, Học Viện Phật Học Việt Nam xuất bản năm 2000 tại Việt Nam. ([www.thuvienhoasen.org/u-nhantong-00.html](http://www.thuvienhoasen.org/u-nhantong-00.html))

(\*\*\*) Trích Hoàng đế Kim Phật do Trúc Lâm Lê An Bình biên khảo (chưa xuất bản).